

NGUYỄN KHẮC THUẦN

VIỆT SỬ GIAI THOẠI

TẬP 7

69 GIAI THOẠI THẾ KỈ XVIII



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

NGUYỄN KHẮC THUẦN

VIỆT SỬ GIAI THOẠI

TẬP 7

69 GIAI THOẠI THẾ KỈ XVIII

(Tái bản lần thứ chín)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

9(V)(083)
GD - 05

21/478 - 05

Mã số : 8H101t5 - CNH

"NGÀY XƯA, SÁCH LÀM TIN LÀ ĐIỆN LỚN CỦA NƯỚC NHÀ. SÁCH GHI CHÉP QUỐC THỐNG LÚC LÀ LÚC HỢP, CỐT SAO ĐỂ LÀM SÁNG TỔ CHỨC SỰ THỜI THỊNH VÀ THỜI SUY, ẤY LÀ CỐ NHÂN MUỐN TREO GIỜNG RÀN DẠY ĐỜI SAU, NÀO PHẢI CHỈ GIẢN ĐƠN LÀ CHÉP CHUYỆN XƯA TÍCH CŨ. THIỆN VÀ ÁC ĐỀU KHEN CHÊ RẤT RÕ, NGƯỜI SAU TRÔNG ĐÓ ĐỂ TỰ KHUYÊN".

NGÔ SĨ LIÊN

(Trích **LỜI BIỂU DÂNG SÁCH**
ĐẠI VIỆT SỬ KÍ TOÀN THU)



Tác giả "Việt sử giai thoại"
khảo sát văn bia tại Lăng vua Khải Định (Huế)

LỜI NÓI ĐẦU

Bạn đọc yêu quý,

Trong tay bạn là tập 69 giai thoại thế kỉ XVIII, tức là tập thứ 7 của bộ VIỆT SỬ GIAI THOẠI gồm 8 tập. Với bạn, đây có thể chỉ đơn giản là một cuốn sách nhỏ, bình thường như mọi cuốn sách khác trong tủ sách của bạn, nhưng với tác giả, đây là công sức của cả một thời, là kết quả chăm lo và giúp đỡ rất thịnh tình của Nhà xuất bản Giáo dục.

Sử cũ ngôn ngôn sự kiện và tư liệu. Những cây đại bút của cha ông đã dày công chất lọc và ghi chép những gì xét thấy hữu ích cho đời sau. Một lời khen là một lời nhắc nhở con cháu hãy cố gắng noi theo, một lời chê là một lần răn đe nghiêm khắc hậu thế rằng chớ bắt chước mà thân bại danh liệt. Lời khen không ngại ban cho cả những người vô danh, sống lầm lũi ở dưới đáy của xã hội, lời chê cũng chẳng sợ uy quyền, thắng thần cả với những bậc chễm chệ trên ngôi cao tước cả. Công bồi đắp nền đạo lí của sử sách ngàn xưa thật là lớn lao, tâm thành của các bậc tiên hiền thật là khả kính. Mỗi trang sử cũ là một phần tâm huyết của cha ông, là một góc của kho di sản văn hóa vô giá mà tổ tiên thương trao lại.

Nhưng, hẳn bạn đọc cũng đều biết, tổ tiên kí thác tâm ý của mình qua những trang chữ Hán. Chính sử viết bằng chữ Hán với hàng loạt những điển lệ chặt chẽ khiến cho việc cảm nhận rất khó khăn. Ngày nay Hán học đã suy tàn, cũng phải gian nan lắm, hậu sinh mới có thể hiểu được. Bởi lí do đó, nếu bạn thấy tác giả của bộ VIỆT SỬ GIAI THOẠI có chỗ nào đấy tỏ ra bất cập, thì xin hãy rộng lượng bỏ qua và vui lòng chỉ giáo cho.

Hiểu sử cũ đã khó, hiểu sử cũ viết về thế kỉ XVIII là thế kỉ đầy những biến cố sâu sắc và lớn lao, lại càng khó hơn. Còn đó sông Gianh, như lưỡi gươm cắt đôi xứ sở. Còn đó Đàng Ngoài, cung vua và phủ chúa, chung hoàng thành mà chẳng chung nổi ưu tư. Còn đó Đàng Trong, những cuộc mưu toan hãm hại nhau để giành quyền bính giữa những người trong tôn thất. Và còn đó ... trên khắp đất nước ta, những cuộc vùng lên khuấy nước chọc trời của hàng vạn những người nông dân đói khổ. Vàng, thế kỉ XVIII là thế kỉ của chiến tranh nông dân. Chưa xót thay, lúc này, yêu nước cũng

có nghĩa là tấn công không khoan nhượng vào toàn bộ cơ chế của nhà nước. Cũng chưa xót thay, điều khiển vận mệnh quốc gia thoát khỏi họa xâm lăng nguy hiểm lúc này lại không phải là nhà nước của giai cấp thống trị đương thời ...

VIỆT SỬ GIAI THOẠI vốn có nguồn gốc trực tiếp từ các bộ chính sử, nhưng bản thân các giai thoại chỉ giữ vị trí rất khiêm nhượng là bổ sung cho chính sử mà thôi. Ghép tất cả những giai thoại này lại, dẫu công phu và chính xác bao nhiêu, bạn cũng chẳng thể có được một dòng mạch lạc nào đó của lịch sử. Nhưng, nếu đã có một dòng mạch lạc nào đó của lịch sử mà bạn lại chưa có những giai thoại này, tất cả sẽ trở nên khô khan, thiếu sức sống và do vậy, rất dễ đi vào quên lãng.

Sáu mươi chín giai thoại cho một thế kỉ, đó hẳn nhiên chưa phải là nhiều, nhưng, đọc ngót cả trăm cuốn sử cũ để tìm cho được sáu mươi chín giai thoại này, đó cũng là cố gắng cao nhất của tác giả. Hy vọng rằng, cuốn sách nhỏ này cũng sẽ có chút ích lợi nào đó đối với bạn.

Mỗi giai thoại đều được kết thúc bằng một lời bàn của tác giả. Tuy nhiên, lời bàn tổng thể về cuốn sách này nói riêng và bộ VIỆT SỬ GIAI THOẠI nói chung, tác giả xin nhường lời cho bạn đọc với tất cả sự tin cậy và yêu quý của mình.

Thành phố Hồ Chí Minh

17-06-1994

NGUYỄN KHẮC THUẬN

01 - LỜI VĨNH QUYẾT ⁽¹⁾ CỦA CHUỖNG CƠ NGUYỄN HỮU CẢNH

Thời các chúa Nguyễn, không ít võ quan được tấn phong tới hàm Chuông cơ, và trong hàng những người được tấn phong tới hàm Chuông cơ, cũng có không ít người từng cầm quân tung hoành khắp đồng bằng sông Cửu Long, nhưng, dân đồng bằng sông Cửu Long chỉ dùng hai tiếng *Ông Chuông* để chỉ một người duy nhất : *Chuông cơ Nguyễn Hữu Cảnh* (1650 - 1700). Ở An Giang có địa danh cù lao Ông Chuông, và địa danh này đã đi vào ca dao :

*Ba phen quạ nói với diều,
Cù lao Ông Chuông có nhiều cá tôm.*

Thực ra, Nguyễn Hữu Cảnh chỉ đến đồng bằng sông Cửu Long có hai lần. Lần đầu là năm 1698 và lần thứ hai là năm 1700. Chỉ ở lần thứ hai, Nguyễn Hữu Cảnh mới xuống đến tận An Giang rồi ở lại đó chừng vài ba tháng. Nói khác hơn, thời gian Nguyễn Hữu Cảnh lưu trú tại An Giang nói riêng và Nam Bộ nói chung không bao nhiêu, nhưng những tình cảm tốt đẹp mà nhân dân nơi đây dành cho ông lại rất lớn. Các thế hệ không ngớt truyền tụng mẩu chuyện về phút lâm chung của ông. Và, sách *Đại Nam thực lục* (Tiền biên, quyển 7) cũng chép :

"Tháng 5 (năm Canh Thìn, 1700 - ND), quan Chuông cơ, giữ chức Thống suất là Nguyễn Hữu Cảnh mất. Lúc đầu, (Nguyễn) Hữu Cảnh đóng quân ở Lao Đồi (nay thuộc An Giang - ND), gặp lúc mưa to gió lớn, núi Lao Đồi bị lở, tiếng vang ầm ầm như sấm. Đêm ấy, (Nguyễn Hữu Cảnh) nằm mơ thấy có một người mặt đỏ, mày trắng, tay cầm cái phủ việt, đến nói với ông rằng :

- Tướng quân nên mau đem quân về, đóng ở đây lâu sợ bất lợi.

(1) Lời nói trước khi chết.

(Nguyễn) Hữu Cảnh cười và nói :

- Mệnh ở trời chớ có phải là ở đất này đâu ?

Tỉnh dậy, ông thấy thân thể mỗi mệt, nhưng để giữ yên lòng quân sĩ, ông vẫn cố cười nói như thường. Thế rồi bệnh trở nên rất nặng, ông than :

- Ta những mong dốc lòng báo đền ơn nước, nhưng số trời có hạn, sức người chẳng thể làm khác được.

(Nói rồi) bèn rút quân về, đến Sầm Khê, thuộc Định Tường (nay là Rạch Gầm, Tiền Giang - ND) thì mất, thọ 51 tuổi. Chúa hay tin, thương tiếc lắm, liền truy tặng ông là Hiệp Tấn Công Thần, Đặc Tiến Chương Dinh, lại ban cho tên thụy là Trung Cẩn, cấp cho vàng lụa để hậu táng".

Lời bàn : Hai vị tướng vào Nam trước đó, trong đó có anh ruột của Nguyễn Hữu Cảnh là Nguyễn Hữu Hào, đã vì nặng lo mỗi lợi riêng mà thân danh chóng vánh bị tàn lụi, tiếc thay !

Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam, uy lớn, công cao nhưng xử sự không ồm ào như những người đi trước, kính thay ! Các bậc tướng quân dạn dày trận mạc thuở xưa có thể rất dũng mãnh trước binh hùng tướng mạnh của đối phương nhưng lại cũng rất có thể dễ dàng trở nên yếu đuối, thậm chí là bạc nhược trước một điểm dị đoan nho nhỏ, thế mà Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh thì ngược lại. Lại thay ! Chẳng phải ngẫu nhiên mà sử chép lại lời đáp của Nguyễn Hữu Cảnh đối với người mặt đỏ, mày trắng, đến gặp ông trong mơ. Thời ấy, nói lời ấy là lẽ thường, nhưng thời ấy, làm được như lời ấy, chẳng thể coi là lẽ thường được.

Ngàn xưa vẫn thế, lời vĩnh quyết có thể là lời vô nghĩa mà cũng có thể là lời gạn lọc bản tâm của cả một đời. Bản tâm của Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh là bản tâm của một người chỉ biết nghiêm vâng mệnh Chúa và nặng lo dân tình. Ông ra đi thanh thản, tiếc chẳng là không thể làm hơn những gì ông cho là số trời đã định mà thôi.

Chúa Nguyễn truy tặng chức tước cho ông, ban tên thụy tốt đẹp cho ông, lại còn ban vàng lụa để lo đám tang cho ông một cách chu tất, nhưng, phần thưởng lớn lao nhất mà ông được hưởng lại chính là tình cảm nồng hậu mà các thế hệ nhân dân Nam Bộ đã dành cho ông. Ngàn năm còn đó, tên ông.

02 - CUỘC MÙA PHẢN CỦA TRỊNH LUÂN VÀ TRỊNH PHÁT

7ừ năm Quý Mùi (1703), chúa Trịnh là Trịnh Căn đã lo chọn người kế vị. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 34, tờ 50 và 51) cho hay :

"Trước kia, con trưởng của Trịnh Căn là (Trịnh) Vinh mất sớm, vì thế (Trịnh) Căn lấy con thứ của mình là (Trịnh) Bách làm thừa tự. (Trịnh) Bách mất, (Trịnh Căn) lại dùng con của (Trịnh) Vinh là (Trịnh) Bính làm thừa tự. Con của (Trịnh) Bính là (Trịnh) Cương, năm ấy (năm 1703 - ND) mười tám tuổi.

(Thế rồi Trịnh) Bính cũng mất mà Trịnh Căn thì tuổi đã cao mà người thừa tự thì chưa ổn định. (Trịnh Căn) bèn triệu quan Bồi tụng là Nguyễn Quý Đức vào hỏi. Quý Đức thưa :

- Trọng trách trông coi việc nước và võ về quân sĩ thì phải thuộc về người chất trưởng (chỉ Trịnh Cương - ND), vậy, cúi xin sớm định ngay danh phận rõ ràng để cắt đứt sự dòm ngó.

(Trịnh) Căn lại hỏi thêm Đặng Đình Tướng và Đình Tướng cũng thưa lời tương tự như Nguyễn Quý Đức. Bấy giờ, Trịnh Căn mới quyết ý dùng (Trịnh) Cương làm người thừa tự. (Trịnh) Căn làm tờ biểu, xin Vua tiến phong (Trịnh) Cương làm Khâm sai Tiết chế Thủy Bộ Chư Dinh, hàm Thái úy, tước An Quốc Công, được mở phủ đệ riêng, quyền nắm giữ các cơ quan nhà nước".

Chuyện tương thế là đã rõ ràng, chẳng dè hơn một năm sau, năm Giáp Thân (1704), các con của Trịnh Bách là Trịnh Luân và Trịnh Phát đã hợp mưu chống lại Trịnh Cương. Sự kiện này cũng được sách trên chép lại như sau :

"Trước kia, khi Trịnh Bính mất, Luân và Phát thấy mình là con Trịnh Bách, vị Tiết chế đã qua đời, lẽ ra phải được tập phong để lên nối nghiệp, vậy mà nay Trịnh Cương nhờ vai chất của chúa Trịnh Căn mà được quyền lập phủ đệ riêng, nên Luân và Phát

câu kết với bọn Đào Quang Giai làm bè đảng, tính hợp mưu lật ngôi vị của Trịnh Cương. Quan Hiệu thảo là Nguyễn Công Cơ dò biết được cơ mưu, liền báo cho Trịnh Căn biết. Căn sai bắt bọn này giam vào ngục và giao cho các quan Đình úy tra hỏi. Họ đều nhận tội nên tất cả đều bị trị theo phép nước. Nguyễn Công Cơ được thăng chức Thị lang".

Lời bàn : Điển lễ xưa quy định, quyền thừa tự thuộc về đích trưởng. Điển lễ ấy đúng sai thế nào, xin miễn bàn đến, chỉ biết rằng, thời nào cũng có phép tắc của thời đó, làm trái thì hiển nhiên sẽ bị nghiêm phê. Từ góc độ đó mà xét, lời của quan Bồi tụng Nguyễn Quý Đức, của Đặng Đình Tường và chọn lựa của chúa Trịnh Căn là hoàn toàn phải phép. Trịnh Luân, Trịnh Phất và Đào Quang Giai há chẳng biết việc mình làm là sai trái hay sao ? Dẫu trả lời là biết hay không biết cũng đều cần quấy cả, cho nên sớm nhận tội là phải.

Tranh đoạt quyền hành là hành vi cực xấu, tranh đoạt quyền hành với thân thuộc của mình lại càng cực kì xấu xa hơn. Bọn Trịnh Luân, Trịnh Phất và Đào Quang Giai đã tự giết chết danh dự của riêng thân, phép nước đương thời giết chết cái xác phàm của họ, hai lần chết mà muôn lần nhục, tên của họ làm dơ cả một đoạn sử, gián thay !

Song, điều không thể chấp nhận này, khốn khổ thay, lại là điều dễ hiểu. Thời loạn là thời của tranh đoạt, bao đời chúa Trịnh vẫn là bấy nhiêu đời tranh đoạt quyền hành của vua Lê đó thôi. Nếu đó là căn bệnh thì Trịnh Luân và Trịnh Phất vừa bị do di truyền, lại cũng vừa bị do lây lan, nặng đến vô phương cứu chữa. Họ bệnh hoạn quá nên quên mất rằng, ngôi chúa thì chỉ có một mà bọn họ thì đông, như Trịnh Cương mà bị hạ, ắt họ phải lo sát hại nhau lẫn nữa. Lúc ấy, phủ Chúa sẽ chẳng khác bãi chiến trường. Thảm nguy ! Chí nguy !

03 - CẢN ÁN VỀ PHÉP BỐ QUAN LẠI Ở ĐỊA PHƯƠNG CỦA TRỊNH CĂN

Tháng 10 năm Đinh Hợi (1707), chúa Trịnh là Trịnh Căn đã ban lệnh thực hiện phép chọn quan phủ theo nguyên tắc tiến cử. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 35, tờ 4 và 5) đã chép việc này, kèm theo *Lời cản án* của các tác giả như sau :

"Trịnh Căn nhận thấy các chức quan ở phủ và huyện đều là chỗ rất gần gũi với dân, vậy mà bộ Lại, khi cất nhắc hay thuyền bổ đi nơi khác chỉ dựa vào lệ riêng, khiến cho người tài năng và giàu kiến thức không có dịp để tỏ rõ cho nước nhà thấy. (Chúa cho rằng), hai cơ quan là Thừa Chính Ti và Hiến Sát Ti, thường ngày đều có dịp để am hiểu (những người làm việc dưới quyền của mình) thì việc phân tích và nhận định hẳn nhiên là có phần dễ dàng hơn. Bởi thế, (Chúa) hạ lệnh cho hai cơ quan này của các xứ phải chọn trong số các viên huyện lệnh (chức đứng đầu một huyện – ND) dưới quyền mình để đề cử xem người nào có thể giữ chánh hoặc phó của một phủ (xưa, một phủ thường gồm nhiều huyện – ND). Chọn xong, cả người đề cử lẫn người được tiến cử đều phải về kinh sư để xét rõ hư thực, sau sẽ theo đó mà thuyền chuyển hay cất nhắc.

Lời cần án: Muốn bàn việc chính trị phải hiểu tận nguồn gốc của chính trị. Ông Chu Tử người đời Tống (của Trung Quốc – ND) nói : "Giám Ti (cơ quan giám sát việc thực hiện luật pháp ở các địa phương – ND) là đầu mối của Thú (chức đứng đầu của một quận – ND) và Lệnh (chức đứng đầu của một huyện – ND) mà triều đình là gốc rễ của Giám Ti". Mệnh lệnh này của chúa Trịnh Căn kể cũng có phần thận trọng trong việc lựa chọn chức Thú và chức Lệnh đây. Nhưng, liệu triều đình lúc bấy giờ có thật trong sạch hay không ? Hai cơ quan Thừa Chính và Hiến Sát liệu có phải là do những vị quan hiền tài lương thiện nắm giữ không ? Còn như việc bắt cả người đề cử lẫn người được tiến cử đều phải về kinh sư để xét rõ hư thực, chẳng phải là vừa phiền phức vừa bê trễ cả việc công đó hay sao ?".

Lời bàn : Lời cần án của sử cũ tỏ rõ chư vị sử gia rất thông thạo việc chính trị của cổ nhân ... bên Tàu. Thử hỏi, các quan ở bộ Lại là quan lớn, lại ở ngay bên cạnh chúa Trịnh mà chúa Trịnh cũng không tin, thì lập luận của chúa Trịnh cho rằng, các quan ở Thừa Chính Ti và Hiến Sát Ti thường ngày gần gũi các chức huyện lệnh sẽ hiểu đám huyện lệnh hơn ... làm sao mà nghe cho xuôi được. Nghe nói thuở xưa, có người đi bắt cá ngoài đồng về, nổi hứng phán rằng, trăng rằm ở ngoài đồng tròn hơn trăng rằm ở trong làng, thế mà cả làng cũng đổ xô ra đồng để xem cho rõ hư thực, lạ thay !

Cũng trong lời cần án, chư vị sử gia xưa đã nêu ra đến mấy câu hỏi liến, mà toàn là những câu ghê gớm cả. Song, là người viết sử, chẳng lẽ chư vị không rõ

thực trạng của thời chúa Trịnh Căn hay sao. Kính bắm chư vị, sẵn có cái kéo và lọ keo. xin được cắt và dán vào bộ sử của chư vị, câu viết chẳng biết là của ai : hỏi cũng chính là trả lời vậy !

04 - CHUYỆN PHÓ TƯỚNG NGUYỄN CỬ VÂN BỊ KHIỂN TRÁCH

Ở xứ Đàng Trong, một trong những dòng họ có nhiều danh tướng là dòng Nguyễn Cửu. Trong dòng Nguyễn Cửu, Nguyễn Cửu Vân là một trong những vị tướng được sử sách nhắc tới nhiều, khen chê đều có cả. Dưới đây là chuyện Nguyễn Cửu Vân bị khiển trách. Chuyện này xảy ra vào tháng 8 năm Tân Mão (1711), khi ông đang giữ chức Phó tướng của dinh Trấn Biên. Sách *Đại Nam thực lục* (Tiền biên, quyển 8) chép như sau :

"Phó Tướng của dinh Trấn Biên là Nguyễn Cửu Vân, thường bắt dân mới chiêu tán trở về phục dịch riêng cho mình. Nhiều người vì thế mà sinh ra oán thán. Chúa trách (Nguyễn Cửu Vân) rằng :

- Khanh là con nhà tướng, được quyền trấn giữ một phương, sao không coi trọng việc vỗ về đối với dân mà chỉ mưu lợi cho riêng mình ? Tất cả dân chiêu tán mới về kia, vốn bị thất sở đã lâu, nay nếu lại bắt họ phục dịch, khiến họ bị quấy nhiễu, thì thử hỏi làm sao họ chịu nổi. Xưa, Tiêu Hà (bề tôi của Hán Cao Tổ - ND) giữ đất Quan Trung, Khấu Tuân (bề tôi của Hán Quang Vũ - ND) giữ đất Hà Nội, đều chăm vỗ về trăm họ và đã giúp vua làm nên đế nghiệp, khanh hãy nên noi theo đó mà cố gắng lên.

Xong, chúa (Nguyễn Phúc Chu - ND) lại còn hạ lệnh cho hai dinh là Trấn Biên và Trấn Phiên rằng : phạm dân lưu tán mới trở về thì chia ruộng đất cho họ để thiết lập thôn ấp, tha hết các thứ binh dịch và tô thuế cho họ trong ba năm. Nhờ vậy, dân đều được an cư lạc nghiệp".

Lời bàn : Trước Nguyễn Cửu Vân bốn thế kỉ, danh tướng Trần Khánh Dư từng nói rằng : "Tướng là chim ưng, quân dân là vịt, lấy vịt để nuôi chim ưng thì có gì là lạ ?". Hóa ra, tìm được một vị đáng gọi là dũng tướng đã khó, mà tìm trong các vị dũng tướng được một đáng giàu lòng nhân ái, nghĩa là gồm đủ cả đức lẫn tài, thật khó lắm thay ! Thời Nguyễn Cửu Vân là thời mà bóc lột được coi như một sự tự nhiên, vậy mà ông dùng dân lưu tán mới trở về vào việc riêng, thì đã lập tức bị Chúa khiển trách. Ai dám bảo rằng ... vua chúa chẳng chút đoái hoài gì đến dân ?

Chúa mượn tích xưa để trách, ấy cũng là sự thường. Thời ấy, cách diễn đạt ấy, khác làm sao được. Lời Chúa có vẻ như nhẹ nhàng quá chăng ? Quả có vậy thật, nhưng, khiển trách nói chung đã phải lựa lời, khiển trách một người đường đường là tướng quân đang trấn giữ ở nơi biên ải thì càng phải lựa lời hơn nữa. Và chẳng, cái chính của sự khiển trách chính là ở hiệu quả của nó chứ có phải là ở sự gay gắt đâu.

Khéo trách kẻ thừa hành, chúa Nguyễn Phúc Chu có thêm được một vị tướng biết lo sửa đức, biết vỗ về những người phiêu tán khốn khổ mới trở về, chúa Nguyễn Phúc Chu có thêm được sự thái bình vô giá ở vùng đất phía Nam. Có ai nói là chúa Nguyễn Phúc Chu không bóc lột dân đâu, có điều, người bóc lột ấy, xem ra cũng biết thương, biết chăm lo đến ... đối tượng mà mình bóc lột. Thời ấy, nghĩ như vậy và làm được như vậy, lẽ đâu lại bảo là sự thường ?

Phó tướng Nguyễn Cửu Vân nghiêm lo sửa mình theo lời trách của Chúa. Sử chép lời trách này, ắt cũng muốn người đời sau xem sử mà tự răn mình đó thôi.

05 - VÌ SAO NGUYỄN MẠI ĐƯỢC TRAO CHỨC TRẦN THỦ SƠN TÂY ?

7háng giêng năm Ất Mùi (1715), Nguyễn Mại đang giữ chức Phó Đô ngự sử, được thăng chức vượt cấp, lên làm Trần thủ đất Sơn Tây. Sử cũ cho hay, Nguyễn Mại người xã Ninh Xá, huyện Chí Linh (nay thuộc Hải Dương), đỗ Tiến sĩ khoa Tân Mùi, đời vua Lê Hy Tông, niên hiệu Chính Hòa năm thứ 12 (1691). Như vậy, Nguyễn Mại xuất thân đại khoa, nhưng không phải đương thời, bậc đại khoa nào cũng gặp may mắn trên hoạn lộ như vậy.

Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 35, tờ 19) chép sự kiện này như sau :

"Bấy giờ, Trấn thủ Sơn Tây là Đặng Đình Sở thi hành chính trị lỏng lẻo, khiến cho giặc cướp nổi lên khắp nơi, dân tình rất khốn khổ. Do tội này, (Đặng) Đình Sở bị giáng chức và triều đình liền bổ dụng quan Phó Đô ngự sử là Nguyễn Mai, đang ở chức thấp, lên nắm quyền Trấn thủ Sơn Tây. (Nguyễn) Mai đến sở trị, thi hành chính lệnh nghiêm chỉnh và rõ ràng, (triều đình nhân đó) chính thức bổ dụng (Nguyễn Mai) chức Trấn thủ.

(Nguyễn) Mai là người khỏe mạnh, có mưu lược lại giỏi bắn cung và cưỡi ngựa. Trước kia, khi còn làm việc ở Lễ Phiên (cơ quan do bộ Lễ cai quản - ND) Nguyễn Mai từng nổi danh can đảm. Một hôm, Lễ Phiên đang bàn việc, bỗng có con voi bị xổng, từ ngoài đi vào, khiến cho ai cũng hoảng hốt bỏ chạy, duy chỉ có (Nguyễn) là thần sắc không hề thay đổi, vẫn đứng tiếp tục trình bày công việc như thường. Trịnh Cương thấy vậy, cho rằng có thể dùng Nguyễn Mai vào việc lớn được, bèn sai cho giữ thủy quân, sau lại cho làm Đốc trấn Cao Bằng, đến đây thì bổ làm Trấn thủ Sơn Tây.

(Nguyễn) Mai đến nơi, hiệu lệnh nào đã ban bố đều bắt phải thi hành, điều gì có lệnh cấm là bắt cấm hẳn, vì thế, bọn trộm cướp đều lần trốn, không dám hành động. (Nguyễn) Mai nổi tiếng là người có tài về chính trị".

Lời bàn : Nguyễn Mai từng đỗ Tiến sĩ, lại giỏi cả về bắn cung và cưỡi ngựa, đã thế còn giàu mưu lược hơn người, kể cũng đáng xếp vào hàng văn võ song toàn vậy.

Chuyện Nguyễn Mai không hề thay đổi thần sắc, bình tĩnh đứng trình bày công việc ngay cả khi có con voi bị xổng, chạy vào nơi làm việc của Lễ Phiên, hẳn nhiên cũng đáng coi là chuyện lạ, nhưng chuyện lạ ấy cũng sẽ chóng đi vào quên lãng, nếu các chức việc được giao sau đó, Nguyễn Mai không làm được như sự mong đợi của triều đình.

Chúa Trịnh Cương đã tỏ ra đơn giản đến độ quá dễ dãi khi chọn người giao việc chẳng ? Trong trường hợp cụ thể này, có lẽ nhận xét như vậy là chưa thỏa

đáng. Dân gian vẫn có câu *tránh voi chẳng xấu mặt nào*. Các quan ở Lễ Phiên nhát gan mà bỏ chạy là không xấu mặt, thì người thần nhiên đứng lại, ung dung tâu việc mà thần sắc vẫn không thay đổi như Nguyễn Mai, hẳn là phải được xếp ở trên những người không xấu mặt ấy chứ.

Trong mọi thử thách, chẳng có thử thách nào cam go bằng cái chết. Có đối diện với cái chết, cao thượng và thấp hèn, trí dũng và bạc nhược ... mới thể hiện rõ ràng. Trịnh Căn thấy được tư thế khác thường của Nguyễn Mai ở Lễ Phiên, tức là đã thấy được tất cả những gì đáng giá nhất của con người Nguyễn Mai. Trịnh Căn tin Nguyễn Mai, phải lắm thay !

06 - LỜI CỦA SỨ THẦN NHÀ THANH LÀ ĐẶNG ĐÌNH TRIẾT VÀ THÀNH VĂN

Tháng 4 năm Mậu Tuất (1718), triều đình vua Lê Dụ Tông và chúa Trịnh Cương đã cử quan Binh bộ Hữu thị lang là Nguyễn Công Hãng làm Chánh sứ và quan Phụng thiên Phủ doãn là Nguyễn Bá Tông làm Phó sứ, sang triều đình nhà Thanh để báo việc vua Lê Hy Tông qua đời (mặc dù Lê Hy Tông mất trước đó hơn hai năm, khi đang ở ngôi Thượng hoàng) và dâng biểu cầu phong cho vua Lê Dụ Tông (Lê Dụ Tông đã được Thượng hoàng Lê Hy Tông truyền ngôi cho trước đó những 13 năm). Tháng chạp năm Kỷ Hợi (1719), nghĩa là phải hơn một năm sau, triều đình nhà Thanh mới sai sứ sang ta để tấn phong cho vua Lê Dụ Tông. Cuộc tiếp sứ với những lời biện bác của các quan trong triều đình lúc này đã được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 35, tờ 26 và 27) chép lại như sau :

"Nhà Thanh sai quan giữ chức Nội các Điển bạ là Đặng Đình Triết và quan giữ chức Hàn Lâm Viện Biên tu là Thành Văn, sang phong Vua làm An Nam Quốc Vương, đồng thời, ban cho Vua phẩm phục hàng Nhất phẩm và dụ bảo về việc ban phẩm vật dùng cho lễ tế Lê Hy Tông.

Bọn (Đặng) Đình Triết tới, bắt Vua khi thụ phong, phải làm lễ *tam quy cửu khấu* (ba lần quỳ, chín lần vái). Triều đình viện cớ rằng, theo lễ nghi trong nước thì Nhà vua chỉ cần làm lễ *ngũ bái tam khấu* (năm lần lạy, ba lần vái) mà thôi. Việc này, hai bên phải tranh biện đến ba bốn lần, cuối cùng, (Đặng) Đình Triết cũng đành miễn cưỡng mà nghe theo ta.

(Khi Đình Triết trở về), triều đình tặng bạc lạng và đồ sứ rất trọng hậu, gọi là để tiễn chân, nhưng sứ bộ (của nhà Thanh) không nhận.

(Đặng) Đình Triết về Trung Quốc, tâu (với vua nhà Thanh) rằng nước ta cảnh thổ bình yên, dân biết giữ lễ, đáng để cho người ngoài quan chiêm. Vua Thanh khen ngợi lắm. (Sau), đến khi bọn (sứ bộ) là quan Tả thị lang Hồ Phi Tích sang tạ ơn (việc Lê Dụ Tông được tấn phong), vua Thanh ban cho các thứ có phần hậu hĩ hơn trước".

Lời bàn : Thượng hoàng Lê Hy Tông mất đã hơn hai năm mới đi báo tang, vua Lê Dụ Tông được truyền ngôi đã 13 năm mới đi cầu phong, hai việc ấy đúng sai thế nào đã quá rõ. Song, nếu ở đời chỉ thấy cái dở của người mà không thấy cái hay của người, thì một lần là lỗi, hơn một lần là tội, rất khó có thể bỏ qua. Cuộc tiếp đón sứ thần nhà Thanh năm 1719, ít ra cũng là lần các quan trong triều đình tỏ được chút khí khái của mình, không thể nói là không đáng khen được.

Đặng Đình Triết và Thành Văn, chẳng gì cũng là sứ giả của thiên triều, lại làm sứ mạng cao cả là thay mặt Thiên tử mà tấn phong cho vua Lê, cho nên, hách dịch là lẽ đương nhiên. Nhưng, hách thì hách, họ vẫn không hề mong đợi được gặp một triều đình đẩy các quan bạc nhược. Lời tâu của họ với vua Thanh khi về nước là lời trung thực. Mới hay, càng cố gắng giữ quốc thể thì người nước ngoài càng trọng ta. Kề nào hề thấy sứ giả của nước lớn, nước giàu mà cúi đầu khuất phục, thì kẻ đó, quyết không phải là dòng giống chính tông của con Lạc cháu Hồng.

Vua Thanh ban các thứ cho sứ thần Hồ Phi Tích sau này có phần hậu hĩ, ấy cũng là cách bày tỏ sự hiểu biết đối với người của nước biết trọng quốc thể đó thôi.

Hẳn nhiên, *tam quy cửu khấu* hay *ngũ bái tam khấu* thì khoảng cách tư thế hơn thua của người thì lễ chẳng khác là bao, nhưng, điều cốt yếu ở đây lại là quyết chí hay không quyết chí giữ lễ riêng của nước nhà. Sứ thần thiên triều, uy danh lớn lắm, hách dịch cũng ghê gớm lắm, nhưng lớn bao nhiêu thì lớn, hách bao nhiêu thì hách, nhập gia phải tùy tục, nước Nam vẫn vậy, ngàn xưa.

07 - TRỊNH QUÁN LÀ TRỊNH QUÁN ƠI !

Thời chúa Trịnh Cương (1709 - 1729), hai nhân vật được Chúa hết lòng thương yêu và tin dùng là Trịnh Quán và Nguyễn Công Hãng. Nguyễn Công Hãng (1679 - 1732), người xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn (nay thuộc Bắc Ninh), đỗ Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700) làm quan trải thờ ba đời chúa là Trịnh Căn, Trịnh Cương và Trịnh Giang. Năm 1720, ông được chúa Trịnh Cương cất nhắc, cho làm tới chức Tham tụng. Trịnh Quán là người trong thân tộc của chúa Trịnh, được chúa Trịnh Cương tin dùng trong một thời khá dài. Năm 1720, khi Nguyễn Công Hãng được cử giữ chức Tham tụng thì Trịnh Quán cũng được cử giữ chức Chuông phủ. Đường công danh rộng mở trước cả hai người. Nhưng, rất tiếc là hậu vận của cả hai không mấy tốt đẹp. Nguyễn Công Hãng được chúa Trịnh Cương tin dùng bao nhiêu thì bị chúa Trịnh Giang nghi ngờ và căm ghét bấy nhiêu. Rốt cuộc, đến năm 1732 thì Nguyễn Công Hãng bị bức tử. Còn Trịnh Quán ? Tuy không bị hãm hại như Nguyễn Công Hãng, nhưng ông bị thất sủng sớm hơn, và cũng thật khó mà nói là hậu vận của ai rủi hơn ai được. Chuyện Trịnh Quán bị thất sủng (bắt đầu từ cuối năm 1722) được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 36, tờ 4 và 5) chép lại như sau :

"Bấy giờ, không ít người trong thân tộc của nhà Chúa cùng nắm giữ binh quyền, khiến cho Trịnh Cương sợ rằng, nếu để binh quyền của họ hàng lớn quá, ắt thế nào cũng sẽ có biến. Nhân đó, (Trịnh) Cương bèn hạ lệnh rằng :

- Đấng vương giả có đức sáng, hết lòng thương yêu người trong thân tộc, ấy là muốn mở lời giao ước của tổ tiên nhiều đời, khiến cho sổ ghi quan chức những người trong họ ngày một đông thêm. Nhưng, nếu như không biết vun quén để bảo vệ cho (ngôi chúa) của họ ta thì cũng là thương yêu không phải phép vậy. Nhà ta tôn phò hoàng đế, xây dựng cơ nghiệp đến tước vương, con cháu đều giữ binh quyền lớn, việc này do đời sau noi theo đời trước

nên lâu ngày thành nếp quen đi, khiến cho uy thế ngang nhau rồi nghi ngờ lẫn nhau mà sinh ra hấn khích. Ta đã biết rõ duyên cớ sâu sắc của câu ca *đấu túc* và lời thơ *đậu ky*, cho nên đã tính kế để giữ sao cho cơ nghiệp được lâu dài. Vậy, các ông nên thể theo ý ấy, lo giải tán binh quyền lớn của mình, chỉ vui chơi cho thỏa thích ở phủ đệ, giữ tước vị, hưởng bổng lộc, cùng nhau vui sướng trong đời thái bình. Thiết nghĩ, thương yêu thân tộc, giữ hòa khí trong họ hàng, thật chẳng có gì hay hơn thế nữa.

Bọn Trịnh Quán nghe vậy, liền lay tạ và giải tán binh quyền".

Lời bàn : Diễn đạt một cách đơn giản và dễ hiểu, thì trong mọi sự cần đề phòng, chúa Trịnh Cương lo đề phòng trước nhất là người trong họ hàng thân thuộc, trong họ hàng thân thuộc, đáng gờm nhất là kẻ đang nắm giữ nhiều binh quyền. Đứng quá mà sao ác quá.

Câu ca *đấu túc* mà Trịnh Cương nhắc tới là câu ca ai oán về cái chết của Hoài Nam Vương Trường, em ruột của vua Hán Văn Đế (Trung Quốc) nhưng lại bị Hán Văn Đế bắt đi đây, khổ nhục nhịn ăn mà chết. Dân đương thời làm câu ca rằng :

*Nhất xích bố, thượng khả phùng,
Nhất đấu túc, thượng khả thung,
Huynh đệ nhị nhân bất tương dung.*

Dịch nghĩa :

Vải một tấc, có thể may (để anh em cùng mặc),
Thóc một đấu, có thể giã (để anh em cùng ăn),
(Thế mà làm vua cả một nước, chỉ có) hai anh em ruột
vẫn không thể dung tha cho nhau.

Còn như lời thơ *đậu ky* mà Trịnh Cương nhắc tới là lời thơ của Tào Thực. Tào Thực và Tào Phi đều là con của Tào Tháo. Tào Tháo mất, Tào Phi được lên nối ngôi. Bởi muốn giết Tào Thực nên Tào Phi bắt Tào Thực phải làm xong một bài thơ trong thời hạn bước đi đúng bảy bước. Và Tào Thực đã làm thơ như sau :

*Chữ đậu nhiên đậu ky,
Đậu tại phủ trung khắp,
Bản thị đồng căn sinh,
Tương tiên hà thái cấp.*

Dịch nghĩa :

Lấy dây đậu nấu hạt đậu,
Hạt đậu khóc trong nồi,
Rằng : chúng ta cùng một gốc rễ mà ra,
Sao nỡ nung nấu nhau cấp bách như thế.

Lời đe dọa của chúa Trịnh Cương mới ghê gớm biết ngần nào. Nhà chúa chẳng bao giờ dọa suông, bởi vậy, vừa chột nghe là Trịnh Quán đã tỉnh ngộ, lay tạ mà giải tán hết binh quyền. *Thời đã thế, thế thời phải thế*, biết sao hơn bây giờ.

Nhưng, ... Trịnh Quán là Trịnh Quán ơi, hậu thế nên gọi ông là kẻ thúc thời và mẫn cảm, hay nên gọi ông là kẻ bạc nhược đây ? Lẽ đâu cứ gọi gì tùy thích. Có những chuyện vui, khiến ta hoan hỉ mãi. Có những chuyện buồn, khiến ta như tê tái. Song, cũng có những chuyện mà ta chẳng biết nên buồn hay nên vui. Trịnh Quán là Trịnh Quán ơi, phải chi ông nói đôi lời trước khi quỳ lay Chúa, phải chi !

08 - TRƯỞNG CÔNG KHẢI VÀ HỒ PHI TÍCH BỊ GIÁNG CHỨC

7Trưởng Công Khải người xã Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm, đỗ Tiến sĩ khoa Ất Sửu, niên hiệu Chính Hòa năm thứ sáu (1685), đời vua Lê Hy Tông (1675 - 1705). Dưới thời vua Lê Dụ Tông (1705 - 1729), ông từng làm quan tới chức Thượng thư bộ Hình.

Hồ Phi Tích người xã Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu (Nghệ An), đỗ Tiến sĩ khoa Canh Thìn, niên hiệu Chính Hòa năm thứ 21 (1700) đời vua Lê Hy Tông (1675 - 1705). Dưới thời vua Lê Dụ Tông (1705 - 1729), ông giữ chức cao nhất là Tả thị lang bộ Lại.

Tháng 4 năm Giáp Thìn (1724), vì phạm lỗi làm việc tắc trách, cả hai ông nghề này đều bị triều đình vua Lê Dụ Tông giáng chức. Sự kiện này được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 36, tờ 16) chép lại như sau :

"Bấy giờ, có người ở huyện Đường Hào (nay thuộc huyện Mỹ Hào, Hưng Yên - ND) bị kiện rồi bị quan xử, khếp vào tội đồ.

Người ấy oản ức quá, liền mổ bụng để kêu. Việc được tâu lên, triều đình giao cho bề tôi tra xét lại thì thấy quả nhiên người ấy mắc oan. Xét ra, nguyên do là bởi lỗi cũ của các quan Thượng thư bộ Hình là Trương Công Khải và Tả thị lang bộ Lại là Hồ Phi Tích. Nguyên xưa, khi còn giữ chức Ngự sử ở Ngự Sử Đài, các vị quan này đã không chịu khó tìm cho ra lẽ phải trái. Triều đình khép hai người vào tội bị giáng chức".

Cũng sách trên ghi rõ :

- Thượng thư bộ Hình là Tiến sĩ Trương Công Khải bị giáng làm Tả thị lang bộ Lại. Chức Tả thị lang là chức kế ngay sau chức Thượng thư, nhưng bộ Lại lớn hơn bộ Hình, cho nên, xét về danh thì Trương Công Khải bị hạ một bậc mà xét về thực chất thì bị hạ chưa tới một bậc.

- Tả thị lang bộ Lại là Tiến sĩ Hồ Phi Tích bị giáng làm Hữu thị lang bộ Lễ. Như vậy, xét về danh, Hồ Phi Tích bị hạ một bậc, vì chức Hữu thị lang nhỏ hơn chức Tả thị lang, nhưng xét về thực chất, Hồ Phi Tích bị hạ chưa đến một bậc, bởi lẽ, bộ Lễ lớn hơn bộ Lại.

Lời bàn : Hàm oan đến nỗi phải quyết chí mổ bụng để bày tỏ lòng thành, khỏi bàn cũng rõ, nỗi oan khuất đó khủng khiếp làm sao. Thời mà dân phải mổ bụng kêu oan hẳn nhiên là thời đồ nát. Chẳng hay, còn có bao nhiêu người hàm oan nữa nhưng lại không đủ can đảm tự mổ bụng như con người này. Thương thay !

Các quan trong triều đình lúc này đã... bởi lòng tìm vết một cách thái quá chăng. Trong trường hợp này, quả thật không thể làm khác được. Trong mọi nỗi lo, không có gì đáng lo bằng việc giữ cho quốc thái dân an. Trong mọi cái lớn, không có gì lớn bằng mạng sống của trăm họ. Triều đình không xét những việc đại loại như việc này thì còn xét việc gì nữa.

Hẳn nhiên chức trách của các quan ở Ngự Sử Đài không phải là giải quyết mọi việc thường ngày của xã dân. Công việc đó thuộc về phận sự của các quan địa phương sở tại, Ngự Sử Đài chỉ theo dõi và nhắc nhở khi cần, nghĩa là chỉ gián tiếp chịu trách nhiệm mà thôi. Thắng hoặc đây đó vẫn có hiện tượng cho rằng, gián tiếp chịu trách nhiệm đồng nghĩa với việc sẵn sàng phui tay để đứng về phía vô can khi có điều chẳng lành xảy ra. Khôn lành quá quắt lắm thay !

Nói chung ở đời, rất nhiều chuyện đã qua nhất thiết phải cho qua, nhưng, tất cả những lỗi lầm thuộc về chức trách của người làm quan mà đều được im lặng cho qua cả, thì kỉ cương và phép nước chẳng qua chỉ là món trang sức rẻ tiền mà thôi. Bọn cơ hội nhất định sẽ vui mừng hô lớn khắp thiên hạ rằng : Triều đình vạn tuế !



Tượng Kumanata (cuối thế kỉ XVIII).

09 - CƯƠNG TRỰC THAY, NGUYỄN CÔNG CƠ !

Nguyễn Công Cơ sinh và mất năm nào chưa rõ, chỉ biết ông người xã Minh Tảo, huyện Từ Liêm, nay thuộc ngoại thành Hà Nội. Năm Giáp Thân, niên hiệu Chính Hòa thứ 18 (1697), Nguyễn Công Cơ đỗ Tiến sĩ, được bổ làm quan Hiệu thảo trong phủ chúa Trịnh Căn (1682 - 1709). Năm 1704, nhờ có công phát giác ra mưu phản của Trịnh Luân và Trịnh Phát, triều đình xét công ban thưởng, Nguyễn Công Cơ được thăng chức Hộ bộ Tả thị lang. Năm 1715, quan Hộ bộ Tả thị lang Nguyễn Công Cơ được chúa Trịnh Cương (1709 - 1729) cử làm Chánh sứ sang Trung Quốc.

Sinh thời, Nguyễn Công Cơ là người cương trực, hề thấy điều sai quấy là chẳng bao giờ bỏ qua. Các quan trong phủ chúa, nhất là Nguyễn Công Hãng, vì thế mà rất ghét ông. Hai mươi năm sau vụ phát hiện ra mưu phản của Trịnh Luân và Trịnh Phát, năm Bính Ngọ (1724), Nguyễn Công Cơ lại gây chấn động cả cung vua và phủ chúa bởi một phát hiện về gian lận trong thi cử, liên quan đến nhiều bậc đại thần đương quyền. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 36, tờ 31) chép việc này như sau :

"Tháng 11 (năm 1724 - ND), bắt những người đã đỗ Hương cống (tức Cử nhân - ND) thi lại ở lầu Ngũ Long. Nhân dịp này, Nguyễn Công Cơ được thăng làm Thiếu bảo.

Bấy giờ, cả đến việc thi cử phần nhiều cũng bị nạn những lạm, thường hề là con nhà quyền thế thì nhất định sẽ đỗ Hương cống chứ ít ai có tài học thực sự. Nguyễn Công Cơ tâu về việc này nên (Chúa) mới hạ lệnh bắt thi lại. Kết quả, hai mươi tám người bị buộc phải đánh hỏng, trong số này có : con trai của quan Tham tụng là Lê Anh Tuấn, con trai của Huân Quận công là Đặng Đình Giám, con nuôi của quan Nội giám Thiếu bảo là Đỗ Bá Phẩm và nhiều Cống sĩ khác của các xứ. Những người này đều bị giao xuống Pháp đình xét hỏi để trị tội thật nặng. Triều đình nhận thấy (Nguyễn) Công Cơ là người nói thẳng nên thăng làm Thiếu bảo".

Lời bàn : Phàm là quan, nếu có non chỗ này, yếu chỗ kia... tất tất đều có thể lượng tình mà bỏ qua được, nhưng nếu thiếu hẳn đức trung nghĩa, thì thiên hạ chưa từng dễ dãi mà tha thứ cho ai cả. Vẫn biết chân dung các chúa Trịnh vốn chẳng đẹp đẽ gì, song bất trung bất nghĩa như bọn Trịnh Luân và Trịnh Phất, bị nghiêm trị là chí phải, cương trực như Nguyễn Công Cơ mà được khen cũng là chí phải. Giữa thời đại loạn cũng có chút không hề là loạn, đại để là như việc này của Nguyễn Công Cơ.

Nạn ngoại xâm hẳn nhiên là đáng sợ, nhưng nạn đục khoét nước nhà từ bên trong cũng rất đáng sợ đó thôi. Một khi bằng cấp được coi là ân thưởng dành riêng cho con em nhà quyền thế, thì việc nước sẽ ra sao, không nói cũng rõ rồi. Trong mọi mối lo từ bên trong, chẳng có gì đáng lo bằng việc trao chính quyền cho lũ dốt nát và gian ngoan. Đôi khi, hàng vạn quân xâm lăng chưa hẳn đã nguy hiểm bằng đám ba tên một dân hại nước.

Cương trực thay, Nguyễn Công Cơ ! Trên thì có các bậc Tham tụng, Quận công, Thiếu bảo... dưới thì có chư vị quan trường đã lấy đỗ Cống sĩ tứ phương, vậy mà Nguyễn Công Cơ vẫn theo phép nước mà làm, không kiêng dè nể sợ, bách quan muôn thuở, nào dễ đã có mấy ai !

10 - VÌ SAO LÊ DUY PHƯỜNG ĐƯỢC THAY ANH LÀM THÁI TỬ ?

Tháng bảy năm Đinh Mùi (1727), Trịnh Cương đã lập con thứ của vua Lê Dụ Tông (1705 - 1729) là Lê Duy Phường làm Thái tử. Việc này đã khiến cho triều thần xôn xao, bởi lẽ trước đó hơn mười năm, con trưởng của vua Lê Dụ Tông là Lê Duy Tường đã được lập làm Thái tử, mà trong suốt thời gian làm Thái tử, Lê Duy Tường không phạm lỗi lầm gì đáng kể. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 36, tờ 32) đã chép lại sự kiện này, kèm theo *Lời cần án* viết rất nghiêm khắc như sau :

"Đầu tiên, con trưởng của nhà vua là (Lê) Duy Tường (lúc này đã 28 tuổi), được phép ra ở Đông Cung đã hơn mười năm (ở Đông cung cũng tức là ở ngôi Thái tử - ND). Sau đó, có một người em

(cùng cha khác mẹ của Lê Duy Tường) là Duy Phường, do bà Trịnh Thị sinh ra, đến đây đã được 19 tuổi. Trịnh Cương có ý định phế người này lập người kia, nhưng lại khó bề kiểm soát. (Trịnh) Cương bèn cùng bọn Tham tụng Nguyễn Công Hãng bàn luận việc ban cấp tước hiệu cho hoàng thân một cách rõ ràng hơn, nhân đó, trao cho (Lê) Duy Tường tước Quận công, hàm tứ phẩm và lập (Lê) Duy Phường làm Thái tử.

Lời cần án: Con trưởng của Dụ Tông là Duy Tường, ra ở ngôi Đông cung đã hơn mười năm, danh vị Thái tử đã định, thì nước là nước của Thái tử (Lê) Duy Tường, hà cớ gì Trịnh Cương được phép phế Duy Tường mà lập Duy Phường ? Việc này, sử cũ chép rằng, Duy Phường do Chính cung sinh ra, mà Chính cung là con gái của chúa Trịnh, như thế thì chẳng qua là chúa Trịnh chỉ muốn lập con của con gái mình, trước là để cho con gái được quý hiển, sau là mượn danh vị con cháu để thỏa lòng riêng của mình đó thôi.

Bởi chuyên quyền và manh tâm làm chuyện phế lập, Trịnh Cương mới bày trò quanh co, cho quan bàn việc phong quan ban tước. Về sau, chẳng bao lâu nữa thì Trịnh Cương ép vua truyền ngôi cho Duy Phường, bề ngoài thì giả thác truyền ngôi nhưng bề trong là cướp ngôi cho cháu ngoại. Trịnh Cương coi việc đặt ngôi vua như thể đánh cờ, bọn bề tôi cũng phụ họa cho hắn, thế mà người viết sử cũng quanh co, có ý che tội cho hắn. Ôi, lòng người đăm đuổi khiến cho nghĩa lớn bị diệt vong, cùng cực đến là quá quắt, đáng than thở biết là bao !"

Lời bàn : Trịnh Cương đã làm một việc mà được ba điều lợi. Một là khẳng định cho thiên hạ biết, cả đến ngôi vua cũng do mình sắp đặt, cho ai người đó hưởng mà thôi. Vua mà còn như vậy, quan lại chớ có đại đột mà làm điều trái ý Chúa. Hai là thay Thái tử 28 tuổi (cũng đáng gọi là đã đến lúc khó bảo) bằng một Thái tử mới 19 tuổi (cũng đáng gọi là dễ khiến hơn), ngôi vị của Chúa nhờ vậy mà đã chắc lại càng thêm chắc. Ba là đúng như *Lời cần án* đã nói, Trịnh Cương làm chúa, con gái Trịnh Cương làm Thái hậu, cháu ngoại Trịnh Cương làm vua, danh nghĩa thì giang sơn này không phải của Trịnh Cương mà thực là của Trịnh Cương rồi đó vậy. Ba điều ấy, đủ để gây khiếp vía cho cả một thời, bứt lòng của sử quan thì mềm, thân sử quan thì yếu ớt... bảo không viết vòng vo làm sao được ? Lại thay chữ vị viết *Lời cần án*, sử quan mà chẳng chịu hiểu để rồi thông cảm cho sử quan, bảo thiên hạ hiểu và thông cảm cho sử quan làm sao được ? Xin mượn mấy chữ của chư vị : *đáng than thở biết ngần nào* để chép vào đây, hờn chư vị nếu có linh thiêng, hiện về và vặn hỏi, thì kẻ hậu học này cũng chỉ xin khoan tay im lặng, chư vị muốn hiểu ra sao cũng cứ mặc lòng.

Vì sao Lê Duy Phường được thay anh làm Thái tử ? Thuở ấy, nếu có ai đó tò mò, xin đến yết kiến rồi hỏi Lê Duy Phường điều này, chắc Lê Duy Phường cũng chỉ nở nụ cười bí ẩn. Còn như ngày nay, ai mà còn hỏi câu này thì thật là ngây thơ. Trớ trêu thay, trong Hán tự, chữ *chúa* (主) nghĩa là chúa lại cao hơn hẳn chữ *vương* (王) nghĩa là vua... một cái dấu chấm ở trên đầu ! Cái đầu của chúa đã quyết là vậy thì sự thể tất nhiên phải là vậy, hỏi mà làm chi ?

11 - TRỊNH CƯƠNG VỚI VIỆC KIẾN THIẾT PHỦ ĐỆ MỚI Ở XÃ CỔ BI

7ừ thời Lê Trung Hưng trở về sau, trong kinh thành Thăng Long, bên cạnh cung vua còn có thêm phủ chúa. Phủ chúa cũng nguy nga không kém gì cung vua, và đặc biệt, chính phủ chúa mới là nơi quyết định mọi việc lớn của nước nhà. Khi đã thu tóm hết mọi quyền hành trong tay, các chúa Trịnh cũng lao vào con đường ăn chơi sa đọa. Mở đầu cho quá trình sụp đổ thảm hại về nhân cách của các chúa Trịnh là Trịnh Cương (1709 - 1729). Ngoài phủ chúa trong kinh thành, Trịnh Cương còn cho xây cất thêm phủ đệ mới ở xã Cổ Bi là một xã ở Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội. Việc xây cất này được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 36, tờ 34) ghi chép lại như sau :

"Tháng 11 (năm Đinh Mùi, 1727 - ND) Trịnh Cương tự ý xây cất phủ đệ mới ở xã Cổ Bi. Về già, Trịnh Cương đi tuần du chẳng còn chừng mực gì nữa, bởi vậy, đã nhiều lần sai bọn hoạn quan chia đi các xứ để sửa chữa chùa chiền, phòng khi du ngoạn, chẳng hạn như sửa chùa Độc Tôn, chùa Tây Thiên... v.v. Cổ Bi là một nơi nổi danh của vùng Kinh Bắc, nằm tiếp giáp với xã Như Kinh, mà Như Kinh là quê hương của bà Trương Thái Phi (mẹ đẻ của Trịnh Cương) nên (Trịnh) Cương thường hay tuần du đến xã này.

(Trịnh) Cương bị mê hoặc bởi thuyết phong thủy, có ý muốn dời phủ đệ đến đây, mà bề tôi của hắn thì lăm kẻ a dua, phụ

họa thêm vào. Hấn sai xây cất phủ đệ mới, công việc làm một tháng thì xong, đặt cho tên gọi là phủ Kim Thành. Nhân vì việc này, bọn (nịnh hót) là Tư đồ Trịnh Quán và Thiếu phó Nguyễn Công Hãng... được thăng chức thưởng tước, cao thấp có thứ bậc khác nhau".



Tượng Jayata (cuối thế kỉ XVIII)

Lời bàn : Cái nhà thế mà tẻ. Gay gắt như nắng, dữ dội như mưa, ào ào như gió... tất tất đều có thể che được, thế mà chút nhân cách của con người trong nhà, dầu đã bọc bằng da, dầu đã che bằng thịt, dầu đã sơn phết kĩ bằng ngôn từ... vẫn cứ phơi ra mồn mọt, thiên hạ có thể nhìn nó bằng tai, nghe nó bằng mắt, gần xa đều được tỏ tường... khiếp thay ! Trịnh Cương ở phủ đệ Thăng Long, người đương thời dầu chưa một lần bước tới, lớp hậu sinh dầu ở xa với vợ, vẫn thấy rõ tâm địa của Chúa ở phía sau sự thâm nghiêm của thành quách đó thôi.

Xây thêm phủ đệ mới ở Cổ Bi, việc làm này của Trịnh Cương chẳng chứng tỏ được điều gì tốt đẹp mà chỉ phơi bày sự xa xỉ, hoang phí của cải vốn là mồ hôi và nước mắt của dân đương thời. Sử không chép lời nào của Trương Thái Phi, ắt bởi vì bà cũng chẳng có ý gì khác. Ôi, mẹ nào con đó, có gì lạ đâu !

Quan Đại Tư đồ Trịnh Quán kể cũng khá thông minh trong sự nịnh Chúa, nhưng chừng như lại hơi chậm hiểu về thân phận của chính mình. Trịnh Cương chỉ ban chức mà không cho quyền, đã thế bao nhiêu binh quyền của Trịnh Quán trước đây đều bị chúa Trịnh Cương tước đoạt hết, cho nên, thăng thưởng chức tước ở đây chẳng qua chỉ là tặng cho cái bánh vẽ mà thôi, báu bỏ gì đâu ?

Chúa lo sửa chùa không phải để tỏ lòng mộ Phật mà là để có nơi du hí, ôi, mô Phật ! thời loạn đến Phật cũng chẳng được yên.

12 - NGUYỄN CÔNG THÁI VỚI VIỆC THU HỒI ĐẤT TỰ LONG

Xã Tự Long thời Lê thuộc châu Vị Xuyên, thời Nguyễn thuộc huyện Vĩnh Tuy, tỉnh Tuyên Quang. Ở xã Tự Long có núi Tự Long, núi này có mỏ đồng và mỏ bạc. Đồng của Tự Long là đồng tốt, dân gian thuở xưa vẫn thường nói : "Tốt như đồng Tự". Tuy nhiên, đất Tự Long và vùng phụ cận bị nhà Mãn Thanh lấn chiếm một thời gian khá dài. Mãi đến năm Mậu Thân (1728), đất này mới được nhà Thanh trả về cho ta. Người có công lớn trong việc đòi lại được đất này là Nguyễn Công Thái. Nguyễn Công Thái người xã Kim Lũ, huyện Thanh Trì (nay thuộc ngoại thành Hà Nội), đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715), làm quan trải thờ hai đời chúa là Trịnh Cương (1709 - 1729) và Trịnh Giang (1729 - 1740). Năm

1728, Nguyễn Công Thái được chúa Trịnh Cương cử đi đòi lại đất Tự Long. Và, Nguyễn Công Thái đã hoàn thành xuất sắc sứ mạng này. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 37, tờ 3, 4 và 5) chép như sau :

"Trước đây, ta và nhà Thanh cùng lập cột mốc biên giới ở Biên Xương. Núi Tự Long của ta vẫn bị nhà Thanh chiếm mất. Thổ quan của nhà Thanh đã đặt trạm để thu thuế ở đó. Đất biên cương của ta bị mất đến bốn chục dặm, triều đình ta nhiều lần gửi văn thư biện bạch chuyện này. Vua Thanh một mặt thì dụ bảo quan địa phương (của nhà Thanh) bàn bạc với ta về chuyện này, nhưng mặt khác lại ra lệnh cho quan Tổng đốc Vân Nam và Quý Châu là Ngạc Nhĩ Thái đi khám xét lại. (Ngạc) Nhĩ Thái nghe lời viên quan của nhà Thanh được phái đến trước đó là Phan Doãn Mẫn, nên tâu về triều đình nhà Thanh là ta chiếm của nhà Thanh đất đai phủ Khai Hóa (thuộc Vân Nam, Trung Quốc - ND) mà không chịu giao trả lại. Vua nhà Thanh hạ sắc dụ, bảo ta phải trả. (Ngạc) Nhĩ Thái cho chạy trạm, đưa thư đến địa đầu biên giới nước ta ở Tuyên Quang, nhưng thổ mục đất này của ta là Hoàng Văn Phác (cũng có sách chép là Hoàng Văn Lâu) bác bỏ chứ không chịu nhận thư. Chuyện tranh biện này kéo dài mãi đến năm sáu ngày. (Ngạc) Nhĩ Thái ngờ rằng ta có ý gì khác, bèn thông báo cho quan tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc - ND) chia quân phòng giữ biên giới. Hắn cũng tâu việc này về triều, xin điều động binh mã ba tỉnh để phòng bị biên giới nhưng vua nhà Thanh không đồng ý, đã thế, còn lập tức sai bọn Tả Đô ngự sử là Hàng Dịch Lộc, Nội các Học sĩ là Nhậm Lan Chi, đi thẳng sang nước ta để ban bố tờ chiếu hiểu dụ, đồng thời, xem xét động tĩnh ra sao.

Bọn (Hàng) Dịch Lộc sắp sửa lên đường, đi đến nước ta thì đúng ngay lúc ấy, quốc thư của nước ta chuyển đạt từ trước cũng vừa đến Yên Kinh. Thư ấy giải bày lòng thành thờ nước lớn và sợ mệnh trời. Vua Thanh xem, lấy làm hài lòng và rất khen ngợi, bèn lập tức, sai viết văn thư khác, giao cho (Hàng) Dịch Lộc sang nước ta, tuyên bố lời dụ bảo. Văn thư này nói đã tra xét được đất có xương đồng, rộng 40 dặm, nay trao trả lại cho ta.

Bấy giờ, khắp biên cương phía Bắc đều cảnh giới nghiêm ngặt, do đó trong nước ta, kinh sư cũng như ngoài trấn, không ít kẻ nghi ngờ, sợ hãi. Trịnh Cương quyết đoán, cho rằng không có gì hấn khích, lẽ đâu lại sinh sự, bèn nghiêm lệnh cho các quan ở biên giới phải bình tĩnh, không được làm điều gì càn quấy. Quả nhiên, đến tháng 6 thì (Hàng) Dịch Lộc tới kinh đô, trao trả đất cho ta, cho lập lại cột mốc biên giới ở sông Đổ Chú. Về nghi lễ tiếp nhận văn thư của vua Thanh, bọn (Hàng) Dịch Lộc yêu cầu làm theo lệ *Tam quy cửu khấu* (ba lần quỳ, chín lần vái), triều đình ta cũng miễn cưỡng mà nghe theo.

Sau, triều đình sai quan Tả thị lang bộ Binh là Nguyễn Huy Nhuận, quan Tế tửu là Nguyễn Công Thái đi lên Tuyên Quang để nhận đất và lập cột mốc. Thổ ti phủ Khai Hóa (của Trung Quốc) muốn ăn chặn bớt các sách ở Bảo Sơn (gần với Tụ Long – ND) nên chỉ sai vị trí của sông Đổ Chú. Công Thái biết là gian trá, liền bắt kẻ lam chướng hiểm trở, xông đi tìm cho bằng được sông Đổ Chú. Ông đã đi qua nhiều xưởng bạc, xưởng đồng rồi mới nhận ra được đúng nơi cần dựng cột mốc biên giới. Từ đấy, biên cương mới được ấn định rõ ràng".

Lời bàn : Chép xong đoạn sử này, các tác giả của sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đã dành cho Nguyễn Công Thái một lời phê gọn gàng mà cũng rất đầy đủ : "Đạo của người làm bề tôi là phải như thế".

Thêm bốn chục dặm đất, Trung Quốc chẳng nhờ vậy mà lớn hơn và mạnh hơn, mất bốn chục dặm đất, nước ta cũng chẳng vì thế mà nhỏ đi và yếu đi, nhưng, giang sơn là giang sơn của muôn đời tổ tiên để lại, tác nào cũng là tác lòng thiêng liêng, tham mà chiếm hay coi thường mà bỏ, tất cả đều là tội không thể dung tha.

Tế tửu chỉ là chức quan nhỏ, nhưng việc làm của quan Tế tửu Nguyễn Công Thái chẳng thể nói là nhỏ được. Mảnh lời của bọn thổ ti Khai Hóa không thể che nổi mắt ông, lam chướng của núi rừng cũng chẳng thể cản nổi bước chân ông. Mãi mãi còn đó tư thế hiên ngang của ông nơi biên thùy, ngửa trông không thẹn với trời, cúi nhìn không xấu hổ với đất, kính thay !

13 - VÌ SAO BÙI SĨ TIÊM BỊ MẤT CHỨC ?

Bùi Sĩ Tiêm người xã Kinh Lũ, huyện Đông Quan, đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715), làm quan trải thờ hai đời chúa là Trịnh Cương (1709 - 1729) và Trịnh Giang (1729 - 1740). Dưới thời chúa Trịnh Giang, Bùi Sĩ Tiêm được làm tới Thái thường Tự khanh. Nhưng, hoạn lộ của ông đến đó là dứt. Tháng 6 năm Tân Hợi (1731), Bùi Sĩ Tiêm bị lột hết chức tước rồi bị đuổi về quê. Sự kiện này được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 37, tờ 18) chép lại như sau :

"Vì có tai biến là nhật thực, chúa Trịnh Giang hạ lệnh cho bày tôi được bày tỏ những điều thiết thực và cần thiết nhất. (Bùi) Sĩ Tiêm trình bày 10 điều, trong đó, điều đầu tiên nói về việc truyền ngôi vua, lời lẽ rất thống thiết và sâu sắc. Đại lược như sau : Từ khi nước nhà được trung hưng đến nay, trong khoảng hai trăm năm, các đời chúa trước đều tôn phò vua. Sở dĩ có thể làm cho anh hùng hào kiệt vui vẻ đến giúp mà thống trị được đất đai khắp nước, ấy là nhờ ở truyền thống trung nghĩa, khiến cho gốc rễ được vững vàng, không sao lay chuyển nổi. Nhà vua và nhà chúa không khác gì bánh xe với thân xe, luôn nương dựa vào nhau, như cột nhà và kèo nhà cùng nhau chống đỡ, một lòng một dạ giúp nhau, không hề dừng đứng bỏ mặc kẻ béo người gầy như cách người Tần xử với người Việt được.

Gần đây, việc truyền hoặc nhường ngôi báu, tuy có noi theo phép cổ, nhưng không rõ có đúng là vì Tiên đế mỗi một mà phó thác thật hay không. Tôi thường thấy khi trị vì, khí sắc của Tiên đế hoặc bức tức, hoặc bất bình, lộ ra cả trong câu văn, lời nói. Những điều ấy, lẽ đâu che mắt thần dân trong nước mãi được. Vì thế, từ đầu mùa hè năm Kỷ Dậu (tức năm 1729), năm Trịnh Cương là cha của Trịnh Giang, ép vua Lê Dụ Tông truyền ngôi cho Lê Đế Duy Phường - ND) đến nay, trời lắm thiên tai, đất nhiều biến động, nào nước lũ, nào hạn hán, lúc nào cũng có điềm xấu và dữ. Có lẽ anh linh trời đất và tổ tông răn bảo một cách rõ ràng đấy.

Tôi cúi xin Vương thượng nghĩ đến công lao cũ của Tiên vương vun đắp, nối chí cũ của Tiên vương tôn phò, gặp việc gì phải thì quả quyết thi hành, chớ mê muội bởi lời tiểu nhân bảo thủ và nghi kỵ, hãy vì việc nghĩa mà mạnh dạn, đừng câu nệ vào lời "ba năm không thay đổi việc làm của cha" (lời của Khổng Tử, ý nói : sau khi cha mất, trong ba năm mà không thay đổi việc làm của cha, đó mới là người con có hiếu - ND). Khi làm việc lớn, cần phải tỏ rõ được quyền uy, đã chấn chỉnh đạo thường thì muôn đời cũng khó đổi, phải sớm chặn cho được ngọn sóng đang chực làm vỡ đê, quyền năng có thể kéo được mặt trời khi sắp lặn. Tóm lại, phải dốc lòng thờ vua, làm sao cho tiêu tan hết mọi tai biến.

(Bùi) Sĩ Tiêm lại còn nói tiếp : Văn chương là thứ để thu hút sĩ phu và để tô điểm cho nước nhà. Văn chương triều ta, bắt đầu chấn chỉnh từ thời Thiệu Bình (niên hiệu của vua Lê Thái Tông, dùng từ năm 1434 đến năm 1439 - ND), trở nên đầy đủ từ đời Hồng Đức (niên hiệu của vua Lê Thánh Tông, dùng từ năm 1460 đến năm 1497 - ND). Ở khoảng giữa từ đó đến nay, một lần thay đổi mà hóa ra văn chương rập theo sách cũ, lại một lần thay đổi nữa mà ra lối văn tầm chương trích cú. Đã thế, còn coi khinh các sách của thánh nhân, cho là dấu vết cũ rích, xem sử cũ là cỏ rác rơi vãi, khiến cho sĩ tử một thời bỏ hết kinh truyện mà đọc sách ngoài để cầu được đỗ cao, những lời của họ bàn về thời thế lúc nguy nan thì không một câu nào có thể dùng được cả.

Tôi cúi xin Vương thượng dốc lòng tôn sùng đạo học chính thống, chấn hưng cho được phong thái của nhà nho, phàm những tập văn do hậu nho viết ra như *Ngốc trai* (tức *Ngốc trai thập khoa sách lược* do Lưu Định Chi, người Trung Quốc đời Minh soạn ra - ND), *Đề cương* (sách do Chúc Nghiêu, người Trung Quốc đời Nguyên soạn ra - ND) và *Trường sách* (tức *Tứ đạo trường sách* của Trung Quốc, hiện vẫn chưa rõ tác giả là ai - ND)... nhất thiết phải cấm chỉ. Về đầu bài thi các kì văn sách, nên bỏ bớt điều mục mà nói các điều cốt yếu, văn cổ thì chỉ nên hỏi đại lược để biết sức học của học trò, văn mới thì hỏi những việc về chính trị, cốt để xét sức sáng tạo của sĩ tử. Tóm lại, phải chấn chỉnh phép văn chương để chọn hiền tài cho xứng.

Ngoài ra, còn những tám điều nữa, (Bùi) Sĩ Tiêm đều mạnh mẽ chỉ trích những thói tệ đương thời, vì thế, bọn quyền quý trong triều ghét bỏ ông. Khi thư này dâng vào phủ, Trịnh Giang giận lắm, bèn tước hết chức quan của (Bùi) Sĩ Tiêm và đuổi ông về quê.

(Bùi) Sĩ Tiêm là người khảng khái, biết trọng nghĩa khí, hay nói thẳng, vì việc nói mười điều có xúc phạm đến những chuyện cấm kỵ nên bị tước hết chức quan. Ông về nhà một thời gian lâu thì mất. Đầu đời Cảnh Hưng (niên hiệu của vua Lê Hiển Tông, dùng từ năm 1740 đến năm 1786 - ND), triều đình nghĩ (Bùi) Sĩ Tiêm là người cương trực, liền truy tặng hàm Tham chính, tước Trung Tiết Hầu, cấp cho ruộng thờ để biểu dương".

Lời bàn : Nhân có tai dị, Chúa cho quan được bọc bạch đôi lời, kẻ tinh ý phải hiểu rằng, ấy là Chúa muốn nghe những câu êm ái, cốt sao xoa dịu mọi nỗi bận tâm. Bùi Sĩ Tiêm, cương trực thì có thừa mà khôn ngoan thì chưa đủ. Chúa đang lo sợ vì thiên tai, lại còn bắt Chúa nghe thêm lời sấm sét này nữa, bảo Chúa không nổi giận làm sao được ? Chúa có phải là người sinh ra để nghe lời chỉ trích đâu ? Nên chăng, hãy nói thế này : thời loạn, phàm là kẻ muốn làm quan thì chớ làm người trung trực. và phàm là kẻ trung trực thì chớ có làm quan. Như Bùi Sĩ Tiêm, bị lột hết chức quan là còn may, chớ bị lột cả da thịt thì ... !

Triều thần đầu đời Lê Cảnh Hưng truy tặng chức tước, lại còn cấp cả ruộng thờ, ấy cũng là khôn ngoan. Cũng là kẻ sĩ, dẫu không nhiều thì trong bản thân họ, lẽ đâu lại chẳng có chút khí khái, cho nên, truy ban cho người cương trực, ầu cũng là khéo léo tạo ra bức bình phong che chở cho mình, ẹo là đấy, nhưng có còn hơn không. Và chẳng, như thế thì mình cũng là người có tiếng thẳng thắn !

Chỉ li thay !

14 - THƯƠNG THAY, TRẦN ĐẠI ĐỊNH !

Trần Đại Định là một trong những vị tướng quân giàu tài năng của xứ Đàng Trong thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 - 1725) và chúa Nguyễn Phúc Chú (1725 - 1738). Năm 1732, vì có việc phải dụng binh ở phía Nam, chúa Nguyễn Phúc Chú sai một loạt

tướng lĩnh cầm quân ra trận, tất cả đặt dưới quyền của viên Thống soái là Trương Phúc Vĩnh. Trong số các vị tướng này, có Trần Đại Định. Sử không chép rõ chức trách của Trần Đại Định trong đạo quân Nam chinh này, chỉ biết rằng, tiếng nói của ông có ý nghĩa rất lớn đối với các tướng lĩnh trong bộ chỉ huy.

Quân đội của chúa Nguyễn vào Nam một thời gian khá lâu nhưng chưa thu được kết quả gì đáng kể, đã thế lại còn bị thiệt hại khá nặng nề. Điều này khiến chúa Nguyễn Phúc Chú rất tức giận nên đã gửi thư vào Nam để trách cứ, lời lẽ rất gay gắt. Và, Thống soái Trương Phúc Vĩnh đã lập tức cứu nguy bằng cách đổ hết mọi tội lỗi cho tướng quân Trần Đại Định. Sách *Đại Nam thực lục* (Tiền biên, quyển 9) cho biết :

"Trương Phúc Vĩnh bí mật gửi tờ biểu về, tâu trình lí do tại sao quân không tiến được, và đổ hết mọi sự cho (Trần) Đại Định. Cũng đúng lúc ấy, (Trần) Đại Định vừa đem quân về, biết rõ cơ sự, muốn kêu oan, bèn nhân đêm tối, vượt biển về Bút Sơn (ở Quảng Ngãi). Có người em họ (của Trần Đại Định) là Thạnh can Trần Đại Định rằng :

- (Trương) Phúc Vĩnh là người có thần thể lớn, không thể tranh cãi đúng sai với hắn được, tốt nhất là hãy bỏ trốn.

(Trần) Đại Định nói :

- Cả gia đình ta, cha con cùng được hưởng ân huệ lớn của nhà nước, nay lẽ đâu chỉ vì cơ quan Thống soái nói sai sự thật mà bỏ đi, chịu mang tiếng xấu, vừa là kẻ bất trung, lại cũng vừa là kẻ bất hiếu ?

Thạnh cố can mãi (nhưng không được) bèn tự ý quay thuyền cho chạy thẳng ra phía biển Đông. (Trần) Đại Định biết, liền tuốt gươm chém chết Thạnh rồi cho thuyền chạy về cửa biển Đà Nẵng. Xong, (Trần) Đại Định làm tờ biểu trần tình mọi lẽ, nhờ quan ở dinh Quảng Nam dâng lên. Bấy giờ, các quan bàn là nên trị tội ngay, nhưng Chúa chưa nỡ, bèn sai tạm giam Trần Đại Định ở Quảng Nam rồi cho quan vào tận Gia Định để xét hỏi cẩn thận. Trương Phúc Vĩnh và bọn tay chân cố tình thêm dặt và đổ hết tội

lỗi cho Trần Đại Định, chỉ có một mình tướng Nguyễn Cửu Triêm cố cãi, cho rằng (Trần Đại Định) bị hàm oan. Khi án đã xong và dâng lên Chúa thì Trần Đại Định đã chết trong ngục vì bệnh. Chúa rất thương xót, truy tặng Trần Đại Định chức Đô đốc Đồng tri, ban cho tên thụy là Tương Mẫn. Riêng Trương Phúc Vĩnh, vì tội vu cáo này mà bị giáng làm Cai đội".

Lời bàn : Có chuyện ngụ ngôn kể rằng, các loài thú trong rừng họp nhau lại để bầu chúa sơn lâm. Bốn loài cùng được đề cử là voi, sư tử, gấu và cọp. Theo luật rừng, loài nào được nhiều loài sợ hãi nhất thì hiển nhiên sẽ được làm chúa. Chim họa mi được giao nhiệm vụ bay đi khắp rừng để thu thập ý kiến trước khi bầu. Tất cả chim chóc, muông thú đều khiếp sợ cả bốn loài nói trên, duy chỉ có loài khỉ thì nhe răng cười và nói :

- Tôi chỉ sợ tôi, ngoài ra chẳng sợ ai hết !

Họa mi nghe vậy, hoảng đến đứt cả tiếng, chỉ còn biết trở mắt ra mà nhìn. Khỉ biết ý, liền nói :

- Ta chỉ sợ ta sợ ý để rồi mang vạ, thậm chí là thiệt mạng. Nếu ta mà cẩn trọng, thì dẫu cả bốn loài dữ tợn và to lớn kia cùng được làm chúa sơn lâm, rồi cùng hợp sức lại để bắt ta mà trị, ta cũng chẳng sợ gì.

Ồi, luật rừng thế mà chưa hẳn đã là quá tệ. Đúng như loài khỉ nói, chỉ cần biết cẩn trọng giữ thân là đủ. Nhưng, với con người của thời điên đảo, không ai dám nói là mình đủ khả năng để cẩn trọng giữ tấm thân.

Bình hùng tướng mạnh của đối phương chưa hẳn đã nguy hiểm bằng những lời xúc xiểm và bịa đặt trắng trợn của đồng liêu. Cái lưỡi lắt léo của những kẻ tâm địa tráo trở thật đáng sợ lắm thay. Đã có người khuyên rằng, hãy luôn cảnh giác với mọi người quanh ta, bất kể đó là ai, song, nghĩ cho kĩ thì... hỡi loài người quang vinh, chớ có làm như vậy. Dưới vầng nhật nguyệt, có gì rẻ rúng bằng sự thường xuyên nghi kỵ lẫn nhau ? Đấng cao xanh sẽ nghiêm cần chứng giám cho lòng thành của mỗi chúng ta. Xin hãy tin như vậy.

Chém đầu em họ rồi quay thuyền cho trục chỉ ra Đà Nẵng, việc làm ấy của Trần Đại Định hẳn nhiên là chẳng hay, nhưng, từ sâu thẳm của cõi lòng, ông cũng chỉ muốn tận trung với nước, tận hiếu với cha, cho nên, nếu thiên hạ có thể tất cho ông thì đó cũng là điều dễ hiểu, và việc chúa Nguyễn Phúc Chú truy tặng chức cao, lại ban cho ông tên thụy tốt đẹp, cũng là lẽ thường. Thương thay, Trần Đại Định !

15 - TÔ THẾ HUY BỊ VÀ LÂY

Tháng 8 năm Nhâm Tý (1732), Trịnh Giang truất phế ngôi vua của Lê Đế Duy Phường (1729 - 1732). Sự kiện này đã khiến cho dư luận rất xôn xao, bởi thiên hạ đương thời không dám nghĩ rằng cha con Trịnh Cương và Trịnh Giang lại có thể liên tiếp làm những chuyện động trời như vậy.

Trước đó, chúa Trịnh Cương (1709 - 1729) đã ép vua Lê Dụ Tông (1705 - 1729) phải nhường ngôi cho con để lên làm Thượng hoàng. Bấy giờ, con trưởng của Lê Dụ Tông là Lê Duy Tường tuy đã được lập làm Thái tử, nhưng Trịnh Cương không cho được kế vị, mà lập em của Lê Duy Tường là Lê Duy Phường lên ngôi, đó là Lê Đế Duy Phường. Năm Lê Đế Duy Phường lên ngôi vua cũng là năm Trịnh Giang lên ngôi chúa. Nhưng, Lê Đế Duy Phường ở ngôi chưa được bao lâu đã bị Trịnh Giang vu cho tội tư thông với vợ của Trịnh Nhân Vương (tức vợ của Trịnh Cương) rồi phế truất và giết chết. Sự kiện này được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 37, tờ 25) chép như sau :

Trước đây, (Trịnh) Giang từng muốn phế vua này, lập vua khác, cốt để ra oai với quần thần và thiên hạ, bèn mượn việc khác để vu cho Nhà vua rồi ép Nhà vua phải ra ngoài (không được ở trong cung nữa.) Mọi thứ cung đồ cho Nhà vua đều bị xén bớt đi, Thái hậu cũng bị phế làm Quận Quân. Đến đây, (Trịnh) Giang lại truất Nhà vua làm Hôn Đức Công rồi bắt dời đến ở một ngôi nhà phía ngoài thành.

Khi ấy, (Trịnh) Giang bắt dẫn cả 12 người con của Dụ Tông vào phủ để xem mặt. Duy Tường là con trưởng, được lập làm vua. (Trịnh) Giang bèn sai quan hộ vệ, đưa Duy Tường đến cung Thọ Phúc. Ngày Bính Tý (tức ngày 22 tháng 8 năm 1732 - ND) làm lễ Thái Miếu và đến ngày Canh Thìn (tức ngày 26 tháng 8 năm 1732 - ND), Duy Tường lên ngôi vua (tức vua Lê Thuần Tông), đổi niên hiệu là Long Đức, đại xá thiên hạ".

Việc truất phế và giết hại Lê Đế Duy Phường đã khiến cho một số quan lại bị vạ lây. Trong số những người bị vạ lây ấy, có quan Tả thị lang bộ Lễ, người được cử đến làm việc ở toà Kinh Diên. Bấy giờ, triều đình cho rằng, Tô Thế Huy, với tư cách là người được cử đến làm việc tại tòa Kinh Diên, lo việc giảng dụ cho Vua nhưng chỉ phụ họa Vua chứ không giúp đỡ Vua về mặt đạo đức. Tô Thế Huy bị biếm chức, về sau không rõ thế nào.

Lời bàn : Ô đời, có người phạm tội vì chính họ gây ra tội, có người phạm tội chẳng qua vì bị ép buộc, phải ở vào thế chẳngặng đứng, nhưng cũng có người phạm tội trong chỗ không ngờ, không sao hiểu nổi cái tội mà họ phạm là tội gì nữa. Như Tô Thế Huy, tội mà ông đã phạm là tội...? (Đáng phải hỏi trời, nhưng con trời mà còn bị chúa giết, ắt chỉ có hỏi chúa mới rõ thôi !).

Tất nhiên, sử vẫn chép là Tô Thế Huy chỉ lo phụ họa vua chứ không lo việc giảng dụ cho vua. Song le, đến cả con vua mà chúa còn dám bắt dẫn hết vào để xem mặt, thì vài ba lí lẽ trái sự thường, chúa sợ gì mà chẳng dặt vào trong sử. Ô hay thời loạn, người ta có thể chứng minh cho bất cứ vấn đề gì cũng đúng, khiếp thay ! Sống vào thời ấy, Tô Thế Huy có bị vạ ấy thì chuyện ấy cũng dễ hiểu mà thôi.

16 - ĐOẠN KẾT BI THẢM CỦA CUỘC ĐỜI NGUYỄN CÔNG HĂNG

Nguyễn Công Hăng (1680 - 1732) người làng Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn (nay thuộc huyện Tiên Sơn tỉnh Bắc Ninh), đỗ Tiến sĩ năm 1700, làm quan trải thờ ba đời chúa là Trịnh Căn (1682 - 1709), Trịnh Cương (1709 - 1729) và Trịnh Giang (1729 - 1740), từng được phong tới chức Thượng thư, và dưới thời chúa Trịnh Cương, Nguyễn Công Hăng còn được cử làm Bảo phó cho Thế tử là Trịnh Giang. Sinh thời, Nguyễn Công Hăng là một nhà cải cách, có nhiều suy nghĩ rất táo bạo, nhưng cũng sinh thời, ông là người bị đồng僚 xa lánh mà lỗi này xem ra cũng có phần do ông gây ra. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính

biên, quyển 37, tờ 10), chép về đoạn kết đầy bi thảm của cuộc đời Nguyễn Công Hãng như sau :

"Sau khi ở núi Phật Tích trở về (tháng 10 năm 1729 – ND) chúa Trịnh Cương lại đi Như Kinh (Gia Lâm, Hà Nội – ND), giữa đường, bị bệnh rồi mất ngay, kẻ tùy tùng phải bí mật đưa về phủ chúa rồi mới phát tang.

(Trịnh) Cương chuyên quyền 20 năm, khi mất được tiếm truy⁽¹⁾ là Nhân Vương, lại còn được tiếm hiệu⁽²⁾ là Hy Tổ. Trịnh Giang là con trưởng của Trịnh Cương. Khi Giang còn làm Thế tử, viên Bảo phó của Giang là Nguyễn Công Hãng có mật khải với (Trịnh) Cương rằng :

– Giang là kẻ ngu tối, ương hèn, không thể gánh vác nổi việc lớn được.

(Trịnh) Cương vì thế mà chần chừ, chưa quyết định gì cả. Đến khi (Trịnh) Cương mất, (Trịnh) Giang lên nối ngôi chúa, (Nguyễn) Công Hãng vì lời khải này mà bị mang vạ".

Đến tháng 10 năm Nhâm Tý (1732), nghĩa là ba năm sau khi Trịnh Giang lên nối ngôi chúa. Nguyễn Công Hãng bị bức tử. Cũng sách trên (tờ 27) đã chép về cái chết của Nguyễn Công Hãng như sau :

"Công Hãng nhờ tài biện bác mà được vào giữ việc trong phủ chúa, thích tự quả quyết để thi thố tài năng của mình, được chúa Trịnh Cương tin cậy mà ủy thác mọi việc, nhưng đồng僚 thì lắm người oán ghét.

Khi còn là Thế tử, (Trịnh) Giang đã giận Nguyễn Công Hãng về việc không muốn lập mình. Bọn thân cận của (Trịnh) Giang lại cố thêm dệt thêm những chỗ yếu kém của Công Hãng. Họ nói với (Trịnh) Giang rằng :

(1) Tiếm truy : Tiếm làm việc truy phong. Đây chỉ việc Trịnh Cương không có miếu hiệu là Nhân Vương nhưng vẫn được con cháu họ Trịnh sau này làm quyền để truy phong như vậy.

(2) Tiếm hiệu : Là Tiếm xưng hiệu, tức làm quyền trong việc đặt hiệu.

- Công Hăng và bọn Lê Anh Tuấn, Trương Nhưng, Đỗ Bá Phẩm... đã cùng nhau kết thành bè đảng. Và lại, Công Hăng từng mưu tính việc chôn cất hài cốt tổ tiên ở một kiểu đất to, tất là ngầm có ý nuôi tham vọng làm việc vượt quá chức phận của mình.

(Trịnh) Giang nghe lời ấy, bèn cho (Nguyễn) Công Hăng ra trấn thủ Tuyên Quang rồi sau đó ép (Nguyễn Công Hăng) phải tự tử".

Lời bàn : Sống giữa thời loạn, giúp chúa ngàn điều hay chưa hẳn đã là lợi, nhưng, lỡ lời nói một câu không đẹp ý chúa, nguy hại thật khó mà lường. Cho nên, trách chúa Trịnh Giang vừa hẹp hòi lại vừa tàn bạo cũng được mà trách Nguyễn Công Hăng *chẳng biết khôn khéo giữ lời* cũng được. Trời sinh ra cái lưỡi không xương, cốt để tiện đường uốn éo chí ít cũng vài lần trước khi cất lời, tiếc thay, ngài Tiến sĩ Nguyễn Công Hăng hãnh tiến mà quên mất cả điều đơn giản này.

Bọn thân cận chúa Trịnh Giang cùng nhau thù dệt chỗ yếu kém của Nguyễn Công Hăng, ấy cũng là sự thường. Lũ tiểu nhân đời nào mà chẳng có. Song, mình dùng lời hại người thì người cũng có thể dùng lời để hại mình được, biết đâu lại còn ghê gớm hơn cả mình nữa. Ngẫm mà xem !

Nhân danh chúa của thiên hạ, Trịnh Giang bức tử Nguyễn Công Hăng. Và giờ đây, nhân danh lẽ thường, xin nghiêm phán : Tầm thường thay, Trịnh Giang !

17 - THƯƠNG THAY, HAI VỊ ĐẠI THẦN !

Năm Giáp Dần (1734). Trịnh Giang đã giết hai đại thần là Đỗ Bá Phẩm và Lê Anh Tuấn. Đỗ Bá Phẩm nguyên là hoạn quan, quê quán và năm sinh hiện chưa rõ, chỉ biết dưới thời chúa Trịnh Giang, ông được phong tới tước Vân Quận công. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 37, tờ 31) chép việc ông bị Trịnh Giang hãm hại như sau :

"Bấy giờ, nạn kết bè kết cánh nổi lên, Trịnh Giang quyết tìm cách buộc tội để trừng trị. (Trịnh) Giang rất ghét viên hoạn quan là Vân Quận công Đỗ Bá Phẩm, đã biếm chức Đỗ Bá Phẩm, chỉ còn cho làm Trấn thủ Yên Quảng (khu vực Hải Phòng, Quảng Ninh ngày nay - ND), lại còn muốn giết đi. (Trịnh) Giang gọi

riêng Nguyễn Hiệu (người xã Lan Khê, huyện Nông Cống, Thanh Hóa) đỗ Tiến sĩ năm 1700 – ND) đến bàn việc này, nhưng (Nguyễn) Hiệu lại có ý trù trừ không dứt, bởi vậy, (Trịnh Giang) giáng chức Nguyễn Hiệu, từ Thượng thư bộ Lễ xuống làm Thượng thư bộ Hình (trong triều đình xưa, bộ Lễ là bộ lớn nhất, còn bộ Hình chỉ đứng ở hàng thứ năm trong số sáu bộ – ND). Nhưng rồi không bao lâu sau, Nguyễn Hiệu được làm Thượng thư bộ Lại (bộ lớn thứ hai – ND) và được vào phủ chúa giữ chức Tham tụng như cũ".

Lê Anh Tuấn người xã Thanh Mai, huyện Tiên Phong (nay thuộc Hà Tây), đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1694). Cùng với Nguyễn Công Hãng, ông là người từng được chúa Trịnh Cương trọng dụng, trao phó cho nhiều trọng trách trong phủ chúa. Nhưng đến khi Trịnh Cương mất, ông bị thất sủng, và năm 1734, Lê Anh Tuấn cũng bị giết hại. Cũng sách trên (tờ 32) chép rằng :

"(Lê) Anh Tuấn là người nổi tiếng về văn học, tính ưa trầm tĩnh, làm việc cẩn mật, cùng với Nguyễn Công Hãng, ông được coi việc trong phủ chúa. Khi về già, (Lê) Anh Tuấn có ý lộng quyền, khiến (Trịnh) Giang không bằng lòng kể cũng đã lâu. (Trịnh) Giang giáng chức (của Lê Anh Tuấn), sai đi làm Trấn thủ xứ Lạng Sơn. Lúc ấy có người gièm rằng, trước kia, khi còn giữ việc ở trong phủ, (Lê) Anh Tuấn cùng với bọn Nguyễn Công Hãng đã định mưu phế lập (ngôi chúa), chúa Trịnh Giang nhân đó giết (Lê Anh Tuấn)".

Lời bàn : Cứ chữ mà suy thì Trịnh Giang giết Văn Quận công Đỗ Bá Phẩm, chẳng qua vì ghét Đỗ Bá Phẩm chớ chẳng phải vì Đỗ Bá Phẩm kết bè kết cánh, gây phương hại gì cho thanh danh của triều đình. Phẩm đã là bè cánh thì chẳng thể chỉ có một người, đây thấy Đỗ Bá Phẩm bị hại một mình, ắt... không về phe cánh cần thiết nào đó của Chúa đấy thôi.

Còn như Lê Anh Tuấn, Chúa đã không bằng lòng từ lâu, thì thử hỏi là tiếp tục bám lấy vòng danh lợi có khác gì bám lấy vòng treo cổ hay không ? Một khi Chúa đã bắt ra khỏi kinh thành, ra tận biên ải, cũng có nghĩa là Chúa chuẩn bị cho ra khỏi dương thế đó thôi.

Ồi, thương thay hai vị đại thần : Đỗ Bá Phẩm và Lê Anh Tuấn. Chẳng thể nói là chư vị vô tội, nhưng, cái chết của chư vị, ngầm mà xót thương. Có điều, đến vua

mà còn khó bề giữ nổi mạng sống với chúa, thì quan lại, dù làm đến đại thần, làm sao có thể yên thân trọn kiếp.

Dưới cái ngai màu đen của chúa, chính sự cũng thẫm một màu rất đen.

18 - XEM MẶT MÀ BẮT ... LÀM VUA !

Năm 1732, Lê Đế Duy Phường bị chúa Trịnh Giang vu cho tội tư thông với vợ của Trịnh Cương rồi giết chết. Anh của Lê Đế Duy Phường là Lê Duy Tường được Trịnh Giang đưa lên ngôi, đó là vua Lê Thuần Tông (1732 - 1735). Tháng 4 năm 1735, Lê Thuần Tông mất, Trịnh Giang lại phải một phen... chọn người làm vua. Chuyện này được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 37, tờ 33) chép lại như sau :

"Tháng 4, mùa hạ (năm Ất Mão, 1735 - ND) sao Thái Bạch phạm vào vị trí của sao Hỏa. Nhà vua mất. (Quần thần) dâng tôn hiệu là Giản Hoàng đế, miếu hiệu là Thuần Tông. Vua ở ngôi gần bốn năm, thọ 37 tuổi, táng tại Bình Ngô (huyện Thụy Nguyên, Thanh Hóa - ND).

(Trịnh) Giang lập (Lê) Duy Thận là em của Vua lên ngôi, đổi niên hiệu, đại xá thiên hạ.

(Lê) Duy Thận là con thứ mười một của vua (Lê) Dụ Tông và là em của vua (Lê) Thuần Tông. Lúc ấy, (Lê) Duy Thận mười bảy tuổi, còn kém anh là (Lê) Duy Diêu đến hai tuổi, nhưng Trịnh Giang sợ (Lê) Duy Diêu đã lớn (khó bề kiềm chế), trong lúc đó, (Lê) Duy Thận lại là cháu ngoại của bà Thái phi Vũ Thị (vợ của Trịnh Cương, người làng Mi Thữ, xã Tử Dương, huyện Đông Yên, thuộc tỉnh Hưng Yên - ND), từng được nuôi nấng trong phủ chúa, gần gũi lâu ngày nên dễ khống chế hơn, nhân đó, (Trịnh) Giang nói thác ra rằng, diện mạo của (Lê) Duy Thận giống y tiền đế, bèn quyết chí lập làm vua. Bầy tôi không ai dám nói gì cả. Ngày Giáp Ngọ (tức ngày 25 tháng 4 - ND) làm lễ tế cáo ở Thái Miếu, ngày Bính Thân (tức ngày 27 tháng 4 - ND), lên ngôi vua, đổi niên hiệu là Vĩnh Hựu, tha hai phần mười tô thuế cho dân trong năm này".

Lời bàn : Vậy là vua Lê Dụ Tông có đến ba người con được các chúa Trịnh Cương và Trịnh Giang chò nôi nhau lên làm vua. Đầu là Lê Duy Phường, kế là Lê Duy Tường và sau chót là Lê Duy Thận (cũng tức là Lê Duy Chấn). Vua được chúa cho làm vua, chuyện nghe có vẻ ngược đời, nhưng sự thực hải hước lại là như vậy. Đáng cười ra nước mắt là đấy chẳng ?

Chọn người nào để khiến để cho làm vua, không nói cũng đủ rõ tâm địa của nhà chúa thế nào. Được chọn, vua lặng lẽ lên ngôi vua, không nói cũng có thể biết, khí khái của người làm vua đáng giá cỡ nào.

Chọn mặt để bắt ... làm vua, cổ kim ắt chẳng còn ai quá quắt hơn Trịnh Giang được nữa. Bấy giờ, bề tôi không ai dám nói gì, sự thế ấy kể cũng chẳng có gì là lạ. Đến như vua mà còn phải ngoan ngoãn nghe theo, bề tôi làm sao cả gan nói trái ý chúa ?

Lê Duy Thận lên ngôi, đấy là Lê Ý Tông. Nhờ ngoan ngoãn lại cũng nhờ ít lời nên được yên phận làm vua 5 năm (1735 - 1740) và sau lại còn được yên phận làm Thượng hoàng thêm 19 năm nữa (1740 - 1759). Hóa ra, biết nghe lời chúa vẫn hơn.

Lê Dụ Tông có ba người con được các chúa Trịnh Cương và Trịnh Giang cho nôi nhau lên làm vua. Đành phải nói vậy chớ còn biết nói sao hơn bây giờ. Chả lẽ nói Lê Dụ Tông đã để lại cho ngai vàng những *ba bức tượng gỗ*, đầu nói như thế mới có phần đúng hơn !

19 - MẠC THIÊN TỨ VỚI MƯỜI CẢNH ĐẸP CỦA HÀ TIÊN

Mạc Thiên Tứ (cũng tức là Mạc Thiên Tích), tự là Sĩ Lân, con trai của Mạc Cửu. Sách *Đại Nam thực lục* (Tiền biên, quyển 8) cho hay, Mạc Cửu người gốc Lô Châu, thuộc Quảng Đông, Trung Quốc. Khi nhà Minh bị nhà Thanh đánh đổ, Mạc Cửu là một trong những người tham gia phong trào *bài Thanh phục Minh*, và khi phong trào *bài Thanh phục Minh* thất bại, Mạc Cửu chạy sang Chân Lạp, được quốc vương Chân Lạp cho giữ chức Ốc nha. Sau, thấy phủ Sài Mạt có nhiều người buôn kẻ bán, Mạc Cửu bèn di cư tới đó. Sách trên viết rằng :

"Thấy ở đất ấy, tương truyền, thường hay có người tiên hiện ra ở trên sông, nhân thế, cho đổi gọi đất ấy là Hà Tiên. Đến đây

(tháng tám năm Mậu Tý, 1708). Tuy nhiên, có nhiều tài liệu khác lại nói sự kiện xảy ra dưới đây là vào năm 1714, chứ không phải là năm 1708 – ND), Mạc Cửu sai bọn bộ thuộc là Trương Cầu và Lý Xả dâng thư (lên chúa Nguyễn Phúc Chu – ND) xin được làm người đứng đầu Hà Tiên. Chúa nhận, phong cho Mạc Cửu chức Tổng binh. Mạc Cửu liền xây dựng dinh ngũ và Phương Thành, dân đến ở ngày một đông".

Tháng 5 năm Ất Mão (1735), Mạc Cửu mất, con ông là Mạc Thiên Tứ được chúa Nguyễn Phúc Chú phong làm Đô đốc, cho nối nghiệp cha mà cai quản đất Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ học rộng, có tài văn chương, ngay sau khi nhận chức đứng đầu Hà Tiên, đã sáng lập ra tao đàn Chiêu Anh Các rất nổi tiếng. Cũng sách trên (Tiền biên, quyển 9) chép rằng :

"Thiên Tứ chia đất nha thuộc, kén chọn quân sĩ, đắp thành lũy và mở phố chợ, khiến cho khách buôn các nước tới ngày càng đông. (Mạc Thiên Tứ) lại cho mời những người có tài văn chương, cùng nhau lập ra Chiêu Anh Các, ngày ngày giảng bàn và xướng họa. (Ông) từng viết *Hà Tiên thập vịnh* (mười bài vịnh mười cảnh đẹp của Hà Tiên)⁽¹⁾, đó là :

01 - Kim Dự lan đào

(1) Tên của mười cảnh đẹp này có ý nghĩa cụ thể như sau :

- Kim Dự lan đào : Đảo vàng chấn sóng.
- Bình San điệp thúy : Dãy núi như bức bình phong trùng điệp màu xanh.
- Tiêu Tự thần chung : Tiếng chuông buổi sáng sớm ở ngôi chùa tịch tịch.
- Giang Thành dạ cổ : Tiếng trống đêm ở bức thành bên sông.
- Thạch Động thôn vân : Hang đá nuốt mây.
- Châu Nham lạc lộ : Cò đậu trên đất đỏ.
- Đông Hồ ẩn nguyệt : Trăng in ở hồ nước phía đông.
- Nam phố trừng ba : Bãi nam giữ sóng.
- Lộc Trĩ thôn cư : Thôn xóm ở Mũi Nai.
- Lư Khê ngư bạc : Thuyền chài ở Rạch Vược.

Tuy nhiên, các chữ Kim Dự, Bình San, Tiêu Tự, Giang Thành, Thạch Động, Châu Nham, Đông Hồ, Nam Phố, Lộc Trĩ và Lư Khê, nay đã được sử dụng rất phổ biến, được coi là những địa danh quen thuộc của đất Hà Tiên, cho nên, chúng tôi đã viết hoa cả hai chữ khi phiên âm.

- 02 - *Bình San điệp thúy*
- 03 - *Tiêu Tự thân chung*
- 04 - *Giang Thành dạ cổ*
- 05 - *Thạch Động thôn vân*
- 06 - *Châu Nham lạc lộ*
- 07 - *Đông Hồ ẩn nguyệt*
- 08 - *Nam Phố trường ba*
- 09 - *Lộc Trĩ thôn cư*
- 10 - *Lư Khê ngư bạc*

Từ đó, người Hà Tiên bắt đầu biết học hành".

Lời bàn : Mạc Cửu không sinh ở Hà Tiên, nhưng xem ra Hà Tiên cũng chính là quê hương thứ hai của ông vậy.

Có đọc *Hà Tiên thập vịnh* mới thấy được những tình cảm chân thành, nồng nàn và sâu sắc của Mạc Thiên Tứ với Hà Tiên. Đất nhờ người mà dạt dào sức sống, nhờ thơ mà giàu sức cuốn hút lạ thường. Đã bao đời nay, du khách tìm đến Hà Tiên, trước hết là tìm đến mười cảnh đẹp từng tỏa sắc màu lung linh trong thơ Mạc Thiên Tứ đó thôi.

20 - TRỊNH GIANG GIẾT CẬU RUỘT LÀ TRƯƠNG NHƯNG

Trương Nhưng người làng Như Kinh (Gia Lâm, Hà Nội), sinh năm nào không rõ, chỉ biết ông bị giết vào tháng 5 năm Bính Thìn (1736). Nhờ có chị ruột là bà Trịnh Thái phi (vợ của Trịnh Bính, mẹ của Trịnh Cương và là bà của Trịnh Giang), cho nên, Trương Nhưng được phong quan tước, và là một trong những trọng thần của chúa Trịnh Cương. Tháng 10 năm 1722, Trương Nhưng được phong tới tước Thiêm Quận công và được Trịnh Cương giao việc chỉ huy các quân doanh.

Trịnh Cương mất (năm 1729), con là Trịnh Giang lên nối ngôi chúa, một loạt đại thần của chúa Trịnh Cương, như : Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn, Đỗ Bá Phẩm và cả Trương Nhưng, lần lượt bị nghi ngờ và bị thất sủng. Năm 1732, Nguyễn Công Hãng, Đỗ Bá Phẩm và Lê Anh Tuấn lần lượt bị Trịnh Giang bức hại. Trương Nhưng vì là vai ông cậu ruột, cho nên chỉ bị giáng chức, đẩy vào làm Đốc suất ở Nghệ An. Dẫu vậy, bốn năm sau, Trương Nhưng cũng bị Trịnh Giang giết hại. Sự kiện này được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 38, tờ 2) chép lại như sau :

"Tháng 5, mùa hạ (năm Bính Thìn, 1736 – ND) chúa (Trịnh) Giang giết Trương Nhưng là quan Đốc suất của xứ Nghệ An, bổ Nguyễn Minh Châu thay giữ công việc này.

Trương Nhưng là em ruột của bà Trương Thái phi. Dẫu là người có công, lại là thân thích bên ngoại (của chúa), nhưng lúc nào ông cũng sống ôn hòa, giản dị, giao thiệp với ai cũng không bao giờ làm cho người ta phật ý.

Trịnh Giang vốn tính đa nghi, cho là Trương Nhưng có ý phụ họa và kết bè kết đảng với các đại thần. Đã thế, hoạn quan là Hoàng Công Phụ lại gièm pha ông, khiến Trịnh Giang tức giận, quyết giết đi. (Trịnh) Giang mật sai viên hoạn quan là Dật Trung Hâu (không rõ họ tên là gì), giả thác đến' nói rằng, có mật chỉ bắt Trương Nhưng phải thất cổ chết. Xong việc đó, (Trịnh Giang) liền dùng (Nguyễn) Minh Châu thay giữ công việc làm Đốc suất ở Nghệ An. Sau, (Trịnh) Giang lại toan dùng kế để giết (Nguyễn) Minh Châu, nhưng (Nguyễn) Minh Châu biết được nên đành thôi".

Lời bàn : Tội của các đại thần bị giết, cụ thể ra sao, sử không chép rõ, nhưng, tất cả các vị đại thần bị giết này, ai cũng được coi là người có tài, kẻ văn chương tột bậc, người võ nghệ phi thường, đủ cả. Lần lượt giết hết những con người ấy, khỏi bàn cũng biết tâm địa của chúa Trịnh Giang ra sao. Mối hay, khi quyền lực nằm trong tay của kẻ tàn bạo và đa nghi, mọi sự sẽ trở nên khủng khiếp biết ngần nào.

Với Trịnh Giang, thân thích chẳng qua chỉ là đám người rườm rà, chặt bỏ đi càng nhiều thì ngôi chúa càng trở nên thoáng đảng, vậy thôi. Cũng với Trịnh Giang,

tài năng hay đức độ của bá quan chẳng bao giờ đáng giá bạc xu, bất quá chỉ là chút trang điểm qua loa cho ngôn từ khi cần mà thôi. Hình như các bậc đại thần khoa bảng thời đó ít ai hiểu được rằng : *chỉ lời nào làm đẹp lòng chúa mới là lời thông minh sáng giá*. Sống vào thời loạn, đọc đến cả thiên kinh vạn quyển mà quên đọc đi đọc lại câu này, thì chết thảm không kịp kêu trời là đương nhiên.

Còn như hoạn quan Hoàng Công Phụ đã gièm pha hại người, yên thân lúc sống nhưng làm sao có thể mong yên phận lúc chết được ?

21 - TRẠNG NGUYÊN TRỊNH TUỆ ...

*S*ách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 38, tờ 3) chép rằng :

"Theo chế độ cũ, các vị Cử nhân, nếu thi Hội do bộ Lễ tổ chức mà đỗ thì sẽ được vào dự thi Đình. Thể lệ thi Đình (cũ) cũng ghi rõ : chính Thiên tử sẽ thân ra bài văn sách rồi chấm để lấy đỗ, xong, sai truyền xưng danh từng người một. Cứ ba năm tổ chức một khoa thi. Thi Đình được coi là điển lệ trọng thể của việc chọn nhân tài.

Nhưng, xét cũng đã khá lâu, chiếu nhất của khoa thi Nam Cung (tức khoa thi Đình - ND) vẫn còn để trống (ý nói đã lâu chưa ai đỗ Trạng nguyên - ND), bởi thế, khoa này Trịnh Giang nghe theo lời tâu của quan Nội giám là Hoàng Công Phụ, cho triệu sĩ tử (đã đỗ thi Hội) vào hết trong phủ đường để thi, cất nhắc cho Trịnh Tuệ đỗ Đệ nhất giáp đệ nhất danh (tức Trạng nguyên), các sĩ tử khác thì cho đỗ Cập đệ và Xuất thân, cao thấp có phân biệt.

(Trịnh) Tuệ người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc, thuộc Thanh Hoa (nay là Thanh Hóa - ND), là tộc thuộc của chúa Trịnh, tuy cũng có chút chữ nghĩa, nhưng vì việc thi này mà lăm người bàn tán chê bai ông".

Lời bàn : Câu chuyện ngắn ngủi này, vậy mà chứa đựng đến chỉ ít cũng là ba điều lớn. *Một là* khoa thi Đình này *cổ lấy đỗ* một vị Trạng nguyên, chẳng qua cũng chỉ vì đã khá lâu rồi không lấy ai đỗ học vị này mà thôi. Viên hoạn quan Hoàng Công Phụ thế mà tài, không nhờ lời tâu của hần, mạch Trạng nguyên của xã tắc làm sao có thể chảy tiếp đến đây ! Ất thiên hạ thuở đó phải nhất loạt ngửa mặt lên trời, hớn hở hô vang, rằng sung sướng thay, ta lại có... cụ Trạng ! *Hai là* theo điển lệ cổ, thi Đình là việc trọng thể, đích thân Thiên tử ra bài văn sách và chấm, nhưng khoa này, chúa Trịnh Giang đứng ra lo thay, sự thể mới lạ lùng làm sao ! Đành là từ lâu, các chúa Trịnh đã thay vua làm hết mọi việc quốc gia đại sự, nhưng dẫu sao thì cũng còn chúa cho vua vài chút quốc lễ hão huyền, dè dặt đến đây, chút quốc lễ hão huyền ấy cũng bị chúa Trịnh Giang tước nốt, khiếp thay ! *Ba là* Trạng nguyên Trịnh Tuệ coi bộ chữ nghĩa chẳng đáng là bao, thiên hạ bàn tán chê bai ông, khiến cho rối ren cả một đoạn sử, rõ buồn !



Chùa Giác Lâm (TP. Hồ Chí Minh -- Giữa thế kỉ XVIII)

22 - LỜI TIẾN SĨ PHẠM CÔNG THẾ

Tháng chạp năm Mậu Ngọ (1738), tại Thanh Hoa, có một cuộc khởi nghĩa chống chính quyền họ Trịnh đã nổ ra. Những người có công khởi xướng và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa này đều là các hoàng thân của nhà Lê : Lê Duy Mật, Lê Duy Quy và Lê Duy Chúc.

Lê Duy Mật và Lê Duy Quy đều là con thứ của vua Lê Dụ Tông (1705 - 1729), còn Lê Duy Chúc là con thứ của vua Lê Hy Tông (1675 - 1705), tức là chú ruột của Lê Duy Mật và Lê Duy Quy. Việc lớn chưa thành thì Lê Duy Chúc và Lê Duy Quy đều bị bệnh mà mất, Lê Duy Mật trở thành lãnh tụ duy nhất của cuộc khởi nghĩa này. Dưới ngọn cờ của Lê Duy Mật có một vị Tiến sĩ lừng danh, đó là Phạm Công Thế. Phạm Công Thế người làng Hoàng Xá, huyện Đông Quan (nay thuộc Hà Nội), đỗ Tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1727), làm quan trải thờ bốn đời vua là Lê Dụ Tông, Lê Đế Duy Phường, Lê Thuần Tông và Lê Ý Tông. Trước khi tham gia khởi nghĩa, ông đang giữ chức Đông các Hiệu thư.

Phạm Công Thế là người hiên ngang, khảng khái, Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 38, tờ 7 và 8) có chép về ông như sau :

"Lê Duy Mật, Lê Duy Quy và Lê Duy Chúc hận về nỗi quyền bính của vua Lê bị tước đoạt và Trịnh Giang là kẻ bạo ngược giết vua, bèn cùng các quan trong triều là Phạm Công Thế, Vũ Thước và thuộc hiệu là Lại Thế Tế, bàn mưu đốt kinh thành nhưng việc này không xong. Vì sợ bị lộ, (Lê) Duy Quy chạy đi Cẩm Thủy (Thanh Hóa - ND), (Lê) Duy Mật và (Lê) Duy Chúc chạy đi Nghi Dương (nay thuộc đất Kinh Môn, Hải Dương - ND). Tại đây, (Lê) Duy Mật và Lê Duy Chúc) được viên thổ hào là Ngô Hưng Tạo hộ tống, vượt biển chạy vào Thanh Hoa. (Trịnh) Giang sai binh lính đuổi theo nhưng không kịp. Lúc ấy, Vũ Duy Thước bị bắt, bị tống giam và bị giết. Lê Duy Chúc và Lê Duy Quy sau cũng bị bệnh mà mất, Lê Duy Mật liền chiếm cứ đất thượng du vùng Tây Nam.

Bấy giờ, Phạm Công Thế đang giữ chức Đông các Hiệu thư, theo Lê Duy Mật nổi binh, đánh nhau bị thua trận rồi bị bắt. Các bề tôi trong triều trách ông rằng :

- Đã là người khoa giáp sao lại còn theo bọn phản nghịch ?

Phạm Công Thế cười đáp :

- Danh phận không tổ đã từ lâu, thuận nghịch lấy đâu mà phân biệt ?

Nói rồi, vươn cổ ra chịu chết chém, không một chút lo sợ hay nao núng gì ".

Lời bàn : Chép xong đoạn sử này, các tác giả của bộ sách nói trên còn trân trọng viết thêm *Lời cần án* khá dài, xin lược trích một đoạn như sau : "Duy Mật là người chí thân của vua Lê, xót xa về nỗi nhà Lê bị chèn ép mãi, bèn đem quân ra chốn rừng núi xa xôi để quyết chí đánh lại. Việc Duy Mật làm có thể gọi là danh chính ngôn thuận, không thể ví với bọn giặc cỏ được. Dẫu lòng trời không giúp nhà Lê, việc làm của Duy Mật cũng không thành, nhưng nghĩa lớn vua tôi thì không bao giờ mai một được".

Xin được bàn về đoạn cần án này : Chỉ li thay !

Tiến sĩ Phạm Công Thế quả là bậc khó ai bì. Triều đình bấy giờ nào ít bậc đồ đại khoa, vậy mà vẫn mê muội, không nhận ra được rằng, thời họ sống là thời rối ren, thời đảo lộn của mọi giá trị xã hội, thời thuận nghịch không có ranh giới rạch ròi... Lời ngắn gọn trước lúc thọ hình của Tiến sĩ Phạm Công Thế quả là sâu sắc, đủ sức để khái quát diễn biến phức tạp của chính sự cả một thời. Kính thay !

Nói xong lời sâu sắc ấy, Tiến sĩ Phạm Công Thế còn nói thêm với hậu thế một lời không ngôn từ nhưng cũng rất đáng khắc ghi, đó là : Phàm đã nuôi chí khuấy nước chọc trời thì phải biết hiên ngang nhận lấy cái chết, như Phạm Công Thế, không một chút lo sợ hay nao núng, như Phạm Công Thế, quả cảm vươn cổ ra...

23 - NGUYÊN DO VIỆC CHÚA TRỊNH GIANG MẮC BỆNH KINH QUÝ

7heo Đông y, bệnh kinh quý là bệnh tâm thần bất định, hay bị hốt hoảng và sợ hãi. Chúa Trịnh Giang (1729 - 1740) là người mắc phải chứng bệnh này. Các bậc danh y đương thời, những

người trực tiếp lo việc chữa trị cho Trịnh Giang, chẳng ai để lại bút tích gì, bởi vậy, xin được làm một việc có phần ngược đời, đó là lấy ghi chép của sử cũ để cắt nghĩa bệnh tình của Trịnh Giang.

Sách *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ cho hay : Trịnh Giang là kẻ dâm loạn, từng tư thông với bà Kỳ Viên phi Đặng Thị (người xã Trà Đồng, huyện Tiên Du, nay thuộc Bắc Ninh), vốn là... vợ lẽ của chúa Trịnh Cương (cha Trịnh Giang). Chuyện này bị bà Vũ Thái phi (mẹ của Trịnh Giang) phát giác. Bà ép Kỳ Viên phi Đặng Thị phải tự tử. Một hôm, chẳng hiểu vì sao Trịnh Giang bị sét đánh gần chết, nhân đó mà mắc bệnh kinh quý, hễ nghe có sấm sét là kinh hồn bạt vía. Bọn hoạn quan liền nói với Trịnh Giang rằng, duyên do chẳng qua vì dâm dục thái quá nên bị ác báo, muốn chữa, chỉ có cách... đào hầm làm nhà ở dưới đất. Trịnh Giang bèn dựng cung Thượng Trì để ở, không dám đi ra ngoài như trước nữa.

Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 38, tờ 15) thì viết :

"Từ ngày làm việc bạo nghịch là giết vua (chỉ việc Trịnh Giang phế truất rồi giết chết vua Lê Đế Duy Phường - ND), Trịnh Giang càng ngày càng tiếm quyền, ăn chơi dâm loạn không còn chừng mực gì nữa, cho nên về sau mới mắc bệnh kinh quý, sợ sấm sợ sét lắm. Bọn hoạn quan là Hoàng Công Phụ đánh lừa, đào đất làm cung Thượng Trì cho (Trịnh) Giang ở. Từ đấy, (Trịnh) Giang không còn dám bước chân ra ngoài. (Hoàng) Công Phụ cùng đồ đảng liền nhân đó mà lộng quyền, các bậc đại thần nổi nhau bị hại, kẻ thì bị giết, kẻ thì bị phạt, ai ai cũng lo sợ không giữ nổi tấm thân của mình, chính sự trái ngược mà thuế khóa thì nặng nề, dân chỉ còn mong sao cho chóng có loạn lạc".

Lời bàn : Thông dâm với vợ lẽ của cha, tội loạn luân ấy không thể nào dung tha được, sống dưới đáy của xã hội còn chẳng thể, nói chi chuyện làm chúa của thiên hạ một thời. Vũ Thái phi phát giác chuyện động trời này, nhưng lại bắt Kỳ Viên phi Đặng Thị phải tự tử, còn con mình là Trịnh Giang thì chẳng hé nửa lời. Mẹ nào con ấy, quá đúng lắm thay. Chẳng hay, hồn thiêng của song thân Vũ Thái phi có cảm

thấy nhục nhã, vì chỉ để lại cho đời cái gọi là con, mà không để lại chút gì gọi là nhân cách cho dòng dõi nhà mình cả.

Chí ít cũng có đến mấy bộ sử tham gia vào việc lí giải nguyên do bệnh tình của Trịnh Giang. Bệnh kinh quý quả đúng là loại bệnh lạ. Nhưng, với Trịnh Giang, thêm chút bệnh kinh quý, nào có đáng kể gì ? Cái đáng sợ nhất ở con người này lại chính là ở tâm hồn bệnh hoạn. Làm chúa mà mắc phải chứng bệnh này thì vô phương cứu chữa. Hoạn quan Hoàng Công phụ tuy làm lắm việc đáng trách, song, xây cung Thuồng Trĩ cho Trịnh Giang ở, kể cũng là việc đáng làm. Dương thế dẫu bụi bặm cũng khó chấp nhận nổi gương mặt bẩn thỉu của Trịnh Giang, cho nên, cho hẳn ở hầm, gần gũi với địa ngục, chí lí thay. Còn như sau đó, Hoàng Công Phụ có lòng quyền, thì ấy cũng là sự thường vậy. Hoàng Công Phụ bao giờ cũng là Hoàng Công Phụ, khác đi thế nào được ? Chê Hoàng Công Phụ là kẻ tệ hại ư ? Kể cũng có phần chưa phải, bởi vì lúc ấy, triều đình chỉ là nơi dung dưỡng những kẻ đại loại như Hoàng Công Phụ đó thôi.

Dân bao giờ cũng chỉ mong cho non nước được thái bình, vậy mà lúc này lại mong cho chóng có loạn lạc. Xót thay. Cơ đồ của họ Trịnh gầy dựng mấy trăm năm, đến đây cũng chỉ còn tương tự như sức khỏe của Trịnh Giang nữa mà thôi !

24 - CHÍNH SỰ THỜI CHÚA TRỊNH GIANG

Thời chúa Trịnh Giang (1729 - 1740), chính sự rối bời đến độ đảo điên. Xin theo sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 38), liệt kê ra đây ba sự kiện tiêu biểu.

Sự kiện thứ nhất là sự kiện mua quan, bán tước :

"(Trịnh) Giang hạ lệnh cho quan và dân, nếu ai nộp tiền thì sẽ được bổ làm quan hoặc thăng chức tước. Cả quan và dân đều cho phép được nộp tiền để xét cất nhắc như sau : Quan trong triều từ lục phẩm trở xuống, nếu nộp 600 quan sẽ được thăng chức một bậc, dân thường mà nộp 2.800 quan sẽ được bổ làm Tri phủ, nộp 1800 quan sẽ được bổ làm Tri huyện.

Bấy giờ, (Trịnh) Giang chơi bời xa xỉ, của cải ngày một hao mòn, cho nên mua quan, bán tước, không việc gì là không làm, vì vậy mà sinh ra loạn lạc sau này" (tờ 5).

Sự kiện thứ hai là đặt hẳn một hệ thống quan chức dành riêng cho hoạn quan, gọi là Giám Ban :

"Theo điển lệ cũ, triều đình chỉ có hai ban là Văn và Võ. Đến đây, hoạn quan lộng quyền, cho nên (Trịnh) Giang mới lập ra Giám Ban. (Trịnh Giang) hạ lệnh : hoạn quan mà khảo thí, được trúng cách thì cũng sẽ được trao cho quan chức (như những người khác). Các quan đều lấy đó làm sự hổ thẹn nhưng không ai dám nói gì. Mãi đến đầu đời Cảnh Hưng (niên hiệu của vua Lê Hiển Tông, dùng từ năm 1740 đến năm 1786 - ND) mới bãi bỏ Giám Ban" (tờ 9).

Và, sự kiện thứ ba là sự kiện mạo nhận được tấn phong làm An Nam Thượng Vương :

"(Trịnh) Giang không còn biết kiêng sợ là gì nữa, tự ý tiếm quyền, vượt cả danh phận của riêng thân, phong cho mình làm Bắc Đẩu Mậu Hòa Tuy Du Dụ Nghĩa Trịnh Vương.

Bấy giờ, (Trịnh) Giang đang ngao du ở xã Quế Trạo vùng Kinh Bắc (Bắc Ninh - ND), quê hương của viên hoạn quan là Hoàng Công Phụ. (Trịnh) Giang xây dựng phủ đệ để ở, xong, bí mật sai hai viên quan là Nguyễn Trác Luân (người xã Bình Lao, huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương, đỗ Tiến sĩ năm 1721 - ND) và Trần Văn Hoán (người xã Từ Ô, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đỗ Tiến sĩ năm 1724 - ND), chạy ngựa trạm từ kinh sư lên, kính dâng sắc văn và ấn tể, vờ nói là của sứ thần nhà Thanh sang, phong cho (Trịnh) Giang làm An Nam Thượng Vương" (tờ 13 và 14).

Lời bàn : Với sự kiện thứ nhất, Trịnh Giang đã làm cho guồng máy chính trị đương thời vốn đã mục ruỗng càng thêm mục ruỗng. Khi mà cả đến chức tước và học vị cũng được đem ra mua bán thì lòng ưu thời mẫn thế, trí tuệ và đạo đức... nghĩa là tất cả những gì tốt đẹp, đều phải ngậm ngùi đội nón ra đi.

Với sự kiện thứ hai, Trịnh Giang đã chà đạp lên luân thường của thời minh, rẻ rúng hết thầy văn thần và võ tướng. Các quan đều cho việc làm này của Trịnh Giang là đáng hổ thẹn nhưng không ai dám nói gì. Bảo họ chí khí kém cỏi, không có nổi chút khảng khái của đáng đại trượng phu cũng được, mà bảo là Trịnh Giang

tàn bạo không cho phép ai được trái ý mình cũng được. Khi mà xã hội muốn hiểu sao thì hiểu, khỏi bàn cũng đủ rõ, chính sự rối bời đến mức nào.

Với sự kiện thứ ba, Trịnh Giang đã tự cho thấy, rằng không có chuyện gì hẳn không làm. Trên thì thiên triều và vua, dưới thì bá quan văn võ và thần dân... tất tất đều bị coi thường và bị lừa dối. Các tác giả sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, đã phê rằng : "Muốn làm gì chẳng được, không cướp ngôi vua thì thôi, hà cớ gì phải dối trá. Đồ điên cuồng, thật đáng chê cười lắm thay".

Ba sự kiện, một sự tình : tang thương đang len lỏi khắp mọi ngõ ngách của đời sống chính trị nước nhà thời trị vì của chúa Trịnh Giang !

25 - CUỘC CHÍNH BIẾN NĂM CANH THÂN

Năm Canh Thân (1740), một cuộc chính biến đã xảy ra tại kinh thành Thăng Long. Bấy giờ, quyền lực của nhà vua đã mất từ lâu, song, quyền lực của nhà chúa cũng có nguy cơ bị tiếm đoạt. Bởi mắc chứng bệnh kinh quý, chúa Trịnh Giang chỉ giam mình trong cung Thượng Trì. Em của Trịnh Giang là Trịnh Doanh, tuy mang danh là đã được Trịnh Giang giao chức điều hành công việc của phủ chúa, nhưng hoạn quan Hoàng Công Phụ lại ra sức tìm cách ngăn cản, khiến cho Trịnh Doanh không sao xoay sở được. Đó là nguyên do sâu xa dẫn đến cuộc chính biến năm Canh Thân. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 38, từ tờ 17 đến tờ 20) chép như sau :

"(Trịnh) Doanh là người sáng suốt, tài kiêm văn võ, lại có chí quả quyết. Từ khi được mở phủ Lượng Quốc, tạm nắm giữ quyền bính, lòng người đã hướng về (Trịnh) Doanh, nhưng hoạn quan Hoàng Công Phụ lại không ưa, thường kiếm cách xén bớt quyền, khiến cho (Trịnh) Doanh không thể tự mình quyết đoán được.

Trịnh Thái phi là bà Vũ Thị (vợ của Trịnh Cương, mẹ của Trịnh Giang và Trịnh Doanh - ND) thấy vậy, bèn cho triệu bọn Bồi tụng là Nguyễn Quý Cảnh, lúc ấy đang kiêm giữ chức Hữu Tư giảng, vào phủ chúa, khuyên Nguyễn Quý Cảnh hãy nói với Trịnh

Doanh mau đứng ra thay Trịnh Giang để kịp trừ hoạn nạn trong cung và trong phủ chúa. Lúc ấy, Nguyễn Quý Cảnh đang chịu trọng tang ở nhà, nhân đó, ngầm ghi tên để huy động hương binh các xứ, chia thành đội ngũ, rồi tìm lúc nhàn rỗi mà nói với (Trịnh) Doanh, nhưng (Trịnh) Doanh vừa khóc lóc vừa gạt đi. (Nguyễn) Quý Cảnh bèn đem việc này nói với quan Bồi tụng là Nguyễn Công Thái cùng bọn thân thần là Trịnh Đạc, Vũ Tất Thận, Nguyễn Đình Hoàn. Tất cả đều tán thành.

Trước đó, Nguyễn Tuyền đã vùng vẫy ở mặt Đông Nam (ý chỉ cuộc khởi nghĩa nông dân do Nguyễn Tuyền lãnh đạo – ND), tin nguy cấp cứ liên tục báo về. Bè đảng của Hoàng Công Phụ là Thực Quận công (chưa rõ họ tên), trước đó đã đem quân đi tiêu trừ nhưng không sao thắng nổi. (Hoàng) Công Phụ nghĩ rằng, Nguyễn Tuyền trước kia đã từng ở trong nhà hấn, cho nên, hấn muốn tự mình thân hành đi phủ dụ, mong dẹp được Nguyễn Tuyền để lập công to với triều đình, và rồi nhân có công to sẽ dễ bề ức hiếp các quan hơn. Tương kế tựu kế, (Nguyễn) Quý Cảnh cố sức khuyên (Hoàng) Công Phụ nên chóng ra đi. (Hoàng) Công Phụ bèn đem hết quân bản bộ của mình qua sông. Kinh thành Thăng Long lúc ấy gần như trống rỗng (không có lực lượng lo việc gìn giữ).

Bọn (Nguyễn) Quý Cảnh dùng hương binh sung vào việc bảo vệ kinh thành, rồi bàn nhau lấy ngày khai bảo (ngày cất bỏ ấn tín vào hòm, niêm phong lại để nghỉ tết Nguyên đán. Ngày này thường là vào cuối tháng chạp hàng năm – ND) làm ngày họp trăm quan, quyết phò (Trịnh) Doanh lên ngôi chúa, nắm giữ lấy chính quyền của nước nhà. Nhưng, (Trịnh) Doanh nhún nhường không dám nhận. Bọn (Nguyễn) Quý Cảnh sợ rằng để muộn sẽ sinh biến, bèn đem việc này tâu lên Nhà vua. Nhà vua sai người đến dụ bảo hai ba lần, bấy giờ, Trịnh Doanh mới không từ chối nữa.

Chiều hôm ấy, bọn (Nguyễn) Quý Cảnh, (Nguyễn) Công Thái và Trương Khuông vào chầu Vua, nhưng lại chưa đến ngày làm lễ mở bảo tì (tức là ngày mở hòm, lấy ấn tín ra làm việc – ND), cho nên, bọn (Nguyễn) Quý Cảnh bèn mật bàn với Tào Thái Hầu (chưa rõ họ tên) là người đang giữ chức Tư lễ giám, rằng sáng sớm hôm

sau sẽ xin chỉ dụ của Nhà vua để vào lấy bảo tử (ấn báu của vua - ND), in vào tờ sắc văn.

Sáng sớm hôm sau, (Trịnh) Doanh vào phủ đường, có (Nguyễn) Quý Cảnh và Trương Khuông theo hộ vệ. Bấy giờ tướng sĩ cùng thân quân các vệ Tứ Nghiêm và Tứ Kính đều cầm gươm hoặc ôm súng. Một lúc sau, Tào Thái Hâu đưa sắc văn và chỉ dụ (của Nhà vua) đến. (Nguyễn) Công Thái xướng lên rằng :

- Có sắc mạng !

(Trịnh) Doanh quỳ xuống tiếp nhận. Bấy giờ, có tên hoạn quan là Phan Lại Hâu (chưa rõ họ tên) đứng bên cạnh, tức giận trách móc, liền bị Trương Khuông bắt tổng giam vào ngục.

(Nguyễn) Công Thái lại khuyên, nhưng Trịnh Doanh cứ chân cứng đá cứng. Trương Khuông và (Nguyễn) Đình Hoàn liền phò Trịnh Doanh lên bảo tọa (chỗ ngồi dành riêng cho chúa - ND). Bọn (Nguyễn) Quý Cảnh đứng hầu hai bên. Quan Nội giám là Giáp Nguyễn Khoa liền lên lầu, nổi trống để tuyên triệu trăm quan. Lúc ấy, các hoạn quan ở cung Thượng Tri (nơi Trịnh Giang đang ở - ND) nghe có biến động, liền đem quân đến, nhưng bọn này đều bị hương binh của (Nguyễn) Quý Cảnh đánh bại và giết hết. Trăm quan cùng nhau đến lạy mừng (Trịnh Doanh).

Trịnh Doanh lên ngôi chúa, tôn (Trịnh) Giang làm Thái Thượng Vương, đồng thời, sai quan Bồi tụng tuyên bố lời dụ của mình ở phủ đường".

...(Triều đình) luận công giúp rập (Trịnh Doanh) như sau :

- Ban cho Vũ Tất Thận hai chữ *công thần* làm hiệu, lại cho phép được dùng vàng để trang sức vào đai lưng, tương tự như đai của các bậc vương thân.

- Phong cho bọn Nguyễn Công Thái, Nguyễn Quý Cảnh làm công thần suy trung và Công thần dục vận (hai hạng cao nhất trong số hai mươi bốn hạng cao của Công thần - ND).

- Những người còn lại được thăng thưởng cao thấp khác nhau.

Sau đó (Trịnh Doanh) hạ lệnh cho Nguyễn Đình Hoàn đem quân đến cung Thường Tri, bắt giết hết đồ đảng của Hoàng Công Phụ. Khi ấy, (Hoàng) Công Phụ còn đóng quân ở Văn Giang (Hưng Yên – ND), được tin này, lo sợ quá, bèn cùng hơn mười tay chân thân tín bỏ trốn. Thục Quận công ở Thanh Lâm (ngoại thành Hà Nội – ND) cũng bỏ trốn theo. Cung cấm nhờ vậy mà được yên tĩnh.

Thời ấy, Trịnh Giang hoang dâm vô độ, làm việc càn quấy, bọn hoạn quan thì chuyên quyền, chính sự rối loạn, khiến cho trộm cướp nổi lên khắp nơi, thiên hạ lo sợ, cứ ngỡ rằng tai họa có thể xảy ra bất cứ lúc nào, vậy mà bọn (Nguyễn) Quý Cảnh, bên trong thì nhờ có bà Vũ Thị, trên thì giả thác sắc mệnh của vua Lê, phò Trịnh Doanh lên nắm lấy chính quyền, xoay sở xếp đặt trong phút chốc, khiến cho lòng người được yên (thật đáng khen lắm).

Khi mọi việc đã đâu vào đấy, Trịnh Doanh hạ lệnh cho (Nguyễn) Quý Cảnh vào túc trực trong phủ đường để (cùng Trịnh Doanh) sớm tối sắp đặt công việc. Lúc ấy, mỗi loạn được cởi, thư nhân lại đến, (Nguyễn) Quý Cảnh thật là người có công".

Lời bàn: Sử cũ nói Trịnh Doanh là người sáng suốt, tài kiêm văn võ, lại có chí quả quyết... nhưng ngẫm cho kĩ thì thấy không phải như vậy. Trước đó, Trịnh Doanh đường đường là người có chức, nhưng lại không có quyền, mà không quyền chẳng qua cũng chỉ bởi hoạn quan Hoàng Công Phụ lấn át, thế thì Trịnh Doanh bất quá cũng như chỗ Hoàng Công Phụ cất bỏ đi đó thôi. Các bậc đại thần đương thời hợp mưu quyết chí đưa Trịnh Doanh lên ngôi chúa thay cho Trịnh Giang, kể cũng như đổi nỗi khổ này lấy nỗi bất hạnh khác, về vãng gì cho cam !

Hoạn quan Hoàng Công Phụ tính sai nước cờ, để đến nỗi phải hốt hoảng bỏ trốn. Mới hay, hại người cho lắm rồi thế nào cũng có lúc bị người hại, có ai thoát được lưới trời đâu.

Sử cũ cũng nói rằng, lúc ấy, mỗi loạn được cởi, thư nhân lại đến, Nguyễn Quý Cảnh thật là người có công... nhưng, lại một lần nữa, nếu ngẫm cho kĩ thì thấy không phải như vậy. Những người bị hoạn quan Hoàng Công Phụ chèn ép thì có thể thở phào nhẹ nhõm, nhưng, những ai nặng lòng ưu thời mẫn thế thì vẫn tiếp tục đau nỗi đau chính sự rối bời.

Trịnh Giang lúc đầu thích ở dưới đất, còn đến đây thì buộc phải ở dưới đất, cung Thường Tri nào có khác gì nơi giam lỏng đâu. Hậu sinh cảm cảnh, bèn khoanh tay rồi nhếch mép mà rằng : Thương hại thay !

26 - TÙ NHÂN LÊ DUY ĐIỀU ĐƯỢC ...TÔN LÊN NGÔI VUA !

Chỉ mấy tháng sau khi được tôn lên ngôi chúa, Trịnh Doanh đã kiếm cách bắt vua Lê Ý Tông (1735 - 1740) phải từ bỏ ngai vàng. Người được chọn làm vua thay cho Lê Ý Tông là Lê Duy Diêu, lúc ấy đang là ... tù nhân !

Lê Duy Diêu là con trưởng của vua Lê Thuần Tông (1732 - 1735), là cháu gọi vua Lê Ý Tông bằng chú ruột. Thời chúa Trịnh Giang, do có chú ruột là Lê Duy Mật tổ chức khởi nghĩa chống họ Trịnh, cho nên, Lê Duy Diêu bị nghi ngờ rồi bị cầm tù. Khi được tôn lên ngôi chúa, để ra oai với thiên hạ, Trịnh Doanh liền đưa Lê Duy Diêu lên ngôi, đó là Lê Hiến Tông (1740 - 1786). Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 38, tờ 32) chép về sự kiện này như sau :

"(Lê) Duy Diêu là con trưởng của Thuần Tông và là cháu của vua (Lê Ý Tông - ND), râu rồng, mắt phượng. Là con trưởng (của vua Thuần Tông), lẽ ra, Lê Duy Diêu đã được lập làm vua từ trước. nhưng vì (Lê Duy Diêu) có chú ruột là (Lê) Duy Mật khởi binh (chống họ Trịnh) cho nên bị Trịnh Giang truất quyền kế vị và bị giam cầm đã lâu.

Khi lên ngôi chúa, Trịnh Doanh mật sai người đưa (Lê) Duy Diêu đến ở nhà Bính Quận công Vũ Tất Thận, nhưng (Vũ) Tất Thận lại không biết trước việc này. Một đêm (Vũ Tất Thận) nằm mơ thấy một người ra dáng kẻ cả vào nhà, có cờ quạt và nhã nhạc, nghi tượng y như một vị thiên tử thời thái bình. Thế rồi đến sáng hôm sau thì thấy (Lê) Duy Diêu đến. (Vũ) Tất Thận bèn đem việc này nói với (Trịnh) Doanh. (Trịnh) Doanh cũng muốn cậy nhờ phúc đức của (Lê) Duy Diêu, nên nhân đó, bàn với các đại thần tôn (Lê Duy Diêu) lên ngôi vua, và xin Nhà vua (là Lê Ý Tông) hãy nhường ngôi cho (Lê) Duy Diêu. Chiếu truyền ngôi của Lê Ý Tông có đoạn :

- Những nghĩ bọn ngu muội và gian ngoan vẫn còn quấy rối khắp nơi, nay muốn cho kinh kì được yên, bốn biển được tĩnh, bèn theo lẽ chính đáng mà suy tôn người đích trưởng, trước là để tỏ sự kính trọng tông thống, sau là để thuận theo lòng dân.

Tờ chiếu ban ra, ai ai cũng vui vẻ.

Sau khi nhường ngôi, Thượng hoàng ra ở điện Kiền Thọ, số (thuế) do các xã dân cung phụng, chuẩn cho được lấy một phần ba so với phần được hưởng khi còn làm vua".

Lời bàn : Sử cũ tả Lê Duy Diêu (tức vua Lê Hiến Tông sau này) có râu rồng mắt phượng, kể cũng lạ đời. Lê Duy Diêu sinh năm 1717, lên ngôi lúc mới hai mươi ba tuổi mà đã có râu rồng, ắt là bởi kiếp tù đầy đã làm cho Nhà vua già trước tuổi đó thôi. Còn như mắt phượng là cặp mắt nhân từ pha lẫn chút ngơ ngác, có lẽ cũng là quà tặng tự nhiên của cuộc đời ba chìm bảy nổi. Không thấy sử tả gì về tâm can và trí tuệ của Nhà vua như từng tả đối với bao vị vua khác. Hay là bởi những thứ đó, có cũng như không !

Đưa tù nhân Lê Duy Diêu lên ngôi, hẳn là Trịnh Doanh muốn nói, ta coi ngài vua chẳng khác một mảnh đất trống, cho ai ngồi vào là kẻ ấy được ngôi. *Lời cần án* của các tác giả sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* về sự kiện này, quả là rất xác đáng :

"Triều Lê, từ khi họ Trịnh làm việc bạo nghịch là giết vua, tính đến đây đã được sáu đời. Tất cả đều cùng một duộc, bắt chước thói xấu của nhau, lần lượt hết mọi quyền binh của nhà vua. Lấy nghĩa lớn của *Kinh Xuân Thu* mà xét, tất nhiên, bọn chúng phải chịu tội búa rìu. Trịnh Doanh muốn nương nhờ phúc đức của vua Lê Hiến Tông, đã biết tôn lập, thế mà lại còn tác oai tác quái, tự nắm lấy hết quyền binh trong nước. Truyền thêm một đời nữa, đến con hắn là Trịnh Sâm cũng bắt chước theo, chuyên quyền áp bức vua Lê còn tẻ hơn nữa. Sấm ngữ có câu *Lê bại Trịnh vong* (nhà Lê mà mất thì họ Trịnh cũng mất theo). Sự thế thật vô phương cứu chữa. Vậy thì, những kẻ giả thác danh nghĩa, chẳng nên lấy đó làm gương để răn mình hay sao ?" (Quyển 38, tờ 33).

Chúa chuẩn lương cho vua đã là một sự lạ. Chúa chuẩn lương cho Thượng hoàng chỉ bằng một phần ba khi còn làm vua là hai sự lạ. Chuyện cười ra nước mắt là đây chăng ?

27 - NGUYỄN QUÝ CẢNH BỊ GIẾT HỤT

Thái tử lúc sắp được nối ngôi vua, được cho ra Đông Cung để tập xử việc, hoặc giả là Thế tử lúc sắp được nối ngôi chúa, được cho ra ở phủ đệ riêng để làm quen với quốc gia đại sự, thì đều được gọi chung là *Tiềm đế*. Các quan lo giúp việc cho Đông Cung Thái tử hay Thế tử, vì thế cũng được gọi là *quan Tiềm đế*. Theo cách gọi đó, Nguyễn Quý Cảnh vốn là quan *Tiềm đế* của Trịnh Doanh. Trước là quan *Tiềm đế*, sau lại là người có công phò tá, đưa Trịnh Doanh lên ngôi chúa ngay khi chúa Trịnh Giang còn sống, Nguyễn Quý Cảnh rất được Trịnh Doanh tin dùng. Từ năm 1740, Trịnh Doanh hạ lệnh cho Nguyễn Quý Cảnh vào túc trực trong phủ chúa để cùng với Trịnh Doanh ngày ngày xét đoán công việc. Sự sủng ái mà Nguyễn Quý Cảnh được hưởng, đương thời thật không ai sánh kịp.

Tuy nhiên, do quá say sưa vinh danh và ân thưởng của nhà chúa, Nguyễn Quý Cảnh cũng đã có lúc thiếu tỉnh táo, chỉ chút xiu nữa là bị kiêu binh giết chết. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 39, tờ 8) chép rằng :

"Là bề tôi của Trịnh Doanh hồi còn *Tiềm đế*, (Nguyễn) Quý Cảnh rất được Trịnh Doanh thân yêu và tin dùng. Bấy giờ, nhà nước có quá nhiều việc nguy cấp phải lo nên buộc phải dùng bọn ưu binh đi đánh dẹp luôn. Triều đình đã dùng quan tước để thưởng công cho họ, các chức từ Thập trưởng trở lên đều được ban cho sắc mệnh cả. Bọn ưu binh vì thế mà sinh ra kiêu ngạo. Bọn không được dự vào hàng có công đánh dẹp thì xin tính sổ xã (mà chúng được thu thuế làm bổng lộc) để làm căn cứ mà ban cho chức phẩm. (Nguyễn) Quý Cảnh lấy cơ là việc này trái với thể lệ chung nên bác bỏ lời xin của ưu binh. Chúng nổi giận, mắng chửi (Nguyễn) Quý Cảnh rằng :

- Như Hương cống (tức Cử nhân, học vị của Nguyễn Quý Cảnh) mà lên làm đến chức Thượng thư, thử hỏi là theo thể lệ nào ?

Nói rồi, chúng bèn kéo nhau đến phá nhà (Nguyễn) Quý Cảnh, lòng bắt để giết (Nguyễn) Quý Cảnh, nhưng (Nguyễn) Quý Cảnh đã chạy vội vào được trong phủ chúa và thoát nạn.

Trịnh Doanh giữ (Nguyễn) Quý Cảnh ở trong phủ chúa rồi ra lệnh tra xét, bắt giết bọn cầm đầu làm loạn, bọn còn lại thì buộc phải theo khuôn phép, cấm đoán rất nghiêm. Nhưng, bọn ưu binh kiêu ngạo, hung hãn đã thành thói quen, rốt cuộc vẫn không sao kiềm chế nổi".

Lời bàn : Ưu binh dám làm chuyện động trời, đã phá nát tư dinh lại còn lòng bắt để giết chết Nguyễn Quý Cảnh, tuy là không ai cổ vũ cho việc làm này, song bắt những người lính vô biên xử sự như một đảng đại trượng phu, ấy cũng là điều không thể vậy.

Ưu binh làm rối loạn kỉ cương và phép nước chẳng ? Hẳn nhiên là quả có vậy, nhưng trách cứ riêng họ mà làm sao được ? Lời họ nói thật là chí lí : như Nguyễn Quý Cảnh, chỉ có mỗi một mảnh bằng Cử nhân mà ngang nhiên leo lên đến hàng Thượng thư, quyền trên cả bao vị đại khoa lừng danh khác, thì những người lính như họ, nếu có xử việc sai với thể lệ, thì cũng có gì là lạ đâu.

Nguyễn Quý Cảnh bị giết hụt, thoát xem cứ tưởng bởi bàn tay ngang ngược của ưu binh, nhưng nhìn cho kĩ mới thấy trăm sự đều do chính sự rối bời của thời loạn. Mà cội rễ của sự rối bời này lại nằm ngay trong chính phủ chúa đó thôi.

28 - HOÀNG NGŨ PHÚC ĐÃ BẮT ĐẦU LÀM TƯỚNG NHƯ THẾ NÀO ?

Hoàng Ngũ Phúc người xã Phụng Công, huyện Yên Dũng, nay thuộc Bắc Giang, sinh năm nào không rõ, chỉ biết khi mất (năm 1775), ông đã là một lão tướng.

Hoàng Ngũ Phúc xuất thân là hoạn quan, từng được phong tới chức Tả Thiếu giám. Từ tháng hai năm Quý Hợi (1743), ông được chúa Trịnh Doanh (1740 - 1767) cử làm tướng. Đời võ nghiệp của Hoàng Ngũ Phúc bắt đầu kể từ đó. Sách *Khâm định Việt sử*

thông giám cương mục (Chính biên, quyển 39, tờ 28 và 29) chép về sự kiện này như sau :

"(Hoàng) Ngũ Phúc là người giàu mưu kế nhưng lại xuất thân từ hoạn quan. Trước đó, hắn là Tả Thiếu giám, được sung chức Nội sai ở Hình Phiên. Bấy giờ, vì thấy triều đình luôn phải điều quân đi đánh dẹp, (Hoàng Ngũ Phúc) bèn dâng (Chúa) mười hai điều về binh pháp, được chúa Trịnh Doanh cho đem áp dụng, nhân đấy, (Chúa) cho thống lĩnh kì binh đạo Hải Dương, cùng với quan Thống tướng Chánh đạo là Hoàng Công Kỳ, cùng đi tiêu trừ Nguyễn Hữu Cầu ở Đồ Sơn.

Khi mới nghe mệnh Chúa, (Hoàng) Ngũ Phúc rất lấy làm lo lắng, vì chưa từng tham gia chiến trận bao giờ. (Thấy vậy), có người khách khuyên rằng :

– Hãy mau vay nhà nước một vạn quan tiền để mộ lấy những bậc tráng sĩ mà dùng.

(Hoàng) Ngũ Phúc nói :

– Bấy giờ mà vay tiền công, ngày sau ắt phải trả, hỏi lấy tiền đâu mà trả được ?

Người khách nói :

– Tục ngữ có câu *Tướng vô tài, sĩ bất lợi* (nghĩa là người làm tướng mà không chút của cải thì dũng sĩ chẳng tìm đến bao giờ). Nếu như ông thật lòng muốn theo mưu kế của tôi thì tráng sĩ sẽ hết sức báo đáp cho ông, quyết đánh tan kẻ địch, từ đấy ắt sẽ sang giàu, ngại gì món nợ một vạn quan ? Còn nếu như lỡ mà gặp sự chẳng lành thì ai mà nỡ trách cứ món nợ này nữa ?

(Hoàng) Ngũ Phúc cho là phải, bèn theo lời, do đấy về sau, (Hoàng) Ngũ Phúc cậy nhờ sĩ tốt, lập được công to, trở thành viên tướng lừng danh một thời".

Lời bàn : Thời ấy, bao kẻ được đào tạo một cách bài bản, nhưng, bất tài vẫn hoàn bất tài, cho nên, nặng lời trách cứ chư vị tướng quân đương thời cũng được mà than cho việc đào tạo bấy giờ hủ lậu quá mức cũng được.

Tất nhiên, đặt trong bối cảnh đó, hoạn quan Hoàng Ngũ Phúc thực sự là người có tài, chỉ ít là cũng đủ để dạy thêm cho các bậc Tào sĩ (tức Tiến sĩ hàng võ), cái mà họ tưởng là họ đã nhất thiên hạ. *Mười hai điều binh pháp của hoạn quan Hoàng Ngũ Phúc, kể cũng đủ dùng cho tướng sĩ thời chúa Trịnh Doanh.* Thương hại thay!

Khách của Hoàng Ngũ Phúc kể cũng là người tài. Hắn nhanh trí nghĩ ngay ra trò mượn danh nghĩa của tướng quân họ Hoàng để vay của công mà chiêu mộ tráng sĩ, đó là một lần tài. Chỉ cho tướng quân họ Hoàng cách dùng quyền chức để mở lối vào chốn vinh thân phì gia, lấy của nhà dân mà trả cho nhà nước, đó là hai lần tài. Cuối cùng, hắn cả gan chỉ cho tướng quân họ Hoàng biết rằng, giữa thời loạn lạc, nếu có mệnh hệ nào thì cũng chẳng ai nổi đảo mỗ của tướng quân lên mà đòi nợ. Đó là ba lần tài. Có điều, xin tào hóa chó làm trò trêu, đừng sinh ra những người tài đại loại như thế nữa để sinh linh con đỏ còn được yên phận mà làm ăn.

29 - NGÔI VƯƠNG ĐẦU TIÊN CỦA XỨ ĐÀNG TRONG

Sách Đại Nam thực lục (Tiền biên, quyển 10) chép rằng :

"Giáp Tí, năm thứ sáu (tức năm 1744 – ND), mùa hạ, tháng tư. Bấy giờ, nhân thấy có cây sung nở hoa, ai cũng cho là điềm tốt, cho nên, bọn bề tôi là Nguyễn Đăng Thịnh dâng tờ biểu, xin Chúa lên ngôi vương. Tờ biểu ấy, đại lược nói rằng : Buổi đầu đổi mới, trước phải cần chính danh; Tích đức đã trăm năm, tất phải sửa lễ nhạc; Ôi, nghiệp bá vững bền, phía đông nam cờ vàng xuất hiện; Ngôi vương xa thấy, Bắc phương kia ấn ngọc hiện rồi. Nay, bọn bề tôi xin sắp hàng mà tâu rõ : Các vì sao đã châu về Tử Vi, mặt trời đã đi vào Hoàng Đạo. Xưa, chỉ bảy mươi dặm mà (nhà Thương) cũng dựng nên nền huyền diệu, giờ đây, lễ đầu đã có những ba ngàn dặm dư đồ mà vẫn cam giữ phận hàn khê ?

Chúa nhún nhường không chịu nhận. Bọn bề tôi phải nài xin đến hai ba lần, Chúa mới nghe theo. Ngày Canh Tuất (tức ngày 13 tháng 4 năm 1744 – ND) đúc xong ấn *Quốc Vương*. Trước kia, khi cần bổ dụng quan lại, Chúa chỉ dùng hai chữ *Thị phó*, phía

dưới đóng dấu kiểm, ghi bốn chữ *Thái phó Quốc công* và dùng ấn *Tổng trấn Tướng quân* để đóng.

Ngày Kỷ Mùi (tức ngày 12 tháng 4 năm 1744 - ND), Chúa lên ngôi vương ở phủ Phú Xuân, xuống chiếu đại xá toàn cõi".

Sách trên cũng chép lại tờ chiếu đại xá lúc lên ngôi vương của chúa Nguyễn Phúc Khoát. Sau khi dẫn đủ điển xưa tích cũ, phần kết của tờ chiếu có đoạn như sau :

"Thăm nghĩ, nước chưa thống nhất, giặc dã chưa dẹp xong, ta vẫn gắng noi gương tiên thế. Chẳng ngờ, người người đồng tâm, thần lại báo điềm tốt, tất cả ân cần thúc giục ta xưng vương. Vừa rồi, trên dưới đều tin, thứ lớp rành mạch. Như theo hào bốn quẻ Kiền thì thấy rõ tượng rồng nhưng còn khiêm tốn chờ thời đó thôi; Như theo hào ba quẻ Khôn thì thấy ngay hình ngựa tốt đi nhanh, nên ai cũng một lòng giúp rập. Mặc dầu đã thoái thác đến ba bốn lần, vẫn khó ngăn được nguyện vọng của thần dân, nên ta buộc phải thuận theo ý chúng. Cho nên, ngày 12 tháng 4 năm nay (tức năm 1744 - ND), ta lên ngôi vương, đại xá thiên hạ, cốt làm sáng thêm đức lớn của tám đời (chỉ tám đời chúa Nguyễn trước Nguyễn Phúc Khoát - ND), để tỏ lòng thương dân khắp cõi. Mong sao thần dân, ai ai cũng được thấm nhuần mĩ hóa".

Từ đó trở đi, chúa Nguyễn Phúc Khoát quy định : tất cả văn thư dâng lên chúa đều phải dùng chữ *tấu*, văn kiện đối nội thì vẫn dùng niên hiệu của vua Lê, nhưng tất cả công văn trao đổi với các nước bị xứ Đàng Trong coi là phiên thuộc, chúa Nguyễn xưng là Thiên Vương.

Lời bàn : Trước đó, nước đã có vua Lê lại còn có thêm chúa Trịnh, thế là một lần thừa. Thế cuộc đẩy đưa, nước lại có thêm chúa Nguyễn nữa, vậy là hai lần thừa. Trong mọi sự thừa, không có gì đáng sợ bằng việc thừa... chúa. Ôi, tạo hóa trở trêu, giá đáng cao xanh có con mắt tò tường, ban phép lạ cho dân tình đói khổ thời ấy, có thừa... vài củ khoai có phải hơn không ?

Đã ở ngôi chúa rồi thì xưng gì cũng vậy mà thôi. Chúa Nguyễn không muốn kém chúa Trịnh về phẩm tước, đó là sự thương. Cũng có người nói rằng, chúa Nguyễn xưng vương là có ý chia cắt đất nước một cách lâu dài. Lời ấy, quả là có

khien cưỡng. Bấy giờ, đã có ai đáng mặt đại diện cho ý chí thống nhất đâu ? Và chẳng, phê phán chúa Nguyễn mà bỏ qua những hành vi tương tự của vua Lê và của cả chúa Trịnh là điều không công bằng.

Đọc tờ chiếu đại xá của Nguyễn Phúc Khoát mà thương thay cho thân phận dân đen thuở nào. Các đấng chần dån sao mà khôn ngoan quá thế, khi cần che lấp hành vi đáng chê cười của mình, họ chỉ cần nói : đó là ý dân !

30 - BUỒN THAY, TỔNG BINH ĐẶNG ĐÌNH QUỲNH !

Trong vô số những cuộc khởi nghĩa nông dân của thế kỉ thứ XVIII, có cuộc khởi nghĩa khá lớn ở Hà Tây do thủ lĩnh Tương lãnh đạo, rất tiếc là hiện vẫn chưa rõ họ của thủ lĩnh Tương. Năm Giáp Tí (1744), chúa Trịnh Doanh quyết chí đàn áp cho bằng được lực lượng của thủ lĩnh Tương. Công việc khó khăn này được giao cho con rể của Trịnh Doanh là quan Tổng binh Đặng Đình Quỳnh và quan Hiệu thư là Phạm Gia Ninh (đỗ Tiến sĩ khoa Tân Hợi, 1731 - ND). Mùa đông năm 1744, đại quân của triều đình do Đặng Đình Quỳnh và Phạm Gia Ninh chỉ huy đã ồ ạt tiến về đất Hà Tây. Và tại đây, thiên hạ đã được chứng kiến một tấn bi hài kịch hiếm có trên đời. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 40, tờ 7 và 8) viết :

"Từ lâu, tên Tương đã chiếm được xã Vinh Đông, huyện Mỹ Lương (Hà Tây - ND) và thường cho quân ẩn hiện ở giữa vùng tiếp giáp của hai huyện Yên Sơn - Thạch Thất (Hà Tây - ND), nhưng triều đình chưa để ý đến. Tới đây, chúa Trịnh Doanh sai quan Tổng binh Đồng tri là Đặng Đình Quỳnh giữ chức Thống lĩnh, sai quan Hiệu thư là Phạm Gia Ninh giữ chức Tán lí, cùng đem quân đi đánh. (Đặng) Đình Quỳnh vốn chỉ là kẻ ăn trắng mặc trơn, chẳng biết cơ mưu gì của con nhà tướng, nhưng vì lấy Quận chúa mà bỗng được giàu sang. Khi phụng mạng đem quân đi đánh giặc, (Đặng Đình) Quỳnh dắt cả Quận chúa và tì thiếp đi

theo. Hấn đóng quân ở xã Sơn Lộ, huyện Yên Sơn (Hà Tây - ND), dùng chợ làm đồn, không hề sắp đặt điểm canh phòng bị gì cả. (Phạm) Gia Ninh cũng vào trú đóng trong nhà dân. Khi nghe tin giặc kéo đến ở Tiên Lữ (tên xã, cũng thuộc Hà Tây - ND), (Phạm) Gia Ninh vội kéo đến chỗ của (Đặng) Đình Quỳnh, thì... Quỳnh đã đem Quận chúa và tì thiếp chạy trốn từ trước rồi. Giặc ập đến bao vây, (Phạm) Gia Ninh bị bắt và bị giết. Trịnh Doanh liền sai quan Đại Tư đồ là Doãn Trung Công Trịnh Đạc làm Thống lĩnh để đi đánh, (thủ lĩnh) Tương liền bỏ trốn.

Về việc này, vì (Đặng) Đình Quỳnh là chồng của Quận chúa, nên khi luận tội, triều đình chỉ bãi chức của (Đặng Đình Quỳnh) mà thôi. Binh sĩ và tướng tá thấy vậy, không ai là không bực".

Lời bàn : Chỗ này, sử cũ riêng trách Đặng Đình Quỳnh, e là chưa phải. Con rể của Chúa đương quyền, ăn trắng mặc trơn là rất hợp lẽ, nếu không vậy thì lấy gì mà phân biệt ? Và nữa, xem ra chức vị tướng quân của chúa Trịnh Doanh, nào đã mấy ai có chút cơ mưu mà đòi Đặng Đình Quỳnh phải có cơ mưu ? Bắt con mèo đi cà, âu cũng là điều chẳng nên vì thực tình là chẳng thể vậy.

Xin chờ trách chúa Trịnh Doanh và triều đình đương thời. Họ nương tay xử phạt Đặng Đình Quỳnh như thế là phải lắm. Con rể của Chúa thì phải khác con rể của thiên hạ. Phép nước đặt ra có phải để trừng trị những người đại loại như Đặng Đình Quỳnh đâu ?

Nhưng dầu sao thì Đặng Đình Quỳnh cũng đã bị phạt. Thấy kẻ ăn trắng mặc trơn cùng bỏ đàn thê thiếp lủi thủi đi trong sử cũ, kẻ hậu học này cũng không khỏi động lòng trắc ẩn, xoa dầu nóng cho cay cay ở mũi, rồi thốt lên rằng : Buồn thay, Tổng binh Đặng Đình Quỳnh !

31 - NGUYỄN PHÚC KHOÁT VỚI NHỮNG CHẾ ĐỊNH KHÁC THƯỜNG

Ngay sau khi lên ngôi vương (vào ngày 12 tháng 4 năm 1744), chúa Nguyễn Phúc Khoát (tức Võ Vương) đã ban hành một loạt những chế định mới, mà hầu hết đều thuộc loại khác thường. Xin trích dẫn một đoạn trong sách *Đại Nam thực lục* (Tiền biên, quyển 10) để làm minh chứng :

"(Chúa sai) dựng tôn miếu và phong những người họ gần làm Quận công. Con trai của Chúa vẫn xưng là Công tử, riêng con trai trưởng thì gọi là Thái công tử, các con thứ, cứ theo thứ tự mà xưng. Lại vì (Chúa) sinh con khó nuôi, cho nên, con trai thì gọi là con gái còn con gái thì gọi là con trai.

(Chúa) đổi gọi Thân Quân là Vũ Lâm Quân, đổi Kí Lục làm Lại bộ, Nha Úy làm Lễ bộ, Đô Tri làm Hình bộ, Cai Bạ Phó Đoán Sự làm Hộ bộ, ngoài ra còn đặt thêm bộ Binh và bộ Công, đổi Văn Chức làm Hàn Lâm Viện.

Chúa dựa vào lời sấm : "Tám đời trở lại kinh đô", bèn sai đổi y phục, thay phong tục, cùng dần đổi mới. (Chúa) cũng châm chước chế độ các thời, định ra triều phục cho các quan văn võ. Văn từ chức ở các bộ đến Chiêm hậu và Huấn đạo, Võ từ chức Chuông dinh đến Cai đội, đều cho đội mũ có nạm vàng, bạc, áo thì dùng măng bào hoặc gấm, đoạn, theo cấp bậc có khác nhau. Thế là văn vật một phen đổi mới.

Cũng từ đó, (Chúa) sai gọi Chính Dinh là Đô Thành".

Lời bàn : Nguyễn Phúc Khoát xưng vương, nghĩa là muốn hùng cứ một phương, vai vế chẳng kém gì họ Trịnh, thậm chí, còn muốn hơn cả họ Trịnh, vì Nguyễn Phúc Khoát còn công khai xưng là Thiên Vương với các phiên thuộc của mình. Nhưng, cái chí của người ít chữ vẫn thường khác với cái chí của người nhiều chữ (hoặc ở nơi lắm người nhiều chữ). Con trai trưởng của chúa Trịnh thường được phong làm Thế tử, mà Thế tử thì hơn hẳn Thái công tử một bậc. Lẽ dẫu, chúa Nguyễn lại hẹp hòi với cả con của mình ?

Sợ khó nuôi mà cho trai giả gái vẫn là tục của cổ nhân. Nhưng tục ấy chỉ dừng lại ở trang phục và tóc tai bề ngoài của tuổi vị thành niên, có đâu lại kéo dài suốt cả một kiếp ? Thời thi hay dở mặc dầu, chế định khác thường này cũng để lại chữ *mệ* ngộ nghĩnh cho quý tộc họ Nguyễn, ngày nay, rải rác đây đó vẫn còn được dùng đầy thôi.

Chúa Nguyễn Phúc Khoát bắt dân thay đổi y phục và tập quán, đây cũng đáng coi là những chế định lạ. Từ đây, đàn bà phải mặc quần, không được mặc váy như xưa, chiếc áo tử thân quen thuộc cũng được thay bằng chiếc áo may tựa tựa như áo xắm. Hóa ra, đổi mới nghĩa là làm sao cho khác hẳn với Đàng Ngoài của chúa Trịnh, còn như kết quả, nếu có giống bản sao y phục của người Hoa thì cũng chẳng sao.

Hình như sử cũ có sự nhầm lẫn. Đúng ra phải viết rằng : Thế là văn vật phải một phen bị đổi mới, hú vía thay !

32 - ĐỀ THI CỦA TIẾN SĨ VŨ KHÂM LÂN

Vũ Khâm Lân, người xã Ngọc Lặc, huyện Tứ Kỳ (nay thuộc tỉnh Hải Dương), đỗ Tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1727). Dưới thời trị vì của vua Lê Hiển Tông và chúa Trịnh Doanh, Vũ Khâm Lân từng làm tới chức Hữu thị lang bộ Lại. Nói chung, ông là người có lòng với giang sơn và trăm họ, nhưng, thời ông là thời bế tắc, chẳng phải riêng ông mà hầu như tất cả các bậc khả kính lúc ấy cũng đành chịu khoanh tay làm ngơ.

Năm Bính Dần (1746), Vũ Khâm Lân đã ... thử nghiệm lần cuối. Lần này, nhân được cử làm giám khảo, ông muốn thử lòng thí sinh, tức là thử lòng bộ phận trẻ nhất của kẻ sĩ trong thiên hạ. Việc này đã được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 40, tờ 18 và 19) ghi lại như sau :

"Bấy giờ, quan lại không có lương bổng thường xuyên mà phải sống nhờ vào việc kiện tụng. Những việc đại loại như khám xét, bắt tội hay giam giữ, các quan dưới cũng như trên đều làm sai lẽ, xem ra, có đến hơn một nửa số giấy tờ trong triều đình và chính phủ là đơn từ kiện tụng, các quan có trách nhiệm về việc này hầu như không bao giờ được rỗi nên thường hay chán nản.

Đến đây, (triều đình) ban bố rõ cấm lệnh như sau : phạm những việc không cấp bách hoặc giả là không gây tổn hại gì cho ai thì không được tố cáo, kiện tụng lẫn nhau. Lệnh này chỉ cốt giảm bớt án kiện, nhưng thói tục đã quen, rốt cục cũng chẳng đổi thay được gì. Nhưng, cũng có chỗ thì ngược lại : như có vụ giết người hoặc là làm hại người, nếu kẻ trong cuộc vì sợ lệnh mà không tố cáo thì quan địa phương đâu có biết cũng chẳng bắt tội vào đâu được.

Quan Hữu thị lang bộ Lại là Vũ Khâm Lân, nhân được giao việc chấm thi, bèn ra đầu bài, hỏi học trò rằng :

- Ví thử như có người làm quan, thấy kẻ giết người giữa ban ngày, nhưng khổ chủ lại ham của dút lót mà im đi, không chịu tố giác, khiến cho quan phải lúng túng, vì lấy luật để xử hung thủ thì sai lệ, mà theo lệ để ngồi nhìn thì sai luật, muốn làm đúng cả luật lẫn lệ thì phải như thế nào ?

Đây là câu có ý chỉ trích chính sự đương thời bị uốn nắn sai lệch quá, nhưng rồi về sau, chính (Vũ) Khâm Lân được vào giữ công việc trong chính phủ (chỉ việc ông được trao chức Tham tụng - ND), cũng không thay đổi được gì cả".

Lời bàn : Một đoạn sử ngắn mà có đến ba sự lạ. Sự lạ thứ nhất là quan lại không có lương bổng thường xuyên, đành phải sống chủ yếu dựa vào kiện tụng, bắt họ thanh liêm hẳn là còn khó hơn việc khuyên mèo đừng bắt chuột. Ngẫm mà xem !

Sự lạ thứ hai là lệnh cấm của triều đình. Một khi các quan đã sống chủ yếu dựa vào kiện tụng, thì hẳn nhiên đơn từ kiện tụng phải nhiều, đây nói chiếm hơn một nửa giấy tờ của triều đình, thế thì có gì đáng gọi là nhiều quá. Như nói chỉ có các vụ trọng án mới được tố cáo để xét xử, thì chẳng lẽ bắt ... *các bậc cha mẹ của dân* phải chết đói hay sao. Và lại, trời sinh ra triều đình là để làm việc, nếu để các quan nhàn cư rồi sinh ra bất thiện, chẳng mấy chốc mà thành loạn thần tặc tử bất nhân, thủ hồi, lúc ấy lấy ai để mà xử ?

Sự lạ thứ ba là luật và lệ đối chọi nhau, như Mặt Trời với Mặt Trăng, như sao mai với sao hôm, như nước với lửa ... chẳng ai biết đằng nào mà lẫn. Tất nhiên, sự lạ này là thậm lạ, chí lạ, cực kì lạ ... nhưng lại rất dễ hiểu. Xưa nay, *xã hội kiện tụng* bao giờ cũng là xã hội rối ren đó thôi.

Hình như Tiến sĩ Vũ Khâm Lân vừa thông minh lại vừa ... rất ngây thơ. Ông đi tìm ánh trăng trong đêm trừ tịch, phỏng có được chăng ? Hỏi thí sinh câu mà chính giám khảo cũng không sao trả lời được, lạ thay !

33 - SỰ TÍCH ... SINH ĐỒ BA QUAN

Từ thế kỉ thứ XV trở đi, chế độ thi cử ở nước ta đã đạt tới trình độ chính quy và chặt chẽ. Bấy giờ, thí sinh (nếu giỏi) thì phải trải đủ hai khoa thi chính là thi Hương và thi Hội, cùng một khoa thi phụ là thi Đình (cũng gọi là thi Điện). Thực ra, còn có một khoa thi phụ nữa, nhưng khoa thi này ít được ai nhắc tới, bởi nó phụ đến mức ... rất phụ. Khoa này được tiến hành trước khi thí sinh dự thi Hương, và chỉ những ai vượt qua mới được dự thi Hương. Gọi nôm na thì đây là cuộc sơ tuyển, thường là do quan huyện hoặc quan phủ đảm trách. Từ thế kỉ XVII trở đi, khoa này được gọi là khoa Minh Kinh, đầu là trong lịch sử trước đó, nhà nước vẫn thỉnh thoảng tổ chức các khoa thi, cũng gọi là khoa Minh Kinh, có khác chăng thì chỉ là ở chỗ, Minh Kinh trước đó là khoa thi chính thức, được tổ chức theo yêu cầu nhất thời của triều đình, và đỗ được ở khoa này cũng khó khăn lắm.

Một khi chính sự đã thối nát thì sớm muộn thế nào trường thi cũng là nơi chen chúc của những kẻ bất tài và mua bán, hối lộ mà thôi. Tháng 11 năm Canh Ngọ (1750), triều đình vua Lê Hiển Tông và chúa Trịnh Doanh đã cho phép thí sinh nạp tiền để thay cho việc dự thi khoa thi phụ này, và gọi đó là tiền... thông kinh ! Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 41, tờ 2) chép rằng :

"Ở buổi đầu trung hưng, số tiền do Sinh đồ (tức Tú tài, những người này, nếu muốn đi thi tiếp, đều phải thi lại ở trường Hương - ND) nạp vào, đều phải chi dùng cho các Hiệu quan (quan trông coi về giáo dục - ND) của huyện. Từ năm Bảo Thái (niên hiệu của vua Lê Dụ Tông, dùng từ năm 1720 đến năm 1729 - ND), triều

đình bắt đầu thi hành việc đánh thuế điệu, mọi khoản đều phải trông vào công quỹ, cho nên, tiền Minh Kinh cũng phải nộp cho quan sở tại, có thế mới đủ chi dùng cho việc tổ chức trường thi. Đến đây, vì việc đánh dẹp diễn ra triền miên, chi phí không biết bao nhiêu mà kể, của kho không đủ để chu cấp, cho nên (triều đình) hạ lệnh rằng, hễ năm nào có khoa thi Hương thì cho phép mọi người được nộp ba quan tiền để thay cho việc khảo hạch (ở huyện), rồi cũng cho được đi dự thi, và gọi đó là tiền *Thông Kinh*. Lúc ấy, có lẽ vì tránh phạm vào hiệu Minh Vương của chúa Trịnh Doanh nên mới đổi hai chữ *Minh Kinh* ra *Thông Kinh* như vậy. Việc này là do lời bàn của Đỗ Thế Giai (người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, nay là ngoại thành Hà Nội, đỗ Hương cống, tức Cử nhân, nhưng làm quan được thăng đến chức Tham tụng - ND), vốn là cận thần của chúa Trịnh.

Bởi lệ này, từ kẻ làm ruộng đến người buôn bán, thậm chí cả bọn đồ tể cũng hằng hái nộp tiền đi thi. Ngày thi, học trò giầy xéo lên nhau, đến nỗi có kẻ phải chết. Trong trường thi, kẻ thì mang theo sách, kẻ thì mượn người làm bài, thả cửa mà tác oai tác quái, quan trường cũng là một lũ gian trá, trường thi chẳng khác gì chợ búa. Phép thi thối nát đến thế là cùng".

Lời bàn : Khoa thi Hương thuở xưa có bốn kì làm bài, đỗ kì nhất mới được vào thi kì hai, đỗ kì hai mới được vào thi kì ba và đỗ kì ba mới được vào thi kì bốn. Đỗ cả bốn kì thì gọi là Hương cống hay Cống sĩ (tức Cử nhân), chỉ đỗ được ba kì thì gọi là Sinh đồ (tức Tú tài). Bấy giờ, Đỗ Văn Giai đề nghị cho những người nộp tiền Thông Kinh được dự thi ba trong số bốn kì thi Hương. Điều này cũng có nghĩa là bọn người nhờ ba quan để được miễn khảo thí cấp huyện, chỉ đỗ đến cao nhất là Sinh đồ mà thôi. Tuy nhiên, không ai lại dại đột bỏ tiền ra để đi thi, nếu biết trước rằng, thi chưa chắc đã đậu, cho nên, rốt cuộc thi với ba quan tiền, bọn họ không phải chỉ được miễn một kì khảo thí ở huyện, mà còn được đi qua ba kì đầu của các khoa thi Hương một cách nhẹ nhàng. Sừ cũ nói rằng trường thi chẳng khác gì chợ búa, quả đúng lắm thay !

Dùng tiền để kiếm học vị, dùng học vị để kiếm chức và dùng chức để kiếm cách bòn rút thiên hạ, đó là con đường tất yếu của bọn có tiền mà thất đức. *Sinh đồ ba quan*, đó là bọn đã làm ô uế cả trường thi, làm dơ bẩn cả thanh danh bao

đời của kẻ sĩ, ấy là một lần đại nhục, *Sinh đồ ba quan* là bọn vênh váo với sự hữu danh vô thực, tưởng như ai mà chẳng thể như ai, đó là hai lần đại nhục. Phải hai lần đại nhục như vậy, còn mặt mũi nào mà đứng giữa cõi trời cao đất dày ?

Mới hay, đốt chưa phải là sự đáng lo, sự đáng lo đến mức đáng sợ là sự xuất hiện của bọn đốt nát nhưng lại có học vị hân hoi. Ngẫm cho kĩ mà xem !

34 - LỜI TÂM HUYẾT CỦA NGUYỄN CƯ TRINH

Nguyễn Cư Trinh (1716 - 1767) là một trong những văn thần xuất chúng của xứ Đàng Trong. Tiên tổ của Nguyễn Cư Trinh vốn người huyện Thiên Lộc (nay là huyện Can Lộc) tỉnh Hà Tĩnh, sau di cư vào đất Hương Trà (tỉnh Thừa Thiên - Huế). Dưới thời Nguyễn Phúc Khoát, ông thường được gọi là Nghi Biểu Hầu. Năm 1750, Nguyễn Cư Trinh giữ chức Tuần phủ của phủ Quảng Ngãi. Một năm sau khi nhận chức, Nguyễn Cư Trinh đã dâng thư lên Chúa. Bức thư đại lược nói về tình trạng khốn khó của dân, lời lẽ rất chân thành và thống thiết. Sách *Đại Nam thực lục* (Tiền biên, quyển 10) chép sự kiện này như sau :

"Mùa đông, tháng 10 (năm Tân Mùi, 1751 - ND), Nguyễn Cư Trinh có dâng một bức thư nói về tình trạng khốn đốn của dân gian. Ông cho rằng :

Dân là gốc của nước, gốc không vững, nước chẳng thể yên, cho nên nếu ngày thường không chăm dùng ân huệ để cố kết lòng người, thì đến khi hữu sự, biết nương tựa vào đâu ? Trộm nghĩ, thói tệ bạc chất chứa trong dân gian đã nhiều, nếu cứ thủ thường như cũ, không biết tùy thời thêm bớt và thiết lập kỉ cương, thì một ấp cũng khó giữ được, huống chi là cả một nước. Nay, có ba việc gây tệ hại cho dân là nuôi lính, nuôi voi và nộp tiền án kiện, chưa kể những sự nhiễu nhương khác không sao kể hết.

(Nguyễn Cư Trinh) còn nói thêm về bốn thói tệ khác :

- Một là : Chức quan đặt ra ở các phủ và các huyện là chức lo việc trị dân, thế mà gần đây không được giao trách nhiệm gì,

chỉ sai đi khám hỏi, kiện tụng. Vậy, xin từ nay trở đi, các thứ thuế, hết thấy đều giao cho quan Tri huyện biên thu rồi chuyển nộp cho quan ở Quảng Nam, cốt để tránh phiền nhiễu cho dân.

- *Hai là* : Xưa nay, các quan ở phủ và huyện chỉ trông cậy vào sự tra hỏi, bắt bớ mà kiếm lộc. Nay, xin định lệ cấp bổng lộc thường xuyên cho họ, đồng thời, căn cứ vào sự thanh liêm hay tham lam, sự siêng năng hay lười biếng của họ để tiến hành thăng giáng hoặc truất bỏ quan chức.

- *Ba là* : Dân lậu có hai hạng. Một hạng trốn thuế mà đi lang thang, một hạng vì quá cơ hàn mà phải phiêu bạt. Nay, nếu không chia đẳng hạng, hết thấy đều bắt ghi tên vào sổ để thu thuế, thì tất nhiên chúng sẽ sợ hãi rồi chạy trốn vào chốn rừng rú, xã dân ở lại mà phải đóng thay thì họ chịu sao nổi. Vậy, xin xét cho kĩ, dân lậu nào còn có cách sinh nhai thì thu thuế như lệ thường, còn những ai đói rét khốn cùng thì cho miễn và tùy cách mà vỗ về nuôi nấng để cứu lấy dân nghèo.

- *Bốn là* : Nên để cho dân được yên, không nên khuấy động họ, vì yên thì dễ trị, khuấy động thì dễ sinh loạn. Nay, nếu cứ sai người đi săn bắn ở núi rừng, hết đòi gà lại đòi ngựa, bọn chúng không hề theo ý tốt của bề trên mà chỉ lo quấy rối nhân dân các địa phương, bọn giả mạo ấy đi đến đâu là ở đó náo loạn, thì mọi người ta oán là điều không sao tránh khỏi. Vậy, từ nay nếu có sai người đi thì cấp giấy tờ để họ trình cho quan địa phương xét, kẻ nào nhiễu dân thì phải trị, có thể may ra dân mới được yên.

Thư ấy dâng lên nhưng không được Chúa trả lời".

Lời bàn : Dân là gốc của nước, lời ấy, Nguyễn Cư Trinh chỉ là người nhắc lại, nhưng ngẫm cho kĩ, thì đó cũng là lời tâm huyết, cất lên từ đáy lòng của ông, thời ấy, chính sự ấy, nếu không phải là bậc thực sự ưu thời mẫn thế, quyết không thể nói được.

Nguyễn Cư Trinh nêu ra những thói tệ cụ thể và cũng đề ra các biện pháp khắc phục rất rõ ràng. Xem thế cũng đủ biết, ông là người biết xử việc. Tiếc thay, Chúa nhận thư mà chẳng trả lời. Ở đời, có khi im lặng là vàng, nhưng cũng có khi, im lặng là ... ngược lại, ai muốn hiểu sao, xin tùy. Người thương mà để cho thiên hạ tùy ý hiểu mình đã không được, hướng chi là kẻ chán dân.

35 - QUẦN ĐẢO HOÀNG SA THỜI CHÚA NGUYỄN PHÚC KHOÁT

Sách *Đại Nam thực lục* (Tiền biên, quyển 10) chép rằng :

"Mùa thu, tháng 7 (năm Giáp Tuất, 1754 – ND) dân trong đội Hoàng Sa của Quảng Ngãi đi thuyền ra đảo Hoàng Sa, chẳng may gặp gió lớn, phải trôi dạt vào địa phận châu Quỳnh (tên một châu trên đảo Hải Nam của Trung Quốc – ND), nhà Thanh. Quan Tổng đốc của nhà Thanh đã cấp cho các thứ rất hậu hĩ rồi cho về. Chúa sai viết thư cảm ơn.

Ở ngoài biển, ngang khoảng xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn (Quảng Ngãi) có hơn 130 bãi cát, cách nhau hoặc hơn một ngày đường, hoặc vài ba trống canh (tức từ khoảng 4 đến 6 tiếng đồng hồ – ND), kéo dài không biết mấy ngàn dặm, tục gọi là *Vạn Lý Trường Sa*. Trên bãi cát có giếng nước ngọt, sản vật thì có hải sâm, đồi mồi, ốc hoa, vich, ba ba...v.v.

Buổi quốc sơ đặt đội Hoàng Sa gồm 70 người, lấy dân xã An Vĩnh sung vào. Hàng năm, cứ vào tháng ba thì cho đi thuyền ra, độ ba ngày ba đêm thì tới. Họ tìm lượm hóa vật, đến tháng tám thì giao nạp lên. Ngoài ra, còn có đội Bắc Hải. Đội này mộ dân ở thôn Tứ Chánh (Bình Thuận) và ở xã Cảnh Dương để sung vào. Họ được sai đi thuyền nhỏ đến các xứ Bắc Hải, Côn Lôn để tìm lượm hóa vật. Đội này cũng do đội Hoàng Sa kiêm quản".

Lời bàn : Trước thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa đã được xứ Đàng Trong quản lí khá chặt, dẫu ở đó không có dân. Biết rõ hình thể của đảo, lại còn biết rõ trên đảo có gì, rồi lập đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải để khai thác liên tục trong nhiều đời, việc đó đã khẳng định rằng Hoàng Sa và Trường Sa là phần ruột thịt thiêng liêng của Tổ quốc. Ngoài biển xa, có kẻ không tin và cũng không muốn nghe điều này, giận lắm thay !

Cái thời hóa vật của Hoàng Sa và Trường Sa chỉ có hải sâm, đồi mồi, ốc hoa, vich và ba ba... thì xem ra chỉ có người Việt là nặng lòng với đảo, còn giờ đây, thoáng nghe hóa vật của Hoàng Sa và Trường Sa không phải chỉ bấy nhiêu, bỗng dưng đảo vắng thêm người lớn tiếng, kiên quyết nhận đó là sở hữu của mình. Buồn thay !

36 - CHUYỆN THÁI TỬ LÊ DUY VĨ BỊ BỨC HẠI

*S*ách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 43, tờ 23 và 24) viết rằng :

"Lúc còn nhỏ, Thái tử (Lê Duy Vĩ) là người nhanh nhẹn và thông minh, đọc nhiều kinh sử, xử với kẻ sĩ rất có lễ độ, thần dân thấy đều yêu dung nghi cùng thái độ nhã nhặn ấy. Trịnh Doanh rất trọng tài của Thái tử nên đem con gái trưởng là Tiên Dung Quận chúa gả cho. Tuy nhiên, Thái tử vẫn buồn bực về nỗi nhà Lê mất hết quyền bính nên vẫn có chí khảng khái, thu nắm lấy quyền lớn trong thiên hạ.

Trịnh Sâm khi đã lớn, được làm Thế tử, vẫn có ý ghen ghét địa vị và tài năng của Thái tử. Một hôm, Thái tử và (Thế tử Trịnh) Sâm cùng ở phủ đường, được chúa Trịnh (Doanh) ban cơm và bảo cùng ngồi với nhau một mâm. Lúc ấy, vợ của Trịnh Doanh là bà Nguyễn Thị (quán xā Thanh Mỹ, huyện Lôi Dương, nay thuộc Thanh Hóa, bà là mẹ của Tiên Dung Quận chúa - ND) vội ngăn lại và nói rằng :

- Thái tử với Thế tử danh phận là vua tôi, lẽ đâu lại ngồi cùng mâm với nhau được ? Phải phân biệt' làm hai.

(Trịnh) Sâm nghe vậy thì đỏ mặt, bước ra về và nói với mọi người rằng :

- Ta với Duy Vĩ không thể cùng đứng với nhau, phải có một người sống, một người chết mới xong.

Khi (Trịnh) Sâm lên nối ngôi chúa (năm 1767 - ND), hấn bèn mật bàn với bọn hoạn quan là Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Huy Đình về việc truất ngôi Thái tử (của Lê Duy Vĩ) nhưng không cách gì tìm được cơ để buộc tội. Cuối cùng, chúng vu cho Thái tử tội thông dâm với một người thiếp của Trịnh Doanh, xong đem tội trạng tâu lên Nhà vua để bắt Thái tử tống giam vào ngục.

Trước ngày chuyện này xảy ra, trong giếng Tam Sơn ở phía sau cung điện bỗng có tiếng gì nổi lên như sấm, Thái tử sợ có tai biến, bèn tâu để Vua cha hay, do vậy, Nhà vua vẫn thường lo cầu đảo để mong Thái tử không bị mắc nạn. Đến đây, Thái tử biết tai nạn đã phát sinh, bèn chạy vào tấm điện của Nhà vua để ở. (Phạm) Huy Đình vào Đông Cung để tìm Thái tử nhưng không thấy, liền vào thẳng cung điện của Vua, hạch tội Thái tử rồi nói với Nhà vua rằng :

- Tôi nghe nói Thái tử đang ẩn nấp trong tấm điện của bệ hạ, xin bệ hạ hãy bắt giao cho tôi.

Nhà vua ôm lấy Thái tử mãi, không nỡ li biệt. (Phạm) Huy Đình quỳ mãi dưới sân. Thái tử tự thấy không thể nào thoát được, liền khóc lạy Nhà vua, xong thì bước ra để chịu tội. Về đến phủ chúa Trịnh, (Phạm) Huy Đình bắt Thái tử phải bỏ mũ ra để nhận tội. Thái tử không chịu, nói rằng :

- Bỏ vua này, lập vua khác, làm chuyện bạo nghịch giết vua là thói quen của chúng mày, ta có tội tình gì đâu ? Việc này sẽ có sử xanh chép lại cho ngàn đời rõ.

Trịnh Sâm giả thác là có mệnh lệnh của Nhà vua, truất Thái tử làm thứ nhân, xong, đem giam vào ngục".

Lời bàn : Thái tử Lê Duy Vĩ và Thế tử Trịnh Sâm, thứ bậc trên dưới đã rõ, ngoài ra, họ còn là em rể và anh vợ của nhau, vậy mà hỡi ôi, anh lại hãm hại em còn hơn cả cứu thù nhiều kiếp. Trước khi bị phế làm thứ nhân và bị tống giam vào ngục, Thái tử Lê Duy Vĩ khẳng định rằng, việc này sẽ có sử xanh chép lại cho ngàn đời rõ, quả là đúng lắm thay.

Bởi ghen ghét mà vu oan giá họa, phẩm giá của Trịnh Sâm thế nào, khỏi bàn cũng rõ rồi. Khốn khổ thay, con người ấy lại là chúa của thiên hạ những mười lăm năm (1767 - 1782). Đạo trời nhắm lẩn là đấy chẳng ?



Tượng Kim Cang (cuối thế kỷ XVIII)

37 - KHÁNG KHÁI THAY, NGUYỄN LỆ ! ⁽¹⁾

Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 43, tờ 36 và 37) viết rằng :

"Sau khi Thái tử (Lê Duy Vĩ) đã bị giam, (Trịnh) Sâm có ý muốn giết đi, nhưng lại chưa tìm được lí do chính đáng. Đến đây, Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Huy Đình sai người đi nói phao lên rằng :

- Bọn Trần Trọng Lâm và Nguyễn Hữu Kỳ cùng với gia thân của Thái tử, gồm có Cống sĩ Vũ Bá Xưởng, Tự Thừa Lương Giản... hợp mưu nổi binh để cướp Thái tử từ ngục thất ra ngoài.

Xong, (Phạm) Huy Đình đem việc ấy báo cho Trịnh Sâm biết. (Trịnh) Sâm hạ lệnh bắt bọn nói trên ra trị tội. Lương Giản hoảng sợ mà bỏ trốn, còn (Vũ) Bá Xưởng thì bị bắt, bị tra tấn rất nặng. (Vũ Bá Xưởng) liền cung khai bừa, và lời cung khai ấy có liên can đến cả Nguyễn Lệ. (Khi bị bắt), Nguyễn Lệ nói :

- Thái tử là người sẽ nối ngôi trị vì nước nhà, nay nếu chẳng có tội tình gì mà bị bắt giam nhục nhã, thì việc lập mưu cướp lấy Thái tử đem ra khỏi ngục thất là một việc nghĩa, nhưng thực tình là tôi không hề được dự biết chuyện ấy. Nay, nếu vì bị tra khảo quá mức mà khai bừa bãi, thì đó là việc của kẻ không có dũng khí. Không mà nói có, đó là lời của kẻ bất nghĩa. Vả lại, nếu bảo việc này do chính (Nguyễn) Lệ đây chủ mưu thì nghe còn có lí,

(1) Thời này, có hai nhân vật khác nhau nhưng cùng có chung họ và tên là Nguyễn Lệ. Nhân vật Nguyễn Lệ nói ở đây là quan Điện tiền Hiệu điểm (chức quan võ, chỉ huy một trong những đơn vị bảo vệ hoàng thành). Ông người xã Thận Vi, huyện Thượng Nguyễn (thuộc tỉnh Nam Hà cũ).

Nhân vật Nguyễn Lệ thứ hai là anh trai của Nguyễn Điều và là con của danh nho Nguyễn Nghiễm người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân (nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh). Nguyễn Lệ tức Nguyễn Khả, chúng ta vẫn quen với tên gọi Nguyễn Khả hơn, nhưng vì trùng thành với nguyên bản, chúng tôi đọc là Nguyễn Lệ. Giai thoại về Nguyễn Lệ thứ hai (tức Nguyễn Khả) xin đọc ở đoạn sau của sách này.

chớ Thái tử ở trong nhà giam, đến cả vợ con còn không được ra vào, thì bọn (Nguyễn) Lệ này làm sao có thể vào yết kiến Thái tử để mưu tính được ? Giờ thì chỉ có chết mà thôi, (Nguyễn) Lệ này chẳng có gì để nói hết.

Nguyễn Lệ bị khảo tra, tan nát cả thịt da mà vẫn không đổi lời đã khai. Nhưng, (Phạm) Huy Đĩnh vẫn tự ý dựng thành bản án để dâng lên. (Trịnh) Sâm sai (Phạm) Huy Đĩnh đến bắt Thái tử phải thắt cổ tự tử, giết chết bọn Nguyễn Lệ và (Vũ) Bá Xưởng. Sau cùng, (Trịnh) Sâm hạ lệnh tịch thu sắc mệnh (của Vua) ban cho Trần Hoàng hậu là thân mẫu của Thái tử (bà đã mất từ trước rồi), đồng thời, sai bắt giam các con của Thái tử là (Lê Duy) Khiêm (sau đổi gọi là Lê Duy Kỳ, tức Lê Chiêu Thống – ND), (Lê Duy) Trù và (Lê Duy) Chỉ ở ngục Đền Lãm".

Lời bàn : Kẻ gian ngoan xảo quyệt không bao giờ chỉ gian ngoan xảo quyệt một lần. Kẻ thất đức, chẳng bao giờ chỉ thất đức một lần. Đó là thói thường của muôn thú. Như Trịnh Sâm, Hoàng Ngũ Phúc, Phạm Huy Đĩnh... những tay vào tội ác có phải chỉ là một lần đâu ? Cả gan dám vu oan giá họa cho Thái tử để rồi bắt giam và giết hại Thái tử, đó là một lần phạm trọng tội. Để có cớ giết Thái tử, Trịnh Sâm và đồng bọn lại vu oan và giết hại nhiều người vô can khác, đó là hai lần phạm trọng tội. Đã giết Thái tử lại xúc phạm đến vong linh của cả thân mẫu Thái tử và bắt giam các con của Thái tử, đó là ba lần phạm trọng tội. Ba lần ấy, đủ cho Trịnh Sâm để nhục đến muôn đời.

Giữa một đám những kẻ xu nịnh và độc ác, giữa những người thiếu dũng khí ở đời, Nguyễn Lệ thật là con người khẳng khái biết đường nào. Sử không chép học vị cũng như quan tước của ông, nhưng ghi thêm những thứ ấy, phỏng có ích lợi gì ? Lời của Nguyễn Lệ, các bậc khoa bảng để gì học được ? Khí khái của Nguyễn Lệ, các đấng đại thần để gì làm theo ?

38 - CUỘC MƯU PHẢN CỦA TRỊNH ĐỆ

Tháng 9 năm Đinh Hợi (1767), một cuộc mưu phản ngay trong phủ chúa đã bị phát giác. Thủ phạm chính của cuộc mưu phản này lại chính là Trịnh Đệ (cũng đọc là Trịnh Lệ), em ruột của chúa Trịnh Sâm (1767 - 1782).

Tháng 1 năm 1767, Trịnh Doanh mất, Trịnh Sâm lên nối ngôi chúa, nhân lúc chính quyền chưa thật ổn định, Trịnh Đệ bèn lập mưu để giành ngôi. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 43, tờ 9 và 10) chép rằng :

"Đệ là người cơ mưu, lanh trí. Khi Trịnh Doanh còn sống, Trịnh Đệ đã ngầm nuôi chí cướp ngôi của huynh trưởng (chỉ Trịnh Sâm - ND). Trước, hần từng theo học (Phạm) Huy Cơ, nhưng rồi (Phạm) Huy Cơ phạm tội (chỉ việc Phạm Huy Cơ ăn hối lộ khi làm Án sát sứ Sơn Nam, việc bị phát giác vào tháng 12 năm 1765 - ND) và bị tổng giam vào ngục, bởi vậy, (Phạm Huy Cơ) đem lòng oán giận, ngầm xui (Trịnh) Đệ làm chuyện phản nghịch. (Trịnh Đệ) bèn lập phe đảng, lấy bọn Dương Trọng Khiêm (còn có tên gọi khác là Dương Trọng Tế người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm (ngoại thành Hà Nội ngày nay), đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Tuất, 1754 - ND) và Nguyễn Huy Bá (người xã Phú Thị, huyện Gia Lâm (ngoại thành Hà Nội ngày nay), xuất thân là Cống sĩ, tức Cử nhân - ND) làm gia khách. Chúng mật hẹn với nhau lấy ngày 24 tháng này (tức tháng 9 năm Đinh Hợi, 1767 - ND) làm ngày khởi sự. Nhưng (Dương) Trọng Khiêm sợ việc không thành thì sẽ mang vạ lây, bởi vậy, hần bèn lén đem việc này mật báo cho viên Nội giám là Phạm Huy Đình. Phạm Huy Đình báo ngay cho Trịnh Sâm. Trịnh Sâm lập tức ra lệnh cho bọn bấy tôi bắt lữ phản loạn để tra tấn. (Phạm) Huy Cơ biết sẽ không sao thoát nạn, bèn ra thú tội. (Triều đình) khép (Phạm) Huy Cơ vào tội xử chém, còn (Trịnh) Đệ thì bị tổng giam vào ngục.

Trước đây, (Dương) Trọng Khiêm từng bị khiển trách và bị bãi chức, đến đây được coi là người có công nên được khen thưởng,

xét cho được trả lại chức cũ, còn thăng thêm hai bậc nữa. Nguyễn Huy Bá được thăng năm bậc.

Quan Thiêm Đô ngự sử là Đoàn Nguyên Thục nói :

- Bọn (Phạm) Huy Cơ mưu làm chuyện phản nghịch nhưng may mà kế ấy bị lộ, nay, triều đình trị tội, làm cho mưu gian của chúng phải tan, khiến cho thân chúng phải thọ hình, ấy là đại phúc của xã tắc. Nhưng, (Dương) Trọng Khiêm bị truất chức đã lâu, nếu hấn biết đóng cửa để tu thân, không giao du với đám tân khách, thì thử hỏi việc dữ này làm sao có thể đến với hấn được ? Hấn dám quan hệ với kẻ còn bị giam cầm là (Phạm) Huy Cơ, dám ra vào chỗ ở của Trịnh Đề là nơi đáng ngờ đã từ lâu, quanh quẩn mãi với hai tên này, giúp mưu cho (Phạm) Huy Cơ, xúi cho Trịnh Đề lao sâu vào tội ác, sau chót mới đi tố cáo để lập công cho riêng mình, nếu nghiêm xét lũ cùng mưu thì rõ là (Dương) Trọng Khiêm cũng phạm tội giúp đỡ bọn phản nghịch. (Nguyễn) Huy Bá kể cũng là người hào hiệp, vừa dự vào việc này đã tố giác ngay, vậy thì thưởng công cho (Nguyễn) Huy Bá là hợp lẽ. Còn như (Dương) Trọng Khiêm từng là kẻ phạm tội bị truất chức, thế mà vẫn cứ ham giàu sang trước mắt, coi Trịnh Đề như món hàng quý để buôn bán, coi (Phạm) Huy Cơ như món đồ có thể cầm để đánh bạc, khiến cho mưu phản nghịch chóng thành để hòng vớ lấy một chức quan, chú ý của (Dương) Trọng Khiêm quả là nham hiểm. Nếu lấy công đáp đổi cho tội, thì (Dương) Trọng Khiêm không đáng được thưởng thăng cấp.

Trịnh Sâm khen và nhận lời của Nguyễn Thục, bèn hạ lệnh tước bỏ hết cấp bậc mới thăng thêm cho (Dương) Trọng Khiêm, chỉ cho khôi phục chức cũ, đồng thời, (Trịnh Sâm) thưởng cho Nguyễn Thục ba chục lạng bạc".

Lời bàn : Viết đến đây, các tác giả sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đã hạ bút phê rằng : "Họ Trịnh không giữ đạo làm tôi, cho nên trong nhà, bố con và anh em thường mưu hại lẫn nhau như vậy. Minh không ngay thẳng lại bắt người phải ngay thẳng, việc này không dễ đâu". Lời nghiêm phê ấy quả là chí lí. Xem ra, cuộc nổi da nẫu thịt của họ Trịnh nào phải chỉ có một lần này đâu.

Bè đảng của Trịnh Độ là ai ? Một Dương Trọng Khiêm vì mắc lỗi mà bị bãi chức, chân dung ấy tuy chẳng đẹp đẽ gì, nhưng thôi, dẫu sao thì cũng còn tạm cho là chấp nhận được. Đến như Phạm Huy Cơ là tên ăn hối lộ, vướng vào tội chẳng có thời nào dung tha, thế mà Trịnh Độ vẫn lên lút giao du kết đảng với hắn, thì dẫu không nói, thiên hạ cũng có thể nói ngay rằng đảng của Trịnh Độ là đảng gì.

Đồng liêu mà hãm hại nhau để giành quyền vị, đời đã khó mà tha. Anh em máu mủ ruột rà mà cam tâm hãm hại nhau để giành quyền vị, đời lại càng không thể tha thứ được. Đành là dòng nào giống nấy, nhưng, Trịnh Độ hồi, sống một đời mà bị muôn đời khinh bỉ, thế có đáng gọi là sống không ?

Khéo khen cho quan Thiêm đô ngự sử là Nguyễn Thục. Vẫn biết chức ấy là chức có quyền hạch tội bá quan, nhưng, làm đúng chức phận phải làm và làm tốt chức phận phải làm, người như vậy không phải lúc nào cũng có. Sử quan xưa trân trọng chép lại lời ông, hẳn cũng muốn tỏ chút lòng đặc biệt ưu ái đó thôi.

39 - KHÍ KHÁI THAY, TÔN THẤT DỤC !

Tôn Thất Dục không rõ sinh và mất năm nào, chỉ biết ông từng giữ chức Chuông cơ dưới thời chúa Nguyễn Phúc Thuần và làm việc trong bộ Hình của phủ chúa. Sinh thời, ông là người học rộng, được đồng liêu nể trọng, nhưng, đáng khen hơn cả, có lẽ là khí khái của ông. Xin dẫn một mẩu chuyện nhỏ về ông trong sách *Đại Nam thực lục* (Tiền biên, quyển 11) làm minh chứng :

"Quan giữ chức Chuông cơ, đang làm việc ở bộ Hình là Tôn Thất Dục bị bãi chức. (Tôn Thất) Dục là người học rộng, có tài lược, được coi là bậc trọng thần.

Bấy giờ, Trương Phúc Loan chuyên quyền, hắn thấy (Tôn Thất) Dục là người tôn thất, lại là bề tôi danh tiếng đương thời, bèn đem con gái gả cho để kết bè, kết cánh. Nhưng, (Tôn Thất) Dục vẫn giữ lòng ngay thẳng, không a dua, không chịu khuất chút nào. Loan ghét lắm, ngầm sai người vu cho (Tôn Thất) Dục mưu phản. Việc này tra xét mãi vẫn không tìm được chứng cứ gì, nên bãi chức của (Tôn Thất) Dục.

Về nhà, (Tôn Thất) Dục tuyệt nhiên không nói gì đến việc quốc gia nữa, chỉ ngày ngày cùng khách ngâm vịnh mà thôi. (Tôn Thất) Dục hiểu học, giỏi về thơ lại tinh thông về thuật số và âm nhạc, tục truyền, đàn nam cầm (tức đàn bầu – ND) là do (Tôn Thất) Dục chế ra.

Cũng có thuyết nói rằng, (Tôn Thất) Dục bị Loạn ghét, vu cho là làm phản nhưng không có bằng chứng, bèn lấy việc (Tôn Thất Dục) tự chế súng riêng để bắt tội rồi tống giam Tôn Thất Dục, được vài ba năm thì Tôn Thất Dục bị phát bệnh ung thư ở lưng rồi mất".

Lời bàn : Kẻ ngầm chứa mưu gian, bao giờ cũng tìm cách kết bè kết cánh. Tất nhiên, đó chẳng qua là kế mượn tay người này để đánh bại kẻ khác, chớ bọn gian xảo có bao giờ thực lòng với ai đâu. Trương Phúc Loan cũng vậy, hẳn dùng hôn nhân để ràng buộc và mua chuộc Tôn Thất Dục, chớ trước sau, Trương Phúc Loan chỉ thương mỗi một mình Trương Phúc Loan mà thôi. Con rút ruột sinh ra, Trương Phúc Loan cũng chỉ coi là vật đổi chác, khi cần thì thí bỏ chẳng hề vương vấn xót xa gì, huống hồ là ai.

Đã biết Trương Phúc Loan gian xảo mà còn nhận làm con rể của hắn, dẫu giải thích cách nào thì đó cũng là chỗ khiếm khuyết của Tôn Thất Dục. Nhưng thôi, nhân vô thập toàn, trách mãi cái nhỏ để rồi quên mất cái lớn là điều không nên.

Khí khái thay, Tôn Thất Dục, sắc không thể làm lung lay, quyền thế không làm đổi ý, ung dung xử thế hợp với lẽ thường, ung dung vui với cung đàn và tiếng thơ, chừng như tôn thất thuở ấy không có ai được như ông cả.

40 - LỜI TÂU CỦA DẬT SĨ NGÔ THẾ LÂN

Sách *Đại Nam thực lục* (Tiền biên, quyển 11) chép rằng :

"Dật sĩ người Thuận Hóa là Ngô Thế Lân, dâng thư bàn về tiền tệ. Thư ấy đại lược nói rằng : Trộm nghe, khi tiên chúa mới mở mang bờ cõi, đất thì còn hẹp, dân thì còn thưa, phía Nam chưa có đất Gia Định màu mỡ (Gia Định là đất tốt nhất, rất hợp với việc trồng lúa và trồng cau, nền phương ngôn có câu *nhất thóc*

nhì cau), phương Bắc thì còn có việc đánh giữ ở Hoành Sơn, liên năm chinh chiến, vậy mà dân vẫn không đói kém, nước vẫn thừa tiền tiêu. Nay, thiên hạ thái bình đã lâu, đất rộng hơn, dân đông hơn, đất trồng lúa đã khai khẩn hết, nguồn lợi ở núi và ở ao đầm cũng đã khai thác hết, hơn nữa, Phiên Trấn và Long Hồ không bị hạn hán hay lụt lội bao giờ, thế mà từ năm Mậu Tí (tức năm 1768 – ND) đến nay, giá thóc gạo cao vọt, nhân dân thì đói kém, thế nghĩa là vì sao ?

Tất nhiên, không phải vì thiếu thóc mà chính là bởi đồng tiền kẽm gây nên vậy. Người ta, ai mà chẳng thích cái bền chắc, ghét sự chóng hư. Nay, nếu lấy đồng tiền kẽm là đồng tiền chóng hư mà thay cho đồng tiền đồng là đồng tiền bền chắc, thì thiên hạ sẽ đua nhau trữ thóc chớ không trữ tiền. Tệ dùng tiền đồng vốn có đã lâu, nay muốn đổi đi là việc rất khó, trong khi đó thì nạn đói của dân lại rất gấp.

Thần trộm nghĩ, kế hay của ngày nay không có gì bằng việc phỏng theo phép đặt kho thường bình của nhà Hán. Cứ mỗi phủ lập một kho thường bình, đặt quan để trông coi, cho được tự ý ra giá bình quân, rồi hễ thóc rẻ thì theo giá mà mua vào, thóc đắt thì theo giá mà bán ra, như thế thì giá thóc không đến nỗi rẻ quá, khiến hại cho nhà nông mà cũng không đến nỗi đắt quá, có lợi cho con buôn. Từ đó sửa dần cái tệ tiền kẽm, vật giá nhất định sẽ được bình ổn.

Thư dâng vào nhưng không được trả lời. Sau, (Ngô Thế) Lân theo Tây Sơn, nhận ngục chức".

Lời bàn : Tiền kẽm có phải là nguyên nhân sâu xa của mọi tệ nạn đương thời hay không, điều đó có lẽ cần phải được cân nhắc thêm nữa. Học theo phép của nhà Hán mà lập kho thường bình, đó có phải là kế tốt nhất để cứu nguy thời bấy giờ hay không, điều này có lẽ cũng cần phải được cân nhắc lại. Song, lời Ngô Thế Lân là lời chân tình. Cứ chữ mà suy thì Dật sĩ nghĩa là người đi ở ẩn. Dật sĩ Ngô Thế Lân cũng bình thường như bao Dật sĩ khác, nghĩa là đi ở ẩn đó thôi. Nhưng, ông ẩn là ẩn vòng danh lợi, ẩn sự bon chen, ẩn những kẻ xênh xang áo mũ mà tâm địa khó lường, chớ ông không hề ẩn tránh dân tình thế sự, nổi ưu thời vắn cánh trong ông. Có

được một người quyết chí giữ mình trong sạch là phúc, có được một người trong sạch góp lời chân tình, thì trong cái phúc, còn có thêm phúc lớn nữa. Chúa im lặng không trả lời, ấy là Chúa đã khờ khạo để cho hậu thế chê bai Chúa cả tài lẫn đức vậy.

41 - VÌ SAO NGÔ THÌ SĨ BỊ BÃI CHÚC ?

Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780), người làng Tả Thanh Oai (nay thuộc ngoại thành Hà Nội), tự là Thế Lộc, hiệu là Ngộ Phong, đỗ Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766), làm quan trải thờ hai đời chúa là Trịnh Doanh (1740 - 1767) và Trịnh Sâm (1767 - 1782), từng được giao những trọng trách như Đốc đồng Thái Nguyên, Hiến sát sứ Thanh Hoa, Tham chính Nghệ An, Trấn thủ Lạng Sơn. Ông là một nhà văn, một nhà sử học có tài, là thân sinh của Tiến sĩ Ngô Thì Nhậm và là nhạc phụ của Tiến sĩ Phan Huy Ích.

Cũng như bao đồng liêu khác, cuộc đời làm quan của Ngô Thì Sĩ có không ít gian nan. Một trong những lần mắc họa đáng kể nhất của Ngô Thì Sĩ là lần diễn ra vào tháng 11 năm Tân Mão (1771), khi ông đang giữ chức Tham chính Nghệ An. Sự kiện này được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 43, tờ 35 và 36) chép lại như sau :

"Trước đây, khi Trịnh Sâm vừa lên nối ngôi chúa (năm 1767 - ND) thiên hạ loan truyền câu sấm, nói rằng Hoàng Ngũ Phúc sẽ lập mưu làm chuyện trái nghịch. (Trịnh) Sâm vì thế mà lấy làm ngờ.

Bấy giờ, Nguyễn Lệnh Tân (đỗ Tiến sĩ năm 1763 - ND) vì có nhà ở Hồ Tây, nên có lần, triều sĩ hợp nhau tại đấy, cùng bơi thuyền ra hồ để cùng nhau ngâm vịnh xướng họa. Bài thơ của Ngô Thì Sĩ có câu : "Tình vũ cánh nghi chu" (nghĩa là : dù trời nắng sáng dầu là mưa tuôn, thì cảnh Hồ Tây cũng đều đẹp, đáng để bơi thuyền ra thưởng ngoạn). Câu này chỉ có ý tả cảnh đẹp của hồ, nhưng sau đó, bị người ta đổi lại thành : "Thảo mộc khùng phi Chu (nghĩa là : cây cỏ sợ không còn là của nhà Chu nữa, tức

ngầm chỉ rằng, sợ giang sơn mà họ Trịnh đang làm chúa sẽ không còn là của họ Trịnh nữa). Và bài thơ (đã bị sửa ấy) được chuyển dâng lên chúa Trịnh Sâm.

Lúc ấy, phủ chúa Trịnh Sâm thường nhận được những bức thư nặc danh, đều tự xưng là biểu của triều sĩ, nói là cần phải đề phòng Hoàng Ngũ Phúc. Nhưng, hai chữ *triều sĩ* khi ra ngoài lại bị nói trại thành *Ngô Sĩ*, do vậy, Hoàng Ngũ Phúc vẫn để bụng căm ghét (Ngô Thì Sĩ). Nhân có học trò trường (Hương) Nghệ An tố cáo hai ti (là Thừa Chính và Hiến Sát) khảo hạch không công bằng, triều đình bàn bãi chức của (Tham chính Nghệ An là) Ngô Thì Sĩ. Khi buộc tội, Hoàng Ngũ Phúc tự ý thêm vào bốn chữ *Hoàn dân thụ dịch* nghĩa là : trở về làm dân, chịu mọi tạp dịch). Xưa nay, văn thần mắc tội khi làm việc công, chưa có ai đến mức phải bãi chức (như Ngô Thì Sĩ), cho nên, ai cũng ghét (Hoàng) Ngũ Phúc là tên nham hiểm, độc ác".

Lời bàn : Lời sấm truyền về sự hiểm độc của Hoàng Ngũ Phúc nếu nói đúng thì ắt khiến cường, nhưng nếu nói sai thì ắt cũng gương ép vậy. Chẳng ai ngáy thơ tin rằng, kẻ ăn cắp con gà sẽ chẳng bao giờ ăn cắp con bò cả. Ai dám nói rằng, tất cả sự nham hiểm của Hoàng Ngũ Phúc chỉ có bấy nhiêu. Kẻ tự ý thêm vào án quyết của triều đình những bốn chữ *Hoàn dân thụ dịch* thì thử hỏi, còn chuyện gì hắn không ngần ngại làm ?

Bấy giờ, ngâm vịnh xướng họa là thú vui của kẻ sĩ. Rình rập đã xấu, rình rập để chực hại nhau ngay cả trong khi cùng vui ngâm vịnh xướng họa, thì sự xấu chẳng còn biết chất chứa nơi nào cho hết. Than ôi, sửa thơ của người để vu oan giá họa cho người, sự thể chưa xót này, may ra chỉ có trời mới hiểu nổi. Đó là lời thơ chỉ vòn vẹn có năm chữ, chớ nếu đó là lời văn dòng dài, chắc sự bịa đặt và xuyên tạc còn ngàn lần kinh khủng hơn.

Có người nói rằng, lí do Ngô Thì Sĩ bị bãi chức thì đã rõ, chỉ có điều chưa rõ, ấy là tại sao cung vua và phủ chúa bấy giờ lại lắm kẻ nham hiểm đến thế ? Cứ ngẫm mà xem, bá quan đương thời vẫn luôn miệng hô vang *vạn tuế*, nhưng họ đã tự chôn vùi họ quá sớm rồi, nếu không, đến lượt chúng ta lại phải tung hô *vạn tuế* !

42 - VÌ SAO TÂY SƠN XUỐNG NGHĨA ?

Năm 1771, phong trào Tây Sơn bùng nổ. Ngày nay, ai cũng coi nghĩa binh Tây Sơn là những người anh hùng áo vải, đã dám vùng lên khuấy nước chọc trời, nhưng, trong những trang sử của triều Nguyễn, Tây Sơn được mô tả như một đám giặc cỏ với nhiều hành vi rất thấp hèn. Sách *Đại Nam thực lục* (Tiền biên, quyển 11) chép :

"Giặc Tây Sơn là Nguyễn Văn Nhạc nổi loạn, chiếm giữ thành Quy Nhơn. Nhạc là người của thôn Tây Sơn, huyện Phù Ly, (nay là huyện Phù Cát), phủ Quy Nhơn, trước từng làm Biện lại, nhưng rồi vì tiêu mất hết tiền thuế của sở Tuần Ti, bèn cùng với em là Lữ và Huệ, vào núi, bám thế hiểm để làm giặc, bè đảng ngày một đông, quan lại địa phương không sao ngăn cản được. Đến đây, chúng đem đồ đảng đánh úp phủ Quy Nhơn. Quan Tuần phủ của phủ Quy Nhơn là Nguyễn Khắc Tuyên bỏ chạy, Nhạc bèn chiếm lấy thành, thả tù phạm, lừa dân làm lính và dựng cờ hiệu Tây Sơn rồi cho bè đảng chia nhau đi cướp bóc, khiến cho trăm họ phải náo động. Việc ấy báo lên, Chúa sai quan Chưởng cơ là Nguyễn Cửu Thống (con của Nguyễn Cửu Thông, chồng của công chúa Ngọc Huyền), Nguyễn Cửu Sách (con của Nguyễn Cửu Pháp, chồng công chúa Ngọc Anh), cùng với Cai cơ là Phan Tiến, Cai đội là Nguyễn Vệ, Tổng nhung là Tống Sùng và Tán lí là Đỗ Văn Hoảng, đem quân đi đánh nhưng không được. (Tống) Sùng và (Đỗ Văn) Hoảng đều bị chết ở trận.

Bấy giờ, thái bình đã lâu, tướng sĩ không ai quen trận mạc, khi phải đi đánh thì phần nhiều tìm cơ thoái thác để được miễn. Trong lúc đó, Trương Phúc Loan thì ăn hối lộ rồi cho thay người ra trận nên mọi người oán ghét. Tướng ra trận, thấy giặc là chạy ngay, do đó, thế giặc ngày một mạnh.

Bọn lái buôn người Thanh (chỉ Trung Quốc - ND) là Lý Tài và Tập Đình (cả hai đều chưa rõ họ) cũng hưởng ứng, được Nhạc thu nạp. Tập Đình xưng là quân Trung Nghĩa còn Lý Tài thì xưng

là quân Hòa Nghĩa. Nhạc lại lấy những thổ dân cao lớn, cho cạo đầu bím tóc, cải trang làm người Thanh, khi ra trận thì uống rượu say, cởi trần, mình đeo giấy vàng bạc, xông ra để tỏ là liều chết nên quân ta không ai địch nổi".

Lời bàn : Chưa ra trận thì tìm cơ thoái thác để được miễn, ra trận rồi thì chưa gì đã tháo chạy để cứu lấy thân, sĩ khí ấy, tướng lĩnh ấy, ngao ngán lắm thay ! Xin chớ nói rằng họ đã ngầm ủng hộ Tây Sơn, cho dầu là về khách quan, sự hèn nhát của họ cũng có tác dụng đại để như vậy. *Họ chỉ là họ, tồn tại để hợp thức hóa việc chi phát bổng lộc của triều đình, thế thôi.*

Sử cũ nói không sai nhưng vẫn không đúng. Tây Sơn quả có cướp bóc, nhưng không phải cướp bắt cứ ai. Các giáo sĩ phương Tây gọi nghĩa quân Tây Sơn là *bọn giặc nhân đức*, vì Tây Sơn luôn tìm cách lấy của nhà giàu chia cho người nghèo.

Khi những người ở dưới đáy của xã hội không thể chịu đựng nổi sự thống trị và nhất tể cầm vũ khí đứng dậy, lịch sử nhất định sẽ sang trang.

43 - THƯƠNG THAY, TÔN THẤT VĂN !

Tôn Thất Văn là người có công nuôi dưỡng chúa Nguyễn Phúc Thuận từ lúc chúa còn tấm bé, và khi Nguyễn Phúc Thuận lên nối nghiệp chúa (năm 1765, tức năm mới 12 tuổi), Tôn Thất Văn cũng là người có công rất lớn trong việc phò tá. Nhưng, con người quyền cao chức trọng ấy, tiếc thay, lại bị vu oan và bị giết hại vào năm Quý Tị (1773). Vụ án này được sách *Đại Nam thực lục* (Tiền biên, quyển 11) ghi lại như sau :

"Mùa hạ, tháng 6 (năm 1773 - ND), Trương Phúc Loan giết Chuông cơ Tôn Thất Văn. Lúc ấy, tôn thất và đại thần nhiều người rất oán ghét Loan, muốn tìm cách hãm hại, họ mật bàn với nhau, sai quan Hàn lâm là Ngô Đình Thứ và quan Tri phủ là Trần Giai, lấy trộm ấn của Loan rồi giả mạo Loan mà viết bức thư thông đồng với ngụy Nhạc (tức Nguyễn Nhạc, lãnh tụ của phong trào Tây Sơn - ND), đem bỏ ngoài đường. Quan giữ chức Tham mưu là Tá (không rõ họ) bắt được thư ấy, liền trình cho (Tôn Thất) Văn. Văn nói với

Chúa rằng xin trị tội Loan. Loan cãi lại, nói việc đó chẳng qua là do vu oan, và Chúa cũng không bắt tội Loan nữa. Loan ngỡ thư ấy do Tá làm ra, bèn bắt giam rồi giết, và cũng vì thế mà sinh ra thù oán đối với (Tôn Thất) Văn. Hắn giả mạo bức thư của giặc (đây chỉ quân Tây Sơn – ND), nội dung tỏ rõ (Tôn Thất) Văn thông mưu với giặc, xong, hắn lại sai người tố cáo (Tôn Thất) Văn làm phản, truy xét để nghiêm trị rất gấp. (Tôn Thất) Văn sợ quá mà bỏ trốn. Loan sai chức Cai đội là Tôn Thất Hương đuổi theo, bắt được, đem dìm chết ở phá Tam Giang".

Lời bàn : Cả phủ chúa cùng căm ghét Trương Phúc Loan, trong tay lại có đủ cả phương tiện và lực lượng, vậy mà rốt cuộc chỉ nghĩ ra được mỗi một trò mạo thư để vu oan, đúng là trẻ con hơn cả trẻ con. Trương Phúc Loan thật tàn bạo, tham lam, tự chuyên tự quyền ban phúc giáng họa... nghĩa là tệt hại vô cùng, nhưng dám quân thần kềm côi kia, xem ra cũng chẳng được tích sự gì, ngoài việc hưởng lộc và ra vô cho phủ chúa có vẻ đông đúc. Với dân, họ chỉ là kẻ ... đỡ tệt hơn Trương Phúc Loan mà thôi.

Quan Tham mưu Tá sao mà ngây thơ thế. Làm đến chức Tham mưu mà xét việc nông cạn đến thế thì không chết bởi tay Trương Phúc Loan ắt cũng chết bởi tay một kẻ tiểu nhân nào đó.

Hạch tội người chết là điều chẳng nên, nhưng, không thể nói khác hơn, rằng Tôn Thất Văn vừa là nạn nhân, lại cũng vừa là một trong những thủ phạm của sự kiện bi thảm này. Tham mưu Tá ngây thơ, chẳng cần suy, gẫm xét đoán, dằng thẳng bức thư giả mạo cho Tôn Thất Văn, chẳng dè, Tôn Thất Văn cũng ngây thơ không kém, vội vã dâng cho Chúa và xin Chúa trị tội Loan. Hài hước thay !

Là người nuôi nấng Chúa từ nhỏ, lẽ ra, thấu hiểu Chúa hơn cả phải là Tôn Thất Văn, nhưng ngược lại, Tôn Thất Văn cũng chỉ như người xa lạ mà thôi. Trách Chúa kể cũng tội nghiệp, vì dẫu gì, Chúa cũng chỉ là một đứa trẻ vị thành niên, có trách thì hãy trách bọn trẻ ... tóc đã bạc. Thế mới phải. Tham mưu Tá và Tôn Thất Văn mất đi, dương thế bớt được hai sinh linh khờ khạo, âm phủ thêm được hai hồn ma ngây thơ, và, cái gạch nối giữa xưa với nay là sử sách cũng bớt được vài câu rườm rà, nửa đáng cười, nửa đáng khóc.

Thương thay, Tôn Thất Văn !

Thương hại thay, Tôn Thất Văn !

44 - LỜI ĐÁP CỦA CÂU KÊ KIÊM LONG

Tháng 5 năm Giáp Ngọ (1774), lợi dụng lúc chúa Nguyễn bị Tây Sơn tấn công dữ dội, chúa Trịnh là Trịnh Sâm. (1767 - 1782) sai viên lão tướng là Hoàng Ngũ Phúc, đem ba vạn quân đánh thẳng vào Đàng Trong. Đến Hà Trung (Thanh Hóa), Hoàng Ngũ Phúc cho người đưa thư vào Nam, nói rằng Đàng Ngoài và Đàng Trong vốn có tình thân thích từ nhiều đời, nay Đàng Trong gặp loạn, Đàng Ngoài đem quân vào giúp đỡ chẳng hề có ý dòm ngó gì.

Tháng 9 năm 1774, quân Hoàng Ngũ Phúc đã tiến đến châu Bắc Bố Chính, nghĩa là đã áp sát xứ Đàng Trong. Quan Tri phủ của Đàng Trong là Trần Giai vội đi đầu hàng, tình thế trở nên rất nguy cấp. Chúa Nguyễn Phúc Thuần vội sai tướng đi trấn giữ các nơi, mặt khác, sai người đến đại bản doanh của Hoàng Ngũ Phúc, tìm cách biện bạch để cản bước tiến của quân Đàng Ngoài.

Tháng 10 năm 1774, quân Hoàng Ngũ Phúc bắt đầu vượt sông Gianh. Công việc tìm lời biện bạch với quân Trịnh, chúa Nguyễn Phúc Thuần ủy thác hết cho hai viên quan là Cai đội Quý Lộc và Câu kê Kiêm Long. Sách *Đại Nam thực lục* (Tiền biên, quyển 11) chép rằng :

"Quân Trịnh qua sông Gianh. Chúa sai viên Cai đội là Quý Lộc và viên Câu kê là Kiêm Long (cả hai đều chưa rõ họ), đến để khao quân Hoàng Ngũ Phúc và nói sao cho Hoàng Ngũ Phúc thấy rõ rằng, giặc cỏ Tây Sơn tất nhiên sẽ phải tự chết, không cần phải nhọc lòng phiền đến quân Trịnh.

Khi bọn Kiêm Long đến, (Hoàng Ngũ) Phúc sai người đến gặp và hỏi chuyện riêng. Kiêm Long nói :

- Đường không đi thì không đến, chuông không đánh thì không kêu.

(Hoàng Ngũ) Phúc nghe vậy thì hiểu ý, liền tiến quân ngay đến châu Nam Bố Chính. Trấn thủ châu này là Tôn Thất Tiệp

cùng với chức Ký lục là Bảo Quang (chưa rõ họ), lui quân về giữ lũy Đồng Hới (nay thuộc Quảng Bình – ND). (Hoàng Ngũ) Phúc sai riêng tướng Hoàng Đình Thế đem quân tiến sát đến lũy Trấn Ninh. Quân mã ở đây do bọn Hoàng Văn Bật và Lê Thập Thi đã tự ý làm nội ứng, mở cửa thành cho quân Trịnh. Quân Trịnh cứ thế thúc trống, reo hò mà tiến vào. Tướng giữ thành là Luận Chính và Thành Tính (cả hai đều chưa rõ họ) cũng đầu hàng".

Lời bàn : Hẳn nhiên là chẳng có ai chính nghĩa trong cuộc đối đầu lâu dài và quyết liệt giữa Đảng Ngoài với Đảng Trong, song, chẳng thể vì thế mà sống vào thời đó, ai muốn làm gì thì làm, ai muốn nói gì thì nói. Loài dơi thực sự là loài dơi, nhưng chỉ vì có chuyện kể rằng, hễ chuột thắng trong cuộc đánh nhau với chim thì dơi nhận dơi đích thị là họ hàng với chuột, rồi khi chim thắng thì dơi lại nhận mình chính cống là họ hàng với chim, thế mà cũng đủ cho bao đời khinh khi loài dơi, huống nữa là kẻ tráo trở như viên Câu kê Kiêm Long và đồng bọn trong câu chuyện này !

Một lời đáp của Câu kê Kiêm Long đủ để tan nát cơ đồ của cả một xứ, khiếp thay. Mới hay, tính cho ra việc rồi lại tính cho ra người để trao việc, thật là hệ trọng. Trách chúa Nguyễn Phúc Thuần vụng tính, kể cũng chí phải, nhưng, có thể mới là Nguyễn Phúc Thuần, nếu không, làm sao có chuyện li kì này được.

Chuyện cười ra nước mắt là đây chẳng ?

45 - LƯỢC TRUYỆN TRƯỞNG, PHÚC LOAN

7Trương Phúc Loan sinh năm nào không rõ, chỉ biết ông là con của Trương Phúc Phan, và dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, Trương Phúc Loan đã là một đại thần, quyền khuynh loát cả phủ chúa. Năm Ất Dậu (1765), chúa Nguyễn Phúc Khoát mất, theo lễ, Nguyễn Phúc Luân (thân sinh của Nguyễn Ánh) được lập làm chúa, nhưng Trương Phúc Loan đã tìm cách hãm hại và đưa Nguyễn Phúc Thuần (lúc đó mới 12 tuổi) lên nối nghiệp. Cũng năm đó, Trương Phúc Loan "được thăng" làm Quốc phó. Sách *Đại Nam thực lục* (Tiền biên, quyển 11) chép rằng :

"Thăng Trương Phúc Loan làm Quốc phó, giữ việc ở Hộ bộ, trông coi cơ Trung Tượng, kiêm Tào Vụ và cho thu thuế sản vật

ở những nơi khai mỏ vàng như nguồn Thu Bồn, nguồn Đồng Hương, nguồn Trà Sơn và nguồn Trà Vân làm ngụ lộc. Loạn sai người thu riêng cho mình, hàng năm được vô số vàng, mà nạp thuế cho nhà nước chỉ độ một hay hai phần mười mà thôi. Các thứ thuế ngà voi, sáp ong, mật ong... mỗi năm thu đến hơn hai trăm lạng bạc. Cửa báu (nhà Loạn) chất như núi. Hai con (của Loạn) là Thặng và Nhạc đều lấy công chúa. Thặng lấy công chúa Ngọc Nguyên, Nhạc lấy công chúa Ngọc Đảo, (Thặng và Nhạc) làm quan đến chức Chưởng dinh Cai cơ. Cả nhà Loạn đều quyền thế, át cả trong ngoài. (Loạn) lại còn lấy bè đảng là bọn Thái Sinh nắm giữ những nơi trọng yếu. Loạn ngày một lòng tuồng, cho nên, người ta gọi Loạn là *Trương Tần Cối*".

Ba năm sau khi giữ chức Quốc phó (1765-1768), Trương Phúc Loạn không còn biết kiêng dè gì nữa. Bọn tay chân dưới quyền cũng đồng lòng hùa theo, chính sự đổ nát đến mức khó bề cứu chữa. Sách trên chép tiếp rằng :

"Bấy giờ, Trương Phúc Loạn cầm quyền, mọi sự đều tự chuyên. Bọn Nội hữu là Chưởng dinh Tôn Thất Nghiễm, Chưởng Thủy cơ Tôn Thất Viên (cả hai đều là con của Dân Quốc công Tôn Thất Điền, lúc ấy người ta, cũng gọi Nghiễm là Quận công), tuy đều được Chúa thương yêu, nhưng bọn họ chỉ say mê tử sắc, không lo nghĩ gì đến việc nước cả. Loạn nhân đó, càng không kiêng nể gì, hết bán quan, buôn tước lại ăn tiền hối lộ, đặt ra nhiều hình phạt rất phiền phức và thu thuế rất nặng nề, nhân dân lấy làm khốn khổ. Trong khoảng bốn năm năm, tai dị như động đất, núi lở, sao sa, nước đỏ... xảy ra luôn, trăm họ đói kém, trộm cướp nổi lên khắp nơi. Nước nhà từ đó sinh ra lăm việc".

Năm 1774, lợi dụng lúc phong trào Tây Sơn bùng nổ và đang hoạt động mạnh mẽ, chúa Trịnh sai viên lão tướng là Hoàng Ngũ Phúc đem ba vạn quân đánh vào Đàng Trong. Một trong những cái cớ mà Hoàng Ngũ Phúc nêu ra cho cuộc hành quân này là ... giúp chúa Nguyễn trừ tên quyền thần Trương Phúc Loạn ! *Đại Nam thực lục* (Tiền biên, quyển 11) có chép lại lời hịch của quân Trịnh. Lời hịch ấy có đoạn như sau :

"Tả tướng Trương Phúc Loan, khí chất nhỏ hẹp như cái dậu, cái thung, tâm địa thì gian tà như ma, như quỷ. Vin bám khuê cổn tình thân, trộm lấy chức trọng của triều đình. Tin dùng kẻ gian nịnh, hãm hại đáng trung lương của nước. Li gián người cố cộ, mưu lập bè đảng. Chiêu nạp thêm vây cánh, mưu lợi riêng mình. Giết người nọ, lập người kia, nguy hiểm chẳng khác nào có lang sói bên vách. Thẳng tay gây khốn cho trăm họ, cũng áo xiêm mà thực là lũ chim muông. Nặng thu thuế khóa để nặn máu mủ dân, bớt lương quân để cất nanh vuốt. Chính sự cấp bách như lửa cháy đến chân mày, hình phạt nặng nề như con mắt bị đâm, chuốc oán với dân, gây ra mối loạn. Đến nỗi Tây Sơn chỉ là bọn dân hèn, tụ tập như đàn ong lũ kiến, cũng có thể chiếm được Quảng Nam màu mỡ, nhanh như heo bị lang đuổi. Giặc như lửa quạt ngất trời, dân biên cõi lắm than. Vậy nên, nhân dân chúng đang được sống lại, ta đem đội quân đang lúc sức hăng, trước là trừ diệt đứa cường thần, sau là lo dẹp phường nghịch tặc".

Sẵn lòng phản uất, lại nhân có tờ hịch nói trên, các quan của chúa Nguyễn Phúc Thuần là Tôn Thất Huống, Nguyễn Cửu Pháp đã bắt Trương Phúc Loan đem nạp cho Hoàng Ngũ Phúc. Sự kiện này xảy ra vào tháng 11 năm Giáp Ngọ (1774). Sang năm sau (1775), Trương Phúc Loan bị quân Trịnh giết chết.

Lời bàn : Kết bè kết cánh để khuynh loát thiên hạ và độc đoán chuyên quyền, đó là một đại tội. Lợi dụng sự sa đọa của đồng僚 để tham lam thu vén, ăn hối lộ và úc hiếp dân đen, đó là hai đại tội. Phạm cả hai đại tội ấy, còn mặt mũi nào mà đứng giữa cõi trời đất nữa. Một Trương Phúc Loan, mà gần thì bá quan cảm tức, xa thì trăm họ oán thán, xa hơn nữa là xứ Đàng Ngoài cũng chẳng thể bao dung, bị phản thù cũng chỉ phải. Lời hịch của quân Trịnh nói, khí chất của Trương Phúc Loan nhỏ như cái dậu, cái thung, tâm địa của Trương Phúc Loan gian tà như ma, như quỷ, quả đúng lắm thay. Vẫn biết thời loạn, mọi điều đều có thể xảy ra, nhưng chẳng ngờ lại có một Trương Phúc Loan với những hành trạng như vậy, ngao ngán thay !

46 - CHUYỆN NGUYỄN HUỆ VỚI NGUYỄN ĐĂNG TRƯỜNG

Sau khi sách lược tạm hòa với quân Trịnh để tập trung lực lượng tiêu diệt quân Nguyễn bắt đầu phát huy được những tác dụng tốt đẹp của nó, bộ chỉ huy Tây Sơn đã liên tục tổ chức những cuộc tấn công vào Gia Định. Chỉ huy hầu hết các cuộc tấn công này là Nguyễn Huệ. Tháng 4 năm Đinh Dậu (1777), trong chỗ đẩy đưa không ngờ của thế cuộc, Nguyễn Huệ đã gặp lại Nguyễn Đăng Trường (quan của chúa Nguyễn, cũng là tên tù binh cũ của Nguyễn Huệ). Cuộc tái ngộ rất đặc biệt này đã được sách *Đại Nam thực lục* (Tiền biên, quyển 12) mô tả như sau :

"Trước kia, trong cuộc biến năm Giáp Ngọ (chỉ sự kiện năm 1774, năm đó, chúa Nguyễn vừa bị Tây Sơn tấn công, lại vừa bị quân Trịnh bất ngờ vượt sông Gianh đánh vào - ND), Đăng Trường không kịp đi theo xa giá (ý nói không kịp chạy theo chúa Nguyễn Phúc Thuần - ND), bèn đem mẹ già đến lánh nạn ở Quy Nhơn. Bấy giờ, Tân Chính Vương (chỉ Nguyễn Phúc Dương - ND) đã chạy vào Gia Định. Nguyễn Huệ bắt được (Nguyễn Đăng Trường), đối đãi như khách, quý như thầy, nhưng Đăng Trường vẫn không chịu, một mực khước từ để ra đi. Nguyễn Huệ nói :

- Tiên sinh ra đi lần này ắt có ý muốn kéo trời đất lại (ý nói muốn lật thế cờ, giúp chúa Nguyễn diệt Tây Sơn - ND), nhưng liệu có thể được chăng ? Tôi e rằng, ngày khác tiên sinh sẽ ăn năn không kịp nữa.

Đăng Trường đáp :

- Bậc đại trượng phu ở đời, trước hết phải giữ đức trung và đạo hiếu. Ta nay dắt mẹ đi tìm vua, thì trung hiếu đã rõ ràng, còn như được hay mất, khôn cùng hay hanh thông... tất cả đều do mệnh trời cả mà thôi, có gì phải hối tiếc đâu.

Nguyễn Huệ khen là có chí, bèn cho đi. Đến đây (tháng 4 năm 1777 - ND) Đăng Trường lại bị Huệ bắt được. Huệ nói rằng :

- Nay, tiên sinh nghĩ sao ?

Đặng Trường đáp :

- Nay thì chỉ có chết mà thôi, hà tất gì cứ phải hỏi ?

Nguyễn Huệ sai giết Đặng Trường. Khi dẫn ra đến chợ, Đặng Trường quay mặt về hướng Bắc lạy mấy lạy rồi mới chịu chết. Năm Minh Mạng thứ ba (tức năm 1822 - ND), triều đình truy tặng Nguyễn Đặng Trường chức Thượng thư".



Tượng Parsvika (cuối thế kỷ XVIII)

Lời bàn : Mỗi thời có một cách hiểu khác nhau về trung và hiếu, nhưng phàm đã là người thì phải biết hiếu, biết trung. Yêu hay ghét Nguyễn Đăng Trường là quyền riêng của mỗi người, song, không thể lấy quyền riêng ấy mà nói rằng, lời của Nguyễn Đăng Trường là sai. Nguyễn Huệ lúc ấy đầu chỉ mới 23 tuổi nhưng đã đủ bình tĩnh để lắng nghe mọi lời, kính thay ! Múc bột một gáo nước, biến cả chẳng hề vơi, thả một Nguyễn Đăng Trường, Tây Sơn không hề suy yếu, đại trượng phu trong các đại trượng phu chính là Nguyễn Huệ đó thôi.

Bị bắt lần thứ hai, Nguyễn Đăng Trường đã tự bộc lộ rõ rệt sự non kém của mình. Một là, nói theo cách nói của sử cũ, ông xứng đáng xếp vào hàng... ngu trung. Hai là chúa đã chạy vào Nam, có còn đâu ở Phú Xuân mà quay mặt về hướng Bắc để lạy. Trong sự lạy, nỗi khiếp sợ của muôn đời vẫn là lạy sai địa chỉ đó thôi.

Cương trực và gàn dở vốn là hai khái niệm rất khác nhau, vậy mà sao người đời vẫn thường hay lầm lẫn khái niệm này sang khái niệm nọ, tỉ như Nguyễn Đăng Trường.

47 - QUẬN HUY TRỞ CỜ

2uận Huy tức Huy Quận công, tên thật là Hoàng Đình Bảo, lại cũng có tên khác là Hoàng Tố Lý, người xã Phụng Công, huyện Yên Dũng (nay thuộc Bắc Giang). Quận Huy là cháu của Việp Quận công Hoàng Ngũ Phúc. Bấy giờ, Việp Quận Công Hoàng Ngũ Phúc là viên hoạn quan rất được chúa Trịnh Doanh và chúa Trịnh Sâm tin dùng, bởi vậy, hoạn lộ của Quận Huy cũng được sáng sủa hơn bao người khác. Khi Việp Quận công Hoàng Ngũ Phúc qua đời (1775), Trịnh Sâm dường như đã dồn hết sự tin yêu của mình cho Quận Huy.

Tuy nhiên, tháng 11 năm Mậu Tuất (1778), Quận Huy đã gây cho bá quan văn võ một sự bất ngờ : ông đã trở-cờ ! Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 45, tờ 13 từ 14) chép rằng :

"Trước kia, (Hoàng) Đình Bảo đến làm Trấn thủ Nghệ An, từng có công dẹp giặc cướp, giảm kiện tụng, dân rất mến mộ. Dưới trướng (của Hoàng Đình Bảo) gồm đủ các chức như Tả Tham quân, Hữu

Tham quân và Tòng sự... bởi thế, ở trong kinh thành cũng như ở các trấn, người ta phao tin âm ỉ rằng (Hoàng) Đình Bảo có mưu toan phản nghịch. Trịnh Sâm bí mật bàn với hai bề tôi thân tín là Nguyễn Phương Đình và Nguyễn Lệ để giết (Hoàng) Đình Bảo. Nhưng, vợ (Hoàng) Đình Bảo là Quận chúa (con gái của Trịnh Doanh - ND), rất gần gũi với vợ của Trịnh Sâm là Đặng Thị (Huệ), thường vẫn hay ra vào trong phủ chúa, cho nên, được Đặng Thị (Huệ) nói cho biết việc này. (Hoàng) Đình Bảo hay tin, lòng không được yên, bèn làm tờ khải xin về triều, được Trịnh Sâm y cho.

(Khi về đến kinh đô, Hoàng) Đình Bảo cho rằng, Đặng Thị (Huệ) tuy được chúa (Trịnh Sâm) cưng chiều, nhưng con trai (của Đặng Thị Huệ) là (Trịnh) Cán còn quá bé nhỏ, trong lúc đó, (Trịnh) Khải (là con trai trưởng của Trịnh Sâm) thì đã trưởng thành, nếu phụ họa với Đặng Thị (Huệ) thì không phải là kế bền chắc. Bởi vậy, sau khi vào phủ yết kiến chúa (Trịnh Sâm), (Hoàng) Đình Bảo đem 100 lạng vàng, 10 cây gấm đoạn, đến làm lễ để yết kiến Trịnh Khải. Nhưng, (Trịnh) Khải từ chối, không cho vào gặp, lại còn nói riêng với bọn tôi tớ trong nhà rằng :

- Thằng giặc ấy sao không ở hẳn trong Nghệ An để tính kế làm phản lại còn vội vàng chạy về triều đình ? Chẳng bao lâu nữa, ta sẽ tịch thu hết gia sản của nó chứ thêm gì chút lễ yết kia.

(Hoàng) Đình Bảo biết được lời ấy thì lấy làm sợ hãi, nghĩ rằng mình không được Trịnh Khải bao dung, bèn quyết chí phụ họa với Đặng Thị (Huệ), bí mật lập mưu phết bỏ (Trịnh) Khải. Đặng Thị (Huệ) cũng dốc lòng giúp đỡ (Hoàng) Đình Bảo, cố sức dùng lời biện bạch rằng (Hoàng) Đình Bảo bị vu oan, sau lại còn nói rằng có thể dùng (Hoàng) Đình Bảo vào việc lớn của nước nhà. Trịnh Sâm tin lời ấy, do đấy, (Hoàng) Đình Bảo được vào làm việc trong chính phủ, được mở quân doanh lấy tên là Trung Nhuệ, cho thêm chức Trấn thủ Sơn Nam nhưng không phải đi nhận chức. Quyền hành của (Hoàng) Đình Bảo vì thế mà lấn át cả trong kinh ngoài trấn. Bọn Trấn thủ các xứ đều là kẻ dưới trướng (của Hoàng) Đình Bảo, chỉ còn Nguyễn Lệ ở Sơn Tây, Nguyễn Khắc Tuân ở Kinh Bắc là không cùng bè đảng với (Hoàng) Đình Bảo nữa mà thôi".

Lời bàn : Lúc đầu, Quận Huy nhờ có Hoàng Ngũ Phúc mà tiến thân nhanh, kể đến, nhờ tiến thân nhanh mà được lấy Quận chúa, sau cùng, nhờ có thêm chút tài nữa, Quận Huy được hãnh tiến trên hoạn lộ thênh thênh. Cho nên, Quận Huy hơn tài những ai thì chưa dám quyết chờ may mắn hơn người thì đã quá rõ ràng.

Thói thường, có vinh thì có nhục. Quận Huy bị thiên hạ vu oan, bị Trịnh Khải đuổi đi không thêm tiếp, lại còn dọa mai sau sẽ tịch thu hết gia tài... chuyện ấy chẳng có gì là lạ, nhất là ở vào thời nhiều nhượng như thời của Quận Huy. Bởi giữa biển mà bảo tránh xa nước mặn thế nào được.

Trịnh Khải có đến ba cái sai cùng một lúc. Thứ nhất : chủ quan một cách vô lối về quyền kế vị ngôi chúa của mình. Thứ hai : thân nam nhi, lại đường đường là con chúa, vậy mà chưa chi đã vội vã tin vào mọi lời đồn. Thứ ba : đuổi Quận Huy không thêm tiếp kiến, tức là tự chặt tay chân của mình.

Quận Huy trở cờ là chuyện của Quận Huy, song, lí do trở cờ này lại nằm ngay trong sự tính toán nông cạn của Trịnh Khải. Mới hay, lời vội vã đôi khi có thể thiếu hụt toàn bộ cơ nghiệp của chính mình.

48 - VỤ ÁN NĂM CANH TÍ (1780)

7 tháng 9 năm Canh Tí (1780), một vụ án lớn đã xảy ra ngay trong phủ chúa Trịnh. Bị can gồm Trịnh Khải là con của Trịnh Sâm cùng với một loạt các vị quan lại và đại thần đương thời. Vụ án này đã được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 45 từ 19, từ 20 và từ 21) chép lại như sau :

"(Trịnh) Khải là con do Dương Thị, một trong những phi tần của Trịnh Sâm sinh ra. Theo lệ cổ, con trai của chúa cứ đến 7 tuổi thì cho ra ở riêng để học, nếu là con trai trưởng thì cứ đến năm 13 tuổi là cho mở phủ đệ riêng, được phong làm Thế tử. Nhưng (Trịnh) Sâm cho rằng, (Trịnh) Khải (lúc đầu có tên là Tông) không phải do Chính phi sinh ra nên không yêu quý lắm. (Trịnh Sâm) dùng viên hoạn quan là Nguyễn Phương Đình làm Bảo phó cho (Trịnh) Khải. Mãi đến năm lên 9 tuổi, (Trịnh) Khải mới được đi học. (Trịnh Sâm) dùng Nguyễn Lệ và Lý Trần Thản làm Tả Tư giảng và Hữu Tư giảng (để lo việc dạy dỗ cho Trịnh Khải). Chưa được bao lâu, (Lý)

Trần Thân mất, Nguyễn Lệ thì ra trấn thủ Sơn Tây, cho nên, (Trịnh) Khải ở nhà với Nguyễn Phương Đình, chỉ theo mùa theo tiết mà vào yết kiến ở phủ đường mà thôi.

Hai viên quan trong cơ quan Ngự Sử Đài là Nguyễn Thường và Vũ Huy Đình nhiều lần xin Trịnh Sâm lập Thế tử, nhưng họ đều bị giáng chức. Về sau, Đặng Thị Huệ là một thị nữ được (Trịnh Sâm) yêu chiều, sinh con trai là (Trịnh) Cán, Trịnh Sâm đặc biệt yêu quý hơn nên sách phong Đặng Thị (Huệ) làm Tuyên phi. Từ đó, Đặng Thị (Huệ) ra sức xây dựng phe cánh ngày một mạnh. Ở ngoài, (phe cánh của Đặng Thị Huệ) lại có (Hoàng) Đình Bảo giúp sức, bởi vậy, (Đặng Thị Huệ) ngầm nuôi chí lập mưu cướp ngôi Thế tử cho con là (Trịnh) Cán. (Trịnh) Khải lấy đó làm mối lo. Khi (Trịnh) Sâm bị bệnh, (Trịnh) Khải nhiều lần vào tẩm thất để chầu và thăm hỏi, nhưng thường bị quân canh cửa ngăn lại, không cho vào.

Lúc ấy, ở ngoài phủ đường có tin đồn loan truyền rằng (Trịnh) Sâm bị bệnh rất nặng. (Trịnh) Khải bèn bàn mưu với gia thần là Đàm Xuân Thụ và hai tên đầy tớ là Thế và Thắm (cả hai đều chưa rõ họ) như sau :

- Vương thượng mắc bệnh mà ta không được vào chầu. Vậy, nếu có biến cố tương tự như việc làm của tên Cao và tên Tư (chỉ hai đại thần của Tần Thủy Hoàng là Triệu Cao và Lý Tư đã phế truất ngôi Thái tử của Phù Tô để lập Hồ Hợi. Chuyện xảy ra khi Tần Thủy Hoàng đi tuần du ở Sa Khâu, bị bệnh mà mất - ND), thì ta phải toan tính như thế nào ?

Bọn (Đàm) Xuân Thụ xin được bí mật sắm sửa vũ khí, chiêu mộ binh sĩ để chờ. Nếu trong phủ đường có sự chẳng lành (ý nói Trịnh Sâm mất - ND), thì lập tức đóng cửa thành, bắt giết (Hoàng) Đình Bảo và bắt Đặng Thị Huệ rồi cấp báo cho quan lại ở hai Trấn (Sơn Tây và Kinh Bắc, nơi quan trấn thủ vốn kinh địch với Hoàng Đình Bảo - ND) đem binh mã về hộ vệ, thì ngôi chúa mới có thể vững vàng (trong tay Trịnh Khải) được. (Trịnh) Khải cho lời bàn ấy là đúng, bèn lên đến nhà viên Nội thị là Chu Xuân Hán vay 1.000 lạng bạc để sắm sửa vũ khí và nuôi dưỡng sĩ. Bọn

Trần thủ Sơn Tây là Nguyễn Lệ, từng làm (Tả) Tư giảng cho (Trịnh) Khải; Trần thủ Kinh Bắc là Nguyễn Khắc Tuấn, con nuôi của (hoạn quan) Nguyễn Phương Đình, vốn là chỗ thân tình (của Trịnh Khải) nay đều được mật báo cho biết để sẵn sàng ứng phó.

Quan Đốc đồng Kinh Bắc là Ngô (Thì) Nhậm từng giữ việc ngày ngày giảng sách cho (Trịnh) Khải cũng rất được (Trịnh) Khải thân yêu. Tên đầy tớ, cũng là học trò của (Ngô Thì) Nhậm lúc này đang giữ sách cho (Trịnh) Khải là Hà Như Sơn biết được cơ mưu, bèn đem nói với (Ngô Thì) Nhậm.

Bấy giờ có viên Cấp sự trung là Nguyễn Huy Bá, vốn tính ưa giáo hoạt, từng vì tội tham ô mà bị bãi chức. (Nguyễn Huy) Bá cho con dâu vào làm thị tì, hầu hạ Đặng Thị (Huệ), lại còn sai người thân tín vào cầu cạnh để làm môn hạ của Nguyễn Khắc Tuấn (là kẻ đối nghịch với phe Đặng Thị Huệ - ND). Nhờ (kẻ thân tín làm môn hạ này mà Nguyễn Huy Bá) dò biết được cơ mưu, liền tố cáo ngay với Đặng Thị (Huệ). (Ngô Thì) Nhậm cũng muốn phụ họa với Đặng Thị (Huệ), bèn cùng với (Nguyễn) Huy Bá hợp mưu tố cáo rằng (Trịnh) Khải đã lén lút liên hệ với hai viên trấn thủ (Sơn Tây và Kinh Bắc) để làm chuyện phản nghịch. (Trịnh) Sâm giận lắm, cho triệu (Hoàng) Đình Bảo vào phủ để bàn về việc này. (Trịnh) Sâm muốn trị tội ngay, song (Hoàng) Đình Bảo can rằng :

- Sở dĩ (Trịnh) Khải dám làm chuyện ghê gớm này, chung quy cũng vì có hai viên Trấn thủ Sơn Tây và Kinh Bắc chủ mưu. Nay, cả hai người này đang cầm quân ở ngoài, nếu vội vàng trị tội (bọn phản nghịch ở bên trong) thì sợ là sẽ có biến cố khác. Vậy, chi bằng hãy triệu hết hai viên trấn thủ ấy về triều rồi sau hãy trị tội cũng không muộn.

(Trịnh) Sâm cho lời ấy là phải, bèn hạ lệnh triệu hồi Trấn thủ Sơn Tây là Nguyễn Lệ về kinh. (Nguyễn) Lệ về đến nơi, (Trịnh) Sâm an ủi có phần hơn trước. Mấy hôm sau, (Trịnh) Sâm bí mật bắt hết bè đảng của (Nguyễn) Lệ, đồng thời, cho triệu Trấn thủ Kinh Bắc là Nguyễn Khắc Tuấn về triều. (Nguyễn Khắc) Tuấn vừa về, (Trịnh) Sâm sai bắt giam cùng với Nguyễn Lệ và

Nguyễn Phương Đình, sai (Ngô Thì) Nhậm cùng với viên hoạn quan là Phạm Huy Thức tra khảo. Bấy giờ, (Ngô Thì) Nhậm vì cha mất, phải về chịu tang nên (chúa Trịnh) dùng Lê Quý Đôn để thay. Bọn (Đàm) Xuân Thụ, Thế và Thắm đều nhận tội. (Trịnh) Sâm giáng (Trịnh) Khải xuống làm con út và bắt giam ở nội phủ. Bọn (Đàm) Xuân Thụ bị giết, Nguyễn Lê và Nguyễn Khắc Tuân bị tổng giam vào ngục, còn (Nguyễn) Phương Đình bị kết tội nuôi dưỡng Trịnh Khải không nên người, bị lột hết chức tước và đuổi về làng. (Nguyễn) Khắc Tuân và Chu Xuân Hán đều uống thuốc độc mà chết.

Trịnh Khải bị phế, chỉ được ở ngôi nhà ba gian, ăn uống đi lại đều không được tự do, người người đều ái ngại, nhưng không ai dám nói. Bấy giờ, có viên Tri châu là Lê Vĩ, dâng thư nói rằng (Trịnh) Khải mắc oan, nhưng thư ấy cũng không được Trịnh Sâm nhìn tới.

Trước khi Ngô (Thì) Nhậm tố cáo về cơ mưu của (Trịnh) Khải, có đem bàn với cha là Ngô (Thì) Sĩ. (Ngô Thì) Sĩ cố sức ngăn, từng lấy thân mạng để thề bồi với con nhưng vẫn không được (Ngô Thì) Nhậm nghe. Đến khi hay tin (Ngô Thì) Nhậm đã tố cáo thì (Ngô Thì) Sĩ buồn bực mà uống thuốc độc tự tử. (Ngô Thì) Nhậm, vì có công tố giác, được thăng làm Hữu Thị lang bộ Công, nhưng thiên hạ lúc ấy lại có câu rằng *Sát tử phụ nhi Thị lang*, nghĩa là giết bốn người cha mà làm Thị lang. (Bốn người cha ở đây gồm có : Ngô Thì Sĩ là cha ruột, Nguyễn Lê, Nguyễn Khắc Tuân và Nguyễn Phương Đình là bạn của cha, cũng kể như cha. Lại cũng có người nói Ngô Thì Sĩ là thân phụ, Trịnh Khải là quân phụ, Nguyễn Khắc Tuân và Chu Xuân Hán là phụ chấp - ND).

Lời bàn : Thời loạn, mọi sự đều có thể xảy ra, dẫu vậy, nhân lúc cha ốm nặng mà mưu toan giành quyền, việc làm của Trịnh Khải thật đáng để ngàn đời chê trách. Giá thử cơ mưu có thành đi chăng nữa, ngôi chúa mà Trịnh Khải giành được, nào có vẻ vang tốt đẹp gì đâu. Trịnh Khải và đồng bọn tham cái lợi trước mắt, có biết đâu đã tự chuốc lấy mối hại lâu dài, nhắm mắt xuôi tay rồi vẫn không sao hết nhục.

Hẳn nhiên là phủ chúa lúc ấy có quá lắm những kẻ cơ hội và hiểm độc, nhưng nhân vì có lắm kẻ hiểm độc mà góp thêm sự hiểm độc, phỏng có nên chăng ?

Một loạt người chết, âm phủ thêm những hồn ma tráo trở, một loạt người được thăng thưởng, dương thế thêm bao sự trở trêu. Câu *Sát tử phụ nhi Thị lang* sở dĩ được thiên hạ loan truyền, bởi vì đó là sự thật chăng ? Hẳn nhiên là không phải vậy, nhưng sinh linh khốn khổ thời ấy còn biết tin ai bây giờ ?

Thương thay !

49 - CHUYỆN TRỊNH CÁN ĐƯỢC LẬP LÀM THẾ TỬ

Tháng 9 năm Canh Tí (1780), chúa Trịnh Sâm bắt Trịnh Khải phải xuống làm con út, lại còn bắt giam vào nội phủ, tình cảnh rất là khốn khổ. Hơn một năm sau, tháng 10 năm Tân Sửu (1781), Trịnh Sâm lập con thứ là Trịnh Cán mới được năm tuổi (tính theo tuổi ta) làm Thế tử. Chuyện này được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 45, tờ 24) chép lại như sau :

" (Trịnh) Cán mắc bệnh từ khi còn phải bế ẵm, tay chân thân thể ốm yếu, tốn bao nhiêu thuốc thang chữa trị vẫn không khỏi. Thế mà kể từ khi (Trịnh) Khải bị tội, bỗng dung bệnh tình của (Trịnh) Cán ngày một giảm dần, coi bói thấy mọi sự đều thuận, (Trịnh) Sâm lấy làm vui vẻ lắm. Bầy tôi trong kinh ngoài trấn cũng chúc mừng và khuyên (Trịnh) Sâm nên sớm lập người nối nghiệp, cốt mau thống nhất nhân tâm. (Trịnh) Sâm nghe theo. Mẹ của (Trịnh) Sâm là Thái phi Nguyễn Thị nói với (Trịnh) Sâm rằng :

- Khải với Cán đều là cháu nội của già này, nhưng già này nghĩ rằng Khải đã trưởng thành mà Cán thì còn quá nhỏ, lại đau yếu luôn, già này chỉ mong vương thượng coi trọng tôn miếu xã tắc, hãy tạm để khuyết ngôi kế tự, chờ xem Khải có tự răn mình mà sửa lỗi hay không, nhược bằng không thì hãy đợi đến khi Cán đã lớn cũng chẳng có gì là muộn.

Trịnh Sâm nói :

- Việc lớn của nước nhà cốt sao tìm được người xứng đáng để phó thác. Nếu như bệnh tình của Cán không khỏi thì thà là lập (Trịnh) Bồng trả lại cơ nghiệp cho ngành cả của nhà bác (Trịnh Bồng là con Trịnh Giang, còn Trịnh Doanh là em Trịnh Giang. Năm 1740, Trịnh Doanh tự lập làm chúa rồi sau truyền ngôi cho con là Trịnh Sâm. Như vậy, Trịnh Bồng là anh con bác của Trịnh Sâm - ND), chứ không thể phó thác cho đứa con bất hiếu được.

Thái phi nghe vậy thì không nói thêm gì nữa. (Trịnh) Sâm tâu Vua xin lập (Trịnh) Cán làm Thế tử. Lúc ấy (Trịnh) Cán mới 5 tuổi. (Trịnh) Sâm dùng Huy Quận công Hoàng Đình Bảo làm A phó (cho Thế tử Trịnh Cán) để lo nuôi dưỡng và giúp đỡ (Trịnh) Cán. Bấy giờ, (Trịnh) Sâm mắc bệnh trĩ, phải ở trong nhà kín chớ không ra ngoài. Đặng Thị (Huệ) ở trong cung sắp đặt mọi việc, bề đẳng cùng giữ trọng trách, trong khi đó, (Trịnh) Cán lại còn quá thơ ấu nên ai cũng lấy làm lo".

Lời bàn : Bề ngoài, có vẻ như Trịnh Sâm thuận theo lời tâu xin của quần thần, sớm định ngôi Thế tử để yên lòng người, nhưng thực ra, những quần thần kia chẳng qua chỉ là tay chân của Đặng Thị Huệ, rốt cuộc, Trịnh Sâm chỉ là con rối, bị lòng tham của những kẻ tầm thường giật dây đó thôi. Kể vô đạo thường hay nói lời nhân nghĩa, như lời Trịnh Sâm trả lời Thái phi Nguyễn Thị, kể cũng là lời nhân nghĩa đó thôi, có điều, trên thì coi khinh nhà vua và bất kính với mẹ, dưới thì rẻ rúng quần thần, Trịnh Sâm quả là kẻ vô đạo nổi bật trong số những kẻ vô đạo vậy.

Những người quyết chí tôn lập Trịnh Cán đều không phải vì ngôi vị của Trịnh Cán mà là vì... chính họ. Đặng Thị Huệ thì vì ngôi Thái phi của mình, Hoàng Đình Bảo thì vì quyền khuynh loát bá quan của ông, những người khác thì vì tham vọng thăng quan tiến chức kiêu ngạo tât của họ, đến như Trịnh Sâm mà quyết chí lập Trịnh Cán cũng chỉ vì nặng lòng cưng chiều Đặng Thị Huệ đó thôi.

Bao kẻ trong phủ chúa có chung một cái cơ tẻ hại để vụ lợi, thế nhưng lại chẳng có chung nổi một chút lòng xót thương đến xã tắc, khiếp thay !

50 - LỜI VĨNH QUYẾT CỦA VŨ MIÊN

Vũ Miên người xã Xuân Quan, huyện Lương Tài (thuộc Bắc Ninh), đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1748), làm quan trải thờ hai đời chúa là Trịnh Doanh và Trịnh Sâm. Đầu đời chúa Trịnh Sâm (năm 1767), Vũ Miên được trao chức Tế tửu. Tám năm sau (năm 1775), Vũ Miên được trao chức Phó Đô ngự sử, được cùng với một loạt các danh sĩ đương thời tham gia soạn chính sử cho nước nhà. Sau, Vũ Miên được thăng dần lên đến Binh bộ Tả thị lang rồi Bồi tụng.

Sinh thời, Vũ Miên là người chín chắn, xử việc cẩn trọng, bởi vậy, chúa Trịnh Sâm cũng như bá quan rất nể vì. Tháng 6 năm Nhâm Dần (1782) Vũ Miên qua đời. Khi ông bệnh nặng, phải nằm nghỉ ở nhà riêng, chúa Trịnh Sâm đã sai Trung sứ đến tận nơi để hỏi han, cho Vũ Miên nói hết mọi điều muốn nói. Cảm kích về việc này, Vũ Miên đã tự tay viết tờ khải dâng lên chúa Trịnh Sâm. Và, đó cũng là lời vĩnh quyết của Vũ Miên. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 45, tờ 25 và 26) lược chép chuyện này như sau :

"(Vũ) Miên bị bệnh nặng, Trịnh Sâm sai Trung sứ đến tận nhà riêng của Vũ Miên để hỏi hết những điều mà (Vũ) Miên muốn nói. (Vũ) Miên tự tay viết tờ khải, nói :

- Quý tử (chỉ Trịnh Khải, vì Trịnh Khải lúc này đã bị bắt làm con út - ND) vì khí huyết chưa vững nên mới bị bọn tiểu nhân mê hoặc, đến nỗi phải phạm tội nặng nề. Thế tử là ngôi dành cho người đã trưởng thành để sau nối nghiệp mà trị vì, đó là phúc muôn đời của tôn miếu xã tắc. Nếu chẳng may có biến cố xảy ra bất thường thì tai họa thật khó mà lường trước được. Việc này tôi vẫn thầm áy náy lo lắng, nếu không ổn thỏa thì chắc tôi có chết cũng không thể nhắm mắt được. Tôi cũng cúi xin vương thượng cắt đứt tình yêu nơi chốn gối để định thứ bậc các con lớn bé cho được đúng đắn. Nếu được như vậy là may lớn cho thiên hạ.

Lúc này, Vũ Miên đang làm Tả thị lang bộ Binh, được giữ chức Bồi tụng thì mất. (Triều đình) truy tặng hàm Thượng thư, đặt cho tên thụy là Ôn Cẩn".

Lời bàn : Lời vĩnh quyết của Vũ Miên quả là lời rất sáng suốt, nếu không có cả một đời canh cánh lo toan và suy gẫm, nhất định không thể nói được như vậy. Hóa ra, bậc đại trí lại có đức nhân thì lời nói ra đều là lời châu ngọc. Lời ấy vừa là để nói với Trịnh Sâm, cũng là lời chân tình với muôn thuở vậy.

Vũ Miên bàn chuyện Thế tử nhưng thực chất là bàn chuyện của cả triều đình, chuyện tư cách của bá quan đương thời. Trịnh Sâm nếu chỉ nghe bằng tai, đọc bằng mắt không thôi thì chẳng thể nào hiểu được cả. Vũ Miên khuyên riêng Trịnh Sâm nhưng thực là khuyên chung hết thầy những ai nặng lòng với xã tắc. Đam mê tấu sắc thì làm chủ chính mình không được, làm chủ một gia đình cũng chẳng xong, bảo làm chúa của cả thiên hạ thế nào được ?

Nói xong lời vàng ngọc này, Vũ Miên qua đời, và chẳng bao lâu sau đó, Trịnh Sâm cũng qua đời nốt. Trịnh Sâm đã kịp truy phong cho Vũ Miên, tiếc là chưa kịp làm theo lời khuyên này đã phải về chín suối. Giá thử có hồn thiêng, ắt hồn thiêng của Vũ Miên cũng chẳng thể vui. Vâng, chẳng thế !

51 - TRỊNH CÁN ĐƯỢC ĐƯA LÊN NGÔI CHỨA NHƯ THẾ NÀO ?

Tháng 9 năm 1782, Trịnh Sâm mất, con thứ của Trịnh Sâm là Trịnh Cán được đưa lên ngôi chúa. Bấy giờ, Trịnh Cán mới 6 tuổi (tuổi tảo). Sự kiện nửa đáng khóc, nửa đáng cười này của lịch sử đã được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 45, tờ 26, 27 và 28) chép lại như sau :

"Khoảng mấy năm này, bệnh cũ của (Trịnh) Sâm lại tái phát luôn, khiến cho (Trịnh) Sâm rất sợ nắng gió, thường ở sâu trong cung, kể cả lúc ban ngày cũng phải đốt nến. Chỉ những ngày đại triều (Trịnh) Sâm mới chịu đi ra ngoài, còn thì không bao giờ đi đâu cả. Đến đây, bệnh trở nên nguy kịch. Đặng Thị (Huệ) ngày đêm châu chực ở bên cạnh, các quan lại đại thần chỉ có (Hoàng)

Đình Bảo, (Tạ) Danh Thùy và (Lê) Đình Châu cùng vài ba người nữa là được quyền ra vào mà thôi. Đặng Thị (Huệ) nói với (Trịnh) Sâm rằng :

- Thiếp được vương thượng yêu thương quyền luyến bội phần nhưng nay thì trăm tội đều đổ lên đầu thiếp, chẳng biết rồi nay mai mẹ con thiếp sẽ gởi thân vào đâu.

(Trịnh) Sâm an ủi rằng :

- Danh vị Thế tử đã định rõ, sau này, nước là nước của Thế tử, còn lo lắng nỗi gì nữa ?

(Trịnh) Sâm quay sang nói với (Hoàng) Đình Bảo rằng :

- Người hãy cố sức giúp rập Thế tử cho ta yên lòng.

(Hoàng) Đình Bảo thưa :

- Thần đầu nữ không tận tâm. Để báo đáp ơn chúa, thần sẵn sàng nhận lấy cái chết. Nhưng, ngay bây giờ, xin vương thượng hãy truyền ngôi cho Thế tử, đồng thời, sách phong cho Tuyên phi Chính cung (chỉ Đặng Thị Huệ, mẹ của Trịnh Cán - ND) được quyền tham dự việc quyết đoán chính sự, cốt sao cho mệnh lệnh lúc nào cũng rõ ràng.

(Trịnh) Sâm nói :

- Người nói rất đúng. Người hãy giúp ta làm việc này.

(Hoàng) Đình Bảo nói :

- Nhận cố mệnh lo việc chính trị, thần không dám tự chuyên một mình, vậy xin cho một người rất gần gũi trong họ là Trịnh Kiều (con thứ năm của Trịnh Cương, chú ruột của Trịnh Sâm - ND), bậc Sư bảo đại thần là Nguyễn Hoàn, hai người có danh vọng lớn trong chính phủ là Lê Đình Châu và Phan Lê Phiên, cùng với hai A bảo tín thần là Trần Xuân Huy và Tạ Danh Thùy, được vâng chịu.

(Trịnh) Sâm y cho. Phan Lê Phiên được thảo cố mệnh, Nhữ Công Diễn viết chế sách sách phong cho Tuyên phi Đặng Thị (Huệ).

Tờ cổ mệnh và tờ sắc sách phong viết xong, (Hoàng) Đình Bảo liền giấu trong tay áo, đem vào phủ đường để xin (Trịnh) Sâm phê chuẩn. Lúc ấy, (Trịnh) Sâm đã gần tắt thở, bèn cho triệu bọn Trịnh Kiều và Nguyễn Hoàn vào gấp để nhận cổ mệnh. Khi họ vào, (Trịnh) Sâm khóc và nói :

- Tiểu tử này mắc bệnh, không thể sống được nữa. Nay, cho Thế tử là (Trịnh) Cán nối ngôi, mong thúc phụ và sư thần đồng tâm giúp rập, hầu qua buổi khó khăn này.

(Hoàng) Đình Bảo nhận đó lấy giấy tờ trong tay áo ra dâng lên nhưng (Trịnh) Sâm gạt đi. (Hoàng) Đình Bảo nói :

- Tờ cổ mệnh còn chưa ghi tên (của Thế tử), vậy xin cho vương thân là Trịnh Kiều ghi thay.

(Trịnh) Sâm gạt đầu. (Trịnh) Kiều ghi tên Thế tử xong, dâng lên thì (Trịnh) Sâm đã nhắm mắt, không còn biết gì nữa. Chỉ một lúc sau thì (Trịnh) Sâm mất, thọ 41 tuổi.

(Hoàng) Đình Bảo đem tờ cổ mệnh và sắc sách phong cho Tuyên phi (Đặng Thị Huệ) giao cho (Tạ) Danh Thùy thông báo cho chính phủ và khắp các nơi rồi sau đó, tâu xin Nhà vua lập (Trịnh) Cán làm Điện Đô Vương, cho Tuyên phi Đặng Thị (Huệ) được tham dự việc quyết đoán chính sự, đồng thời, truy tôn (Trịnh) Sâm làm Tĩnh Vương.

Bấy giờ, (Trịnh) Cán còn nhỏ tuổi lại mang bệnh, cho nên, ai ai cũng nôn nao lo sợ. (Quan lại) trong triều và (nhân dân) nơi mọi làng xã, ai cũng tin là tai họa sẽ xảy ra trong khoảng không bao lâu nữa. (Hoàng) Đình Bảo chuyên quyền, một mình nắm hết mọi quyền hành trong nước, vẫn thản nhiên chứ không để ý gì cả. Bọn (Trịnh) Kiều và Nguyễn Hoàn, tất cả sáu người, chỉ đặt ra cho có đủ lệ bộ chứ chẳng có vai vế gì".

Lời bàn : Huy Quận công Hoàng Đình Bảo và Tuyên phi Đặng Thị Huệ, mỗi người có một lí do mãnh liệt khác nhau, nhưng cả hai đều gặp nhau ở chỗ quyết chí đưa Trịnh Cán lên nối ngôi chúa. Song, cả tờ cổ mệnh lẫn tờ sắc sách phong đều

được Huy Quận công Hoàng Đình Bảo giấu vào tay áo, sự thể này tự nó đã mách bảo rằng, tất cả, chẳng có gì đường đường chính chính đâu.

Trịnh Sâm gật đầu hay Trịnh Sâm thở hắt lần cuối, chuyện ấy chỉ có trời mới biết, nhưng thôi, điều đáng nói là Trịnh Cán đã được nối ngôi chúa. Ngôi chúa tôn nghiêm được trao cho một cậu bé chưa thể làm chủ được mọi sinh hoạt cá nhân của mình, lại đang khi đau yếu bệnh tật, bảo chính sự thuở ấy không thoải mái sao được. Và, chẳng hay các bậc được hưởng ơn mưa móc của chúa lúc ấy cảm thấy hương vị cuộc đời như thế nào !

52 - CUỘC TRUẤT PHẾ TRỊNH CÁN

Sự kiện này xảy ra vào tháng 10 năm Nhâm Dần (1782), nghĩa là đúng một tháng sau khi Trịnh Sâm mất, cũng đúng một tháng sau khi Trịnh Cán được đưa lên nối ngôi chúa. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 45, tờ 28, 29, 30 và 31) chép lại như sau :

"Sau khi (Trịnh) Cán đã được lập làm chúa, Đặng Thị (Huệ) đem (Trịnh) Khải ra giam giữ rất ngặt ở nhà Tả Xuyên. Mẹ của (Trịnh) Khải là Dương Thị sợ rằng (Trịnh) Khải sẽ khó lòng mà bảo toàn được tính mạng, bèn sai người đến gặp (Hoàng) Đình Bảo, xin hãy xót thương đến. (Hoàng) Đình Bảo vừa khóc vừa nói :

- (Hoàng) Đình Bảo này thờ Tiên vương, từng được đội ơn yêu dấu. Quý tử (chỉ Trịnh Khải, vì lúc này Trịnh Khải đã bị bắt làm con út của Trịnh Sâm nên phải gọi là quý tử - ND) là con của Tiên vương, nếu ta mà có lòng dạ nào thì sẽ bị trời tru đất diệt.

Từ ấy, việc giam giữ có được nới lỏng hơn, bọn gia thần của (Trịnh) Khải cũng nhân đó mà dần dà được ra vào thăm hỏi (Trịnh) Khải. Bấy giờ, (Trịnh) Cán tuy đã được lập làm chúa nhưng không sao quy tụ được lòng người, (Hoàng) Đình Bảo thì phụ họa với Đặng Thị (Huệ), cho nên, ai ai cũng ghét. Họ tụ họp bàn tán khắp nơi, người nói là (Hoàng) Đình Bảo đang âm mưu làm việc trái phép, kẻ thì bảo rằng Chúa mới đang lâm bệnh nặng, còn

(Hoàng) Đình Bảo thì tư thông với Đặng Thị (Huệ) và tính kế giết quý tử... lời đồn cứ thế loan ra khắp nơi, không sao ngăn chặn được nữa.

Có tên bề tôi của (Trịnh) Khải là Dự Vũ, lên vào chỗ quân sĩ đang uống rượu, nói vụng với bọn này rằng :

– Thế tử của Tiên vương (ở đây, Thế tử là từ chỉ Trịnh Khải, vì Dự Vũ không thừa nhận việc truất ngôi Thế tử của Trịnh Khải trước kia – ND) không có tội trạng gì, tất cả chẳng qua vì Đặng Thị (Huệ) là người đàn bà ác nghiệt, làm cho Tiên vương bị mê hoặc để rồi cướp lấy ngôi cho con mình mà thôi. Còn như (Hoàng) Đình Bảo thì vốn có chủ đích làm phản đã lâu, hẳn muốn lợi dụng Chúa mới còn bé nhỏ để dễ bề áp chế, đồng thời, phụ họa với Đặng Thị (Huệ) để lập kế cướp ngôi. Nay, Chúa mới đang bị bệnh nguy kịch, họa loạn xảy ra là điều không thể tránh khỏi. Quân sĩ đều là dân ở đất thang mộc (đất quê hương của cả vua Lê và chúa Trịnh – ND), là nanh vuốt của nước nhà, là những người trung nghĩa... nếu sớm biết một lòng tôn phò, định yên được ngôi chúa (ý muốn chỉ đưa Trịnh Khải lên thay Trịnh Cán mà làm chúa – ND) thì tên tuổi sẽ được ghi mãi trong tờ văn thư làm bằng vải xoa màu đỏ, trong tờ khoán ước chế bằng sắt, công trạng thật không có gì lớn hơn.

Quân sĩ nghe vậy, ai ai cũng vừa tức (Hoàng Đình Bảo và Đặng Thị Huệ) vừa cảm kích, cho nên mật hẹn cùng nhau hội họp ở chùa Khán Sơn (Hà Nội – ND), tính kế để làm, nhưng vì e còn ngại về quyền uy của (Hoàng) Đình Bảo, bàn mãi vẫn chẳng được kế hay. Bấy giờ, có viên Quản lại của đội quân Tiệp Bảo là Nguyễn Bằng, cũng đang ngồi họp bàn với bọn quân sĩ, mạnh dạn đứng dậy nói :

– Nếu quân sĩ ai ai cũng đồng lòng làm việc này, thì chẳng qua chỉ cần đợi qua lễ tế điện buổi sáng ở trong phủ đường, nổi ba hồi trống làm hiệu, rồi nhất tề kéo đến lôi nó xuống mà quật cho một trận, thế là xong chứ có gì là khó khăn ?

Mọi người mừng rỡ, cử Nguyễn Bằng đứng đầu, cùng uống máu ăn thề, rằng chẳng cần đến ngày hẹn cụ thể, cứ hễ thấy nổi ba hồi trống là nhất tề khởi sự.

Mưu kín đã định xong thì có tên Viên Ngoại lang là Bùi Bật Trục nghe được, hẩn bèn đem báo cho Nguyễn Trọng Chiêu là con của Nguyễn Trọng Viêm biết, lại còn tự đứng ra giới thiệu để Nguyễn Trọng Chiêu tham gia hội họp với quân sĩ, ngầm theo dõi tin tức để rồi (báo cho Hoàng Đình Bảo và Đặng Thị Huệ) mong lập được công to. (Bùi) Bật Trục còn nói với quân sĩ rằng :

- Đây là việc hệ trọng, cần phải nhờ Quốc cữu (tức Nguyễn Trọng Viêm, em ruột của Trịnh Thái phi Nguyễn Thị) tâu trình cho Trịnh Thái phi rõ. Nếu chẳng may (Hoàng) Đình Bảo biết chuyện thì cứ việc nói là có mệnh lệnh của Trịnh Thái phi mật trao cho. Chuyện gì mình bạch cũng hay hơn.

Quân sĩ nghe theo lời ấy, bèn sai (Bùi) Bật Trục đến, bí mật nói riêng với (Nguyễn) Trọng Viêm, nhưng (Nguyễn) Trọng Viêm lại nói với Nguyễn Hoàn. Nguyễn Hoàn muốn noi theo cách cũ của Trịnh Doanh (chỉ việc Trịnh Doanh giành ngôi của anh là Trịnh Giang khi Trịnh Giang đang mắc bệnh - ND), nên có ý xin cho (Trịnh) Khải được tạm giữ chính quyền, cốt để yên lòng quân sĩ. (Nguyễn) Trọng Viêm liền tâu với Trịnh Thái phi, Thái phi sai người đến nói với (Hoàng) Đình Bảo. (Hoàng) Đình Bảo nói :

- Tiên vương có hai người con trai, nếu chúa mới mà bệnh không khỏi thì ngôi báu tất nhiên về tay quý tử, còn như nói cho quý tử tạm nắm chính quyền tức là mở đường cho việc cướp ngôi. Tôi vâng chịu cố mệnh của Tiên vương, cho nên, không dám làm theo lời này.

(Nguyễn) Trọng Viêm sợ rằng việc này mà bại lộ thì mình sẽ bị vạ lây, bèn đến bàn với Nguyễn Hoàn. (Nguyễn) Hoàn nói :

- Việc đã đến như vậy thì để mặc quân sĩ muốn làm gì cứ làm.

Bấy giờ, trong kinh thành người ta đồn ầm lên rằng quân sĩ sẽ gây chuyện biến loạn, nhưng (Hoàng) Đình Bảo vẫn không hề hay biết gì cả.

Sáng ngày 24 tháng ấy (tháng 10 năm 1782 - ND), Nguyễn Bàng đã tìm được lối đi tắt, leo lên lầu phủ đường, nổi trống tụ họp quân sĩ, và quân sĩ lập tức có mặt đông đủ, gươm giáo tuốt

trần, ô ạt xông vào. (Hoàng) Đình Bảo, mình ngồi trên voi, tay cầm kiếm, chắn ngang cửa phủ để ngăn lại. Quân sĩ tranh nhau lấy đá ném chết hắn. Em hắn là Khanh Vũ Hầu Hoàng Lương cũng bị loạn quân giết chết. Quân sĩ kéo nhau đến nhà giam, phò Trịnh Khải ra phủ đường, rồi xin Trịnh Thái phi tâu với Nhà vua cho lập (Trịnh) Khải làm Nguyên soái, tước Đoan Nam Vương, truất (Trịnh) Cán xuống làm Cung Quốc công, nhưng sau đó chẳng bao lâu (Trịnh) Cán đã chết vì bệnh.

Quân sĩ thả cửa cướp bóc, cứ hễ ai là tộc thuộc của họ Đặng và họ Hoàng cùng những người trước kia từng tố cáo Trịnh Khải là họ cướp phá. Kinh thành rối loạn đến mấy ngày mới được yên.

Quân sĩ cậy công, đòi ban thưởng mãi. Triều đình định rằng :

- Phong cho Nguyễn Bằng tước hầu, hàm Suy Trung Dục Vận Công Thần.

- Ba mươi người có mặt trong buổi nhóm họp đầu tiên và Quản Lại là Nguyễn Trù được đặc biệt thăng thưởng.

- Các quân thủy bộ trong kinh, ngoài trấn được ban tiền bạc người nhiều, người ít khác nhau. Ngoài ra, còn ban cho mỗi người một tờ sắc phong để trống, cho phép họ có thể tặng cho thân thuộc, tức là tỏ rõ việc đền ơn này hết sức lớn lao. Nhưng cũng từ ấy, bọn kiêu binh ngày càng ngông cuồng, không viên quan nào cai quản được, chỉ có thể ràng buộc lỏng lẻo 'mà thôi'.

Lời bàn : Lúc vận nước lâm nguy, người lính hiền ngang ra trận, khó khăn không ngại, gian khổ mặc lòng, coi cái chết nhẹ như lông hồng... tất cả chỉ vì họ hiểu rằng họ đang chiến đấu cho đại nghĩa. Đến đây, nước không có thái bình nhưng thực sự cũng chẳng có chiến tranh, chết chóc chẳng có, gian khổ cũng không, đã thế, nhà chúa lại còn biệt đãi họ nữa, vậy mà họ cứ mặc sức tung hoành, bất kể chức phận và phép nước... tất cả cũng chỉ vì họ hiểu là chính sự rối bời, kỉ cương diên đảo, *được làm vua, thua làm giặc* mà thôi.

Khéo khen cho viên bầy tòi của Trịnh Khải là Dụ Vũ, kẻ đã kích động binh sĩ khi họ đang uống rượu. Khi ấy, nếu có bảo họ đi tìm thang leo lên trời, bắt cá ở sông Ngân về làm đồ nhắm rượu, hắn là cũng có kẻ xằng xái ra đi, nói chi chuyện trừng trị Hoàng Đình Bảo và Đặng Thị Huệ là những người họ đang căm ghét.

Cũng khéo khen cho ai đã nghĩ ra trò ban tặng sắc phong mà để trống và cho phép binh sĩ được tùy nghi tặng lại cho thân thích. Xã tắc phải một phen thừa chực sắc. Trong muôn sự thừa, đây chính là sự thừa đáng sợ nhất. Điều này, cứ hỏi dân thì rõ. Mới hay :

Thiên hạ một người lên ngôi chúa

Bốn phương bao kẻ xuống âm ti.

53 - SỐ PHẬN NHỮNG NGƯỜI GIÚP RẬP TRỊNH CÁN

Hai tháng sau ngày khởi loạn của kiêu binh, các quan đại thần từng lo giúp rập cho Trịnh Cán đều lần lượt bị trị tội. Bị trị tội vào tháng chạp năm 1782 có Quận công Trịnh Kiều (chú ruột của Trịnh Sâm, tức vai ông chú của Trịnh Khải và Trịnh Cán), quan Tham tụng là Phan Lê Phiến (người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, ngoại ô Hà Nội ngày nay, đỗ Tiến sĩ khoa Đinh Sửu, 1757) và quan giữ chức Tri lại phiên là Nhữ Công Diễn (người xã Hoạch Trạch, huyện Đường An, thuộc Hải Dương, đỗ Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn, 1772). Cả ba đều bị bãi chức. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 45, tờ 34 và tờ 35) viết rằng :

"Trước kia, khi Trịnh Sâm bị bệnh nặng, cho con là (Trịnh) Cán được nối ngôi chúa, có sai bọn Phan Lê Phiến viết tờ cố mệnh và tờ sắc sách phong cho Tuyên phi Đặng Thị (Huệ). Tờ cố mệnh viết xong thì (Trịnh) Sâm cũng không còn đủ sức để phê vào nữa, bèn sai Trịnh Kiều viết thay (chữ Cán vào tờ cố mệnh). Đến đây, Trịnh Khải lấy tờ cố mệnh ấy ra thì thấy trong đó có lời phê của Trịnh Thái phi Nguyễn Thị như sau :

- Không phải nét chữ do chính tay Tiên vương viết ra, không thể lấy gì làm bằng chứng. Vậy, giao cho chính phủ bàn luận.

Quan Thiêm sai là Phạm Nguyễn Du (còn có tên khác là Phạm Vi Khiêm, đỗ Tiến sĩ khoa Kỷ Hợi, 1779), làm lời luận quốc

thị (dại để cũng như lời bàn về kế sách của nước nhà – ND), trong đó, đại lược nói rằng :

– Việc lập (Trịnh Cán làm) Điện Đô Vương và việc sách phong cho Tuyên phi Đặng Thị (Huệ) được quyền xét đoán chính sự là những việc nói trong lúc trời trăng lằng lảnh của Tĩnh Vương (tức Trịnh Sâm), không thể nào coi là chính đáng được. Nay Thái phi lấy địa vị của người làm mẹ (đây nói mẹ của Trịnh Sâm – ND), thay đổi việc làm (sai trái lằng lảnh của con), là rất hợp với sự lý và rất đúng đắn. Vậy, xin truy xét tội lỗi của bọn bầy tôi phụ họa, cốt sao để làm sáng tỏ nghiêm pháp của nước nhà.

Bởi lẽ này, bọn Trịnh Kiều đều bị coi là can tội thiện tiện ra lệnh, bị bãi chức, Đặng Thị (Huệ) bị bắt làm thứ nhân, nhưng về sau, Đặng Thị (Huệ) uống thuốc độc tự tử".

Lời bàn : Ân oán thế là rõ, phủ chúa với giang hồ nào khác gì nhau, có chăng thì cũng chỉ là ở chỗ, một bên nhân danh phép nước, còn một bên thì chẳng có gì để nhân danh. Các đại thần chỉ bị bãi chức, thế là còn may. Thời ấy, mạng sống rẻ lắm, mạng của kẻ khác phe cánh lại còn rẻ hơn. Có thăm điều ấy mới thấy Trịnh Kiều, Phan Lê Phiên và Nhữ Công Diển có phúc tổ để lại lớn lắm.

Có bao nhiêu người nhận cổ mệnh thì cũng có bấy nhiêu người đáng sợ: người thì chức tước lớn, người thì học vị cao, kẻ thì kinh nghiệm vào ra phủ chúa nào phải ít ỏi, tất cả văn võ gồm đủ, thế mà thua mưu bà Thái phi Nguyễn Thị, thân mẫu của Trịnh Sâm. Nhẹ nhàng khuyên mà không nghe thì bà nhẹ nhàng viết lời phê vào tờ cổ mệnh, ngắn gọn mà sâu sắc, đơn giản mà chắc chắn, khiến cho cả triều đình phải ngoan ngoãn nghe theo. Hóa ra, các văn thần võ tướng lúc ấy chỉ tính nước đi trước mắt mà không tính nước lùi về sau, bị bãi chức là phải, bởi vì kế ấy đã qua nổi một người đàn bà trong phủ chúa đâu.

54 - VÌ SAO NGUYỄN HỮU CHÍNH ĐI THEO TÂY SƠN

Năm 1782, tướng của họ Trịnh là Nguyễn Hữu Chính, người đang giữ chức Quản lĩnh của cơ binh mang hiệu là Tiền Ninh ở Nghệ An, đã bỏ họ Trịnh mà theo về với Tây Sơn. Vì sao lại có

chuyện động trời này ? Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 45, tờ 32, 33 và 34) cho biết :

"(Nguyễn) Hữu Chỉnh là người phóng dăng, ít chịu khép mình vào khuôn phép. Lúc trẻ, (Nguyễn Hữu Chỉnh) đã đỗ Hương tiến (tức là Cử nhân - ND), từng đi du lịch ở kinh sư và vào yết kiến Hoàng Ngũ Phúc, được (Hoàng) Ngũ Phúc cho là người có tài khác thường nên dùng làm gia khách. Khi (Hoàng) Ngũ Phúc vào xâm lấn đất phía Nam (chỉ việc Hoàng Ngũ Phúc đem quân của chúa Trịnh đánh vào xứ Đàng Trong năm 1774 - ND), (Nguyễn) Hữu Chỉnh được đi theo và giữ chức thư kí. (Vào Nam một thời gian, Nguyễn Hữu Chỉnh) được sai đến quân dinh của Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc, khuyên Nguyễn Văn Nhạc hãy quy thuận. (Nguyễn) Văn Nhạc cũng rất trọng tài (của Nguyễn Hữu Chỉnh). Sau, (Nguyễn Hữu Chỉnh) theo Hoàng Đình Bảo (là cháu của Hoàng Ngũ Phúc - ND) đi đánh giặc biển, lập được công lao, được bổ làm Quản lãnh của đội binh mang hiệu Tuần Hải, và sau đó thì được thăng làm Quản lãnh của cơ binh (cơ binh lớn hơn, gồm nhiều đội binh - ND) mang hiệu là Tiền Ninh ở trấn Nghệ An).

Khi binh lính trong kinh thành nổi loạn, môn hạ của Nguyễn Hữu Chỉnh là Hoàng Việt Tuyền, từ Sơn Nam vượt biển vào báo cho Nguyễn Hữu Chỉnh hay. Nguyễn Hữu Chỉnh đến bàn với trấn thủ Nghệ An là Vũ Tá Dao. Vũ Tá Dao cũng là em rể của (Hoàng) Đình Bảo. Vũ Tá Dao hỏi :

- Bây giờ phải tính làm sao ?

(Nguyễn) Hữu Chỉnh đáp :

- Trấn Nghệ An và Thuận Hóa tiếp giáp với nhau. Nay, bọn Phó tướng ở Phú Xuân là Hoàng Đình Thế, tướng coi đồn Động Hải là Khôi Thọ đều là thuộc tướng của tiên công ta (chỉ Hoàng Ngũ Phúc - ND), với ta, đều là người cùng hội cùng thuyền. Nay, nếu tướng công viết mật thư khuyên bảo (Hoàng) Đình Thế, khiến (Hoàng) Đình Thế giết chết viên đại tướng rồi chiếm lấy thành, thì khi ấy tất nhiên là Khôi Thọ sẽ đem quân ở Động Hải mà hưởng ứng với ta. Về phần mình, tướng công nên chiếm lấy thành

Nghệ An này, cùng họ gấn bó như môi với răng, sau đó, chặn lấy đường Hoàng Mai, đóng đại quân ở Quỳnh Lưu để cố thủ. Việc phòng thủ mặt biển, tôi xin tự mình đảm đang. Tướng công mà làm được như thế thì không những thoát khỏi hoạn nạn mà còn có công lao phi thường.

(Vũ) Tá Dao nói :

- Tôi không thể theo kế này được, xin cho kế thứ hai.

(Nguyễn) Hữu Chính nói :

- Trừ kế ấy ra, chỉ còn cách bỏ trấn mà đi thôi.

(Vũ) Tá Dao hỏi :

- Đi đâu bây giờ ?

(Nguyễn) Hữu Chính đáp :

- Thiên hạ dễ có đến vạn nước, lo gì không có đất dung thân? Hễ còn do dự, dẫu chỉ trong chốc lát, thì đạo quân được phái đến để bắt sẽ kéo đến ngay bây giờ đấy.

(Vũ) Tá Dao còn ngẫm nghĩ chưa thể dứt khoát, thì (Nguyễn) Hữu Chính đã về nhà, cùng với Hoàng Viêt Tuyển, dắt díu vợ con chạy vào Quy Nhơn đầu hàng Nguyễn Văn Nhạc. (Nguyễn) Văn Nhạc được (Nguyễn) Hữu Chính, lấy làm mừng, liền đãi làm bạc thượng khách. (Nguyễn) Hữu Chính đem hết tình hình trong nước báo cho giặc (chỉ Tây Sơn - ND) biết, rồi rắp tâm tìm chỗ sơ hở (của Đảng Ngoài) để báo thù. Hắn khuyên (Nguyễn) Văn Nhạc tích trữ lương thực và khí giới, kén chọn tướng soái, huấn luyện sĩ tốt để mưu chiếm Thuận Hóa".

Lời bàn : Theo Tây Sơn sớm nhất, kiên quyết và bền bỉ nhất là những người nông dân bị áp bức đè dày. Trong số đó, hẳn nhiên không có Nguyễn Hữu Chính. Theo Tây Sơn đánh Nam dẹp Bắc, lật nhào ách cai trị tàn bạo của họ Nguyễn ở Đảng Trong, của họ Trịnh ở Đảng Ngoài, nghĩa là theo Tây Sơn vì sự thúc bách của cuộc đấu tranh giai cấp mãnh liệt đương thời, thì trong số đó cũng không có Nguyễn Hữu Chính. Nguyễn Hữu Chính theo Tây Sơn, chẳng qua vì không thể theo ai khác, có vậy mà thôi.

Lời Nguyễn Hữu Chính nói với Vũ Tá Dao, hiểm và độc mà chẳng hề thể hiện chút đường hoàng nào của bậc tướng quân. Mới hay, không phải bất cứ ai có tài vung gươm ra trận, có mẹo lừa được đối phương và có chút uy với sĩ tốt, đều đáng mặt tướng quân. Vũ Tá Dao do sự chần chờ, ắt cũng không biết là nên theo bọn tiểu nhân rắp tâm báo oán hay theo đứa xảo quyết là Nguyễn Hữu Chính để làm chuyện trở cờ. Cứ thử đóng vai Vũ Tá Dao mà xem !

Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc coi Nguyễn Hữu Chính như thượng khách, đây cũng là sự thưởng. Không hao binh tổn tướng, chẳng mệt nhọc dụ hàng... vẫn có thể bắt được tướng, rõ hư thực của đối phương và có thêm kẻ tình nguyện cộng sự đắc lực, bảo Tây Sơn không rộng lượng ban chút ơn huệ nhất thời cho Nguyễn Hữu Chính sao được ? Về sau, Nguyễn Hữu Chính bị Tây Sơn bỏ rơi, rồi còn bị Tây Sơn giết chết, ấy cũng bởi Nguyễn Hữu Chính trước sau vẫn là Nguyễn Hữu Chính, không phải Tây Sơn. Con chó sói bỗng dưng chạy về nhà cho ta bắt, mừng thì mừng nhưng chẳng ai dại dột mà nghĩ rằng, đó không phải chó sói !

55 - LÊ DUY KHIÊM ĐƯỢC LẬP LÀM THÁI TỬ

Lê Duy Khiêm là con trưởng của Lê Duy Vĩ. Lê Duy Khiêm còn có tên khác là Lê Duy Kỳ, sau là vua Lê Mẫn Đế (tức Lê Chiêu Thống). Việc Lê Duy Khiêm được lập làm Thái tử cũng là việc rất bất ngờ, bởi trước đó, thân sinh của Lê Duy Khiêm là Thái tử Lê Duy Vĩ bị Trịnh Sâm vu cho tội thông dâm với một người thiếp của Trịnh Doanh rồi bắt giam và giết chết. Sự kiện này xảy ra vào tháng 3 năm 1769 và cũng kể từ đó, ba người con của Lê Duy Vĩ là Lê Duy Khiêm, Lê Duy Trụ và Lê Duy Chỉ đều bị bắt giam. Và chẳng, trong khi anh em Lê Duy Khiêm đang bị tù tội thì chú ruột của họ là Lê Duy Cận đã được lập làm Thái tử kể từ tháng 8 năm 1770. Sự lạ này được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 46, tờ 1 và 2) chép lại như sau :

"Mùa xuân, tháng giêng (năm Quý Mão, 1783 - ND), Thái Tôn là Lê Duy Khiêm được lập làm Thái tử, (Lê) Duy Cận bị truất làm Sùng Nhượng Công.

Thái Tôn (Lê Duy Khiêm) vốn là con của Thái tử đã mất là Lê Duy Vi. Khi Thái tử bị nạn, Thái Tôn (Lê Duy Khiêm) mới được sáu tuổi, cùng với hai em là (Lê) Duy Trù và (Lê) Duy Chỉ đều bị bắt giam. Lúc quân tam phủ nổi loạn, họ đã cùng nhau đi rước Thái Tôn (Lê Duy Khiêm) về nội điện. Việc ấy khiến cho nhiều người có ý trông ngóng vào.

Trước đây, việc (Lê) Duy Cận được lập làm Thái tử là do ý của Trịnh Thái phi Nguyễn Thị mà có. Đến đây, Thái Tôn (Lê Duy Khiêm) được rước về, (Trịnh Thái phi) Nguyễn Thị sợ (Lê) Duy Cận sẽ mất ngôi Thái tử, bèn vội sai viên hoạn quan là Liêm Tăng (chưa rõ họ) đến ép Thái Tôn (Lê Duy Khiêm) phải sang châu để tính kế giết đi. Bấy giờ, Thái Tôn (Lê Duy Khiêm) từ chối mãi không được, đành phải vừa đi vừa khóc. Dọc đường, bị quân sĩ ngăn lại, vì thế, họ hay chuyện và la mắng âm ỹ, lại còn đòi tra cho ra kẻ đã lập mưu hãm hại Thái Tôn (Lê Duy Khiêm). Họ lùng tìm Liêm Tăng không được và ngờ là (Lê) Duy Cận chủ mưu. Lúc ấy, (Lê) Duy Cận đang chầu bà Trịnh Thái phi, nghi trương còn để hết cả ở ngoài phủ đường, do vậy, quân sĩ lấy đập phá tan nát. (Lê) Duy Cận sợ quá phải thay đổi quần áo để chạy lên về cung.

Trịnh Khải biết rõ việc này là do Trịnh Thái phi gây ra, bèn dụ dỗ bọn quân sĩ chớ làm huyên náo, rồi lập tức ra lệnh cho bọn bề tôi tâu xin Nhà vua lập (Lê) Duy Khiêm làm Thái tử. Lúc ấy (Lê) Duy Khiêm vừa 18 tuổi. (Trịnh Khải) còn bắt (Lê) Duy Cận phải làm tờ biểu dâng (Vua), xin nhường ngôi Thái tử (cho Lê Duy Khiêm). Sau đó, (Lê) Duy Cận bị truất xuống làm Sùng Nhượng Công".

Lời bàn : Bổng chốc được đưa lên ngai rồi bổng chốc bị ném xuống huyết, ấy là chuyện thường của triều đình đương thời, thêm trường hợp này cũng chẳng nhiều hơn, bớt trường hợp này cũng chẳng ít đi, nhiều nhưng thật khó mà tả nổi. Trong tay chúa, Thái tử và cả vua, bất quá cũng chỉ là những kẻ tội nghiệp.

Sáu tuổi, Lê Duy Khiêm được tận mắt chứng kiến cảnh thân sinh của mình bị vu oan rồi bị tống ngục. Từ đó, Lê Duy Khiêm liên tục sống trong nỗi đau xé lòng :

cha bị giết, bẽ tôi thân tín của cha bị hãm hại, chủ được lập làm Thái tử rồi lại bị truất phế, các phe đảng trong phủ chúa coi nhau như cừu thù... Vậy nên, khi nghe Trịnh Thái phi Nguyễn Thị cho gọi, Lê Duy Khiêm hoảng hốt lo sợ, vừa đi vừa khóc, thảm thiết lắm thay !

Cái ghế Thái tử lúc này mới đáng sợ làm sao. Ai được đặt lên đó, chưa ấm chỗ cũng đã bị mang họa, nhục bằng thoát được, thì khi lên ngôi vua cũng phải chịu trăm cay ngàn đắng, dễ gì thoát được đâu. Như Lê Duy Khiêm, làm vua lấy niên hiệu là Chiêu Thống, ngày vinh quang đếm chưa quá mười đầu ngón tay mà nhục nhã tnh đã mấy trăm năm vẫn chưa hết được, khiếp thay !

Hóa ra, làm kẻ đọc chuyện xưa của Thái tử, thế mà sướng hơn nhiều, cũng vinh hơn nhiều nữa.

56 - CUỘC MƯU HẠI KIÊU BÌNH THÁNG 2 NĂM GIÁP THÌN (1784)

Một tháng sau khi xảy ra cuộc náo loạn phủ chúa và kinh thành bởi sự ngỗ ngược của kiêu binh, cả chúa Trịnh Khải lẫn quan lại trong triều đều rất tức giận, họ chỉ muốn kiếm kế để tiêu trừ hết kiêu binh mà thôi. Chủ xướng cuộc mưu hại kiêu binh vào tháng 2 năm Giáp Thìn (1784) là hai anh em tướng quân Nguyễn Lệ và Nguyễn Điều. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 46, tờ 6 và 7) ghi chép việc này như sau :

"Nguyễn Lệ lên Sơn Tây, cùng với người em là Nguyễn Điều, bấy giờ đang làm trấn thủ đất này, để bàn kế diệt kiêu binh. (Nguyễn) Điều nói với (Nguyễn) Lệ rằng :

- Giờ đây, dân khắp bốn trấn đều oán bọn kiêu binh đến tận xương tủy. Nếu lấy danh nghĩa giết kiêu binh, thì chỉ cần ta hô lên một tiếng là không đâu lại không hưởng ứng. Đất này thuộc khu thượng du, trước kia anh từng làm trấn thủ, lại kiêm luôn cả trấn thủ Hưng Hóa, thổ tù đều là thuộc hạ cũ của anh. Đã thế, Hoàng Văn Đồng là kẻ đang làm phiên mục ở Tuyên Quang, được

coi là giàu mạnh nhất nước, trước đây, anh từng đi chiêu dụ, được dân vui theo, vậy thì nay chỉ cần anh gởi tờ hiệu triệu, chắc hẳn sẽ lập tức tuân lệnh. Ngoài ra, viên tướng nổi tiếng trăm trận là Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Nam, các tướng đa mưu là Trương Tuấn ở Kinh Bắc và Trịnh Tự Quyền ở Hải Dương... nếu thấy mật lệnh của chúa, ắt sẽ lo tuyển mộ binh lính và nghĩa sĩ để giữ doanh trại, sẵn sàng làm theo lệnh của anh. Anh từng là người giữ chức Tế tướng lại kiêm cả chức Sư phó, nay đứng ra chỉ huy các trấn để dẹp loạn cho nước, ai là người không dám nghe ? Chúng ta sẽ giao ước các nơi cùng nhau khởi sự một ngày, kéo quân vào thành, giết hết bọn kiêu binh đầu sỏ và bắt chúng phải theo phép mà trị, việc ấy thiết tưởng là không khó khăn gì.

(Nguyễn) Lệ nói :

- Chú nói rất phải, nhưng hiện nay mạng chúa còn trong tay lũ kiêu binh, chẳng lẽ ném chuột mà không sợ vỡ đồ quý hay sao ?

(Nguyễn) Điều nói :

- Việc ấy có gì là khó ? Ngay bây giờ, nên cử người đến trình với Chúa, xong, mật báo cho Hoàng Phùng Cơ đem binh thuyền đến bến Thanh Trì, phao tin là đi tuần tiểu mật sông, rồi nhân đó, dùng một chiếc thuyền nhỏ đi đón Chúa. Xin Chúa hãy cải trang mà đi. Bấy giờ, thuyền sẽ thuận dòng về Hiến Doanh (thuộc Hưng Yên - ND) và đóng hành tại ở đó. Khi ấy mà phát lệnh khởi sự cho các trấn thì còn gì phải lo nữa.

(Nguyễn) Lệ lập tức làm tờ khải, bí mật dâng cho Trịnh Khải. (Trịnh) Khải theo lời, mật hẹn với Hoàng Phùng Cơ, đúng ngày 28 tháng giêng nhuận thì đem thuyền đến đón tiếp và ngày mồng 1 tháng hai, đại binh các trấn sẽ tiến vào thành để giết hết kiêu binh. Chẳng dè, trong kiêu binh có người biết được mưu ấy, họ bèn chia nhau canh gác nghiêm ngặt ở phủ chúa, kể cả ngày lẫn đêm, khiến cho Trịnh Khải không sao ra ngoài được. Các trấn thấy thế thì tự động bãi binh.

Từ đấy trở đi, quân sĩ lúc nào cũng kéo cả trăm, cả ngàn người mỗi khi có việc phải ra ngoài. Chúng thả cửa cướp bóc khắp nơi. Hễ quân sĩ nào mà đi một mình, thường bị dân quê chặn đường giết chết. Quân dân coi nhau chẳng khác cừ thù".

Lời bàn : Loại trừ một đám kiêu binh do chính triều đình lập ra, vậy mà chỉ ít cũng đến mấy phen, cả chúa lẫn đại thần văn võ đều không làm nổi, lại có kẻ còn bị giết hại hoặc giả là bị kiểm chế ức hiếp, không sao xoay chuyển, thương hại thay ! Phàm là kẻ không làm được việc nhỏ mà vênh vang khoe mẽ rằng sẽ làm những việc lớn, rồi cuộc, chỉ là những thằng hề bất đắc dĩ của lịch sử đó thôi.

Tờ mặt khải của đại thần dâng chúa, tướng chẳng ai hay, ngờ đâu kiêu binh cũng biết không muộn hơn chúa. Họ bao vây phủ chúa cả ngày lẫn đêm, họ sẵn sàng đối phó với mọi bất trắc... nghĩa là họ rất đáng mặt kiêu binh. Trong họ, chưa có ai được phong tướng, nhưng cứ xem cách tổ chức của họ, ai dám bảo là không chặt chẽ ? Hóa ra, không có tướng chưa chắc đã tệ bằng có tướng bất tài.

Xót xa thay, thời mà quân dân coi nhau như cừ thù ! Đưa ai lên ngôi chúa, đưa ai lên ngôi vua... tất cả đều do kiêu binh định đoạt. Cho nên, họ kiêu với chúa, kiêu với vua, kiêu với cả bá quan văn võ triều đình thì được, chớ đối với dân, họ có chút công trạng gì mà kiêu. Trang sử của thời nhiễu nhương này, chen chúc những cướp là cướp. Chao ôi, cướp đi chân đất, cướp đi hia và đội mũ, cướp chêm chệ trên ngai, cướp ban ngày và cướp ban đêm... sau mỗi lần cướp, họ lại vo sách của thánh hiền làm banh, đá nhón nháo khắp kinh sư và hoàng thành, hậu thế xem sử mà còn khiếp, huống chi trăm họ đương thời !

57 - CUỘC NÁO LOẠN PHỦ CHÚA NĂM GIÁP THÌN (1784)

Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 46, tờ 3, 4 và 5) viết rằng :

"Kể từ ngày bọn Nguyễn Lê được giao công việc trong chính phủ, việc họ mưu tính nhiều nhất là ức chế kiêu binh. Bấy giờ có 4 người lính giả danh bạn, ức hiếp vay tiền của một hiệu buôn ở phố Đông Hà, chẳng dè bị bạn phát giác, bọn Nguyễn Lê lập tức

hạ lệnh chém đầu. Quân sĩ tuy rất tức giận việc giết người một cách quá đáng, nhưng việc đã trót bị phát giác rồi, họ chỉ còn biết im lặng cúi đầu nghe lệnh mà thôi. Bọn Nguyễn Lệ thấy thế, cứ tưởng là uy quyền của mình đã được vững vàng, bèn nói với nhau rằng :

- Từ đây, cứ việc theo phép nước mà làm.

Khi ấy có viên Tri huyện là Mai Doãn Khuê (người xã An Đông, huyện La Sơn, lúc đó làm Tri huyện của huyện Đông Thành - ND) vì muốn lập công với họ Trịnh, bèn nói riêng với Nguyễn Lệ rằng :

- Bọn các ông cho là kiêu binh đã dẹp yên nhưng có biết đâu là họa hoạn xảy ra, thật khó lường được. Tôi nghe họ xôn xao bàn luận rằng, Hoàng Tự Tôn (chỉ Lê Duy Khiêm - ND) do họ rước về, còn Hoàng thượng (chỉ vua Lê Hiến Tông - ND) thì đang tuổi mỗi mội. Xét cả tuổi lẫn đức, Hoàng Tự Tôn là người đã trưởng thành, cho nên, họ đang tính tâu xin Nhà vua truyền ngôi (cho Hoàng Tự Tôn), nghĩa là làm cho cả ngôi chúa lẫn ngôi vua đều do họ định đoạt, công lao của họ ắt sẽ phi thường. Đã thế, trong quân lại có kẻ bất mãn, muốn sao cho Nhà vua được nắm quyền trong thiên hạ, bỏ hết quyền bính của Chúa, nếu kế ấy mà thành thì tôi sợ rằng các ông sẽ chẳng còn đất dung thân.

Nguyễn Lệ liền đem lời ấy báo với Trịnh Khải, Trịnh Khải sai (Mai) Doãn Khuê cứ việc theo dõi từng người trong quân. Nhân dịp ấy, (Mai) Doãn Khuê vu cho cháu ngoại của Tứ Xuyên Hầu Phan Lê Phiên là Nguyễn Siêu rằng đã dự vào mưu ấy. Tuy tra khảo không ra chứng cứ nhưng (Trịnh) Khải vẫn cho lời tố cáo (của Mai Doãn Khuê) là đúng, phong ngay cho (Mai) Doãn Khuê tước bá, lại ban cho chức Quản lãnh của đội quân Thị Hậu và sai đến làm giảng quan cho Hoàng Tự Tôn ở nội điện, cốt để theo dõi động tĩnh.

Lúc ấy, quân sĩ có người cậy công đã rước Hoàng Tự Tôn về nên xin được ban phong cho cha mẹ họ. Họ đem nhau vào sân điện để tâu bày. Nhà vua sai triệu vào rồi tuyên bố chỉ dụ an ủi.

Có người đã chạy đến báo cho Trịnh Khải biết. (Trịnh) Khải lập tức triệu bọn Nguyễn Lệ và Dương Khuông vào và nói :

- Muu kế tôn phò Nhà vua của kiêu binh thật khó mà dập tắt nổi, nay chúng đang tụ họp ở nội điện, ta phải tính sao ?

Nguyễn Lệ xin phái quân đến bắt giết đi. (Trịnh) Khải liền hạ lệnh cho quan Thủ hiệu của đội Nhưng Nhất là Nguyễn Triêm đi bắt. Nguyễn Triêm ra cửa phủ, rút kiếm và nói :

- Sắc bén thay lưỡi kiếm này của ta ! Chém đầu lũ kiêu binh ắt ngọt lắm đây.

(Nói rồi, Nguyễn) Triêm bèn dẫn quân đến bao vây nội điện, bắt được 7 tên (kiêu binh), giao cho đình thần tra khảo. Bầy tôi bàn rằng, giết hết chắc sẽ gây ra biến loạn mà không giết thì không sao ngăn cấm chúng được. Họ định giết một vài người cầm đầu, cốt để ức chế bọn kiêu binh. Nhưng, Dương Khuông quả quyết nói :

- Chẳng cần phải tra xét làm gì, chỉ cần biết quen thói tụ họp mà răn mãi không chừa là đã đủ để chém đầu rồi. Chúng vẫn cậy có số đông nên sinh ra kiêu ngạo, nhưng còn ta, hề thấy tên nào phạm tội rành rành là quyết không tha. Một nắm đũa cứng, không thể để thế mà bẻ, nhưng nếu bẻ từng cái thì tự khắc phải được mà thôi.

(Triều đình) bèn chiếu theo luật, kết cho tội "dám vượt vào hoàng thành" rồi đem chém tất cả. Quân sĩ tức giận, tụ họp bàn định rằng :

- Có triều đình như ngày nay là nhờ công của chúng ta, thế mà họ chẳng biết ơn lại còn gây oán. Nếu cái kế bẻ đũa từng chiếc ấy thì hành được thì chúng ta chẳng còn ai sống sót.

Họ hẹn nhau đến hôm sau thì khởi sự. Ngày rằm tháng ấy (tháng giêng năm 1784 - ND), quân sĩ đem nhau vây nhà Nguyễn Lệ và Dương Khuông, quyết bắt giết cả hai người này. (Dương) Khuông và (Nguyễn) Triêm thì trốn vào phủ chúa, còn (Nguyễn) Lệ thì cải trang rồi theo đường tắt mà chạy về Sơn Tây. Quân sĩ tranh nhau phá nát nhà của bọn này, rồi reo hò ầm ỹ, vác cả dao

kiếm vào thắng trong phủ chúa tìm bọn (Dương) Khuông và (Nguyễn) Triêm. Trịnh Khải cùng Dương Thị (mẹ Trịnh Khải, chị của Dương Khuông - ND) đem tiền bạc ra chuộc mạng cho (Dương) Khuông. Quân sĩ lại đi lòng bắt (Nguyễn) Triêm, Trịnh Khải bắt đắc đi phái bảo (Nguyễn) Triêm ra. Quân sĩ liền lấy gạch đá đánh chết (Nguyễn Triêm).

Sau hôm đó, (Trịnh Khải) dành phái bãi chức của Nguyễn Lê và Dương Khuông, nhưng cũng từ đó, quyền bính về hết tay quân sĩ. Bọn chúng tự tiện uy hiếp hoặc áp chế quan lại, hờ một chút là dọa sẽ phá nhà hoặc giết chết, thậm chí, cả đến việc thay đổi các quan văn, võ, cũng phải hỏi quân sĩ mới xong, việc nước không sao tính nổi".

Lời bàn : Sử cũ thường gọi những sự kiện đại loại như thế này là loạn kiêu binh, nhưng ngẫm cho kĩ thì thấy không hoàn toàn như vậy. Việc làm của kiêu binh, hẳn nhiên là không thể đúng với phép nước, nhưng họ sinh ra có phải để làm loạn dân. Và chẳng, tại sao binh sĩ làm thì gọi là loạn, còn việc tương tự nhưng lại do chúa hoặc giả là quan lại làm thì không nói là loạn ?

Nhưng thôi, chuyện chẳng lành là điều có thật, nghĩ cảnh Nguyễn Triêm bị ném đá mà chết như Hoàng Đình Bảo trước kia, nghĩ cảnh Nguyễn Lê phải cải trang trốn chạy về Sơn Tây như một tên trộm đang bị truy đuổi, rồi lại nghĩ cảnh mẹ con Trịnh Khải phải cam chịu cúi đầu năn nỉ quân sĩ của mình như một kẻ có thân thất thế ... kể cũng đáng gọi là loạn thật.

Khi mà nghĩa tình bị rẻ rúng ngay trong nơi đặt ngai chí tôn thì không có điều gì là không thể xảy ra. Và điều xảy ra cuối cùng là điều chẳng bao giờ bị coi là loạn. Ngẫm mà xem !

58 - CHUYỆN BÀ PHAN THỊ THUẦN

Nguyễn Huệ tấn công ra Bắc Hà, chỉ một cuộc hành quân mà đã đủ sức để lật nhào cơ đồ thống trị của họ Trịnh xây dựng trên hai trăm năm. Họ Trịnh đại bại, chúa Trịnh Khải bị bắt, sau đó thì tự tử, còn hàng loạt tướng tá khác thì số bị giết, số

bỏ trốn, số đầu hàng ... tình cảnh chúa Trịnh bi thảm thật khó mà tả được. Tuy nhiên, trong trận chống trả cuối cùng do đích thân chúa Trịnh Khải chỉ huy, thiên hạ cũng được chứng kiến một sự kiện lạ. Sự kiện này được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 46, tờ 22 và tờ 23) chép lại như sau :

"Trước đó, (Nguyễn) Văn Huệ từ Vị Hoàng ngược sông kéo quân ra Bắc. Đạo thủy quân (của chúa Trịnh) do Đinh Tích Nhưỡng chỉ huy mau chóng bị tan vỡ. Trịnh Khải được tin này, liền hạ lệnh đưa tất cả thủy binh còn lại ra sông Thúy Ái để chống cự.

Bấy giờ, có (Ngô) Cảnh Hoàn (cũng tức là Ngô Phúc Hoàn, người xã Trảo Nha, huyện Thạch Hà, nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh - ND) vì là con nhà tướng nên được (Trịnh Khải) cho làm Thiên tướng. Lúc sắp đem quân đi đánh (Tây Sơn), người em họ của ông là (Ngô) Cảnh Trương có hỏi ông về kế sách, ông nói :

- Nhà ta đời đời ơn nước, nay giặc đến thì đánh (để báo ơn). Ta chỉ biết đánh, ngoài ra không biết gì khác.

(Ngô Cảnh) Hoàn ra đi, bày thế trận sẵn để chờ. Một lát, thuyền của giặc cũng tiến sát tới. Quân sĩ (dưới quyền ông) đều hoảng mà chạy. (Ngô) Cảnh Hoàn cùng với hai người con cùng cố sức đánh, nhưng tất cả đều bị giết. Được tin này, cả nhà ông đều thương xót kêu gào, chỉ có Phan Thị Thuấn, người vợ lẽ mà (Ngô) Cảnh Hoàn rất cưng chiều, là người có nhan sắc, lúc ấy mới ngoài hai mươi tuổi, chưa sinh nở lần nào... vẫn cứ nói cười thản nhiên, ngày ngày chỉ ngắm tư trang, may áo mới, ai chê cười bà cũng cứ mặc kệ, chẳng hề biện bạch gì cả. Gần đến lễ cúng trăm ngày của (Ngô Cảnh) Hoàn, bà nói với người trong họ, mời nhà sư đến làm cỗ chay cúng tế cho chồng. Khi đàn chay vừa tan, bà ăn mặc lộng lẫy và bước xuống thuyền rồi quay lại nói với mọi người rằng :

- Công việc của thiếp thế là xong. Từ đây, thiếp xin chết theo tướng quân. Hài cốt của tướng quân không ai mai táng, cho nên, xin chớ mai táng thiếp làm gì.

Xong, bà sai người chèo thuyền đến chỗ (Ngô) Cảnh Hoàn chết, gieo mình xuống sông tự tử. Người đứng xem hai bên bờ sông ai ai cũng kinh dị. Sau, con của (Ngô) Cảnh Hoàn đem hài cốt của bà về táng ở đồng làng".

Lời bàn : Chẳng phải vô cớ mà Ngô Cảnh Trương hỏi anh về kế sách trước lúc ra trận. Phàm là tướng mà vô mưu vô kế, thì sống một đời rồi cuộc cũng chỉ là kẻ vô biên. Câu trả lời của Ngô Cảnh Hoàn, tự nó đã cho thấy, ông làm lính còn chưa dễ được, nói chi là Thiên tướng của triều đình. Mới hay, chẳng có gì đáng sợ bằng việc trao chức trao quyền cho những kẻ hữu danh vô thực.

Khóc than kêu gào là biểu hiện của xót thương, nhưng nỗi xót thương chẳng phải lúc nào cũng kí thác ở tiếng gào, tiếng khóc. Bao kẻ khóc mướn kêu gào thống thiết lắm, nhưng họ có thật lòng thương xót gì đâu.

Cả nhà Ngô Cảnh Hoàn kêu gào thảm thiết là lẽ tự nhiên, và là điều chí phải. Bà Phan Thị Thuần chẳng hề khóc than, bình tĩnh lo toan việc nhà rồi ăn mặc lộng lẫy trước khi nhảy xuống nước tự tử, bà quả đúng là bậc khác thường.

Chẳng ai cổ vũ cho sự chết theo, nhưng đôi khi chết theo cũng là sự giải thoát cần thiết đó thôi. Con riêng của Ngô Cảnh Hoàn tự ý làm trái lời trần trời của bà Phan Thị Thuần, thế là chí phải.

59 - CHUYỆN TRỊNH KHẢI, LÝ TRẦN QUÁN VÀ NGUYỄN TRANG

Tháng 6 năm Bính Ngọ (1786), nhân thế chẻ tre, Nguyễn Huệ cho quân vượt sông Gianh, đánh thẳng ra Bắc Hà với khẩu hiệu chính trị rất rõ ràng là *phò Lê diệt Trịnh*. Nguyễn Huệ đi tới đâu, quân của chúa Trịnh tan tác đến đó. Quân Tây Sơn thẳng tiến vào Thăng Long. Tình thế bi đát của chúa Trịnh, được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 46, tờ 19, 20, 21 và 22) chép lại như sau :

"Kể từ khi trấn Sơn Nam thất thủ, khắp kinh thành Thăng Long ai ai cũng sợ hãi, quan quân chỉ lo việc chạy trốn, không có

chút chí khí chiến đấu nào nữa. Thiên hạ bàn luận xôn xao mà vẫn không sao tìm được mưu kế gì có thể đánh hay giữ. Khi ấy, Nguyễn Lệ từ Nghệ An về, có khuyên Trịnh Khải rằng :

- Hãy nên sai tướng ở lại giữ kinh thành, còn Chúa và Nhà vua thì nên tạm lánh lên Sơn Tây để lo tính kế lâu dài. Đánh giặc mà dùng kiêu binh thì không xong, sợ lại còn làm hỏng cả việc nước nữa.

(Trịnh) Khải toan theo lời của Nguyễn Lệ thì kiêu binh đã họp nhau la mắng ầm ỹ, nói là Nguyễn Lệ dẫn giặc về kinh thành nên lòng bất để giết (Nguyễn) Lệ, khiến (Nguyễn) Lệ phải chạy trốn lên Sơn Tây.

(Trịnh) Khải cho là quan Tham tụng Bùi Huy Bích giữ công việc của chính phủ mà chẳng được tích sự gì, nay cũng chẳng có mưu kế gì để cứu vãn tình thế, bụng có ý ghét, bèn sai (Bùi) Huy Bích làm Đốc chiến rồi triệu Trần Công Xán (tên cũ là Trần Công Thước) vào nội phủ, bí mật bàn mưu để đánh và để tránh giặc. (Trần) Công Xán nói :

- Giặc đem quân đơn độc tiến sâu vào đất ta, tức là phạm vào điều binh pháp rất cấm kỵ. Nay nên nhử cho chúng đến gần hơn nữa rồi đánh một trận là tiêu diệt sạch. Kinh sư là chốn cội rễ, không thể bỏ mà đi xa được, còn nếu như tình thế quá ngặt nghèo, khó bề xoay sở, thì cũng nên đánh một trận cuối cùng.

(Trịnh) Khải cho lời ấy là phải, bèn triệu Hoàng Phùng Cơ từ Sơn Tây về, sai làm Tiền Bộ quân.

Hoàng Phùng Cơ cùng với 8 người con của ông (4 người có tên là Thụy, Bồi, Truyền và Tình, còn 4 người nữa chưa rõ tên), đem quân bản bộ đến đóng ở hồ Vạn Xuân (tức hồ Vạn Phúc ở ngoại thành Hà Nội ngày nay - ND) và đội quân thủy là Tứ Thị, dàn trận bên sông Thúy Ái (ngoại thành Hà Nội - ND). Bản thân Trịnh Khải cũng đem quân trong thành đến bày trận ở bến Tây Long (Hà Nội - ND). Bấy giờ, gió đông nam thổi mạnh, thuyền giặc nhân đó kéo ập đến. Về phần chúa Trịnh thì quân thủy tan vỡ trước. Quân lãnh đội Tiền Ưu là Thiên tướng Nguyễn Trọng

Yên, Quân lãnh đội Tiền Trạch là Thiên tướng Ngô Cảnh Hoàn, cầm đao đứng ở mũi thuyền đều bị giặc giết. Giặc kéo lên bộ, quân của Hoàng Phùng Cơ chưa kịp dàn đội ngũ đã bỏ chạy tứ tung. Có viên thuộc tướng (của Hoàng Phùng Cơ) là Mai Thế Pháp phi ngựa lên đánh, giết được hơn mười tên giặc, nhưng rồi cũng bị giặc vây chặt, (Mai) Thế Pháp phải nhảy xuống sông (tự tử), chỉ một mình Hoàng Phùng Cơ cùng 8 người con và vài ba chục thủ hạ cố sức chiến đấu. Các thủ hạ và 6 người con của Hoàng Phùng Cơ bị giết, (Hoàng) Phùng Cơ và hai người con còn lại phải cướp thuyền mà chạy. Giặc tiến đến bến Tây Long. Khi ấy, (Trịnh) Khải ngồi trên bành voi, cầm cờ lệnh chỉ huy, nhưng quân sĩ chỉ nhìn nhau, không ai chịu tiến. Giặc tung quân ra chém bừa, khiến phải tan vỡ, (Trịnh) Khải quay voi về thành, nhưng mới đến cửa Tuyên Võ đã trông thấy cờ hiệu của giặc cắm la liệt ngoài phủ đường, bèn dẫn hơn một trăm tượng binh, nhắm hướng Sơn Tây mà chạy trốn. Bọn bề tôi, người thì trốn, người thì chạy, chẳng ai cần biết đến chúa nữa.

Khi Trịnh Khải đến xã Hạ Lô, huyện Yên Lăng thì quân sĩ đi theo đã chạy tan tác hết. Bấy giờ, có viên Thiêm sai, làm việc ở Lại Phiên là Lý Trần Quán, trước đó được cử đi truyền hịch để chiêu mộ nghĩa binh, bất ngờ gặp (Trịnh) Khải. Lý Trần Quán giả vờ nói với người học trò của mình là Nguyễn Trang (người xã Hạ Lô, huyện Yên Lăng - ND) rằng :

- Đây là quan Tham tụng, người họ Bùi (ý muốn dối rằng đó là Bùi Huy Bích - ND) đi lánh nạn đến, anh hãy hộ vệ ngài, đưa ngài qua bên kia địa giới của huyện này.

Nguyễn Trang biết đó là chúa Trịnh, bèn cùng đồ đảng là Nguyễn Bá, bắt giải (Trịnh) Khải nộp cho giặc. (Lý) Trần Quán được tin ấy, vội vàng chạy đến, vừa lạy vừa khóc, nói rằng :

- Đây chúa vào tình thế này, tội là ở thần.

Xong, lấy nghĩa lớn (của đạo chúa tôi) mà khuyên bảo Nguyễn Trang, nhưng (Nguyễn) Trang lại nói :

- Sợ thầy không bằng sợ giặc, quý chúa chẳng bằng quý thân.

Nói rồi, hấn giải Trịnh Khải đi. (Trịnh) Khải dùng dao cắt cổ tự tử. (Nguyễn) Trang đem thi thể của (Trịnh) Khải nạp cho giặc. (Nguyễn) Văn Huệ sai sắm đủ áo quan để khâm liệm và tống táng (cho Trịnh Khải) và bổ dụng Nguyễn Trang làm trấn thủ Sơn Tây, lại còn phong cho làm Tráng Liệt Hầu.

(Lý) Trần Quán về nhà báo với học trò rằng :

- Ta là bầy tôi mà làm chúa phải lầm lỡ, tội đáng chết. Nếu ta không chết thì không sao giải bày lòng ta với trời đất được.

Nói rồi (Lý) Trần Quán sai người đào huyệt, đặt sẵn áo quan, mặc đủ áo mào, tự nằm vào áo quan, nhờ người chôn sống".

Lời bàn : Quân Tây Sơn mới đánh đến Sơn Nam, khắp Thăng Long, từ quan đến dân, từ tướng đến binh sĩ, từ chúa đến triều đình, ai ai cũng nhốn nháo và lo sợ, ấy chính là vô tình tạo thêm sức mạnh vốn đã rất mạnh cho Tây Sơn.

Quốc gia đại sự mà phủ chúa chưa kịp bàn, kiêu binh đã biết trước rồi la mắng âm ỹ, thậm chí còn tính giết cả người thành tâm góp lời bàn, thế là vô tình dọn đường cho Tây Sơn thêm phần dễ dàng tiến tới vậy.

Phủ chúa lắm đại thần nhưng lại thiếu đại trí và đại dũng, buồn thay. Một Mai Thế Pháp bất quá cũng chỉ như một cành cây nhỏ, ngăn sao nổi voi lớn đang hung hăng đi. Một Lý Trần Quán bất quá cũng chỉ như chiếc lá bé nhỏ, che sao nổi nhà đạo nghĩa vốn đột nát đã mấy trăm năm.

Lúc nguy nan mà chúa vẫn nghi kị quan lại, rồi quan lại cũng thân ai nấy lo và quân đội chưa đánh đã tìm đường tháo chạy, thì có khác gì tự mở toang cánh cửa để mời chủ mới vào nhà.

Nguyễn Trang không hề đồ đạt gì nhưng lại là người nổi danh trong sử sách bởi câu : "Sợ thấy không bằng sợ giặc, quý chúa không bằng quý thân". Phàm là người, ai chẳng mong được nổi danh trong thiên hạ, nhưng nổi danh theo kiểu Nguyễn Trang, xin đừng cao xanh đừng cho thêm nữa, chừng ấy đủ quá rồi !

60 - NGUYỄN HUỆ ĐÃ CƯỚI NGỌC HÂN CÔNG CHÚA NHƯ THẾ NÀO ?

*S*ách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 46, tờ 24 và 25) chép việc Nguyễn Huệ cưới Ngọc Hân Công chúa (vào tháng 7 năm Bính Ngọ, 1786) như sau :

"Khi đã thắng trận ở Vị Hoàng, (Nguyễn) Văn Huệ làm tờ mật tấu, bày tỏ ý định tôn phò (vua Lê), giao cho một viên tì tướng cầm đi trước, hẹn chừng nào quân (Tây Sơn) kéo vào thì viên tì tướng này có nhiệm vụ đến bảo vệ cung vua (và dâng tờ mật tấu).

Bấy giờ, Nhà vua đang lâm bệnh, các Hoàng tử đều có mặt trong nội điện để lo hầu hạ nâng giắc. Khi thấy ở phía ngoài cung điện có cả lính lẫn voi, (các Hoàng tử) ngỡ là giắc đến uy hiếp nên đã toan vực Nhà vua lánh đi chỗ khác. Ngay lúc đó, viên tì tướng (của Tây Sơn Nguyễn Huệ) đến dâng tờ mật tấu, bày tỏ lễ ý thăm hỏi sức khỏe của Nhà vua, đồng thời, xin hẹn ngày để (Nguyễn Huệ) vào bái yết. Đọc tờ mật tấu ấy, Nhà vua mới an tâm.

Hôm sau, (Nguyễn) Văn Huệ vào bái yết Nhà vua ở điện Vạn Thọ. Vua sai người mời vào, sai đặt một cái sập khác, ở bên cạnh sập ngự của Nhà vua để mời (Nguyễn) Văn Huệ ngồi. (Nguyễn) Văn Huệ cứ rụt rè mãi không dám ngồi. Nhà vua phải mời hỏi lâu, (Nguyễn) Văn Huệ mới ngồi mé mé ở một bên chiếu. (Nguyễn) Văn Huệ tâu :

- Tôi vốn dân áo vải ở đất Tây Sơn, nhân thời thuận tiện mà vùng dậy, tuy cơm áo triều đình chưa được bề hạ ban cho, nhưng dầu ở nơi rừng núi xa xăm, bấy nay tôi vẫn kính thánh đức, nay được thấy thiên nhan mới có dịp để bày tỏ lòng thành. Họ Trịnh lăng loạn, không phải đạo làm tôi, cho nên, thiên hoàng mới mượn tay tôi để đánh diệt, cốt sao tỏ rõ uy đức của bề hạ. Được thành công như thế này cũng là nhờ phúc lớn của bề hạ đó thôi. Tôi chỉ mong sao thánh thể an khang, yên trị trên ngôi báu của thiên hạ, khiến cho kẻ bề tôi nơi cõi xa xăm cũng được đội ơn.

(Nguyễn) Văn Huệ lại bày tỏ ý tôn phò, Nhà vua bội phần an ủi. Bấy giờ, bề tôi hầu hết đã trốn tránh đi nơi khác, châu chực tiếp ứng trong nội điện chỉ còn có mấy người nữa mà thôi. Nhân đấy, Nguyễn Hữu Chỉnh xin Nhà vua hạ chiếu, tuyên triệu bọn Phan Lê Phiên, Ưông Sĩ Diễn, Trần Công Xán.. cùng các bầy tôi khác, gồm trên mười người. Bọn họ lục tục kéo về, còn thì trốn tránh hết cả.

Trước kia, họ Trịnh chuyên quyền, Vua chẳng được quản lý lấy tắc đất hay người dân nào. Nay (Nguyễn) Văn Huệ vào bái yết, xin định ngày cử hành nghi lễ đại triều để dâng sổ sách và tỏ rõ sự tôn phò của Nguyễn Huệ đối với nền nhất thống của Nhà vua. Nhà vua gượng dậy, ngự ra điện Kính Thiên để nhận lễ rồi ban tờ chiếu bá cáo cho trong kinh ngoài trấn được biết. Vua phong cho (Nguyễn) Văn Huệ làm Nguyên Soái Phù Chính Dực Vận Uy Quốc công. Nhận lễ phong xong, (Nguyễn) Văn Huệ nói riêng với (Nguyễn) Hữu Chỉnh rằng :

- Chỉ với vài vạn quân, ta chỉ cần đánh một trận mà đã bình định được Bắc Hà. (Nếu muốn lấy thì) một tắc đất, một người dân cũng là của ta, ta muốn xưng đế hay xưng vương, việc gì mà chẳng được ? Phong ta làm Nguyên Soái Quốc Công thì thử hỏi có vẻ vang gì cho ta hơn ? Bọn bề tôi Bắc Hà tính dùng danh vị hão để lung lạc ta hay sao ? Chớ tưởng rằng ta là người mọi rợ, được chức tước ấy mà lấy làm vinh dự.

(Nguyễn) Hữu Chỉnh biết ý (Nguyễn) Văn Huệ không bằng lòng, bèn mật tâu với Nhà vua, đem Ngọc Hân Công chúa gả cho (Nguyễn Văn Huệ). (Nguyễn) Văn Huệ rất vừa ý".

Lời bàn : Viết sẵn tờ mật tấu và giao cho viên ti tướng cầm đi trước, ấy là Nguyễn Huệ tỏ rõ niềm tự tin lớn lao về chiến thắng của mình. Xin chớ coi đó là sự thường, bởi tướng quân ra trận mà thiếu điều đó thì cũng có nghĩa là thiếu tất cả, bảo tồn cho được tính mạng đã khó, nói chi chuyện lập công ?

Bấy giờ, Nguyễn Huệ xét thấy nên phò Lê nhưng điều ấy không có nghĩa là vua Lê xứng đáng được Nguyễn Huệ tôn phò. Ngồi trên ngai vàng liên tục 46 năm, nhưng ngược đời thay, Lê Hiển Tông vẫn chưa biết làm vua, lại cũng chẳng có chút

phong thái của bậc đế vương, cho nên mới xử sự vụng về với Nguyễn Huệ. Buồn thay Lê Hiến Tông, khi được đặt đúng vào vị trí của người làm vua thì cũng là khi phải vĩnh biệt cõi đời.

Lời Nguyễn Huệ đúng là lời của người có chí chọc trời khuấy nước. Ông ngồi mé mé bên chiếc chiếu trải trên sập mới đặt ở cạnh sập ngự của vua Lê, nhưng bóng ông sừng sững, che khuất cả triều đình nhà Lê đương thời.

Gả Ngọc Hân Công chúa cho Nguyễn Huệ, cuộc hôn nhân này chẳng dè lại giải quyết được không ít điều lớn lao. Sự hoan hỉ của lễ cưới chỉ ít cũng xóa bớt được chút mặc cảm cho cả một triều đình. Trai anh hùng gặp gái thuyền quyền, cuộc kì ngộ giữa Ngọc Hân Công chúa và Nguyễn Huệ kể cũng là một trang đẹp của lịch sử thế kỉ thứ XVIII vậy.

61 - MÈO LẠI HOÀN MÈO

Dân gian có chuyện mèo lại hoàn mèo, triết lí của chuyện đại để là rốt cuộc chẳng có gì khác trước cả. Tình cảnh của ngôi vua họ Lê lúc này, xem ra cũng không khác lắm so với chuyện mèo lại hoàn mèo của dân gian. Lúc mới lên nối ngôi, Lê Chiêu Thống cũng từng nuôi chí phục hồi quyền bính, nhưng, chẳng những Nhà vua không thu được kết quả tốt đẹp gì, mà ngược lại, chút quyền uy vốn rất nhỏ nhoi của Nhà vua còn bị thu hẹp một cách thô bạo nữa. Chuyện xảy ra vào tháng 9 năm 1786 được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 46, tờ 35 và 36) ghi lại dưới đây, có thể xem là một trong những ví dụ điển hình :

"Nhà vua muốn cải cách quan chế cũ, bèn quyết định :

- Đổi chức Tham tụng làm chức Bình chương sự.
- Đổi chức Bồi tụng làm chức Tham tri chính sự.
- Đổi chức Thiêm sai làm chức Thiêm thư Xu mật viện sự.
- Đổi các chức Chương phủ, Thự phủ và Quyền phủ làm chức Ngũ quân Đô đốc phủ.

- Đổi gọi Tả điểm và Hữu điểm làm Nghị Sự Đường.

Nhà vua thay đổi như thế là cốt để thu lấy quyền bính của họ Trịnh. Mọi người bàn luận mãi mà không sao làm khác được. Bấy giờ, vì Đinh Tích Nhưỡng trước đã có xin Nhà vua cứ nắm lấy chính quyền nên không thể lại xin trả quyền bính về cho phủ chúa Trịnh nữa. Đúng lúc ấy, Hoàng Phùng Cơ từ Sơn Tây về hoàng thành, (Đinh) Tích Nhưỡng vội cấu kết với (Hoàng) Phùng Cơ, để (Hoàng Phùng Cơ) tâu xin Nhà vua rằng :

- Vua và chúa vốn gần bó với nhau như thể tay chân. Nay mới định tên quan, thiết nghĩ cũng nên giữ lại một ít danh hiệu cũ. Vậy xin cho : Bình chương kiêm Tham tụng, Tham tri kiêm Bồi tụng, Thiêm thư kiêm Thiêm sai, các chức Chương phủ, Thự phủ và Quyền phủ thì kiêm Ngũ quân Đô đốc, cơ quan Nghị Sự Đường vẫn đặt ở ngoài cửa phủ. Phải sắp xếp như vậy mới quen với tai mắt của thần dân trong nước. Về chính trị, hễ có việc gì bàn luận thì trước hết cần làm tờ khai để trình chúa Trịnh rồi sau mới tâu bày đầy đủ với Nhà vua để xin lời quyết đoán. Có vậy mới không trái với điển lễ cũ.

Nhà vua nghe lời tâu, giận lắm, bèn nói rằng :

- Các người đã dùng chữ nghĩa hão huyền để lừa dối trẫm, còn vờ nói tâu xin làm gì ?

(Hoàng) Phùng Cơ đem trăm quan phục mồi ở sân điện, không chịu đứng dậy. Nhà vua biết rằng cả bọn do Hoàng Phùng Cơ cầm đầu đều không thể tin dùng được. (Bởi cô thế), Vua đành nhận lời tâu.

Trịnh Bồng thâu tóm quyền bính, bổ Hoàng Phùng Cơ làm Trung quân Tả Đô đốc Chương phủ, Đinh Tích Nhưỡng làm Đông quân Hữu Đô đốc Thự phủ, Phan Lê Phiên làm Bình chương, Bùi Huy Bích và Phan Cấn làm Đồng bình chương sự kiêm Tham tri chính sự và Tham tụng, Ngô Trọng Khuê và Ninh Tốn làm Tham tri chính sự kiêm Bồi tụng. Tất cả quan lại trong phủ chúa, ai ai cũng được giữ nguyên chức cũ. Phan Lê Phiên và Bùi Huy Bích cố từ chối không nhận chức.

Trịnh Bồng sai người triệu Dương Trọng Khiêm ở Gia Lâm về. Trịnh Bồng nói với (Dương) Trọng Khiêm rằng :

- Lúc mới vào kinh thành, người đã lấy việc phò chúa làm điều lo nghĩ trước nhất. Tuy việc ấy không thành nhưng khí thế nhà chúa cũng nhờ công của người mà được nổi lên. Nay việc nước rối ren, nhà người nên về ngay để giúp sức.

Ngay ngày hôm ấy, (Dương) Trọng Khiêm về đến kinh thành. Trịnh Bồng cho (Dương Trọng) Khiêm được quyền coi giữ bộ Hộ, lo việc tài chính và thuế khóa.

Từ đấy, quyền bính trong nước lại về tay họ Trịnh. Nhà vua tức giận lắm, tìm cách giằng co hạn chế, triều chính rối ren đến mức không sao thẩm định được".

Lời bàn : Nghĩ ra được đúng việc cần phải làm đã là khó, nghĩ ra được đúng cách làm, thời điểm phải làm và lực lượng ủng hộ việc ta làm... lại càng khó hơn. Lê Chiêu Thống trẻ tuổi háo thắng, chẳng biết mình mà cũng chẳng biết người cho nên mới đại dốt tiến hành cải cách quan chế như vậy. Thời bấy giờ, bạo tay hơn hẳn bạo miệng, lời nói mà chẳng dựa trên một thực lực nào thì chỉ là lời nói cho gọi là có nói mà thôi. May mà Lê Chiêu Thống chưa nổi hứng hạ chiếu cho Mặt Trăng phải tròn vành vạnh vào đêm ba mươi âm lịch.

62 - MÀN BỊ KỊCH ĐẦU TIÊN CỦA LÊ CHIÊU THỐNG

Hai tháng sau ngày được tôn lên ngôi vua, Lê Chiêu Thống đã phải tham dự vào màn bị kịch đầu tiên trên sân khấu chính trị của chính mình. Xin trích giới thiệu một đoạn ghi chép trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 46, tờ 31, 32 và 33) như sau :

"Trước đấy, khi Trịnh Khải bị đại bại, thân thuộc (của Trịnh Khải) là bọn Trịnh Bồng lánh đến vùng Chương Đức (nay thuộc

Hà Tây - ND) và bọn Trịnh Đệ chạy đến vùng Văn Giang (nay thuộc Hưng Yên - ND) bí mật chiêu tập binh mã để chờ thời. Khi Tây Sơn rút quân về, Trịnh Đệ bèn cùng bọn ngoại thích là Trương Tuân, cho quân qua dò Thanh Trì (ngoại thành Hà Nội - ND) tiến vào cung Tây Long. Bọn Thiêm Đô ngự sử là Dương Trọng Khiêm (tức Dương Trọng Tế - ND) cũng đem quân tới giúp Trịnh Đệ. Đang đêm (Dương Trọng Khiêm) lên lầu ở phủ chúa, nổi trống hội họp trăm quan để lập Trịnh Đệ làm chúa, nhưng do quá vội vàng không có vị quan nào tới cả. Được tin ấy, Nhà vua (sai người mang) chiếu thư đến vận hỏi (Dương) Trọng Khiêm, rằng vì có gì mà (nổi trống) lại không xin mệnh lệnh (của Vua). (Dương) Trọng Khiêm xé ngay tờ chiếu thư trước mặt sứ giả, rồi cùng với Trịnh Đệ mưu tính nhóm quân gây biến.

Cũng đúng lúc ấy, Trịnh Bồng dâng biểu, xin được về châu Vua, lời lẽ viết rất nhã nhặn, mềm dẻo. Nhà vua bèn hạ chiếu triệu Trịnh Bồng về. Bấy giờ, bề tôi trong triều thấy rõ việc làm của (Dương) Trọng Khiêm là trái lẽ nên đều bỏ Trịnh Đệ mà về với Trịnh Bồng. Khi Trịnh Bồng về đến cầu Nhân Mục (Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội - ND), thì Trịnh Đệ liền sai bọn Trương Tuân và (Dương) Trọng Khiêm đem quân ra chống cự.

Xưa, khi Trịnh Sâm còn sống, chính (Dương) Trọng Khiêm là người đã phát giác và tố cáo mưu phản của Trịnh Đệ, nay sợ Trịnh Đệ giận mà trả thù, cho nên, (Dương Trọng Khiêm) đã bí mật sai tên gia tướng là Nguyễn Mậu Nễ đi đón đường để xin đầu hàng (Trịnh) Bồng. Việc này, Trương Tuân không hề hay biết. Khi Trịnh Bồng tiến sát đến kinh thành, Trương Tuân chợt thấy quân dẫn đầu lại chính là quân của (Dương) Trọng Khiêm, nên đội ngũ của Trương Tuân lập tức tan rã. (Trương) Tuân hộ vệ Trịnh Đệ chạy lên phía Bắc. Đến lúc đó, (Dương) Trọng Khiêm lại sợ rằng Nhà vua sẽ chẳng bao dung mình nên không dám theo Trịnh Bồng vào hoàng thành mà vội vã chạy lên đất Kinh Bắc (nay là vùng Bắc Ninh - ND).

Trịnh Bồng vào yết kiến, được Nhà vua an ủi bội phần, ban cho tước Công và cấp cho bổng lộc rất hậu hi nhưng không cho

tham dự việc quyết đoán chính sự trong nước. (Trịnh) Bồng bèn họp quân ở phủ chúa và bắt đầu chống lại Nhà vua. Triều thần sợ rằng biến loạn sẽ khó mà ngăn được, nên bàn luận với nhau, tâu xin với Nhà vua dựa theo phép cũ (của vua Lê Thần Tông) ban tước cho Trịnh Tráng (để ban tước cho Trịnh Bồng) nhưng ý Nhà vua lại không muốn như thế. (Trịnh) Bồng lại vin vào chế độ tấn phong cũ để đòi nên Nhà vua buộc phải phong cho (Trịnh) Bồng làm Tiết chế Thủy Bộ Chư dinh, Bình chương quân quốc trọng sự, hàm Thái úy, tước Côn Quốc công, cấp cho ba ngàn tên lính, năm ngàn mẫu ruộng và hai trăm xã dân để thu lộc, lo việc tế tự cho họ Trịnh. Nhà vua lại còn hạ lệnh ban bố cho cả nước biết về tờ sắc phong ấy.

Bấy giờ, Đinh Tích Nhưỡng mới từ Hải Dương trở về kinh đô, muốn mượn việc tâu xin phong tước vương cho Trịnh Bồng để tăng công với họ Trịnh. Triều thần cũng sợ uy thế của Đinh Tích Nhưỡng nên họ cũng hứa vào xin phong vương cho Trịnh Bồng. Nhà vua không y cho, lại còn nhiều lần dụ bảo (đừng làm như thế). Đinh Tích Nhưỡng cố nài mãi, Nhà vua nói :

- Trước kia từng có một thời họ Trịnh nắm hết quyền bính, khiến cho cơ nghiệp nhà ta giữa chừng bị đổ nát. Họ Trịnh nắm hết quyền rồi thì kẻ đức mỏng này chỉ còn biết lo việc tế tự nữa mà thôi. Nay lòng trời oán ghét họa loạn, trao hết quyền bính cho một mình ta, chuyện một nước hai vua, lẽ đâu lại giữ mãi thành lệ ?

Mấy hôm sau, (Đinh) Tích Nhưỡng dàn quân ở cửa điện rồi tự vào sân điện Vạn Thọ, lạy phục xuống đất mà xin nhưng Nhà vua cũng không cho. Hoàng hậu và các đại thần sợ sẽ có biến, bèn vừa khóc vừa xin. (Đinh) Tích Nhưỡng lại cùng triều thần làm tờ biểu xin phong vương cho Trịnh Bồng, còn quyền bính trong triều thì vẫn do Nhà vua nắm. Nhà vua bắt buộc phải ưng thuận, bèn sai Nguyễn Du đem tờ sắc phong đến cho (Trịnh) Bồng làm Nguyên soái Tổng quốc chính, tước Yến Đô Vương.

Trịnh Bồng là kẻ nhu nhược và lười biếng, không biết tự chuyên, cho nên, chính sự đương thời đều do Đinh Tích Nhưỡng

mà ra. Bọn tiểu nhân được dịp thì nhau ton hót nịnh bợ. Ngay giữa ban ngày mà thủ hạ của chúng dám cướp bóc dân cư gần kinh thành, chẳng có hiệu lệnh ngăn cấm gì cả, ai cũng cho là hết hi vọng rồi. Về phần mình, Nhà vua cũng lo phòng bị nghiêm ngặt, đồng thời hạ chiếu cần vương khắp nước. Khi ấy, (Nhà vua) được tin (Nguyễn) Hữu Chỉnh đang chiếm cứ ở Nghệ An, liền sai quan Văn Chức là Bùi Dương Lịch làm Chiêu dụ sứ ở các phủ Đức Quang và Hà Hoa (cả hai phủ này nay đều thuộc tỉnh Hà Tĩnh - ND), cốt để dò xét tình hình".

Lời bàn : Thấy lực lượng mạnh là Tây Sơn tiến vào, kẻ chạy trốn đầu tiên là Trịnh Bồng và Trịnh Đệ. Tây Sơn đi rồi, kinh đô chỉ còn một triều đình ảo là mới lập, kẻ tiến vào uy hiếp đầu tiên là Trịnh Đệ và Trịnh Bồng. Thế ra, đám Trịnh Bồng và Trịnh Đệ cũng tự biết rất rõ, họ chỉ có thể là đối thủ của những ai.

Chớ trách Trịnh Bồng và Trịnh Đệ sao nỡ để Trịnh Khải thân cô thế cô, cam phận thất bại và cuối cùng phải tự tử, bởi vì chút tư cách làm người nhỏ nhoi mà họ có được, nhiều lắm cũng chỉ đủ để họ lo cứu lấy thân mình trước hết mà thôi. Còn như ngôi chúa, họ thèm muốn kể cũng đã lâu, nào phải bây giờ mới chợt thấy khao khát chiếm đoạt ?

Giào hoạt thay, Dương Trọng Khiêm ! Trước, hấn tố cáo mưu phản của Trịnh Đệ, cứ tưởng hấn là kẻ trung thần, sau, hấn xé chiếu thư của Nhà vua, cứ tưởng hấn là kẻ cương trực, dè dặt, suốt đời hấn chỉ là tên phản bội, phản bội bất cứ ai. Hấn chạy trốn mà chẳng biết trốn đâu nữa. Vẫn biết ở đời, hễ có cao thượng thì có thấp hèn, hễ có anh hùng thì có phản bội... nhưng đáng cao xanh hỡi, sao nỡ có kẻ giào hoạt làm như bần cả sử sách đến thế kia !

Đình Tích Nhượng quả là... bảo hoàng hơn vua. Bề ngoài, có vẻ như Đình Tích Nhượng cúc cung tận tụy với Trịnh Bồng, nhưng bên trong, Đình Tích Nhượng chỉ vì chính Đình Tích Nhượng mà thôi.

Thương hại thay, Lê Chiêu Thống ! Ngồi trên ngai vàng chưa được bao lâu đã phải diễn đầu bởi bao chuyện trở trêu. Tuy nhiên, ngầm cho kĩ thì thấy trên sân khấu chính trị đương thời, vua Lê Chiêu Thống cũng chỉ là một diễn viên bất đắc dĩ đó thôi. Màn bi kịch nặng nề này dễ làm cho người diễn bị điên. Về sau, quả Lê Chiêu Thống điên thật, nếu không, cung đình thuở ấy cũng đâu đến nỗi nào !

63 - NGỌC HÂN CÔNG CHÚA BỊ TRÁCH CỬ

Ngày 17 tháng 7 năm Bính Ngọ (1786), vua Lê Hiển Tông qua đời, hưởng thọ 70 tuổi (tính theo tuổi ta). Hôm đó, vừa đúng được... hai ngày, kể từ khi làm lễ đại triều, nhận lễ tôn phò của Nguyễn Huệ. Vua Lê Hiển Tông lâm bệnh đã lâu, cho nên, việc Nhà vua qua đời cũng chẳng có gì bất ngờ đối với triều đình, tuy nhiên, việc tôn lập vua mới lên nối ngôi, xem ra cũng chẳng phải là thuận buồm xuôi gió gì. Và, trong chỗ không ngờ, Ngọc Hân Công chúa đã bị các vị hoàng thân trách cứ khá nặng lời. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 46, tờ 25 và 26) viết :

"Trước đó, khi Nhà vua còn đang bệnh, (Nguyễn) Văn Huệ xin được lấy ngày rằm tháng 7 (năm Bính Ngọ, 1786 - ND) làm ngày thiết lễ đại triều, mời Vua ra ngự ở chính điện để nhận lễ châu mừng về việc thống nhất. Nhà vua đã gượng ra coi châu. Hôm sau, bệnh của Nhà vua trở nên nguy kịch, Nhà vua bèn sai triệu (Nguyễn) Văn Huệ. (Nguyễn) Văn Huệ nói :

- Nay mai tôi sẽ về Nam, cho nên, không dám tham dự vào việc nước. Vả lại, trong khoảng giao thời giữa vua trước với vua sau, (nếu tôi có mặt) e người đời sẽ dị nghị.

Nói rồi, bèn từ chối không vào châu Vua. Ngày 17 là ngày Mậu Ngọ, Vua mất ở điện Vạn Thọ sau 47 năm ở ngôi, hưởng thọ 70 tuổi. Vua là người nhân từ, trầm tĩnh. Về già, bị Trịnh Sâm ức chế cũng im lặng nín nhịn, nay được Tây Sơn tôn phò, tuy bề ngoài Vua có vẻ vui mừng nhưng trong lòng vẫn lấy làm lo. Khi bệnh đã nguy kịch, Vua cho triệu Hoàng Thái tôn (tức Thái tử Lê Duy Khiêm, cháu nội của Lê Hiển Tông - ND) đến và nói rằng :

- Chỉ trong sớm tối là ta sẽ trút bỏ gánh nặng này thôi, bây giờ, lo lắng việc nước chỉ có mình cháu, cháu phải đảm đương lấy.

(Hoàng) Thái tôn vừa lạy vừa khóc xin nhận cố mệnh. Nhà vua nói tiếp :

- Binh lính xứ người (chỉ quân Tây Sơn - ND) còn đóng ở đây mà việc truyền ngôi là việc trọng đại, cần phải thương lượng, bàn bạc trước với Nguyễn soái (chỉ Nguyễn Huệ - ND), chớ nên tự ý làm tắt.

Nhà vua nói xong thì mất. (Nguyễn) Văn Huệ hỏi Ngọc Hân Công chúa về tư chất của các Hoàng tử, Ngọc Hân Công chúa rất khen (Lê) Duy Cận, cho là người tốt. (Nguyễn) Văn Huệ nhân đó muốn bàn lại việc chọn người nối ngôi, khiến cho triều đình rất lo sợ nhưng không biết nên làm thế nào. Các hoàng thân thì trách móc Ngọc Hân Công chúa vì cho là Ngọc Hân Công chúa đã làm hại đến mưu kế lớn của xã tắc. Ngọc Hân Công chúa sợ, về xin với (Nguyễn) Văn Huệ và (Nguyễn) Văn Huệ bằng lòng. Triều đình bèn phò (Hoàng) Thái tôn lên ngôi Hoàng đế, đổi tên là (Lê) Duy Kỳ, lấy năm sau (năm Đinh Mùi, 1787 - ND) làm năm Chiêu Thống thứ nhất".

Lời bàn : Vua Lê Hiển Tông triệu vào mà Nguyễn Huệ không vào, thế là chí phải. Từ lâu, triều đình vua Lê - chúa Trịnh chẳng ai tin ai, họ sẵn sàng vu oan giá họa, sẵn sàng đẩy người vào chỗ chết... nghĩa là điên đảo lắm thay. Chí cốt với nhau mà còn không tin nhau, bảo họ tin người từ phương xa mới tới như Nguyễn Huệ làm sao được ?

Không vào cung vua nhưng vẫn quan tâm sâu sắc đến công việc của triều đình, ấy cũng bởi Nguyễn Huệ là... Nguyễn Huệ, có đáng anh hùng hào kiệt nào lại dùng dưng trước thế cuộc đâu.

Thương thay Lê Hiển Tông, tấm thân của Vua thì chừng như chỉ mới nhuộm bệnh, chớ cái đầu của Vua thì đã nhuộm bệnh lâu lắm rồi. Cứ nghe lời trần trối đây bệnh hoạn của Nhà vua cũng đủ biết là căn bệnh trong đầu Vua thật vô phương cứu chữa. Xem ra, Lê Hiển Tông có khả năng làm nó bộc phát hơn hẳn khả năng làm Vua, sợ sự tàn bạo kiểu của chúa Trịnh hơn là sợ đức lớn của bậc anh hùng cái thế như Nguyễn Huệ.

Ngọc Hân Công chúa bị trách cứ nặng nề, bị coi là kẻ đã làm hại đến mưu kế lớn của xã tắc... tất nhiên cũng là chí phải. Một hoàng tộc vốn tan nát đã từ lâu, từng quen lấy cái xấu làm cái tốt, thử hỏi làm sao họ có thể khen ngợi Ngọc Hân Công chúa được.

Chuyện kể rằng, học trò Khổng Tử hỏi Khổng Tử : người mà cả làng khen tốt đã phải là người tốt chưa ? Khổng Tử đáp là chưa chắc. Học trò lại hỏi : người mà cả làng chê xấu đã phải là người xấu chưa ? Khổng Tử đáp là chưa chắc. Học trò khó hiểu, hỏi tiếp rằng : cả làng khen hoặc cả làng chê mà vẫn chưa đủ hay sao ? Khổng Tử nói : cũng còn phải xem dân làng đó tốt, xấu thế nào đã chứ.

Ở đời, có khi được khen mà ta bỗng lo sợ, có khi bị chê mà ta bỗng vui mừng, bởi vì ta biết rõ đức độ của người khen ta và chê ta cao thấp thế nào, và quan trọng hơn : họ là ai, rồi vì lẽ gì mà họ có lời khen chê như vậy.

Ngọc Hân Công chúa bị trách cứ, ngẫm cho kĩ, có gì đáng buồn đâu, ngược lại, nếu được các hoàng thân thiện lậu và vô tích sự đương thời hết lời khen ngợi mới thật là đáng sợ.

64 - LÊ CHIÊU THỐNG BỊ... TRUẤT PHẾ HỤT

Tháng 11 năm Bính Ngọ (1786), nghĩa là chỉ mới sau bốn tháng kể từ khi được tôn lên ngôi vua, Lê Chiêu Thống đã bị truất phế huyệt. Kẻ chủ mưu trong vụ này cũng chính là kẻ đã xé chiếu chỉ của Nhà vua hai tháng trước đó : Dương Trọng Khiêm !

Sau sự kiện tháng 9 năm 1786 (xem thêm giai thoại số 62 : *Màn bị kịch đầu tiên của Lê Chiêu Thống*), Dương Trọng Khiêm chạy trốn lên vùng Hà Bắc ngày nay và ít lâu sau thì chạy về vùng Gia Lâm (nay thuộc ngoại thành Hà Nội). Trong lúc ấy, chúa Trịnh Bồng cũng muốn mau chóng củng cố địa vị của mình, cho nên, đã sai người triệu Dương Trọng Khiêm về. Việc này khiến cho Dương Trọng Khiêm vừa mừng lại vừa lo. Mừng vì được chúa Trịnh Bồng ban ơn dung nạp, còn lo là bởi hấn từng đắc tội với Vua, sợ Vua tìm cách trả thù. Tuy nhiên, Dương Trọng Khiêm cũng thừa thông minh để hiểu rằng, nếu cần phải chọn kẻ mạnh để theo thì tất yếu là chọn Chúa chứ không thể chọn Vua được. Có điều, nếu gạt bỏ được mối lo về sự trả thù của Vua thì vẫn tốt hơn. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 46, tờ 36 và 37) chép rằng :

"Dương Trọng Khiêm sợ rằng Nhà vua sẽ tức giận mà trả mối thù cũ (chỉ việc Dương Trọng Khiêm xé chiếu chỉ của Nhà

vua – ND) bèn ngầm khuyên Trịnh Bồng đem quân vây chặt hoàng thành, bắt giết hết những quan lại nào của triều đình về phe với Nhà vua, xong thì tính kế lập vua khác. Trịnh Bồng theo lời, lập tức sai Nguyễn Mậu Nễ và Bùi Nhuận, nhân đêm tối, bí mật đem quân vào cửa khuyết. Hay tin có biến, Nhà vua lập tức triệu hết các hoàng thân đem binh mã đã mộ được từ trước, đến để cùng nhau chống đỡ.

Khi ấy, viên Đề lãnh là Hoàng Phùng Cơ vốn không cùng phe cánh với (Dương) Trọng Khiêm, lại cũng vì có nhà riêng ở trong hoàng thành, nên sợ rằng nội diện mà có biến thì mình cũng bị mang tiếng xấu, cho nên, đem hết quân bản bộ của mình ra đánh trả. (Nguyễn) Mậu Nễ sợ nên không dám tiến mà ra hiệu cho quân rút lui".

Lời bàn : Vì mình, Dương Trọng Khiêm sẵn sàng thí bỏ tất cả, dù đó là bạn đồng liêu, là chúa hay là cả vua nữa. Dương Trọng Khiêm xuất thân là con nhà võ, từng đỗ đến Tào sĩ (tức Tiến sĩ hàng võ), nhưng xem ra, miệng lưỡi của Dương Trọng Khiêm cũng thuộc loại lắt léo khó lường. Khéo khen cho con người ấy, uốn éo ngon ngọt thế nào mà cả đến Chúa cũng phải nghe theo, tài thật nhưng cũng khiếp thật.

Thực thì mưu lớn là truất phế ngôi vua, vậy mà lạ sao, chúa Trịnh Bồng lại giao phó cho hai tên vô danh tiểu tốt thực hiện. Như bọn Nguyễn Mậu Nễ và Bùi Nhuận, vũ dũng không đáng làm lính, bảo chỉ huy một lực lượng đánh vào hoàng thành làm sao nổi. Nhưng thôi, Chúa tài năng cỡ đó thì tướng quân của chúa cũng chỉ có tài năng cỡ đó, đòi thêm thế nào được ?

Lê Chiêu Thống phải một phen bị truất phế hụt, hủ vía. Ngẫm cho kĩ thì cũng thấy chua xót cho Nhà vua : mới lên ngôi được bốn tháng mà đã phải chịu đến cả trăm đắng ngàn cay. Nhưng làm vua mà vừa bất tài lại vừa thất đức, thì chừng đó nổi khổ, nào đã thấm thía gì. Thôi thì đành theo sách của cổ nhân mà nói : âu cũng là hoàng thiên mượn tay bọn bạo nghịch để trị kẻ bạo nghịch vậy.

65 - CHUYỆN CUNG ĐÌNH, XUÂN ĐÌNH MÙI (1787)

Tháng 11 năm 1782, Nguyễn Hữu Chỉnh bỏ vua Lê - chúa Trịnh mà về với Tây Sơn. Tháng 6 năm 1786, Nguyễn Hữu Chỉnh đã dẫn quân Tây Sơn đánh thắng ra Bắc Hà. Chỉ hơn một tháng sau, Nguyễn Huệ đã tiến vào kinh thành Thăng Long. Với cuộc tấn công ấy, chúa Trịnh Khải bị giết, vua Lê Hiển Tông được tôn phò, nhưng chỉ hai ngày sau khi nhận lễ tôn phò ấy, Lê Hiển Tông đã qua đời. Cháu nội của Lê Hiển Tông là Lê Duy Kỳ (tức vua Lê Chiêu Thống) được đưa lên nối ngôi nhưng tình thế lúc ấy đã quá bi đát, chính sự đã trở nên cực kì rối ren. Kế hoạch khôi phục quyền bính cho Nhà vua của Lê Chiêu Thống bị thất bại, bản thân Lê Chiêu Thống cũng bị truất phế huyệt. Trong cơn hoảng hốt, Lê Chiêu Thống đã cho gọi Nguyễn Hữu Chỉnh ở Nghệ An về.

Nguyễn Hữu Chỉnh vốn là tên giảo hoạt, theo Tây Sơn chẳng qua vì không thể theo ai lúc đấy được mà thôi. Lãnh tụ của Tây Sơn là Nguyễn Huệ biết rõ tâm địa của Nguyễn Hữu Chỉnh nên dung nạp để sử dụng trong nhất thời chứ không hề tin Nguyễn Hữu Chỉnh. Tháng 8 năm 1786, Nguyễn Huệ rút quân về Nam nhưng không cho Nguyễn Hữu Chỉnh biết. Hắn hoảng sợ chạy theo và sau đó thì ở lại Nghệ An.

Nguyễn Hữu Chỉnh về kinh đô rồi mau chóng trở thành chỗ dựa của vua Lê Chiêu Thống, nhưng cũng kể từ đó tai họa liên tiếp dội lên đầu con người giảo hoạt này. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 47, tờ 1, 2 và 3) chép :

"Từ khi đắc chí (vì được Vua tin dùng), Nguyễn Hữu Chỉnh dần dần trở nên tự mãn và kiêu căng. Nhà vua cho rằng, vận nước đang lúc gian nan, cho nên mọi việc lớn nhỏ của chính sự lẫn việc sắp đặt hay bổ nhiệm quan lại, thường là làm theo ý của (Nguyễn Hữu) Chỉnh.

Bấy giờ, bọn Phan Lê Phiên vì là chỗ thân thiết cũ của (Nguyễn Hữu) Chỉnh, (Uông) Sĩ Diển thì trước đó đã chịu đầu hàng và nạp cho (Nguyễn Hữu) Chỉnh quả ấn của bộ Binh vốn do (Uông Sĩ Diển) giữ nên cũng được (Nguyễn Hữu) Chỉnh tin. Những người nói trên mà được nắm giữ quyền bính lớn thì cũng là do (Nguyễn Hữu) Chỉnh sắp đặt cả.

Trước kia, Nguyễn Đình Giản (người Thanh Hoa, đỗ Tiến sĩ khoa Kỉ Sửu, 1769 – ND) từng mạnh mẽ tố cáo (Nguyễn) Hữu Chỉnh về tội rước giặc ngoài về hại nước (chỉ việc dẫn quân Tây Sơn về – ND), lại còn thề rằng không chịu cùng sống với (Nguyễn Hữu) Chỉnh, liền trở về Thanh Hoa để mộ quân đánh giặc trả thù cho nước.

Dư luận lúc ấy tỏ ý khen tác lòng hăng hái của (Nguyễn) Đình Giản, nhưng Trịnh Bồng không cho phép (Nguyễn Đình Giản về Thanh Hoa mộ quân). Đến đây, (Nguyễn Hữu) Chỉnh sợ khó bề được mọi người dung thứ, bèn nghĩ cách thu dùng (Nguyễn) Đình Giản để qua đó mà xoa dịu lòng người. Hắn sai người đến mời (Nguyễn) Đình Giản với những lời lẽ rất khiêm tốn và nhã nhặn. (Nguyễn) Đình Giản liền về kinh, được trao chức (Phó Đô ngự sử).

Từ đây, uy quyền (của Nguyễn Hữu Chỉnh) ngày một lừng lẫy, hắn kéo bà con về, cất nhắc cho giữ các chức trong kinh thành cũng như ngoài trấn để kết bè kết cánh, mọi việc triều chính đều do (Nguyễn Hữu) Chỉnh quyết đoán. (Nguyễn Hữu) Chỉnh lại mở phủ đệ cho con là (Nguyễn) Hữu Du ở phía đông của dinh mình, nghĩa là chẳng khác gì chúa Trịnh trước đó vẫn cho con là Thế tử ra ở phủ riêng. (Nguyễn Hữu) Chỉnh kiêu ngạo và lấn lướt, khiến cho Vua cũng dần dần phát chán với hắn.

Nhà vua bí mật bàn với viên Nội hàn là Ngô Vi Quý rằng sẽ mời (Nguyễn Hữu) Chỉnh vào nơi ở riêng của Vua để bàn việc, rồi nhân đó mà đánh thuốc độc để giết đi. Một hôm, Vũ Trinh vào ra mắt và cũng được Nhà vua cho biết về việc này. (Vũ) Trinh sợ quá, nói :

– Ai dám bày chước này cho bệ hạ thế ? Tôi trộm nghĩ là nguy lắm đấy. Nay, giặc mạnh thì đang bức bách, tin báo động

từ biên giới truyền về thì dồn dập, triều đình thì chưa hòa thuận, lòng người thì chưa được yên... đáng lẽ, bệ hạ nên dựa vào (Nguyễn Hữu) Chỉnh và dùng làm nanh vuốt, chớ sao lại nghi ngờ, tội trạng chưa có gì là rõ, sao nỡ giết kẻ bề tôi có thể lực mạnh ? Nếu tất cả những kẻ dưới quyền của (Nguyễn Hữu) Chỉnh mà tức giận rồi nổi lên gây ra biến loạn thì xã tắc sẽ ra sao ?

Nhà vua chợt tỉnh ngộ, bèn thôi.

(Về phần mình, Nguyễn Hữu) Chỉnh cũng sơ sơ biết chuyện, nên kể từ đó, thường ít triệu yết Nhà vua, thả cho bọn thuộc hạ muốn làm gì thì làm. Hào kiệt bốn phương vì thế mà thất vọng".

Lời bàn : Ô đời, thiếu niềm tin là nguy nhưng chưa hẳn đã nguy bằng trao niềm tin sai địa chỉ. Lê Chiêu Thống lúc đầu tin Nguyễn Hữu Chỉnh, tức là đã trao niềm tin sai địa chỉ vậy. Nhưng thôi, tình cảnh của Lê Chiêu Thống lúc bấy giờ, vớ được Nguyễn Hữu Chỉnh nào có khác gì kẻ sắp chết đuối vớ được cọc.



Chùa Hội Khánh (Sông Bé -- giữa thế kỷ XVIII)

Xét lí lịch thì thấy những việc Nguyễn Hữu Chính đã làm với Lê Chiêu Thống chẳng có gì là lạ, đáng lạ lùng chẳng là việc làm của Nguyễn Đình Giản : người đã nhẹ nhàng vượt qua các khoa thi khó để thành ông Nghè, nhưng lại không vượt qua nổi chút thử thách nhỏ nhỏ của đời thường. Tuy nhiên, hậu thế cũng thành thật tri ơn ông, vì chính trong chỗ không ngờ, ông đã để lại cho hậu thế một câu bất hủ : *Ôi, thế như là Nguyễn Đình Giản thế ấy !*

Triều đình nhà Lê lúc này chẳng khác gì một tổ chức đặc biệt của những người ngồi lê đôi mách. Bất cứ việc gì, dù cơ mật đến đâu, cũng chỉ chốc lát là lan truyền khắp thiên hạ. Trách chứ vị xênh xang áo mào đương thời sao lèo mếp quá cũng được, mà trách vua sao lại sẵn lòng bàn quốc gia đại sự với bất cứ ai cũng được.

Lời của Vũ Trinh kể cũng đáng gọi là lời cần được lưu tâm, bởi vì tìm khắp triều Lê đương thời, nào dễ có mấy người nói nổi được lời đại loại như vậy. Nhưng, một sợi lạt tốt chẳng thể cột chặt cả căn nhà mục nát đang hứng chịu cuồng phong. Chẳng thế.

66 - BÀI HỌC HOÀNG PHÙNG CƠ

Hoàng Phùng Cơ sinh năm nào không rõ, chỉ biết ông người xã Vân Cốc, huyện Bạch Hạc, nay thuộc Phú Thọ. Ban đầu, Hoàng Phùng Cơ là một trong những vị tướng trẻ của Nguyễn Hữu Cầu, từng cùng Nguyễn Hữu Cầu tung hoành khắp vùng đồng bằng Bắc Bộ, đánh cho quân của vua Lê - chúa Trịnh nhiều trận thất điên bát đảo. Nhưng rồi vào tháng 3 năm Bính Dần (1746), Hoàng Phùng Cơ từ bỏ nghĩa quân của Nguyễn Hữu Cầu mà về đầu hàng vua Lê - chúa Trịnh, được chúa Trịnh Doanh tin dùng và dần dần trở thành một trong những nhân vật có thế lực của triều đình.

Năm Đinh Mùi (1787), bởi một loạt những biến cố trong kinh đô, Hoàng Phùng Cơ chạy về Sơn Tây. Lúc này, chúa Trịnh Bồng cũng đã bỏ chạy khỏi kinh thành, quyền hành trong nước nghiêm nhiên thuộc về nhân vật đang thời đắc chí là Nguyễn Hữu Chính, vua Lê Chiêu Thống cũng chỉ là hư vị mà thôi. Thế cuộc đẩy đưa, Nguyễn Hữu Chính và Hoàng Phùng Cơ trở thành hai nhân vật đối địch, kẻ ở trong kinh, người ở ngoài trấn, nhưng ai cũng nhân

danh vua Lê để mưu diệt lẫn nhau. Tháng 8 năm Đinh Mùi (1787), cuộc giao tranh giữa hai bên đã nổ ra và Hoàng Phùng Cơ đã bị giết. Sự kiện này được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 47, tờ 9) chép lại như sau :

"(Hoàng) Phùng Cơ ở Sơn Tây, mưu toan cất quân vào kinh thành để bảo vệ triều đình, bèn cho truyền hịch đi khắp các lộ Quảng (Oai) và Quốc (Oai), nêu rõ danh nghĩa dấy quân là trừng trị Nguyễn Hữu Chỉnh.

(Nguyễn) Hữu Chỉnh sai tướng là Nguyễn Duật đem quân lên đón đánh (Hoàng) Phùng Cơ ở khu vực xã Đại Phùng (huyện Đan Phượng của Sơn Tây, nay thuộc Hà Tây – ND), còn mình thì đích thân đem đại binh đi tiếp ứng. (Hoàng) Phùng Cơ giao chiến với Nguyễn Duật, đánh cho (Nguyễn) Duật phải bỏ chạy. Con của (Hoàng) Phùng Cơ là (Hoàng) Phùng Gia khuyên cha nên nhân đà thắng lợi mà đánh thẳng vào tận kinh thành, nhưng (Hoàng) Phùng Cơ không nghe, lại còn nói :

- Bắt (Nguyễn) Hữu Chỉnh bắt quá cũng chỉ như bắt một đứa trẻ con. Hãy tạm nghỉ rồi đánh đuổi sau cũng không có gì là muộn.

(Nguyễn) Duật đang chạy, ngoái nhìn chẳng thấy quân của (Hoàng) Phùng Cơ đuổi theo, bèn thu quân quay lại, dàn thành thế trận mà đánh. Khi ấy, quân của (Hoàng) Phùng Cơ đang ăn cơm, không ai kịp trở tay, chỉ bỏ chạy tan tác, bỏ lại (Hoàng) Phùng Cơ cùng với con trai (là Hoàng Phùng Gia) chơ vơ trên mình voi. Hai cha con cố sức đánh nhưng quân của (Nguyễn) Duật đã khép chặt vòng vây cả bốn phía. Đúng lúc đó, (Nguyễn) Hữu Chỉnh cũng cho quân ập đến. Quân Thiết Đột được lệnh xông lên, cứ nhè (Hoàng) Phùng Cơ mà bắn tới tấp. (Hoàng) Phùng Cơ bị thương, té nhào từ trên bành voi xuống, bị bắt và bị giải về kinh đô. Khi (Hoàng) Phùng Cơ sắp bị đem đi chém, Nhà vua nghĩ đến chút công lao đánh bọn (Nguyễn) Mậu Nễ trước kia nên cho (Hoàng) Phùng Cơ được uống thuốc độc mà chết".

Lời bàn : Trước thì theo Nguyễn Hữu Cầu, sau lại theo về với vua Lê - chúa Trịnh, tuy được chúa Trịnh tin dùng, ban cho chút chức tước để vinh vang với thiên hạ, nhưng, Hoàng Phùng Cơ hồi, danh tiết rẻ rúng ấy đáng xếp vào hạng nào ?

Trong mọi việc cần phải cẩn trọng, không có gì cần cẩn trọng hơn việc ra trận, bởi đây là chuyện sống chết, chuyện máu xương. Lĩnh ra trận mà bất cẩn thì không vong mạng cũng mang thương tích cùng mình, sau đó hối tiếc cũng chẳng ích lợi gì nữa. Tướng cầm quân ra trận mà bất cẩn thì đại bại hoặc tử vong là chuyện thường, mối nguy thật khó mà lường được. Hoàng Phùng Cơ không phải chỉ là bất cẩn mà là chủ quan, ngạo mạn, thắng mới lạ chớ thua thì có gì là lạ đâu. Hóa ra, con người danh tiết rẻ rúng này cũng để lại cho đời một bài học : chủ quan ngạo mạn là kẻ thù nguy hiểm nhất của bất cứ ai.

Hoàng Phùng Cơ nhân danh hoàng đế nhà Lê để dấy quân, còn vua Lê Chiêu Thống thì nhân danh một hoàng đế hữu danh vô thực đang sống chẳng khác gì bị quản thúc trong hoàng thành, cho phép Hoàng Phùng Cơ được uống thuốc độc để chết thay vì đem ra chém đầu, sự thể mới mĩa mai làm sao. Với Lê Chiêu Thống, sự nghiệp của Hoàng Phùng Cơ bất quá chỉ có một chút đáng kể, đó là đánh viên ti tướng của Dương Trọng Khiêm là Nguyễn Mậu Nễ mà thôi. Ngẫm kĩ thì thấy sao mà chua chát quá !

67 - VUA LÊ CHIÊU THỐNG BỊ LỘT MÁT HOÀNG BÀO

Tháng 11 năm Đinh Mùi (1787), Tây Sơn sai tướng Vũ Văn Nhậm kéo quân ra Bắc Hà để trừng trị Nguyễn Hữu Chỉnh. Về phần mình, Nguyễn Hữu Chỉnh cũng đem quân vào tận vùng Ninh Bình ngày nay để chủ động đón đánh, nhưng vì bị thua đau nên vội vã tháo chạy về Thăng Long. Việc này đã khiến cho cả triều đình nhốn nháo. Đầu tháng chạp năm đó, cuộc hôn tẩu của Lê Chiêu Thống bắt đầu. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 47, tờ 15, 16 và 17) chép như sau :

"Tin thất bại của cánh quân (Nguyễn) Hữu Chỉnh vừa báo đến là lập tức Nhà vua muốn bỏ đi về phía Tây, tính theo đường

thượng đạo mà về Thanh Hoa ⁽¹⁾, chiếm giữ chỗ trọng yếu để tính kế khôi phục sau này. Vào khoảng nửa đêm, (Nguyễn) Hữu Chỉnh từ Thanh Quyết (thuộc Gia Viễn, Ninh Bình ngày nay – ND) trở về. Nhà vua sai người đến mời mấy lần liền nhưng (Nguyễn) Hữu Chỉnh vẫn không tới mà chỉ ủy thác cho viên Tham tri chính sự là Nguyễn Khuê (vừa đỗ Tiến sĩ ngay trong năm 1787 – ND) vào tâu xin Nhà vua đi sang Kinh Bắc (vùng Bắc Ninh ngày nay – ND) và nói :

– Ở Kinh Bắc có Nguyễn Cảnh Thuộc là người vừa hùng mạnh lại vừa có mưu lược, rất đáng tin cậy, cho nên, ta hãy lấy Kinh Bắc làm chỗ dựa, bám vào thành trì chắc chắn và cây sông Cái làm hào cách ngăn để tạo thế thủ. Xong, ra lời kêu gọi quân cần vương thì có thể liên lạc được với khắp nơi, như phía trên thì có Thái Nguyên và Sơn Tây, dưới có Hải Dương và Sơn Nam, chẳng mấy chốc mà có đại binh, từ đó, có thể liệu thời cơ mà hành động, vậy mới có thể mong hưng phục nổi. Nhà vua nghe theo.

Sáng sớm hôm sau, Nhà vua sai Hoàng đệ là (Lê) Duy Trù hộ tống Hoàng Thái hậu, Hoàng phi và Nguyên tử (con dâu lòng của vua Lê Chiêu Thống – ND) cùng các cung tần đi trước. Lúc sắp sửa lên đường, Nhà vua đến nhà Thái Miếu khóc và lạy, nhân đó, bầy tôi và thị vệ cũng lên trốn, khiến cho Vua lo sợ không biết tính sao. Viên quan theo hầu là Bùi Dương Lịch đến tâu rằng :

– (Nguyễn) Hữu Chỉnh tuy thua trận khiến cho quân bị tan vỡ, nhưng thủ hạ (của Nguyễn Hữu Chỉnh) vẫn còn nhiều, còn có kẻ sợ uy, vậy, xin Nhà vua hãy truyền chỉ dụ, ép (Nguyễn Hữu) Chỉnh phải đi theo hộ giá rồi nhân đó mà kêu gọi mọi người, được như thế thì may mới thoát cảnh trợ trối.

Nhà vua cho là phải. (Bùi) Dương Lịch còn sai người đứng giữa sân rộng đọc to lời chỉ dụ, bọn thị vệ lúc ấy mới dần dần tề tựu.

(1) Thanh Hoa tức Thanh Hóa – theo quy định lúc bấy giờ thuộc về Hải Tây Đạo hoặc Tây Đạo.

Nhà vua cùng nội thần là Nguyễn Quốc Đống và Nguyễn Khải đến nhà của (Nguyễn) Hữu Chính. (Nguyễn) Hữu Chính vội vàng vừa lay vừa khóc để đón xa giá, đồng thời rước ghế chạm rồng (của Vua) vào gian nhà giữa. Nhà vua dụ bảo (Nguyễn Hữu) Chính đi theo hộ giá. (Nguyễn Hữu) Chính liền sai con là (Nguyễn) Hữu Du đi trước để mở đường, còn mình thu lượm tàn quân được độ vài ngàn người hộ vệ Nhà vua đi qua sông để đến Kinh Bắc".

..."Khi nhà vua đến Kinh Bắc thì trấn thủ Nguyễn Cảnh Thước đã dẫu hàng giặc từ trước, đóng cửa thành cáo bệnh, không chịu ra đón tiếp. Nhà vua và (Nguyễn) Hữu Chính bối rối vội qua đò để sang bên kia sông Nguyệt Đức (tức sông Cà Lồ - ND). Bấy giờ, theo Vua chỉ còn độ dăm bảy văn thần như Nguyễn Đình Giản, Phạm Đình Dữ, Chu Doãn Lệ, Trương Đăng Quỳ, Vũ Trinh... mà thôi. (Nguyễn) Cảnh Thước tung tay chân ra chặn đường cướp bóc những người đi theo xa giá, chúng còn đuổi theo đòi lột áo hoàng bào của Nhà vua. Nhà vua rút nước mắt mà cời ra để trao cho chúng".

Lời bàn : Thực ra, mục tiêu của Tây Sơn ra Bắc Hà lần này không phải là để trừng trị Lê Chiêu Thống. Việc Lê Chiêu Thống hoảng hốt rồi không còn phân biệt được đâu với đâu, tự mình đứng về phía đối thủ của Tây Sơn, đó là lỗi riêng của Lê Chiêu Thống. Xem ra, lỗi của Lê Chiêu Thống nào chỉ ít ỏi như vậy, nhưng thôi, có vậy thì Lê Chiêu Thống mới là Lê Chiêu Thống, nếu không, lấy đâu ra giai thoại này.

Chỉ trong mấy ngày mà Lê Chiêu Thống mắc phải mấy lần đại nhục. Lần đầu đường đường là vua, vậy mà tuyên triệu viên tướng bại trận là Nguyễn Hữu Chính, hắn cũng không thèm đến, thế rồi trải những mấy lần không xong, Nhà vua đành phải tự mình băng đêm tối tìm đến nhà hắn, cứ như hắn là vua của Lê Chiêu Thống không bằng. Lần thứ hai là lần bị Nguyễn Cảnh Thước đóng cửa không thèm tiếp, lại còn cho lâu la đi chặn đường cướp của. Ôi, chúng dám lột cả áo hoàng bào của Nhà vua, đại nhục này không giấy bút nào tả nổi.

Lê Chiêu Thống rút nước mắt mà cời áo trao cho chúng, chẳng biết là Vua khóc vì tiếc của hay vì xót cho thân phận bỗng bị hãm hiu, nhưng hậu thế thì tiếc cho Nhà vua : gặp nạn mới biết Vua chẳng có chút dũng khí nào cả.

68 - CUỘC BÁO ÂN BÁO OÁN CỦA LÊ CHIÊU THỐNG

7 ừ cuối năm 1787, triều đình nhà Lê và cả phủ chúa Trịnh kể như đã hoàn toàn bị tan rã, vua chạy đằng vua, chúa chạy đằng chúa, quan lại ai lo thân nấy mà thôi. Trong cơn hoảng loạn, tập đoàn Lê Chiêu Thống đã đi cầu cứu Mãn Thanh. Tháng 7 năm Mậu Thân (1788), bà Thái hậu (thân mẫu của Lê Chiêu Thống) là người đầu tiên sang Trung Quốc cầu cứu, sau đó, vua tôi nhà Lê đã cùng nhau làm theo việc làm tệ hại này. Bấy giờ, nhà Thanh đang trong thời kì cường thịnh, lại cũng đang sẵn ý định thôn tính nước ta, cho nên, vua Thanh là Càn Long đã sai Tôn Sĩ Nghị đem 29 vạn quân, mượn cớ *phù Lê diệt Tây Sơn* để tiến thẳng vào nước ta. Tháng 11 năm Mậu Thân (1788), quân Thanh tràn vào Thăng Long. Về phần mình, bộ chỉ huy quân đội Tây Sơn ở Bắc Hà đã chủ động quyết định tạm thời rút lui, bảo toàn lực lượng để chờ cơ hội phản công, cho nên, quân Tôn Sĩ Nghị và quân bản bộ của Lê Chiêu Thống về Thăng Long mà không gặp trở ngại nào đáng kể.

Vào Thăng Long, công việc đầu tiên của Lê Chiêu Thống là báo ân báo oán. Về báo ân, Lê Chiêu Thống đã gia phong chức tước cho những người từng cùng lên đênh bôn tẩu với mình. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 47, tờ 38) chép :

"Bấy giờ, hào kiệt bốn phương đều có ý trở tài làm việc nhưng Nhà vua chỉ biết dựa vào người Thanh mà thôi. Khi phong tước trao chức, Nhà vua chỉ cho những ai từng đi theo hộ giá hoặc theo hầu ở hành tại được hưởng, còn cựu thần và hào kiệt đều không được bổ dụng, cho nên, các bầy tôi không ai còn nói đến việc ra quân phục thù (chỉ việc đánh Tây Sơn - ND). Hết thấy mọi người trong kinh và ngoài trấn đều chán ngán. (Nhà vua) chỉ một mực tin vào sự thành bại ở người Thanh mà thôi. Việc nước hoàn toàn bế tắc".

Như vậy, báo ân xem ra cũng chẳng đáng là bao bởi không mấy ai được Lê Chiêu Thống để tâm đến. Ngược với báo ân, báo oán thật là khủng khiếp, mà đối tượng báo oán đầu tiên lại chính là thân thích của Nhà vua. Cũng sách trên, (tờ 39) viết :

"Nhà vua vốn dĩ là người rất hẹp hòi và khắc nghiệt. Trong tôn thất, có người phụ nữ lấy tướng giặc và đang có thai, bị Nhà vua sai người đến mổ bụng giết chết. (Nhà vua) sai chặt chân ba hoàng thúc (chú họ của Vua – ND) rồi đem quăng ra chợ Cung là một ngôi chợ nhỏ ở trong cung. Nhân tâm vì thế mà dần dần li tán.

Khi (từ Trung Quốc) về đến Thăng Long, bà Thái hậu nghe biết được những việc làm ngang ngược và sự thưởng phạt chỉ dựa vào tình cảm yêu ghét riêng của Nhà vua, bà nổi giận nói :

- Ta phải trải bao cay đắng mới cầu được viên bình đến. Xã tắc liệu chừng sẽ chịu được bao phen báo ân báo oán nghiệt ngã này. Thôi, diệt vong đến nơi rồi !

Nói xong, bà gào khóc, không chịu vào cung. Bầy tôi theo hầu là Nguyễn Huy Túc phải lựa lời khuyên giải mãi, bà Thái hậu mới thôi than khóc".

Lời bàn : Trong muôn tội ác, tội rước quân xâm lăng về dày xéo giang sơn là tội ác nặng nhất. Tập đoàn Lê Chiêu Thống phạm tội này tức là phạm vào tội trời không thể dung, đất không thể tha vậy.

Việc nước mà phó thác cho ngoại bang, không nói cũng đủ biết là nhục nhã ẽ chế đến ngần nào. Dựa vào ngoại bang để báo ân báo oán thì sự nhục nhã ẽ chế còn nhiều hơn bội phần nữa.

Bà Thái hậu vật vã kêu khóc chẳng qua vì thấy thân thích của mình bị chính con mình giết hại đó thôi. Bà chỉ thấy tội nhỏ mà chưa thấy tội lớn tày trời của con, càng không hề thấy rằng, mình vừa là người đã sinh ra Lê Chiêu Thống, lại cũng vừa là mẹ đẻ của tội ác ghê tởm này. Ôi, mẹ nào con ấy, chỉ li thay !

Ngàn xưa vẫn vậy, kẻ dốc chí báo oán, dầu chỉ tơ tóc cũng quyết không tha, thì thế gian chỉ còn biết xua tay mà nói ngắn gọn : Tâm thường !

69 - KẾT CỤC CỦA TRIỀU LÊ

7 tập đoàn Lê Chiêu Thống rước 29 vạn quân Mãn Thanh về nước và hi vọng dựa vào thế lực ngoại bang để khôi phục địa vị của mình. Nhưng, thế chưa vững, lực chưa mạnh, địa vị còn đang rất bấp bênh, tập đoàn Lê Chiêu Thống đã lo báo ân báo oán. Việc này khiến cho nhân tâm vốn đã li tán lại càng li tán thêm. Trong lúc đó, tổng chỉ huy quân Mãn Thanh lại chủ quan, tự mãn, cho quân đi cướp bóc để ăn tết Nguyên đán, khiến cho thiên hạ không ai lại không căm thù. Đúng tết Kỉ Dậu (1789), Quang Trung Nguyễn Huệ đã đánh một trận thần tốc, quét sạch quân Mãn Thanh ra khỏi bờ cõi, trừng trị đích đáng tội ác của bọn phản nước hại dân.

Bị đại bại thảm hại, tàn quân Tôn Sĩ Nghị và Lê Chiêu Thống cứ nhằm hướng Bắc mà tháo chạy thục mạng. Và, sau đó chẳng bao lâu, họ đã gặp nhau ở trấn Nam Quan (Lạng Sơn ngày nay - ND). Tại đây, đám tàn quân đã được chứng kiến mẩu đối thoại giữa Lê Chiêu Thống với Tôn Sĩ Nghị. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 47, tờ 42) chép lại như sau :

"Khi Nhà vua đến trấn Nam Quan, bọn, bấy tôi cũng lục tục kéo đến. Nhà vua tới từ tạ mà nói với Tôn Sĩ Nghị rằng :

- Tôi không giữ được xã tắc, phải phiền đến ngài là điều sỉ nhục mà tôi đã tự thấy được từ trước. Ngài đem quân sang cứu, tôi lấy làm cảm kích vô cùng. Nay, ngài đành phải chia tay với tôi, tôi cũng chẳng dám phiền đến ngài nữa. Vậy, tôi xin trở về nước để lo lương lặt tàn quân, lo toan việc cử sự sau này.

(Tôn) Sĩ Nghị nói :

- Đã tâu xin thêm quân rồi, chẳng bao lâu nữa đại quân sẽ đến đây thôi.

Nói rồi (Tôn) Sĩ Nghị mời Vua vào nghỉ ở thành Quế Lâm (Trung Quốc - ND). Nhà vua theo lời".

Bấy giờ, nhà Thanh cũng muốn đánh phục thù, nhưng phần vì vừa đại bại, không thể coi thường Tây Sơn được nữa, phần vì chính sách ngoại giao mềm dẻo của Quang Trung, triều đình nhà Thanh đã do dự. Vua nhà Thanh là Càn Long ra lệnh cho Phúc Khang An chuẩn bị binh mã để đánh nước ta, nhưng Phúc Khang An đã liên kết với một số đại thần của triều đình nhà Thanh, khôn khéo khuyên vua Càn Long đình chỉ cuộc Nam chinh tội lỗi. Phúc Khang An thành công, nhưng cũng chính vì thế mà Lê Chiêu Thống cùng bọn tòng vong liên tiếp bị đánh lừa và bị hạ nhục. Cũng sách trên, (quyển 47, tờ 43, 44, 45 và 46) chép như sau :

"(Phúc) Khang An được nhiều của đút lót, nhân đó nghĩ rằng, nếu triều đình chấm dứt việc đẩy quân thì mình được ung dung vô sự, bèn tâu xin với vua Thanh cho (Nguyễn) Văn Huệ được thông hiếu. Vua Thanh y cho. Bấy giờ, bọn bấy tôi tòng vong cũng lục tục kéo đến."

..."(Phúc) Khang An cho Đinh Nhã Hành làm Thủ bị ở Toàn Châu, Phan Khải Đức làm Đô ti ở Liễu Châu (hai châu này đều thuộc Trung Quốc - ND), số còn lại thì tùy nghi gửi đi cho cư trú mỗi người một nơi, cốt sao cho họ yên phận, riêng bọn Lê Duy Án (chú họ của Lê Chiêu Thống - ND), Trần Huy Lâm, Lê Doãn và Lê Hạo thì đưa vào thành Quế Lâm để ở lại với Vua.

Tháng 4 (năm 1789 - ND) thì (Phúc) Khang An về Quế Lâm. Hân vờ nói (với Vua) rằng :

- Đang khi trời hè nóng nực, hãy tạm dừng việc quân, đợi đến sang thu hãy tính.

(Phúc) Khang An còn lừa Vua rằng :

- Chẳng bao lâu nữa là đến ngày xuất quân. Ngày đó, Tự Vương (chỉ Lê Chiêu Thống - ND) sẽ là người thống lĩnh các tướng đi trước mở đường. Nhưng, đồ mặc của An Nam vốn bị Tây Sơn coi khinh, trong lúc đó, việc quân thì cốt phải trí trá, vậy, không có gì bằng việc Tự Vương hãy tạm gióc tóc, thay đổi áo quần, cốt lừa tai mắt đối phương khi hành quân, đợi khi khôi phục xong sẽ giữ theo lễ thói (của nước Tự Vương) như cũ.

Nhà vua không nghĩ là bị gạt nên cũng gắng gượng làm theo. Bấy giờ, cứ hễ là người nước ta kéo sang, trước sau đều bị (Phúc) Khang An bắt gióc tóc và thay đổi trang phục. Xong (Phúc) Khang An bí mật tâu với vua Thanh rằng :

- Tự Vương họ Lê tình nguyện ở lại Trung Quốc, không còn có ý định xin viện binh nữa, vậy, xin (Hoàng đế) tiếp đón sứ giả của Tây Sơn".

..." Nhà vua căm giận vì bị nhà Thanh lừa gạt, bèn cùng bọn bề tôi là Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiếu, Lê Hân, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viết Triệu, Lê Quý Thích, Nguyễn Đình Miên, Lê Văn Trương, Lê Tùng và Lê Thức, tổng cộng mười người, cùng nhau uống máu ăn thề rồi làm bài biểu dâng lên vua Thanh để xin viện binh, nếu việc đó không thể thì xin đất hai châu Tuyên Quang và Thái Nguyên để có chỗ trở về mà thờ cúng tổ tiên, cực chẳng đã thì lên về Gia Định (chỉ vùng Nam Bộ ngày nay - ND) mà nương cậy ở triều ta (tức triều Nguyễn, lúc bấy giờ triều Nguyễn tuy chưa thành lập nhưng Nguyễn Ánh đã xưng vương và chiếm cứ vùng đất này - ND), từ đó mà kiếm kế khôi phục chứ nhất quyết không chịu sống thừa ở đất Bắc.

Vua tôi cùng nhất trí với nhau rằng sẽ phủ phục ở sân rồng mà khẩn khoản yêu cầu, nhược bằng có xảy ra điều gì bất trắc cũng quyết liều.

Bọn bề tôi chạy đến nhà Kim Giản (đại thần của nhà Thanh - ND) báo trước cho Kim Giản hay. Kim Giản mời họ vào an ủi và nói :

- Hãy tạm lui về quán trọ, đợi thương lượng sau.

Kim Giản bàn với Hòa Khôn, tìm cách phân tán vua tôi nhà Lê ra mỗi người một ngả".

..."Do buồn rầu căm phẫn, cho nên, mới sáng sớm, Nhà vua đã đi ngựa vào nhà Kim Giản, muốn bày tỏ nỗi khổ (bị dày đi xa) của bọn bề tôi. Lúc ấy, Kim Giản đang hầu tiếp vua Thanh ở vườn Viên Minh, vua (Lê Chiêu Thống) phi ngựa vào vườn. Tên

canh vườn sớ, bèn giằng lấy ngựa rồi dìu Nhà vua lên xe (đưa đi nơi khác). Vì lẽ đó, người hầu ngựa của vua là Nguyễn Văn Quyện, níu lấy cương ngựa mà mắng rằng :

– Đồ vô lễ, dám làm nhục quốc vương của ta à ?

Nói rồi (Nguyễn) Văn Quyện lấy đá ném tên canh vườn. Tên này lập tức kéo cả một lũ tới đánh trả. (Nguyễn) Văn Quyện bị đánh gần chết, xong, đem giam ở tù Thận Hình. Hơn một tháng sau (Nguyễn) Văn Quyện mới được thả ra, nhưng vì bị đánh đau, bị bệnh mà mất.

Tháng 5 mùa hạ, năm Nhâm Tý, niên hiệu Thanh Càn Long thứ 57 (tức năm 1792 – ND), Nguyên tử qua đời (vì bệnh đậu mùa – ND), Nhà vua cũng không được khỏe. Ngày Ất Tị (ngày 16) tháng 10, mùa đông, năm Quý Sửu, niên hiệu Thanh Càn Long thứ 58 (tức năm 1793 – ND), Nhà vua trở bệnh nặng, liền cho mời bọ (Lê) Duy Khang, Phạm Đình Thiện và Đinh Nhã Hành đến, trời trăng rằng :

– Vận nước suy vi, ta không biết liệu để giữ, phải nương tựa đất khách quê người, tính kế khôi phục nhưng chẳng dè lại bị lừa gạt, uất hận đến độ không sao kể xiết. Mai sau, nếu trong các người có ai về nước được thì đem nắm xương của ta về táng ở đó để tỏ ý trở về của ta.

Bầy tôi lạy khóc và xin theo mệnh lệnh. Chốc lát, vua mất".

Lời bàn : Triều Lê khởi đầu bằng những võ công hiển hách, quét sạch giặc đô hộ phương Bắc ra khỏi bờ cõi, khiến cho "càn khôn bĩ rồi lại thái, nhật nguyệt hối rồi lại minh" và tên tuổi của người sáng lập ra triều Lê là Lê Lợi ngời ngời trong sử sách. Tiếc thay, triều Lê lại kết thúc bằng Lê Chiêu Thống, kẻ đi rước giặc phương Bắc về, hèn hạ với quân xâm lăng nhưng lại tàn bạo với đồng bào ruột thịt, bị trừng trị nhục nhã, thân bại danh liệt, ngàn thu chưa dễ ai quên.

Ngày tàn của Lê Chiêu Thống trên đất Trung Quốc, khởi bản cũng đủ rõ. Khinh thay !

CÁC ĐỜI VUA VÀ CHÚA TRỊ VÌ TRONG THẾ KỈ XVIII

Cục diện chính trị của thế kỉ XVIII vẫn tiếp tục phát triển theo chiều hướng phức tạp. Để bạn đọc tiện theo dõi các giai thoại được trình bày trong tập này, chúng tôi viết thêm bảng tra Các đời vua và chúa trị vì trong thế kỉ XVIII. Ở đây, các đời được trình bày theo tuần tự thời gian trước sau nhưng với các dòng họ từng nắm quyền trị vì, chúng tôi tạm sắp như dưới đây, chẳng qua cũng bởi việc kẻ bảng sắp theo hàng ngang, kẻ cũng có chút bất tiện.

I - CÁC ĐỜI VUA HỌ LÊ TRONG THẾ KỈ XVIII

01 - LÊ DUY TÔNG (1705-1729)

- Họ và tên thật : Lê Duy Đường, con trưởng của Lê Hy Tông (1675 - 1705), thân mẫu là Nguyễn Thị Ngọc Đề (người xã Trùng Quán, huyện Đông Ngàn, nay thuộc Bắc Ninh).

- Vua sinh tháng 10 năm Canh Thân (1680), lên ngôi tháng 4 năm 1705, ở ngôi 24 năm (1705 - 1729) rồi nhường ngôi cho con thứ là Lê Duy Phường để làm Thượng hoàng 2 năm (1729 - 1731).

- Vua mất vào tháng 1 năm Tân Hợi (1731), thọ 51 tuổi. Trong thời gian ở ngôi, Lê Duy Tông đã đặt hai niên hiệu sau đây :

- Vĩnh Thịnh (1705 - 1720)
- Bảo Thái (1720 - 1729)

02 - LÊ ĐẾ DUY PHƯƠNG (1729 - 1732)

- Họ và tên thật : Lê Duy Phường, con thứ của Lê Duy Tông, thân mẫu người họ Trịnh.

- Vua sinh năm Kỉ Sửu (1709), được lập làm Thái tử ngày 8 tháng 7 năm Đinh Mùi (1727), lên nối ngôi ngày 21 tháng 4 năm Kỉ Dậu (1729), ở ngôi ba năm (1729 - 1732), bị chúa Trịnh Giang

phế làm Hôn Đức Công ngày 15 tháng 8 năm 1732 và bị Trịnh Giang giết vào tháng 9 năm Ất Mão (1735), thọ 26 tuổi.

- Trong thời gian ở ngôi, Lê Đế Duy Phường chỉ đặt một niên hiệu là Vĩnh Khánh (1729 - 1732).

03 - LÊ THUẦN TÔNG (1732 - 1735)

- Họ và tên thật : Lê Duy Tường, con trưởng của Lê Dụ Tông, thân mẫu người họ Nguyễn.

- Vua sinh vào tháng 2 năm Kỷ Mão (1699), lên ngôi ngày 26 tháng 8 năm Nhâm Tý (1732), ở ngôi ba năm (1732 - 1735), mất vào ngày 15-4-1735, thọ 36 tuổi.

- Trong thời gian ở ngôi, Lê Thuần Tông chỉ đặt một niên hiệu là Long Đức (1732 - 1735).

04 - LÊ Ý TÔNG (1735 - 1740)

- Họ và tên thật : Lê Duy Thận (lại còn có tên là Lê Duy Chấn), con thứ 11 của Lê Dụ Tông, thân mẫu là ai chưa rõ.

- Vua sinh vào tháng 2 năm Kỷ Hợi (1719), lên ngôi ngày 27 tháng 4 năm Ất Mão (1735), ở ngôi 5 năm (1735 - 1740), nhường ngôi để làm Thượng hoàng 19 năm (1740 - 1759), mất vào tháng sáu (nhuận) năm Kỷ Mão (1759), thọ 40 tuổi.

- Trong thời gian ở ngôi, Lê Ý Tông chỉ đặt một niên hiệu là Vĩnh Hựu (1735 - 1740).

05 - LÊ HIỂN TÔNG (1740 - 1786)

- Họ và tên thật : Lê Duy Diêu, con trưởng vua Lê Thuần Tông, thân mẫu người họ Đào (người xã Bảo Vực, huyện Văn Giang, nay thuộc tỉnh Hưng Yên).

- Vua sinh vào tháng 4 năm Đinh Dậu (1717), được Lê Ý Tông truyền ngôi vào ngày 21 tháng 5 năm Canh Thân (1740), ở ngôi 46 năm (1740 - 1786), mất vào tháng 7 năm Bính Ngọ (1786), thọ 69 tuổi.

- Trong thời gian ở ngôi, Lê Hiển Tông chỉ đặt một niên hiệu là Cảnh Hưng (1740 - 1786).

06 - LÊ MÃN ĐẾ (1786 - 1788)

- Họ và tên thật : Lê Duy Kỳ (trước khi lên ngôi còn có tên là Khiêm), cháu đích tôn của Lê Hiến Tông, thân sinh là Thái tử Lê Duy Vĩ (bị Trịnh Sâm hãm hại vào năm 1769), thân mẫu là ai chưa rõ.

- Lê Mẫn Đế sinh năm Ất Dậu (1765), lên ngôi vào tháng 8 năm Bính Ngọ (1786), ở ngôi 2 năm (1786 - 1788), mất vào tháng 10 năm Quý Sửu (1793) khi đang sống lưu vong tại Trung Quốc, thọ 28 tuổi.

- Trong thời gian ở ngôi, Lê Mẫn Đế chỉ đặt một niên hiệu là Chiêu Thống (1786 - 1788).

Lê Mẫn Đế là vua cuối cùng của triều Lê (1428 - 1788). Tuy vị trí cao thấp có khác nhau nhưng dấu sao thì trước sau, triều Lê cũng có đến 27 vị vua. Vua mở đầu của thế kỉ XVIII (Lê Dụ Tông) là vị vua thứ 22 của triều Lê.

II - CÁC ĐỜI CHÚA TRỊNH TRONG THẾ KỈ XVIII

01 - TRỊNH CƯƠNG (1709 - 1729)

- Con của Trịnh Bính. Trịnh Bính là cháu đích tôn của Trịnh Căn. Trịnh Bính được quyền làm chúa từ tháng 2 năm Mậu Thìn (1688), nhưng chưa chính thức được truyền ngôi chúa thì mất.

- Được phong làm Tiết chế, tước An Quốc công vào tháng 1 năm 1703 (tức được quyền giữ ngôi chúa kể từ đó).

- Được nối nghiệp chúa từ tháng 5 năm Kỷ Sửu (1709), xưng là Nguyên soái Tổng quốc chính, tước An Đô Vương.

- Tháng 9 năm Giáp Ngọ (1714), xưng là Đại nguyên soái Tổng quốc chính, Thượng sư, tước An Vương.

- Mất vào tháng 10 năm Kỷ Dậu (1729).

02 - TRỊNH GIANG (1729 - 1740)

– Con của Trịnh Cương. Được phong làm Thế tử vào tháng 5 năm Canh Tí (1720). Nối nghiệp chúa từ tháng 10 năm Kỉ Dậu (1729).

– Tháng 4 năm Canh Tuất (1730) tự xưng là Nguyên soái Tổng quốc chính, tước Uy Nam Vương.

– Tháng 8 năm Nhâm Tí (1732) xưng là An Nam Thượng Vương. Tháng 1 năm Canh Thân (1740) thì nhường ngôi cho em là Trịnh Doanh để làm Thái thượng vương.

– Mất vào tháng 12 năm Tân Tị (1761).

03 - TRỊNH DOANH (1740 - 1767)

– Con của Trịnh Cương, em của Trịnh Giang. Năm 1736 được Trịnh Giang phong làm Tiết chế Thủy Bộ Chư dinh (tức quyền giữ chức Chúa), hàm Thái úy, tước Ân Quốc công.

– Làm Chúa từ tháng 1 năm 1740, xưng là Nguyên soái Tổng quốc chính, tước Minh Đô Vương.

– Tháng 3 năm Nhâm Tuất (1742), tự xưng là Đại nguyên soái Tổng quốc chính, Thượng sư, tước Minh Vương.

– Mất vào tháng 1 năm Đinh Hợi (1767).

04 - TRỊNH SÂM (1767 - 1782)

– Con của Trịnh Doanh.

– Tháng 10 năm Mậu Dần (1758) được phong làm Tiết chế Thủy Bộ Chư dinh (tức quyền giữ chức Chúa), hàm Thái úy, tước Tĩnh Quốc công.

– Nối nghiệp Chúa từ tháng 1 năm Đinh Hợi (1767), xưng là Nguyên soái, Tĩnh Đô Vương.

– Tháng 8 năm Kỉ Sửu (1769) xưng là Thượng sư, Tĩnh Vương.

– Tháng 10 năm Canh Dần (1770), xưng là Thượng sư, Thượng phụ, Duệ Đoan Văn Công Vũ Đức, tước Tĩnh Vương.

Mất vào tháng 9 năm Nhâm Dần (1782).

05 - TRỊNH CÁN (1782)

- Con thứ của Trịnh Sâm, thân mẫu là Đặng Thị Huệ.

- Tháng 10 năm Tân Sửu (1781) được lập làm Thế tử. Tháng 9 năm Nhâm Dần (1782) được nối ngôi Chúa, nhưng chỉ được một tháng thì bị anh là Trịnh Khải (tức Trịnh Tông) hợp mưu với kiêu binh truất phế.

- Trịnh Cán chết vì bệnh vào cuối năm 1782.

06 - TRỊNH KHẢI (1782 - 1786)

- Con trưởng của Trịnh Sâm, thân mẫu người họ Dương.

- Tháng 9 năm Canh Tí (1780) bị Trịnh Sâm truất bỏ ngôi con trưởng, bắt làm con út, lại còn bắt giam.

- Tháng 10 năm Nhâm Dần (1782), hợp mưu với kiêu binh để truất phế Trịnh Cán rồi tự lập làm Chúa.

- Tháng 6 năm Bính Ngọ (1786), khi Tây Sơn tấn công ra Bắc Hà, Trịnh Khải chạy trốn nhưng bị học trò của Lý Trần Quán là Nguyễn Trang bắt nộp cho Tây Sơn. Dọc đường áp giải, Trịnh Khải đã tự tử.

07 - TRỊNH BỔNG (1786)

- Lai lịch chưa rõ, chỉ biết vào tháng 9 năm Bính Ngọ (1786), khi Trịnh Khải đã tự tử, Trịnh Bồng tự lập làm chúa, xưng là Nguyên soái, tước Yến Đô Vương.

- Tháng 11 năm Bính Ngọ, bị Nguyễn Hữu Chỉnh đánh đuổi, đoạn đời sau đó của Trịnh Bồng không thấy chính sử chép lại.

Họ Trịnh trước sau có 15 người nối nhau làm Chúa. Trong thế kỉ XVIII, có tất cả 8 người giữ ngôi, mở đầu là Trịnh Cương (đời Chúa thứ 9) và cuối cùng là Trịnh Bổng (đời Chúa thứ 15). Sau khi Trịnh Bổng bị đánh đuổi, họ Trịnh không còn có vai trò gì trên vũ đài chính trị của đất nước nữa.

III - CÁC ĐỒI CHÚA NGUYỄN TRONG THẾ KỈ XVIII

01 - NGUYỄN PHÚC CHU (1691 - 1725)

– Con trưởng của chúa Nguyễn Phúc Trăn, thân mẫu người họ Tống.

– Sinh năm Ất Mão (1675), nối nghiệp Chúa tháng 1 năm Tân Mùi (1691), xưng là Tiết chế Thủy Bộ Chư dinh, Tổng Nội Ngoại Bình chương quân quốc trọng sự, hàm Thái bảo, tước Tộ Quận công.

– Dân thường gọi Nguyễn Phúc Chu là Quốc Chúa.

– Nguyễn Phúc Chu ở ngôi chúa 34 năm (1691 - 1725), mất vào năm Ất Tị (1725), thọ 50 tuổi.

02 - NGUYỄN PHÚC CHÚ (1725 - 1738)

– Con trưởng của Nguyễn Phúc Chu, thân mẫu cũng là người họ Tống.

– Sinh vào tháng 12 năm Bính Tí (1696), nối nghiệp Chúa tháng 4 năm Ất Tị (1725), xưng là Tiết chế Thủy Bộ Chư dinh, Tổng Nội Ngoại Bình chương quân quốc trọng sự.

– Dân thường gọi Nguyễn Phúc Chú là Ninh Vương.

– Nguyễn Phúc Chú ở ngôi chúa 13 năm, mất vào tháng 4 năm Mậu Ngọ (1738), thọ 42 tuổi.

03 - NGUYỄN PHÚC KHOÁT (1738 - 1765)

– Con trưởng của Nguyễn Phúc Chú, thân mẫu người họ Trương.

– Sinh vào tháng 8 năm Giáp Ngọ (1714), nối nghiệp Chúa từ tháng 4 năm Mậu Ngọ (1738), xưng là Tiết chế Thủy Bộ Chư dinh, Tổng Nội Ngoại Bình chương quân quốc trọng sự, hàm Thái bảo, tước Hiệu Quận công.

– Dân thường gọi Nguyễn Phúc Khoát là Võ Vương.

– Nguyễn Phúc Khoát ở ngôi chúa 27 năm, mất vào tháng 4 năm Ất Dậu (1765), thọ 51 tuổi.

04 - NGUYỄN PHÚC THUẦN (1765 - 1777)

- Con thứ 16 của Nguyễn Phúc Khoát, thân mẫu người họ Nguyễn.

- Sinh vào tháng 11 năm Giáp Tuất (1754), nối nghiệp Chúa từ tháng 5 năm Ất Dậu (1765), ở ngôi Chúa 12 năm, mất vào tháng 9 năm Đinh Dậu (1777) bởi cuộc tấn công của Tây Sơn, thọ 23 tuổi.

- Dân thường gọi là Định Vương.

Họ Nguyễn trước sau có tất cả 9 đời Chúa. Trong thế kỉ XVIII có 4 đời chúa Nguyễn đã nối nhau trị vì ở xứ Đàng Trong. Thực ra, khi buộc phải bỏ Phú Xuân mà chạy vào Gia Định, họ Nguyễn còn có một người tên là Nguyễn Phúc Dương cũng đã được tôn làm chúa, nhưng Nguyễn Phúc Dương chưa làm được gì thì đã bị giết.

IV - CÁC ĐỜI VUA TÂY SƠN

Năm 1771, phong trào Tây Sơn bùng nổ. Cùng với quá trình phát triển và thắng lợi không ngừng của phong trào này, các hệ thống chính quyền của Tây Sơn cũng được thành lập và chia nhau quản lí các vùng lãnh thổ của đất nước. Các hệ thống chính quyền của Tây Sơn gồm có :

01 - HỆ THỐNG CHÍNH QUYỀN CỦA NGUYỄN NHẠC

A - NGUYỄN NHẠC

- Con trưởng của ông Hồ Phi Phúc và bà Nguyễn Thị Đồng. Họ Hồ vốn gốc ở Hưng Nguyên (Nghệ An), bị cưỡng ép di cư vào Nam từ giữa thế kỉ XVII, sau bốn đời thì đổi làm họ Nguyễn.

- Nguyễn Nhạc sinh năm nào chưa rõ, tuy nhiên, cũng có nhiều người phỏng đoán ông sinh vào khoảng năm 1743.

- Năm 1771, Nguyễn Nhạc là người khởi xướng và lãnh đạo phong trào Tây Sơn.

- Năm 1773, xưng là Tây Sơn Đệ nhất Trại chủ, tháng 3 năm 1776 xưng là Tây Sơn Vương, năm 1778 thì lên ngôi Hoàng đế, đặt niên hiệu là Thái Đức.

- Năm 1786, Nguyễn Nhạc xưng là Trung Ương Hoàng đế. Năm 1793, ông mất vì bệnh.

B - NGUYỄN BẢO

- Con của Nguyễn Nhạc, sinh và mất năm nào chưa rõ.

- Nổi ngôi khi Nguyễn Nhạc mất (1793).

02 - HỆ THỐNG CHÍNH QUYỀN CỦA NGUYỄN HUỆ

A - NGUYỄN HUỆ

- Con thứ ba của ông Hồ Phi Phúc và bà Nguyễn Thị Đồng.

- Sinh năm 1753. Năm 1771 tham gia khởi xướng và lãnh đạo phong trào Tây Sơn.

- Tháng 3 năm 1776, khi Nguyễn Nhạc xưng là Tây Sơn Vương, Nguyễn Huệ được phong làm Phụ chính.

- Năm 1778, được phong làm Long Nhương Tướng quân.

- Năm 1786, được phong làm Bắc Bình Vương, quản lý vùng đất từ Bến Ván (Quảng Nam) trở ra.

- Ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (tức ngày 22-12-1788) : lên ngôi Hoàng đế, đặt niên hiệu là Quang Trung.

- Nguyễn Huệ mất ngày 16 tháng 9 năm 1792, thọ 39 tuổi.

B - NGUYỄN QUANG TOÀN

- Con thứ của Quang Trung, thân mẫu người họ Phạm (bà mất trước Quang Trung).

- Sinh năm Quý Mão (1783), nối ngôi từ tháng 9 năm 1792, bị vua Gia Long giết vào ngày 7 tháng 10 năm Nhâm Tuất (1802) thọ 19 tuổi.

03 - CHÍNH QUYỀN CỦA NGUYỄN LỮ

– Nguyễn Lữ là con thứ 4 của ông Hồ Phi Phúc và bà Nguyễn Thị Đồng, sinh năm nào chưa rõ.

– Tháng 3 năm 1776, khi Nguyễn Nhạc xưng là Tây Sơn Vương, Nguyễn Lữ được phong làm Thiếu phó

– Năm 1778, được phong làm Tiết chế.

– Năm 1786, khi Nguyễn Nhạc xưng là Trung Ương Hoàng đế, Nguyễn Lữ được phong làm Đông Định Vương, cai quản đất Gia Định (vùng Nam Bộ ngày nay).

– Nguyễn Lữ mất vì bệnh tại Quy Nhơn vào năm 1787.

LỜI CHÚ CUỐI SÁCH

Thế theo tiền lệ đã có ở các tập trước, chúng tôi cố gắng giới thiệu thêm mấy lời chú ngắn gọn này với ý định cụ thể và khiêm nhượng là tạo thêm điều kiện thuận lợi cho bạn đọc trẻ làm quen với các khái niệm cổ, nay ít dùng. Ở ngay phía sau các khái niệm và những từ cần chú thích là số thứ tự của các giải thoại đặt trong dấu ngoặc đơn. Chúng tôi xin một lần nữa, lưu ý bạn đọc rằng, lời chú dưới đây chỉ đúng với tập sách này mà thôi.

A BẢO TÍN THẦN (51) : Kể bề tôi tin cậy giữ việc nuôi dưỡng vua (hoặc chúa) lúc thiếu thời.

AN NAM THUẬN VƯƠNG (24) : Tước Vương cao nhất, sau tước Quốc Vương. Đây là tước tiếm xưng của Trịnh Giang.

ÁN SÁT SỨ SƠN NAM (38) : Người giữ chức Án sát ở Sơn Nam. Theo quan chế lúc này thì Án sát là chức lớn thứ ba trong bộ máy chính quyền địa phương cấp Trấn (cấp địa phương lớn nhất).

AO CHĂM (40) : Từ gần nghĩa với ao hồ, ao đầm.

BÁC ĐẠT MẬU HÒA TUY DU DỤ NGHĨA TRỊNH VƯƠNG (24) : Tước Vương của chúa Trịnh (đây là Trịnh Giang), hiệu là Bác Đạt Mậu Hòa Tuy Du Dụ Nghĩa.

BÀI THANH PHỤC MINH (19) : Bài trừ nhà Thanh, phục hồi nhà Minh. Tên của một phong trào lớn do các cựu thần nhà Minh lãnh đạo, nhằm lật đổ nhà Thanh, khôi phục lại nhà Minh nhưng bị nhà Thanh đàn áp và thất bại hoàn toàn.

BẢO PHÓ (16) : Chức của viên quan lo việc giúp đỡ Thế tử tập sự làm việc nước, chuẩn bị để về sau có thể dễ dàng nối ngôi chúa.

BẮC BỐ CHÍNH (44) : Tên đất. Châu Bố Chính ở Quảng Bình. Sông Gianh chảy qua châu này. Phần ở phía Bắc sông Gianh của châu Bố Chính thì gọi là châu Bắc Bố Chính, phần phía Nam sông

Gianh của châu Bố Chính thì gọi là châu Nam Bố Chính. Phần phía Bắc thuộc Đàng Ngoài, phần phía Nam thuộc Đàng Trong.

BẮC HÀ (58) : Phía Bắc sông Gianh thì gọi là Bắc Hà. Tuy nhiên, do chỗ Bắc Bộ là trung tâm của Bắc Hà, nên đôi khi, khái niệm *Bắc Hà* cũng được dùng để chỉ vùng Bắc Bộ.

BIÊN XUỐNG (12) : Tên đất. Đất này nay thuộc tỉnh Vân Nam của Trung Quốc.

BÌNH BỘ HỮU THỊ LANG (06) : Tên chức quan. Chức này đứng hàng thứ ba trong bộ Bình (sau chức Thượng thư và chức Tả thị lang của bộ này).

BÌNH CHUƠNG (61) : Thời này, chức Bình chương chỉ là chức nhất thời, theo đó thì người giữ chức này được quyền dự bàn những việc lớn của nước nhà.

BỘ HÌNH (08) : Một trong số sáu bộ của triều đình xưa, xét về vị trí, bộ Hình thường đứng ở hàng thứ 5, cho nên, quan Thượng thư bộ Lễ có thể bị giáng chức làm quan Thượng thư bộ Hình. Về chức năng, bộ Hình chuyên lo việc xét xử và ngục tụng.

BỘ LAI (08) : Một trong số sáu bộ của triều đình xưa, xét về vị trí, bộ Lai là một trong ba bộ lớn nhất (gồm bộ Lễ, bộ Hộ và bộ Lai). Về chức năng, bộ Lai chuyên lo việc tuyển dụng và đề bạt hoặc thăng giáng các quan, đề xuất những vấn đề về quan chế.

BỘ LỄ (08) : Một trong số sáu bộ của triều đình xưa. Cùng với bộ Hộ và bộ Lai, như đã nói ở trên, bộ Lễ là bộ lớn. Bộ này chuyên lo các việc về nghi thức lễ tân cho triều đình, định ra các quy phạm hoạt động cho các việc lễ của xã hội. Bộ Lễ cũng đảm trách việc tổ chức lễ xuất quân khi triều đình cần phải dụng binh.

BỒI TỤNG (25) : Chức quan lo giúp việc thường ngày cho chúa Trịnh, được giao cho người có khả năng điều phối hoạt động chung của triều đình và phủ chúa. Chức lo giúp việc thường ngày này gồm có Tham tụng (kể như Chánh) và Bồi tụng (kể như Phó).

CAI BÀ PHÓ ĐOÁN SỰ (31) : Chức quan lo giúp các chúa Nguyễn về những việc như : lập sổ sách hộ khẩu và dân đinh, chế độ thuế khóa và phu dịch... v.v. Tên chức quan này không có ở Đàng Ngoài.

CAI ĐỘI (31) : Chức của võ quan bậc trung của Đàng Trong. Người giữ chức này được cầm đầu một đội quân, nếu biên chế đầy đủ thì khoảng 500 người.

CÀN KHÔN BỈ RỐI LẠI THÁI, NHẬT NGUYỆT HỐI RỐI LẠI MINH (69): Câu của Nguyễn Trãi trong *Bình Ngô đại cáo*, nghĩa là trời đất chuyển vận, hết vận xấu đến vận tốt, Mặt Trời và Mặt Trăng hết lúc mờ tối thì đến lúc sáng tỏ.

CẢNH DƯƠNG (35) : Tên xã. Xã này nay thuộc tỉnh Bình Thuận.

CẢN ÁN (03) : Cung kính xét bàn.

CẤP SỰ TRUNG (48) : Tên chức quan. Quan Cấp sự trung làm việc ở các Khoa (là cơ quan trực thuộc bộ, mỗi bộ có một khoa mang tên của bộ mình, như Lễ Khoa, Hộ Khoa, Hình Khoa...). Các quan giữ chức này thường có hàm Tòng lục phẩm hoặc Chánh thất phẩm.

CẬP ĐỆ VÀ XUẤT THÂN (21) : Thứ bậc của những người đỗ Tiến sĩ. Tiến sĩ Cập đệ là Tiến sĩ đỗ ở hàng Đệ nhất giáp. Tiến sĩ Xuất thân là Tiến sĩ đỗ ở hàng Đệ nhị giáp.

CÂU KÊ (44) : Tên chức quan văn của chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Chức này thuộc hàng bậc trung.

CỐNG SĨ (09) : Cũng tức là Hương cống, dân thường gọi là Ông Cống. Đây là tên học vị, thời Nguyễn, học vị này đổi gọi là Cử nhân.

CỔ MỆNH (51) : Di chúc của vua hoặc chúa.

CƠ TRUNG TƯỢNG (45) : Cơ binh có tên là Trung Tượng. Cơ là đơn vị quân đội, mỗi cơ thường có nhiều đội, mỗi đội nếu biên chế đầy đủ thì gồm khoảng 500 người.

CỬ SỰ (69) : Bắt đầu vào việc, tương tự như *khởi sự*.

CHÂN LẠP (19) : Tên vương quốc của người Khmer. Trải nhiều biến cố, vương quốc này bị thu hẹp, vùng còn lại là Campuchia ngày nay.

CHIÊM HẬU (31) : Tên quan chức bậc trung, thuộc ban văn của các chúa Nguyễn.

CHIỀU DỤ SÚ (62) : Tên chức việc nhất thời của quan. Chức việc này lo việc vỗ yên dân hoặc lôi kéo đối phương về với triều đình.

CHÍNH DINH (31) : Dinh là đơn vị hành chánh địa phương lớn nhất của Đàng Trong. Chính Dinh là dinh có đặt phủ chúa.

CHỮ MỆ (31) : Mệ tức là mẹ. Chúa Nguyễn bắt gọi con gái là con trai và con trai là con gái, cho nên, quý tộc họ Nguyễn đương đương là đàn ông, nhưng lại tự xưng là mẹ.

CHUỖNG CƠ (01) : Chức võ quan cao cấp của chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Chuông cơ chỉ huy một cơ binh.

CHUỖNG DINH (31, 45) : Chức võ quan cao cấp của Đàng Trong. Xứ Đàng Trong có 5 dinh, mỗi Dinh thường có từ một đến nhiều cơ quân. Đứng đầu Dinh là chức Chuông dinh.

CHUỖNG PHỦ (61) : Chức võ quan cao cấp. Người giữ chức này thực sự nắm quyền điều khiển một trong số năm quân (Tiền, Hậu, Tả, Hữu và Trung quân).

CHUỖNG THỦY CƠ (45) : Đứng đầu một cơ thủy quân.

ĐẤT QUAN TRUNG (04) : Tên đất ở Trung Quốc.

ĐỆ NHẤT GIÁP ĐỆ NHẤT DANH (21) : Tước Trạng nguyên - Học vị cao nhất của hệ thống thi cử Nho học thời xưa.

DIỆN ĐÔ VƯƠNG (53) : Tước Vương, hiệu là Điện Đô. Đây chỉ tước vị của Trịnh Cán.

DINH ỦY (2) : Tên quan chức. Chức này thường lo việc xét hỏi tội phạm ở triều đình.

ĐÔ ĐỐC (19) : Chức võ quan cao cấp. Nhưng khác với Đàng Ngoài, chức Đô đốc của Đàng Trong kiêm luôn cả các việc dân sự của địa phương.

ĐÔ ĐỐC ĐỒNG TRI (14) : Cũng tương tự như Phó Đô đốc. Chức của xứ Đàng Trong, có khác chút ít so với Đàng Ngoài.

ĐÔ TRI (31) : Tên cơ quan. Ở xứ Đàng Trong, Đô Tri là cơ quan lo việc xét xử, án kiện và ngục tụng, nghĩa là làm công việc của bộ Hình.

ĐÔ TI (69) : Tên cơ quan. Theo quan chế của Trung Quốc và của Đàng Ngoài, Đô Ti là cơ quan trông coi về quân sự ở địa phương.

ĐỐC ĐỒNG (41) : Tên quan chức thuộc ban văn ở địa phương cấp trấn (là cấp địa phương lớn nhất thời Lê mạt). Đứng đầu trấn là chức Trấn thủ, sau đó là chức Đốc đồng (cũng kể như chức phó của trấn). Chức này lo việc xét xử án kiện.

ĐỘI QUÂN TIỆP BẢO (52) : Tức đội quân có tên là Tiệp Bảo. Đây là một trong những đội quân thường trực của triều đình vua Lê, chúa Trịnh.

ĐÔNG CÁC HIỆU THU (22) : Tên chức quan thuộc ban văn. Chức này lo giúp việc ở điện Đông Các, thường có hàm Chánh lục phẩm.

ĐÔNG QUÂN HỮU ĐÔ ĐỐC THỤ PHỦ (61) : Tên chức quan thuộc ban võ. Đông quân cũng tức Hữu quân là một trong Ngũ quân của triều đình. Hữu Đô đốc cũng tức là Phó Đô đốc. Thụ phủ là quyền (chờ chưa phải thực thụ, nghĩa là chưa được chính thức phong).

ĐỒNG BÌNH CHƯƠNG SỰ, KIỂM THAM TRI CHÍNH SỰ VÀ THAM TỤNG (61) : Đồng bình chương sự và Tham tụng lúc này thực ra cũng chỉ là một, nhưng Đồng bình chương sự là vinh hiệu ban tặng thêm còn Tham tụng thì cũng kể như Tể tướng. Tham tri chính sự là chức quan được dự bàn các việc lớn của nước nhà.

GIA ĐỊNH (40) : Tên đất. Ban đầu, đây là tên của vùng đất trên đại thể, tương ứng với miền Đông Nam Bộ ngày nay. Đầu thế kỉ thứ XVIII, tên đất này dùng để chỉ chung vùng Nam Bộ. Về sau tên đất này còn được dùng để chỉ nhiều phạm vi địa lí khác nữa. Trong giai thoại số 40 này, Gia Định là tên đất chỉ chung toàn bộ vùng Nam Bộ ngày nay.

GẮM ĐOẠN (31) : Gắm và đoạn đều là hàng dệt bằng tơ tằm, nhưng *gắm* thường có hình hoa lá còn *đoạn* thì thường là trơn.

HÀ NỘI (04) : Tên đất. Đất này thuộc Trung Quốc, không phải là Hà Nội của ta.

HÀN LÂM (43) : Tên cơ quan, cũng là tên chức quan. Triều đình xưa có cơ quan gọi là Hàn Lâm Viện, chuyên lo khởi thảo các văn kiện của nhà nước. Các quan làm việc ở Hàn Lâm Viện thường được gọi chung là quan Hàn lâm.

HÀN LÂM VIỆN BIÊN TU (06) : Quan Biên tu, làm việc ở Hàn Lâm Viện. Đây là Hàn Lâm Viện của triều Mãn Thanh, chưa rõ chức Biên tu này chuyên lo việc gì. Nếu ở ta thì chức Biên tu lo việc đọc lại lần cuối các văn kiện của nhà nước do Hàn Lâm Viện khởi thảo.

HÀO BA QUÊ KHÔN (29) : Số vạch trong mỗi quẻ của Kinh Dịch gọi là *hào*. *Khôn* là một trong số tám quẻ của Kinh Dịch, quẻ này tượng trưng cho đất.

HÀO BỐN QUÊ KIẾN (29) : *Kiến* là một trong số tám quẻ của Kinh Dịch, quẻ này tượng trưng cho trời. (Xem thêm *Hào ba quẻ Khôn*).

HIỂN SÁT TI (03) : Tên của một trong số ba cơ quan cấp trấn (cấp địa phương lớn nhất lúc này) : Thừa Ti (tức Thừa Chính Ti), Đô Ti (tức Đô Sát Ti) và Hiến Ti (tức Hiến Sát Ti). Cơ quan Hiến Sát Ti chuyên trông coi về hoạt động tư pháp ở trấn (gồm xét xử, ngục tụng ... v.v).

HIỆP TÁN CÔNG THẦN, ĐẶC TIẾN CHUÔNG DINH (01) : Người được liệt vào hạng công thần (đây chỉ công thần của họ Nguyễn), được đặc biệt thưởng thưởng mà truy phong cho chức Chuông dinh. Khi sống, chức cao nhất của Nguyễn Hữu Cảnh là Chuông cơ, chức này nhỏ hơn chức Chuông dinh, nên khi mất, ông được truy phong lên chức hàm này.

HIỆU THẢO (02) : Tên chức quan làm việc ở Hàn Lâm Viện, chức này thường dùng những người có hàm Tòng thất phẩm.

HIỆU THU (30) : Tên chức quan làm việc ở tòa Đông Các, chức này thường dùng những người có hàm Chánh lục phẩm.

HOÀN KHUÊ (29) : Cái hốt làm bằng ngọc khuê (ngọc khuê là tên của một loại ngọc quý). Các quan có tước Công, mỗi khi vào chầu vua thì tay cầm cái hốt bằng ngọc khuê. *Phận hoàn khuê* là phận của người chỉ có tước Công. Đây ý nói Nguyễn Phúc Khoát không nên dừng lại ở tước Công mà phải tự xưng Vương tước.

HÓA VẬT (35) : Những vật phẩm có thể đem ra mua bán được.

HOÀNG ĐẠO (29) : tức quỹ đạo Mặt Trời. Người xưa quy định rằng hoàng đạo là một vòng tròn gồm 12 cung (hay 12 tinh quần) và Mặt Trời thì xoay mãi trên vòng tròn ấy.

HOÀNG MAI (54) : Tên đường. Đường này nay thuộc địa phận huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An.

HỘ BỘ TẢ THỊ LANG (09) : Chức quan đứng hàng thứ hai của bộ Hộ. Chức này đứng sau chức Thượng thư và trên chức Hữu thị lang.

HÔN ĐỨC CÔNG (15) : Người có tước Công mà đức độ tối tăm. Đối với Lê Đế Duy Phường, người làm vua từ năm 1729 đến năm 1732, thì đây là một cuộc truất phế.

HUẤN ĐẠO (31) : Quan trông coi về giáo dục ở địa phương.

HUYỆN ĐÔNG QUAN (13) : Tên đất, đất này nay thuộc Hà Nội.

HUYỀN ĐIỀU (29) : Nghia đen là chim yến. Truyền thuyết của Trung Quốc kể rằng, xưa, có người đàn bà Trung Quốc tên là Giản Dịch, nhờ nuốt được trứng của chim yến mà mang thai, sau, con bà là người khai sáng ra nhà Thương (cũng gọi là nhà Ân) của Trung Quốc.

HỮU ĐIỂM (61) : Tên một trong những nơi làm việc của các quan ở cung vua Lê.

HỮU TƯ GIẢNG (48) : Tên chức quan chuyên lo việc giảng học cho Thế tử (người sẽ nối nghiệp chúa). Chức này thường trao cho hai người, một người gọi là Tả Tư giảng và một người gọi là Hữu Tư giảng.

HỮU THỊ LANG BỘ LẠI (32) : Chức quan đứng hàng thứ ba của bộ Lại (sau quan Thượng thư và quan Tả Thị lang).

HỮU THAM QUÂN (47) : Tên chức quan giúp việc cho quan Trấn thủ. Chức này gồm Tả và Hữu, theo đó thì Hữu Tham quân là chức đứng hàng thứ ba ở trấn, sau chức Trấn thủ và chức Tả Tham quân.

HƯƠNG CỐNG (09) : Cũng tức là Cống sĩ, dân gian gọi là Ông Cống. Hương Cống hay Cống sĩ là tên học vị, thời Nguyễn, học vị này đôi gọi là Cử nhân.

KINH LŨ (13) : Tên xã. Xã này nay thuộc đất Hà Nội.

KÍ LỤC (31, 44) : Tên chức quan của Đảng Trong. Chức này lo các việc tuyển dụng quan lại, đề đạt việc thăng hoặc giáng chức của các quan... đại để, làm những việc thuộc chức trách của bộ Lại.

KHO THƯỜNG BÌNH (40) : Kho trữ lương thực để giữ giá. Cách lập *kho thường bình* vốn có từ đời Hán (Trung Quốc), theo đó thì ngày mùa, lương thực nhiều và rẻ, nhà nước mua lương thực tích trữ, đến ngày giáp hạt, lương thực ít và mắc, nhà nước lấy lương thực trong *kho thường bình* đem bán cho dân với giá rẻ, cốt cho dân được nhờ.

KHOÁN ƯỚC (52) : Ước hẹn với nhau. Tờ khoán ước là tờ ghi lời ước hẹn với nhau để các bên ước hẹn lấy đó làm bằng cứ. Đối với những người dốc lòng phò vua giúp nước thì tờ khoán ước nhà vua làm với họ, có giá trị như bằng ghi công, tên tuổi những người ấy sẽ được ghi vào sử sách.

KHUYNH LOÁT (45) : Dùng quyền thế và sức mạnh để làm nghiêng đổ kẻ khác.

LAI PHIÊN (59) : Tên cơ quan. Cơ quan này trực thuộc bộ Lại.

LỄ PHIÊN (05) : Tên cơ quan. Cơ quan này trực thuộc bộ Lễ.

LONG HỒ (40) : Tên đất. Đất này nay thuộc tỉnh Vĩnh Long.

LỘ QUẢNG (OAI) (66) : Nguyên bản viết là *lộ Quảng*, chúng tôi thêm chữ *Oai* vào cho đầy đủ. Quảng Oai là tên đất. Đất này nay thuộc Hà Tây.

LỘ QUỐC (OAI) (66) : Nguyên bản viết là lộ *Quốc*, chúng tôi thêm chữ *Oai* vào cho đầy đủ. Quốc Oai là tên đất. Đất này nay thuộc Hà Tây.

LỜI CẢN ÁN (03) : Lời cung kính xét bàn.

MĂNG BÀO (31) : Trang phục may bằng loại vải ở trên có hoa văn lốm đốm như hình da trăn.

NAM BỐ CHÍNH (44) : Tên đất. Đất này thuộc Đàng Trong. Châu Nam Bố Chính nằm sát bờ Nam của sông Gianh (Quảng Bình).

NỘI CÁC ĐIỂN BẠ (06) : Tên chức quan của triều đình Mãn Thanh, chưa rõ đảm nhiệm công việc cụ thể gì.

NỘI CÁC HỌC SĨ (12) : Tên chức quan của nhà Mãn Thanh, chưa rõ là đảm nhiệm công việc cụ thể gì.

NỘI GIÁM THIẾU BẢO (09) : Hoạn quan, hàm Thiếu Bảo, làm việc trong phủ chúa.

NỘI HỮU (45) : Chức võ quan, làm công việc tương tự như cố vấn quân sự cho chúa Nguyễn.

NHA ỦY (31) : Tên cơ quan trông coi về việc lễ, tương tự như bộ Lễ. Cơ quan này về sau cũng được chúa Nguyễn đổi gọi là Lễ Bộ.

NHÀ TẢ XUYỀN (52) : Tên một trong những ngôi nhà của phủ chúa.

NHANH NHU HEO BỊ LANG ĐUỔI (45) : Ý nói rất nhanh

NHU CÁCH NGƯỜI TÂN XỬ VỚI NGƯỜI VIỆT (13) : Tích lấy từ sử Trung Quốc, đại ý nói rằng dửng dưng, bỏ mặc.

NGOẠI THÍCH (62) : Thân thích bên họ ngoại.

NGỤ LỘC (45) : Tương tự như lương bổng lúc đang tại chức.

NGUỒN ĐỒNG HƯƠNG (45) : Tên mỏ vàng ở Quảng Nam.

NGUỒN THU BỐN (45) : Tên mỏ vàng ở Quảng Nam.

NGUỒN TRÀ SƠN (45) : Tên mỏ vàng ở Quảng Nam.

NGUỒN TRÀ VÂN (45) : Tên mỏ vàng ở Quảng Nam.

NGUY CHỨC (40) : Chức tước của giặc. Đây chỉ chức tước của Tây Sơn.

NGUYỄN SOÀI PHÙ CHÍNH DỤC VẬN UY QUỐC CÔNG (60) : Vị nguyên soái có công giúp đỡ chính sự và vận hội của đất nước, tước Quốc công, hiệu là Uy (tước Quốc công mà hiệu một chữ là tước Công lớn nhất).

NGUYỄN VĂN HUỆ (58) : tức Nguyễn Huệ. Ông còn có tên là Thơm và tên khác nữa là Bình. Khi lên ngôi Hoàng đế, Nguyễn Huệ lấy niên hiệu là Quang Trung.

NGUYỄN THÁI PHI (52) : Bà Thái phi họ Nguyễn. Trong sử cũ, Nguyễn Thái phi còn được chép là Trịnh Thái phi (bà Thái phi của chúa Trịnh), lại cũng có khi được chép là Trịnh Thái phi Nguyễn Thị (bà Thái phi của chúa Trịnh, người gốc họ Nguyễn).

NGỰ SỬ (08) : Tên cơ quan, cũng là tên chức quan. Các quan Ngự sử làm việc ở Ngự Sử Đài, chuyên lo can gián nhà vua và hạch tội bá quan văn võ. Quan Ngự sử cũng có khi gọi là Ngôn quan.

NGỰ SỬ ĐÀI (08) : Tên cơ quan. (Xem thêm *Ngự sử*).

ỐC NHA (19) : Từ phiên âm tên chức quan văn của Chân Lạp, chưa rõ nhiệm vụ cụ thể của chức quan này là gì, chỉ biết Ốc nha thuộc hàng quan bậc trung.

PHÁ TAM GIANG (43) : Đầm nước mặn ở sát biển, chỉ thông với biển bằng một ngòi nước nhỏ gọi là phá. Phá Tam Giang ở địa đầu xứ Đàng Trong, nay đã bị lấp.

PHIÊN MỤC (56) : Chức quan ở nơi biên ải.

PHIÊN TRẤN (40) : Trấn tiếp giáp với nước phiên thuộc, trấn ở cõi xa. Đàng Trong có đến mấy Phiên trấn khác nhau, nhưng Phiên trấn nói đến ở đây là Phiên trấn cuối cùng, bao gồm vùng tương ứng với thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh và một phần nhỏ của Long An ngày nay. Tên gọi Phiên trấn cuối cùng này tồn tại mãi cho đến năm 1832.

PHÓ ĐÔ NGỰ SỬ (05) : Tên chức quan. Chức này đứng hàng thứ hai trong số bốn vị quan trụ cột của Ngự Sử Đài, đó là : Đô Ngự sử, Phó Đô ngự sử, Thiêm Đô ngự sử và Đô Ngự sử Đại phu.

PHỤ CHẤP (48) : Bạn của cha.

PHỦ VIỆT (01) : Phủ là cái rìu, *việt* là cái búa, nhưng quân đội thuở xưa vẫn dùng một thứ vũ khí đánh gần, nửa giống rìu, nửa giống búa, và được gọi với cái tên ghép là *phủ việt*.

PHỤNG THIÊN PHỦ DOÃN (06) : Chức quan đứng đầu địa phương có đặt kinh đô của triều đình. Lúc này, phủ Phụng Thiên là khu vực gần tương ứng với Hà Nội ngày nay.

PHƯƠNG THÀNH (19) : Thành hình vuông. Từ lâu, Phương Thành đã trở thành tên riêng.

QUẢN CHIÊM (06) : Nhìn với vẻ ngưỡng mộ (nghĩa trong câu).

QUẢN LẠI (52) : Chức võ quan bậc thấp của Đàng Ngoài, chuyên lo các việc hậu cần của một trong số các đội quân thường trực ở kinh thành Thăng Long.

QUẢN LÃNH (54) : Chức võ quan bậc trung của Đàng Ngoài, chuyên lo các việc tương tự như sĩ quan tham mưu ngày nay.

QUÂN PHỤ (48) : Bậc vua chúa, kể cũng như cha. Đây *quân phụ* là từ dùng để chỉ Trịnh Khải. Tuy nhiên, Trịnh Khải chỉ bị giam cầm chứ không bị giết, sau, Trịnh Khải còn làm chúa đến 4 năm (1782 - 1786). Cho nên, nói *sát tứ phụ* là hoàn toàn không đúng.

QUÂN TAM PHỦ (55) : Quân Thanh - Nghệ. Lúc này, triều đình vua Lê - chúa Trịnh chia Thanh Hoa (bấy giờ gọi là Thanh Hoa, thời Nguyễn mới đổi là Thanh Hóa) làm hai phủ là Tĩnh Gia và Hà Trung, còn Nghệ An chỉ có một phủ, đó là phủ Anh Đô (thời Nguyễn đổi là Anh Sơn). Lính ba phủ này được chúa Trịnh đặc biệt ưu đãi. Về sau, chính họ là kiêu binh, làm nhiều điều rất đáng trách.

QUẬN CÔNG (10) : Tên tước vị. Tước Quận công thấp hơn tước Quốc công nhưng cao hơn các tước vị khác như Hầu, Bá, Tử và Nam.

QUẬN QUÂN (15) : Tên tước vị của phụ nữ. Tước này không có trong hệ thống tước vị chính thức. Bấy giờ, Lê Đế Duy Phường bị phế truất nên thân mẫu của Lê Đế Duy Phường (tức bà Thái hậu người họ Trịnh) cũng bị phế làm Quận quân (thấp hơn tất cả các bà hoàng khác).

QUYỀN PHỦ (61) : Người được trao quyền (chứ chưa được chính thức trao chức) đứng đầu một trong số Ngũ quân của triều đình (gồm Tiền quân, Hậu quân, Tả quân, Hữu quân và Trung quân). Người được trao Quyền phủ có quyền như Đô đốc. Theo quan chế hàng võ của thời kì này thì đứng đầu các quân có : Đô đốc (tức Chương phủ), Phó Đô đốc (tức Thự phủ) và quyền như Đô đốc (tức Quyền phủ).

QUYNH LƯU (54) : Tên một huyện ở Nghệ An.

SÀI MẠT (19) : Tên phủ, trong phủ này còn có châu cũng mang tên là Sài Mạt. Phủ Sài Mạt có đất đai đại để tương ứng với vùng Kiên Giang, Minh Hải và một phần đất Campuchia ngày nay. Châu Sài Mạt của phủ Sài Mạt nay thuộc Campuchia.

SẮC SÁCH PHONG (51) : Tờ sắc dụ của nhà vua về việc sách phong. Vua phong cho bậc trên mình (như cha ông...) gọi là tôn phong, phong cho người đã khuất gọi là truy phong... Với các Hậu, Phi và các bà hoàng nói chung, việc phong tước hiệu được ghi vào một bộ hồ sơ riêng, gọi là sách.

SÔNG ĐỎ CHỦ (12) : Tên sông. Sông này xưa thuộc Tuyên Quang, nay thuộc Trung Quốc.

SÔNG THỦY ÁI (58) : Cũng là tên một bến đò nổi tiếng ở huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội.

SƠN NAM (54) : Tên đất. Trong giai thoại số 54 này, Sơn Nam gồm vùng Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình.

SU BẢO ĐẠI THẦN (51) : Bậc đại thần là thầy của vua hoặc chúa. Ở đây, Su bảo Đại thần là Nguyễn Hoàn, thầy học của chúa Trịnh Sâm.

TÀ ĐIỂM (61) : Tên một trong những nơi làm việc của các quan ở trong cung vua Lê.

TÀ ĐÔ NGỰ SỬ (12) : Cũng tức là Đô ngự sử, chức quan đứng đầu cơ quan Ngự Sử Đài.

TẢ THAM QUÂN (47) : Chức võ quan giúp việc quân sự cho quan Trấn thủ. Dưới quan Trấn thủ có hai chức võ quan giúp việc quân sự là Tả Tham quân và Hữu Tham quân.

TẢ THỊ LANG BỘ BÌNH (12) : Chức quan đứng hàng thứ hai trong bộ Bình, sau chức Thượng thư bộ Bình và trên chức Hữu Thị lang bộ Bình.

TẢ THỊ LANG BỘ LẠI (08) : Chức quan đứng hàng thứ hai trong bộ Lại, sau chức Thượng thư bộ Lại và trên chức Hữu Thị lang bộ Lại.

TẢ TƯ GIẢNG (48) : Tên chức quan chuyên lo việc giảng học cho Thế tử (người sẽ nối nghiệp chúa sau này). Việc giảng học cho Thế tử thường trao cho hai người, một người gọi là Tả Tư giảng và một người gọi là Hữu Tư giảng.

TẢ THIẾU GIÁM (28) : Quan đứng đầu hàng hoạn quan.

TAI DỊ (13) : Tai biến khác thường.

TÁN LÍ (30) : Chức quan giúp việc cho quan Tổng binh khi có việc phải dụng binh. Tổng binh và Tán lí là chức vụ nhất thời, cấp bậc cụ thể của người giữ những chức này tùy thuộc vào số quân điều động và mức độ quan trọng của cuộc hành quân. Chức Tán lí phần nhiều trao cho quan văn.

TÀO VỤ (45) : Tên cơ quan của Đàng Trong, có nhiệm vụ cất đặt mọi việc cho các cơ quan trực thuộc phủ chúa Nguyễn.

TẾ TỬU (12) : Quan giữ việc nghi lễ của triều đình.

TIỀN BỘ QUÂN (59) : Tướng chỉ huy lực lượng tiên phong của bộ binh.

TÔNG SỰ (47) : Chức quan văn giúp việc cho quan Trấn thủ. Về vị trí, quan Tông sự đứng sau quan Tả Tham quân và Hữu Tham quân (là những võ quan giúp việc quân sự cho quan Trấn thủ).

TỘI ĐỒ (08) : Tội bị đi đày. Nặng thì đày xa, nhẹ hơn thì đày gần.

TỘI THIÊN TIÊN (53) : Tội tự ý làm việc hoặc phát ngôn không đúng với chức trách và thân phận của mình.

TỔNG BINH (19) : Chức của Đàng Trong, có khác với chức của Đàng Ngoài. Lúc này ở Đàng Trong, Tổng binh là chức đứng đầu một trấn.

TỔNG BINH ĐỒNG TRI (30) : Tức quan Phó Tổng binh. Chức quan vò của Đàng Ngoài.

TỔNG TRẤN TƯỚNG QUÂN (29) : Vị tướng quân đứng đầu các trấn (ở Đàng Trong). Đây là chức vụ khiêm xưng của chúa Nguyễn Phúc Khoát trước khi chính thức xưng vương.

TUYÊN PHI CHÍNH CUNG (51) : Hàng thứ hai của vợ vua cùng với hàng thứ nhất của vợ Chúa và vợ Thái tử thì gọi là *Phi*. Như vậy, *Tuyên phi* là bà *Phi*, hiệu là *Tuyên*. Chính cung là người đứng đầu hậu cung. Đây là tước vị của Đặng Thị Huệ, vợ Trịnh Sâm.

TƯ ĐỒ (11) : Hiệu gia phong thêm cho quan đại thần là người trong tôn thất. Đây là hiệu gia phong cho Trịnh Quán, người cùng họ với chúa Trịnh.

TỨ PHẨM (10) : Quan chế xưa chia quan lại làm chín phẩm trật, cao nhất là Nhất phẩm, thấp nhất là Cửu phẩm. Mỗi phẩm trật lại còn có hai bậc cao thấp là Chánh và Tông. Như vậy, quan có hàm Tứ phẩm là quan thuộc hàng đại thần (4/9).

TỬ VI (29) : Tên một vì sao trên trời. Người xưa cho rằng, khi các ngôi sao cùng châu về sao Tử Vi thì điềm lành lớn nhất định sẽ đến.

THÁI PHI NGUYỄN THỊ (52, 55) : Bà Thái phi, người họ Nguyễn. Đây là bà Thái phi của chúa Trịnh, chép đầy đủ phải là Trịnh Thái phi Nguyễn Thị. (Xem thêm : *Nguyễn Thái phi*).

THÁI PHÓ QUỐC CÔNG (29) : Hàm Thái phó, tước Quốc công. *Thái phó* là một trong *Tam Thái* (Thái sư, Thái bảo và Thái phó) – hàm đặc biệt gia phong cho một số đại thần trong hàng Nhất phẩm. Quốc công là bậc cao nhất của tước Công. Đây là hàm và tước tự phong của chúa Nguyễn Phúc Khoát trong mấy năm đầu ở ngôi chúa.

THÁI TỬ (27) : Ngôi vị của người sẽ được nối ngôi vua. Ngôi vị này thường dành cho con trưởng của vua đang trị vì, nhưng trong thực tế, cũng có khi dành cho em vua hoặc giả là cháu vua.

THÁI THƯỜNG TỰ KHANH (13) : Người đứng đầu một trong số sáu tự của triều đình. Theo quan chế xưa, tự là cơ quan trực thuộc bộ, mỗi bộ có một tự mang tên tương ứng với bộ mình. Quan Thái thường Tự khanh thường có hàm Chánh ngũ phẩm.

THAM CHÍNH (13) : Chức quan được dự bàn các việc lớn của nước nhà.

THAM TỤNG (09, 10) : Tương tự như Tế tướng, nhưng đây chỉ là quyền trao cho người có khả năng điều phối hoạt động chung của phủ chúa chứ không phải là chức. Phủ chúa Trịnh thường có hai quan là Tham tụng và Bồi tụng (thấp hơn Tham tụng một bậc) thay mặt chúa điều hành công việc chung.

THAM TRI CHÍNH SỰ KIÊM BỒI TỤNG (61) : Chức quan được quyền dự bàn những việc lớn của nước nhà, kiêm giữ quyền Bồi tụng (xem thêm : *Tham tụng*).

THÂN QUÂN (31) : Lực lượng quân đội làm nhiệm vụ bảo vệ thường trực ở phủ chúa Nguyễn.

THẾ TỬ (27) : Ngôi vị của người sẽ được nối nghiệp chúa. Ngôi vị này thường được trao cho con trưởng của chúa đang nắm quyền, nhưng không hẳn là lúc nào cũng vậy.

THỊ LANG (02) : Chức quan sau chức Thượng thư của các bộ trong triều đình xưa. Chức Thị lang thường gồm có Tả Thị lang và Hữu Thị lang. Hữu Thị lang thấp hơn Tả Thị lang một bậc.

THỊ PHÓ (29) : Báo cho biết. Chữ chúa Nguyễn dùng khi bổ nhiệm quan lại.

THIỆT ĐỘT (66) : Tên đơn vị quân đội.

THIỆM ĐÔ NGỰ SỬ (38) : Chức quan đứng hàng thứ ba trong cơ quan Ngự Sử Đài, sau chức Đô ngự sử, Phó Đô ngự sử và trên chức Đô ngự sử Đại phu.

THIỆM SAI (53, 59) : Chức quan mới đặt từ đời vua Lê Hy Tông (từ năm 1675 trở về sau). Chức này chuyên lo xét lại các án kiện. Trước đó, công việc này thuộc Ngự Sử Đài, nhưng đến đây, vì án kiện quá nhiều nên mới đặt thêm chức quan chuyên trách này. Đến đầu đời Lê Chiêu Thống, chức Thiêm sai bị bãi bỏ.

THIỆN TƯỚNG (58) : Tên chức võ quan hạng trung, chức này chỉ có ở thời Lê mạt.

THIỆU BẢO (09) : Một trong Tam Thiệu (là Thiệu sự, Thiệu bảo và Thiệu phó). Từ thời Lý đến thời Lê sơ, Tam Thái và Tam Thiệu là hàm, cũng là chức, được ban cho các quan đầu triều. Thời Lê mạt, đây chỉ là hàm gia phong cho một số vị đại thần mà thôi.

THIỆU PHÓ (11) : Một trong Tam Thiệu. (Xem thêm : *Thiệu bảo*).

THỎ TI (12) : Các quan trông coi một địa phương nào đó. Đây chỉ chung các quan của nhà Thanh trông coi phủ Khai Hóa (ở Trung Quốc).

THỐNG LÃNH (30) : Chức võ quan đứng đầu lực lượng quân đội khi dụng binh, chức này cũng tương tự như chức Tổng binh. Quyền của quan Thống lãnh tùy thuộc vào quy mô và tính chất của cuộc dụng binh.

THỐNG SOÁI (14) : Chức võ quan của xứ Đàng Trong, chức này tương tự như chức Tổng binh, chức Thống lãnh hay chức Nguyên

soái của Đàng Ngoài, nghĩa là chỉ đặt ra trong nhất thời. Quyền hạn của Thống soái lớn nhỏ tùy thuộc vào quy mô và tính chất của cuộc dụng binh.

THỐNG SUẤT (01) : Chức võ quan của Đàng Trong, tương tự như chức Thống soái.

THỐNG TƯỚNG CHÁNH ĐẠO (28) : Chức võ quan đứng đầu đạo chánh binh. Một trong những lối đánh thông dụng của quân đội xưa là chia quân làm hai đạo. Đạo thứ nhất là đạo chủ yếu, chuyên lo việc đánh trực diện vào đối phương, cốt để thu hút sự chú ý của đối phương. Đạo này gọi là chánh binh. Đạo thứ hai bí mật lén đánh úp ở phía sau, khiến cho đối phương trở tay không kịp. Đạo này gọi là kì binh. Chánh binh (hay chánh đạo) và kì binh (hay kì đạo) đều nằm dưới quyền chỉ huy của Nguyên soái (hay Tổng binh). Quyền hạn của quan Thống tướng Chánh đạo tùy thuộc vào quy mô và tính chất của cuộc dụng binh, lại còn tùy thuộc ở sự cho phép của Nguyên soái.

THỦ BỊ (69) : Chức quan của Trung Quốc, quyền trông coi một châu, nhưng chưa rõ trách nhiệm cụ thể như thế nào.

THÚC PHỤ (51) : Chú ruột.

THUỘC HIỆU (22) : Người trong cùng một hiệu quân, thuộc quyền chỉ huy của mình. Đây chỉ Lại Thế Tế là thuộc hiệu của Phạm Công Thế và Vũ Thước.

THỤ PHỦ (61) : Cũng tức là Phó Đô đốc, chức võ quan cao cấp của Đàng Ngoài, cùng với quan Chương phủ (tức Đô đốc) trông coi một trong số Ngũ quân (Tiền, Hậu, Tả, Hữu và Trung quân).

THỪA CHÍNH TÌ (03) : Tên cơ quan địa phương của Đàng Ngoài. Bấy giờ cấp trấn được chia thành Tam Tì, phụ trách ba khối công việc khác nhau. Thừa Chính Tì trông coi về hành chính và thuế khóa. Đô Tì trông coi về quân sự, Hiến Tì trông coi về tư pháp.

THƯỢNG THU (08) : Chức quan đứng đầu một bộ của triều đình.

TRẦN THỦ (05) : Chức quan đứng đầu một trấn. Trấn là đơn vị địa phương cao nhất của Đàng Ngoài.

TRỊ LẠI PHIÊN (53) : Quan đứng đầu Lại Phiên. Lại Phiên là cơ quan trực thuộc bộ Lại.

TRỊNH THÁI PHI (55) : Bà Thái phi của chúa Trịnh. (Xem thêm *Thái phi Nguyễn Thị* hoặc *Nguyễn Thái phi*).

TRỊNH THÁI PHI NGUYỄN THỊ (52) : Túc Trịnh Thái phi đã nói trên.

TRUNG QUÂN TÀ ĐỒ ĐỐC CHUÔNG PHỦ (61) : Chức võ quan của Đàng Ngoài, chức này đứng đầu phủ Trung quân (là một trong Ngũ quân).

TRUNG SỨ (50) : Chức quan nhất thời, làm nhiệm vụ chuyển đạt mệnh lệnh của vua hoặc chúa đến với ai đó.

TRƯƠNG TẤN CỐI (45) : Tên ác độc như Tấn Cối, người họ Trương. Tấn Cối là tên gian ngoan, lại cũng là tên phản thần của nhà Tống (Trung Quốc) kẻ đã bức hại trung thần của nhà Tống là Nhạc Phi. Trương Tấn Cối ở đây ám chỉ Trương Phúc Loan.

TRƯỜNG HƯƠNG (33) : Trường thi Hương. Theo chế độ thi cử Nho học xưa, thi Hương và thi Hội là hai khoa thi chính, ngoài ra còn có khoa thi phụ, gọi là thi Đình hay thi Điện và một số khoa thi đặc biệt (như Minh Kinh, Hoành Từ...). Người đỗ chính thức ở trường Hương thì gọi là Hương cống, Cống sĩ (thời Nguyễn đổi gọi là Cử nhân), còn dân gian thì gọi là Ông Cống. Người chỉ đỗ vớt thì gọi là Sinh đồ, thời Nguyễn đổi gọi là Tú tài. Trường Hương thường quy tụ sĩ tử của nhiều vùng, tương ứng với nhiều tỉnh hiện nay. Ví dụ : Nam Bộ chỉ có một trường Hương mà thôi.

VĂN CHỨC (31) : Chức quan văn của Đàng Trong, chuyên lo khởi thảo các công văn giấy tờ cho chúa Nguyễn, nghĩa là làm công việc tương tự như cơ quan Hàn Lâm Viện của Đàng Ngoài. Cũng vì lẽ đó mà chúa Nguyễn đã cho đổi Văn Chức là Hàn Lâm Viện.

VỊ HOÀNG (60) : Tên đất, cũng là tên sông, nay thuộc Nam Định.

VIÊN NGOẠI LANG (52) : Thời này, Viên Ngoại lang là chức dành cho người có hàm khá cao (Tòng lục phẩm) nhưng chỉ làm việc tạp vụ ở triều đình vua Lê, chúa Trịnh.

VIN BÁM KHUÊ CỐN TÌNH THÂN (45) : Cửa nhỏ trong cung thì gọi là khuê. Áo của nhà vua thì gọi là cốn. *Vin bám khuê cốn tình thân* là dựa dẫm vào sự thương yêu của vua chúa. Đây chỉ việc Trương Phúc Loan cậy thế được chúa Nguyễn ưu ái.

XÃ HẠ LÔI, HUYỆN YÊN LĂNG (59) : Tên đất, xưa thuộc Vĩnh Phú, nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu

01 - Lời vinh quyết của Chương Cơ Nguyễn Hữu Cảnh	7
02 - Cuộc mưu phản của Trịnh Luân và Trịnh Phát	9
03 - Cẩn án về phép bổ quan lại ở địa phương của Trịnh Căn	10
04 - Chuyện Phó tướng Nguyễn Cửu Vân bị khiển trách	12
05 - Vì sao Nguyễn Mai được trao chức Trấn thủ Sơn Tây	13
06 - Lời của sứ thần nhà Thanh là Đặng Đình Triết và Thành Văn	15
07 - Trịnh Quán là Trịnh Quán ơi !	17
08 - Trương Công Khai và Hồ Phi Tích bị giáng chức	19
09 - Cương trực thay, Nguyễn Công Cơ !	22
10 - Vì sao Lê Duy Phường được thay anh làm Thái tử ?	23
11 - Trịnh Cương với việc kiến thiết phủ đệ mới ở xã Cổ Bi	25
12 - Nguyễn Công Thái với việc thu hồi đất Tụ Long	27
13 - Vì sao Bùi Sĩ Tiêm bị mất chức ?	30
14 - Thương thay, Trần Đại Định !	32
15 - Tô Thê Huy bị vạ lây	35
16 - Đoạn kết bi thảm của cuộc đời Nguyễn Công Hãng	36
17 - Thương thay, hai vị đại thần !	38
18 - Xem mặt mà bắt ... làm vua !	40
19 - Mạc Thiên Tứ với mười cảnh đẹp của Hà Tiên	41
20 - Trịnh Giang giết cậu ruột là Trương Nhưng	43
21 - Trạng nguyên Trịnh Tuệ	45
22 - Lời Tiến sĩ Phạm Công Thế	47
23 - Nguyên do việc chúa Trịnh Giang mắc bệnh kinh quý	48
24 - Chính sự thời chúa Trịnh Giang	50
25 - Cuộc chính biến năm Canh Thân	52
26 - Tù nhân Lê Duy Diêu được ... tôn lên ngôi vua	56
27 - Nguyễn Quý Cảnh bị giết hụt	58
28 - Hoạn quan Hoàng Ngũ Phúc đã bắt đầu làm tướng như thế nào ?	59
29 - Ngôi vương đầu tiên của xứ Đàng Trong	61

30 - Buồn thay, Tổng binh Đặng Đình Quỳnh !	63
31 - Nguyễn Phúc Khoát với những chế định khác thường	65
32 - Đề thi của Tiến sĩ Vũ Khâm Lân	66
33 - Sự tích ... Sinh đồ ba quan	68
34 - Lời tâm huyết của Nguyễn Cư Trinh	70
35 - Quần đảo Hoàng Sa thời chúa Nguyễn Phúc Khoát	72
36 - Chuyện Thái tử Lê Duy Vĩ bị bức hại	73
37 - Kháng khái thay, Nguyễn Lệ !	76
38 - Cuộc mưu phản của Trịnh Đề	78
39 - Khỉ khải thay Tôn Thất Dục !	80
40 - Lời tâu của dật sĩ Ngô Thế Lân	81
41 - Vì sao Ngô Thì Sĩ bị bãi chức ?	83
42 - Vì sao Tây Sơn xưng nghĩa ?	85
43 - Thương thay, Tôn Thất Văn !	86
44 - Lời đáp của Câu kê Kiêm Long	88
45 - Lược truyện Trương Phúc Loan	89
46 - Chuyện Nguyễn Huệ với Nguyễn Đăng Trường	92
47 - Quận Huy trở cờ !	94
48 - Vụ án năm Canh Tí (1780)	96
49 - Chuyện Trịnh Cán được lập làm Thế tử	100
50 - Lời vĩnh quyết của Vũ Miên	102
51 - Trịnh Cán được đưa lên ngôi chúa như thế nào ?	103
52 - Cuộc truất phế Trịnh Cán	106
53 - Số phận những người giúp rập Trịnh Cán	110
54 - Vì sao Nguyễn Hữu Chỉnh đi theo Tây Sơn ?	111
55 - Lê Duy Khiêm được lập làm Thái tử	114
56 - Cuộc mưu hại kiêu binh, tháng 2 năm Giáp Thìn (1784)	116
57 - Cuộc náo loạn phủ chúa năm Giáp Thìn (1784)	118
58 - Chuyện bà Phan Thị Thuần	121
59 - Chuyện Trịnh Khải, Lý Trần Quán và Nguyễn Trang	123
60 - Nguyễn Huệ đã cưới Ngọc Hân Công chúa như thế nào ?	127
61 - Mèo lại hoàn mèo	129

62 - Mãn bị kịch đầu tiên của Lê Chiêu Thống	131
63 - Ngọc Hân Công chúa bị trách cứ	135
64 - Lê Chiêu Thống bị ... truất phế hụt	137
65 - Chuyện cung đình, xuân Đình Mùi (1787)	139
66 - Bài học Hoàng Phùng Cơ	142
67 - Vua Lê Chiêu Thống bị lột mất hoàng bào	144
68 - Cuộc báo ân báo oán của Lê Chiêu Thống	147
69 - Kết cục của triều Lê	149
Thế thứ các đời vua chúa thế kỉ XVIII	153
Lời chú cuối sách	162

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập VŨ DƯƠNG THỤY

Biên tập nội dung và tái bản :
TRẦN KIM NHUNG

Biên tập kĩ thuật :
TRẦN THÀNH TOÀN

Trình bày bìa :
HOÀNG PHƯƠNG LIÊN

Sửa bản in :
HẠNH HOA

Sắp chữ tại :
PHÒNG SCĐT - CN.NXBGD - TP. HỒ CHÍ MINH

VIỆT SỬ GIAI THOẠI - TẬP 7
(69 giai thoại thế kỉ XVIII)

Mã số : 8H101t5 - CNH

In 3.000 bản, khổ 14.3 x 20.3cm tại **Cty In Bao Bì Hưng Phú**
số 755 Phạm Thế Hiển P.4 Q.8 - Tp.HCM. Số in : 021. Số xuất bản:
21/478-05. In xong nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2005.



Cùng tác giả
(tại Nhà xuất bản Giáo dục) :

- VIỆT SỬ GIAI THOẠI (8 tập)
 - THẾ THỦ CÁC TRIỀU VUA VIỆT NAM
 - DANH TƯỚNG VIỆT NAM
(Trọn bộ 5 tập - Đã in và tái bản 3 tập)
 - ĐẠI CƯƠNG LỊCH SỬ VĂN HÓA VIỆT NAM
(Trọn bộ 5 tập - Đã in 2 tập)
 - TRÔNG LẠI NGÀN XƯA
(Trọn bộ 3 tập - Đã in 2 tập)
 - KỂ CHUYỆN DANH NHÂN NƯỚC NHÀ
(Bộ truyện tranh lịch sử nhiều tập)
- Đã xuất bản 2 tập :

Trần Hưng Đạo : Phần 1 : Thời ấy giang sơn

Trần Hưng Đạo : Phần 2 : Đất nước đại phong ba

越史佳話

viết sử giai thoại 17



Giá: 14.500 đ